

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn Chất lượng cao

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã số: 7140217

Thanh Hoá, tháng 9 năm 2018

Tên chương trình: **Sư phạm Ngữ văn Chất lượng cao**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Ngữ văn Chất lượng cao**

Mã ngành: **7140217**

(Ban hành theo Quyết định số 1796/QĐ-ĐHHD ngày 25/10/2018) của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành sư phạm Ngữ văn nhằm đào tạo giáo viên giỏi có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức khoa học cơ bản và khoa học giáo dục vững vàng; có khả năng giảng dạy môn Ngữ văn tại các trường phổ thông đại trà, trường chuyên, trường chất lượng cao và các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp; có khả năng dẫn dắt chuyên môn, thích ứng tốt với môi trường giáo dục hiện đại; có khả năng thu thập, khai thác, sử dụng hiệu quả các giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương, đất nước vào thực tiễn giáo dục ở phổ thông; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lí luận chính trị và kiến thức cơ bản nền tảng, thực tế vững vàng; có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; đáp ứng tốt trình độ tin học theo Quy định hiện hành để có khả năng sử dụng công cụ tin học phục vụ công tác chuyên môn.

- Có kiến thức chuyên môn giỏi, nâng cao kiến thức chuyên ngành văn học, tiếng Việt, làm văn và phương pháp dạy học bộ môn.

- Vững vàng nghiệp vụ sư phạm, có kiến thức đầy đủ về tâm lí, giáo dục học, kiến thức quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục.

2.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng hợp lí kiến thức môn học, đảm bảo nội dung dạy chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lí các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn.

- Biết vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông

- Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông;

- Có kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn, kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn, hoạt động giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục;

- Có kĩ năng vận dụng phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, hình thành năng lực và phương pháp tự học của học sinh trung học phổ thông;

- Có kĩ năng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hội thi cho học sinh trung học phổ thông;

- Có kĩ năng xây dựng, bảo quản, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.

- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, học tập, nghiên cứu; có thể đọc và dịch được tài liệu chuyên ngành.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học môn Ngữ văn
- Có khả năng vận dụng hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

2.2.3. Về thái độ

Có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm; hứng thú, say mê, sáng tạo trong học tập; yêu nghề, nhiệt tình trong công tác; có tác phong chuẩn mực, làm việc khoa học; có nhu cầu tự học nâng cao trình độ thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường giáo dục trong các tình huống thực tế.

2. Chuẩn đầu ra

Về phẩm chất đạo đức: Tuân thủ các quy định về phẩm chất đạo đức, phong cách nhà giáo

Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông;
- Thực hiện được kế hoạch, chương trình, giáo dục trung học phổ thông;
- Biết vận dụng hiệu quả những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông;
- Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông;
- Biết cách phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học phổ thông;
- Có khả năng hướng dẫn học sinh trung học phổ thông nghiên cứu khoa học kỹ thuật.
- Tiếng Anh: Đạt bậc 4 (B2) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ngoại ngữ Việt Nam. Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu, học tập Ngữ văn; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo về ngành Ngữ văn hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến Ngữ văn; có thể viết báo cáo, trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề trong lĩnh vực Ngữ văn bằng Tiếng Anh.

- Công nghệ thông tin

- Sử dụng công nghệ thông tin thành thạo trong khai thác Internet; các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, thiết kế bài giảng điện tử, video, ..phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông, các phương tiện dạy học trong giảng dạy Ngữ văn.

- Đạt chuẩn kỹ năng tin học cơ bản và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có năng lực chủ trì, dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong dạy học Ngữ Văn ở bậc trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục chất lượng cao;

- Có sáng kiến tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu Ngữ văn và quản lý giáo dục;

- Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có năng lực cập nhật thông tin, kiến thức mới về khoa học chuyên ngành;

- Có khả năng thích ứng tốt với giáo dục hiện đại, đổi mới, sáng tạo;

- Có năng lực đánh giá và cải tiến tốt các hoạt động dạy học Ngữ Văn, đưa ra được kết luận đúng đắn về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp của người tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Ngữ văn, bậc đào tạo Đại học có khả năng đáp ứng được 5 nhiệm vụ chính sau đây:

- Giảng dạy Ngữ văn ở các cấp THCS, THPT, THPT đại trà, THPT CLC

- Có thể làm việc trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước nếu đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình độ và năng lực cao hơn;

- Có thể làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục, nghiên cứu sư phạm, nghiên cứu văn học, văn hóa, nghiên cứu ngôn ngữ và KHXH&NV;

- Có thể làm công tác biên tập tại các cơ sở giáo dục, các nhà xuất bản.

- Có thể làm chuyên viên và quản lý tại các trường học, các cơ sở quản lý giáo dục, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ phát triển giáo dục;

- Tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, Văn học nước ngoài, Lí luận văn học, Văn học dân gian,...

3. Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng).

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (chưa tính các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

5. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Kiểm tra, đánh giá và thang điểm: theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

8. Nội dung chương trình: 136 TC

8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	42 TC
8.1.1	Lý luận chính trị	12
8.1.2	Ngoại ngữ	12
8.1.3	Kiến thức chung trong khối ngành	8
8.1.4	Kiến thức chung trong nhóm ngành	10
	+ <i>Bắt buộc</i>	0
	+ <i>Tự chọn</i>	10
8.1.5.	Giáo dục thể chất	4
8.1.6.	Giáo dục quốc phòng	165 t
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94 TC
8.2.1.	Kiến thức chung của ngành	22
	+ <i>Bắt buộc</i>	18
	+ <i>Tự chọn</i>	4
8.2.2.	Kiến thức chuyên ngành	72
	+ <i>Bắt buộc</i>	58
	+ <i>Tự chọn</i>	8
8.2.3.	Khóa luận TN/HP thay thế	6
	+ <i>Bắt buộc</i>	0
	+ <i>Tự chọn</i>	6

9. Kế hoạch dạy học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		42							
I	Lý luận chính trị, luật		12							
1	196045	Những NLCB của Mác-Lênin 1	2	21	18		90	1	0	Nguyên lý
2	196046	Những NLCB của Mác-Lênin 2	3	32	26		135	2	1	Nguyên lý
3	198025	Đường lối CM của ĐCSVN	3	32	26		135	4	2	Đường lối
4	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	3	2	Tư tưởng-PL
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	3	0	Tư tưởng-PL
II	Ngoại ngữ		12							
6	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1	0	NN KC
7	133032	Tiếng Anh 2	4	36	24	24	180	2	6	NN KC
8	133033	Tiếng Anh 3	4	36	24	24	180	3	7	NN KC
III	Kiến thức chung trong khối ngành		8							
9	173080	Tin học	2	10	0	40	90	1	0	Tin ứng dụng
10	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	20	4	90	1	0	VN học-Du lịch
11	117025	Môi trường và con người	2	18	20	4	90	1	0	Địa Tự nhiên và MT
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
12	125125	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	18	20	4	90	1	0	LLVH & PHDHNV
	123109	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	2	18	20	4	90	1	0	LLVH & PHDHNV
IV	Giáo dục thể chất		4							LLPPDH giáo dục thể chất
1	191004	Giáo dục thể chất 1	2	10	0	40		1	0	
2		Giáo dục thể chất 2	2	0	0	60		2	0	
	Chọn 1 trong 5 nội dung		2							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	191031	Bóng chuyền	2	0	0	60		2	0	Điền kinh- TD
B	191032	Thể dục Aerobic	2	0	0	60		2	0	Điền kinh- TD
C	191033	Bóng đá	2	0	0	60		2	0	Bóng
D	191034	Bóng rổ	2	0	0	60		2	0	Bóng
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	0	60		2	0	Bóng
V	Giáo dục quốc phòng									
	GD quốc phòng		16 5						0	TT GDQP
VI	Kiến thức chung trong nhóm ngành		10							
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
13	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	20	4	90	2	0	Lịch sử
	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2	18	20	4	90	2	0	Lịch sử
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
14	125085	Kinh tế và phát triển	2	18	20	4	90	5	0	Địa lý KTXH &PPDHĐL
	125070	Kinh tế Việt Nam	2	18	20	4	90	5	0	Địa lý KTXH &PPDHĐL
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
15	121041	Hán nôm cơ sở	2	18	20	4	90	2	0	VH Việt Nam
		Hán nôm đại cương	2	18	20	4	90	2	0	VH Việt Nam
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
16	125016	Thống kê xã hội	2	18	20	4	90	2	0	Địa lý TN-MT
	123240	Xã hội học đại cương	2	18	20	4	90	2	0	Xã hội học
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
17	123050	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	18	20	4	90	1	0	LLVH & PPDHNV

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
	123097	Kỹ năng giao tiếp	2	18	20	6	90	2	0	Ngôn ngữ
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		94							
I	Kiến thức cơ sở ngành		10							
18	181080	Tâm lí học	4	36	40	8	180	3	1	Tâm lí học
19	182005	Giáo dục học	4	36	39	9	180	4	18	Giáo dục học
20	198000	Quản lý HCNN và Quản lý GD	2	18	20	4	90	7	18, 19	Giáo dục học
II	Kiến thức chuyên ngành		84							
	Thực tế CM 1: <i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
21	121099	Thực tế sưu tầm, nghiên cứu Hán Nôm và Văn học Việt Nam	2	5		50	90	4	27, 28	VHVN
	121079	Tính chất giao thời trong văn học Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2	5		50	90	4	27, 28	VHVN
	Thực tế CM 2: <i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
22	123082	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn	2	5		50	90	7	32, 38	LLVH & PHDHNV
		Hoạt động ngoại khóa Ngữ văn	2	5		50	90	7	32, 38	LLVH & PHDHNV
23	129029	Dẫn luận ngôn ngữ học và Ngữ âm học tiếng Việt	2	18	20	4	90	2	0	Ngôn ngữ
24	121130	Tiếng Anh chuyên ngành Ngữ văn/English for linguistics and literature.	4	36	24	24	180	5	8	VHVN
25	122040	Tác phẩm văn học và loại thể văn học	2	18	20	4	90	3	0	LLVH & PPDH NV
26	123111	Văn học, nhà văn, và bạn đọc	2	18	20	4	90	5	25	LLVH & PPDH NV
27	122030	Tiến trình văn học	2	18	20	4	90	7	26	LLVH & PPDH NV

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
28	121056	Văn học dân gian Việt Nam	3	27	24	12	135	3	0	VH Việt Nam
29	121172	Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và Văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam	2	18	20	4	90	3	0	VH Việt Nam
30		Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	3	27	24	12	135	4	29	VH Việt Nam
31		Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2	18	20	4	90	5	30	VH Việt Nam
32	121071	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	3	27	24	12	135	6	31	VH Việt Nam
33	121063	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	3	27	24	12	135	7	32	VH Việt Nam
<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>										
34	122058	Văn học Trung Quốc	2	18	20	4	90	4	25	VH nước ngoài
	122022	Thi pháp tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc	2	18	20	4	90	8	33	VH nước ngoài
35	122063	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	2	18	20	4	90	5	25	VH nước ngoài
36	122064	Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XVII	2	18	20	4	90	5	25	VH nước ngoài
37	122065	Văn học phương Tây từ thế kỉ XVIII đến nay/Western Literature from the 18 th century to the present	4	36	39	9	180	6	8, 36	VH nước ngoài
38	122045	Văn học Nga	2	18	20	4	90	6	25	VH nước ngoài
39	123068	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	18	20	4	90	4	23	Ngôn ngữ
40	123095	Ngữ pháp học tiếng Việt	2	18	20	4	90	5	39	Ngôn ngữ
41	123130	Phong cách học tiếng Việt	2	18	20	4	90	6	40	Ngôn ngữ

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
42	123080	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	18	20	4	90	7	41	Ngôn ngữ
	123058	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	18	20	4	90	7	23	Ngôn ngữ
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>		2							
43	123027	Làm văn	2	18	20	4	90	4	0	LLVH & PHDHNV
	123060	Lí thuyết văn bản	2	18	20	4	90	4	0	Ngôn ngữ
44	123028	Lí luận dạy học Ngữ văn	2	18	20	4	90	5	19	LLVH & PHDHNV
45	123029	Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản	3	27	24	12	135	7	44	LLVH & PHDHNV
46	123086	Phương pháp dạy học tiếng Việt	3	27	24	12	135	6	44	LLVH & PHDHNV
47	123088	Phương pháp dạy học làm văn	3	27	24	12	135	6	42, 44	LLVH & PHDHNV
48	121064	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong dạy học Ngữ văn/Information and communication technology applications in teaching Philology	2	18	20	4	90	6	9, 44	LLVH & PHDHNV
		Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh trung học/Assessment of high school students' learning outcomes	2	18	20	4	90	7	44	LLVH & PHDHNV
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
50		Thể loại văn học Việt Nam hiện đại/Modern Vietnames literary	2	18	20	4	90	8	8, 32	VH Việt Nam

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
		Genre								
	121055	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	2	18	20	4	90	8	31	VH Việt Nam
III	Thực tập, kiến tập SP		7							
	132005	Kiến tập sư phạm	2			60	90	5	19	
	112056	Thực tập tốt nghiệp	5			150	225	8	49	
III	KLTN/HP thay thế		6							
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>		2							
51	121022	Thể loại văn học Việt Nam Trung đại	2	18	20	4	90	8	30	VH Việt Nam
	121067	Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt	2	18	20	4	90	8	0	VH Việt Nam
	<i>Chọn 1 trong 2HP</i>		2							
52	122025	Thi pháp thơ Đường	2	18	20	4	90	8	33	VH nước ngoài
	123048	Sự phát triển của tiếng Việt ở thế kỉ XX	2	18	20	4	90	8	41	Ngôn ngữ
	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>		2							
53	123092	Dạy học Ngữ văn địa phương trong nhà trường phổ thông	2	18	20	4	90	8	44	LLVH & PPDHNV
		Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn	2	18	20	4	90	8	44	LLVH & PPDHNV
Tổng cộng			13 6							

10. Đề cương học phần

10.1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1

- Mã số học phần: 196045
- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nguyên lý, khoa Lý luận chính trị.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; quan điểm duy vật biện chứng về bản chất của thế giới, bản chất của nhận thức; bản chất

của con người; các nguyên lý, các quy luật cơ bản của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những quan điểm, những nguyên lý, những quy luật cơ bản của triết học duy vật biện chứng; hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích đúng đắn các hiện tượng, các vấn đề đang đặt ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, giúp cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân hiệu quả hơn.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có thái độ chủ động, tích cực trong mọi quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

3. Nội dung chi tiết học phần

MỞ ĐẦU: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

I. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành

2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

Chương 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử.

II. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

1. Vật chất.

2. Ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Chương 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng
2. Phép biện chứng duy vật

II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
2. Nguyên lý về sự phát triển

III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Cái chung và cái riêng
2. Bản chất và hiện tượng
3. Tất nhiên và ngẫu nhiên
4. Nguyên nhân và kết quả
5. Nội dung và hình thức
6. Khả năng và hiện thực

IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại
2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
3. Quy luật phủ định của phủ định

V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng vật

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức
2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

IV. Hình thành kinh tế- xã hội và quá trình lịch sử , xã hội của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội
2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.

VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

1. Con người và bản chất của con người

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

B1. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.

B2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007.

9.2. Sách tham khảo:

T3. *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 2000.

T4. *Lênin toàn tập, tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41*; Nxb Tiến bộ Matxcova, 1980.

T5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011.

10.2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 2

- Mã số học phần: 196046

- Số tín chỉ: 3 (32, 26, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nguyên lí, khoa Lí luận chính trị.

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Phần 1 gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua các học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần 2 là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về dân chủ, văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong từng giai đoạn phát triển của nó; tính tất yếu của việc ra đời chủ nghĩa xã hội; những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ

nghĩa. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để hiểu và giải thích đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu được một cách hệ thống những học thuyết kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học mở rộng và nâng cao nhận thức khoa học về các vấn đề kinh tế, chính trị-xã hội hiện nay.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN THỨ 2

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Chương 4: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá
2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

II. Hàng hoá

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá
2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá
3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

III. Tiền tệ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ
2. Chức năng của tiền tệ

IV. Quy luật giá trị

1. Nội dung của quy luật giá trị
2. Tác động của quy luật giá trị

Chương 5: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

I. Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản

1. Công thức chung của tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch
5. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

6. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản
2. Tích tụ và tập trung tư bản
3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

IV. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

Chương 6: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

PHẦN THỨ 3

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 7: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó
2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
3. Vai trò của đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa
3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chương 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN

1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
2. Xây dựng nhà nước XHCN

II. Xây dựng nền văn hoá XHCN

1. Khái niệm nền văn hoá XHCN
2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá XHCN

III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Chương 9: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới.

2. Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó

II. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết và nguyên nhân của nó

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết

2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết

III. Triển vọng của CNXH

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

2. CNXH - tương lai của loài người

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính:

B1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

B2. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2008.

B3. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006.

9.2. Sách tham khảo:

T4. Bộ GD&ĐT, *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà nội, 2008.

T5. ĐH Quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.

T6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN 1986, 1991, 1996, 2001, 2006.

10.3. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Mã số học phần: 198025

- Số tín chỉ: 3 (32, 26, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối, Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Sự ra đời của ĐCSVN, đường lối chủ trương của Đảng trong hai cuộc cách mạng, CMDTDCND và CMXHCN, đường lối của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; Có được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng; phát triển nhân cách của SV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng DTDCND đến cách mạng XHCN, đặc biệt là đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ đó, sinh viên nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và nhất là thành tựu bước đầu trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng; phát triển nhân cách của SV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu
2. Nhiệm vụ nghiên cứu

II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

1. Phương pháp nghiên cứu
2. Ý nghĩa của học tập môn học.

Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
 - a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó.
 - b) Chủ nghĩa Mác-Lênin
 - c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản
2. Hoàn cảnh trong nước

- a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp
- b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
- c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1. Hội nghị thành lập Đảng
 - a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam
 - b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
 - a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam
 - b) Lực lượng cách mạng
 - c) Lãnh đạo cách mạng
 - d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới
3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

1. Trong những năm 1930-1935
 - a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930
 - b) Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng
2. Trong những năm 1936-1939
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng
 - a) Tình hình thế giới và trong nước
 - b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
 - c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
 - a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần
 - b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa.
 - c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Chương 3:

ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)

I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
 - a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám
 - b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng
 - c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối
3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
 - a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối
 - b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II. Đường lối kháng chiến chống mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

1. Giai đoạn 1954-1964
 - a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954
 - b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối
2. Giai đoạn 1965-1975
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối
3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.
 - a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi
 - b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ

I. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá
 - a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa
 - b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới
2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá
 - a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986
 - b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X
2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
 - a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá
 - b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
3. Nội dung và định hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức
 - a) Nội dung
 - b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức
4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới
 - a) Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.
 - b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới
 - a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII
 - b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản
 - a) Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường
 - b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 - c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- a) Kết quả và ý nghĩa
- b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
 - a) Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân
 - b) Hệ thống chuyên chính vô sản
2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị
 - a) Cơ sở hình thành đường lối
 - b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị
2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.
 - a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị
 - b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

**Chương 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ;
GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá

1. Thời kỳ trước đổi mới
 - a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới
 - b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

1. Thời kỳ trước đổi mới
 - a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội
 - b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội
 - b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội
 - c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội
 - d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử
 - a) Tình hình thế giới
 - b) Tình hình trong nước
2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
 - a) Nhiệm vụ đối ngoại
 - b) Chủ trương đối ngoại với các nước
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- a) Kết quả và ý nghĩa
- b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

- a) Hoàn cảnh lịch sử
- b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối

2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

- a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo
- b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập

kinh tế quốc tế

3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- a) Thành tựu và ý nghĩa
- b) Hạn chế và nguyên nhân

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

B1. BGD&ĐT 2009, *Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB CT Quốc gia.

B2. BGD&ĐT, 2006, *Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN*, NXB CT Quốc gia.

9.2. Sách tham khảo:

B3. BGD&ĐT, 2008, *Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

B4. Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2001, *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB NXB CT Quốc gia.

10.4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Mã số học phần: 197035

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Điều kiện tiên quyết: Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc

tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

Năng lực đạt được: Sinh viên nâng cao được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; vận dụng được kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ.

+ Cung cấp những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Giúp người học nâng cao tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra. Luôn biết gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3. Nội dung chi tiết học phần

Mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập
Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Phương pháp nghiên cứu:

1. Cơ sở phương pháp luận.
2. Các phương pháp cụ thể.

III. ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác.
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở khách quan
2. Nhân tố chủ quan

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước
2. Thời kỳ từ năm 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc
3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.
4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.
5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường CMVS
3. Cách mạng giải phóng DT trong thời đại mới phải do ĐCS lãnh đạo
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.
3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

II. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

1. Con đường.
2. Biện pháp.

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh

1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.
2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 5: (2,4,12)

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.
2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.
2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.
3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.
3. Thực hành dân chủ.

II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.
2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.
3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.
4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.
2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

1. Quan niệm HCM về con người.
2. Quan điểm của HCM về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

2. Hội đồng Trung ương biên soạn, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB CTQG, Hà Nội 2003
3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ III, NXB ST HN 1960.
4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, NXB ST HN 1986.
5. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VII, NXB ST HN 1991.
6. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VIII, NXB ST HN 1996.

7. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ IX, NXB ST HN 2001.
8. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ X, NXB ST HN 1906.

10.5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Mã số học phần: 197030
- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh-Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho người học những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có thái độ ứng xử đúng đắn về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực kinh tế - Chính trị - Văn hoá, giáo dục...

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC (2,2,0)

I. Nguồn gốc nhà nước.

1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.
2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

II. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1. Bản chất của nhà nước.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội.
2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
3. Chức năng của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Các chức năng của nhà nước

III. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 - a. Khái niệm
 - b. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam
2. Chức năng của nhà nước ta.

Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT (3,3,0)

I. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

1. Nguồn gốc của pháp luật.
2. Bản chất của pháp luật.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội

II. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật
2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

III. Hình thức pháp luật.

1. Khái niệm
2. Các hình thức pháp luật.

IV. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.

1. Quy phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật.
 - b. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.
2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.
 - b. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật.

V. Quan hệ pháp luật.

1. Khái niệm quan hệ pháp luật.
2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

1. Thực hiện pháp luật.
 - a. Khái niệm.
 - b. Các hình thức thực hiện pháp luật.
2. Vi phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
 - b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
 - c. Các loại vi phạm pháp luật.
3. Trách nhiệm pháp lý.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý. ý
 - b. Các loại trách nhiệm pháp lý

VII. Pháp chế XHCN.

1. Khái niệm.
2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.
3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

Chương 3: LUẬT HIẾN PHÁP (2,4,0)

I. Khái quát chung về luật hiến pháp.

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn Việt Nam
 - a. Khái niệm

- b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước
- 2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
 - a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
 - b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo
 - c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ
 - d. Nguyên tắc pháp chế XHCN
 - e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc
- 3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước
 - a. Vị trí, tính chất
 - b. Chức năng

III. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- 1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội
- 2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị
- 3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục
- 4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân

Chương 4: LUẬT HÀNH CHÍNH (2, 3,0)

I. Khái quát chung về luật hành chính.

- 1. Định nghĩa Luật hành chính
- 2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

- 1. Quan hệ pháp luật hành chính
- 2. Trách nhiệm hành chính

II. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

- 1. Định nghĩa vi phạm hành chính
- 2. Xử lý vi phạm hành chính
 - a. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính
 - b. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính
 - c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

III. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

- 1. Khái niệm cán bộ, công chức
- 2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

Chương 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (2,3,0)

I. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

- 1. Khái niệm tham nhũng
- 2. Đặc điểm của tham nhũng
- 3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

II. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

- 1. Nguyên nhân khách quan
- 2. Nguyên nhân chủ quan

III. Tác hại của tham nhũng

- 1. Chính trị
- 2. Kinh tế
- 3. Xã hội

IV. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

- 1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
- 2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

Chương 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (3,3,0)

A. Luật dân sự.

I. Khái quát chung về luật dân sự.

1. Định nghĩa luật dân sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

1. Quyền sở hữu
 - a. Khái niệm quyền sở hữu
 - b. Nội dung quyền sở hữu
2. Thừa kế.
 - a. Khái niệm thừa kế
 - b. Người để lại di sản thừa kế
 - c. Người hưởng thừa kế
 - d. Hình thức thừa kế
3. Hợp đồng dân sự.
 - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
 - b. Hình thức hợp đồng dân sự
 - c. Nội dung hợp đồng dân sự
4. Trách nhiệm dân sự
 - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
 - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

B. Luật hôn nhân và gia đình

I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản.

1. Kết hôn.
 - a. Khái niệm kết hôn
 - b. Điều kiện kết hôn
2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
3. Chấm dứt hôn nhân.
 - a. Khái niệm
 - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
 - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

Chương 7: LUẬT HÌNH SỰ (2,3,0)

I. Khái quát chung về luật hình sự.

1. Định nghĩa Luật hình sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tội phạm.

1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm
2. Phân loại tội phạm.

III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

1. Hình phạt.
 - a. Khái niệm
 - b. Các loại hình phạt
2. Các biện pháp tư pháp khác

Chương 8: LUẬT LAO ĐỘNG (2,3,0)

I. Khái quát chung về luật lao động.

1. Định nghĩa luật lao động
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Những nội dung cơ bản.

1. Hợp đồng lao động.
2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.
 - a. Quyền, nghĩa vụ của người lao động
 - b. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.
3. Công đoàn.
 - a. Khái niệm
 - b. Vị trí, tính chất, chức năng của Công đoàn
4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
 - a. Thời giờ làm việc
 - b. Thời giờ nghỉ ngơi
5. Tiền lương và phụ cấp
 - a. Tiền lương
 - b. Phụ cấp
6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.
 - a. Kỷ luật lao động
 - b. Trách nhiệm vật chất

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính:

1- Lê Văn Minh (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

9.2. Giáo trình, sách tham khảo:

1- Lê Minh Tâm (2015). *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB CAND.

2- Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đuan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB CAND

10.6. TIẾNG ANH 1

- Mã số học phần: 133015
- Số tín chỉ: 4 (36, 48, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Phát triển kỹ năng tiếng Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 2.2 theo KNLNNVN; có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học hệ thống và nắm vững kiến thức hơn về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản: Các thì, thể của động từ; Các trợ động từ; Các cấu trúc câu; Câu bị động; câu bị động; điều kiện... Bên cạnh đó, người học còn củng cố và được cung cấp thêm một lượng từ vựng rất cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường sống và làm việc: Những từ mà các doanh nhân thường dùng trong văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Học xong phần này, người học cần đạt được những khả năng về giao tiếp sau :

- Nghe hiểu được ngôn ngữ nói ở mức độ chậm và đã được đơn giản hoá về những nhu cầu thiết yếu.
- Có khả năng thể hiện những thông tin đã học thuộc. Song, diễn đạt ngôn ngữ ở mức độ còn rời rạc nhưng có phần tự nhiên và linh hoạt.
- Đọc hiểu được những yết thị và ký hiệu, những bài viết ngắn và đơn giản về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt, lao động hàng ngày.
- Có khả năng viết thông báo, kể lại sự kiện đơn giản, miêu tả người, địa điểm, các vật thể...
- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên chủ động tích cực tự học, sử dụng tiếng Anh trong học tập và giao tiếp đời sống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 (0,6,19)	Introduction 1.Course Introduction 2.Orientation 3.Diagnostic test 4.Basic grammar review
Nội dung 2 (3,3,19)	Unit 1: -Topics: works and leisure -Grammar: auxiliary verbs, <i>so</i> and <i>neither</i> -Listening: grammar focus on auxiliary verbs -Reading: grammar focus on auxiliary verbs -Speaking: making small talks, comparing stages of life -Writing: describing a stage of life

<p>Nội dung 3 (3,3,19)</p>	<p>Unit 2: -Topics: Language and senses -Grammar: Tenses, stative verbs, -Listening: grammar focus on tenses -Reading: grammar focus on tenses -Speaking: talking about favorite words, talking about sensations -Writing: describing one of the senses</p>
<p>Nội dung 4 (3,3,19)</p>	<p>Unit 3: -Topics: movies and television -Grammar: Infinitives and gerunds -Listening: grammar focus on infinitives and gerunds -Reading: grammar focus on infinitives and gerunds -Speaking: a survey on movies, opinions about TV -Writing: a movie review</p>
<p>Nội dung 5 (3,3,19)</p>	<p>Unit 4: -Topics: memory -Grammar: participle and participle clauses -Listening: grammar focus on participle and participle clauses -Reading: grammar focus on participle and participle clauses -Speaking: describing your earliest memory -Writing: describing a place from memory</p>
<p>Nội dung 6 (3,3,19)</p>	<p>Unit 5: -Topics: favorite objects and how things work -Grammar: negation and parallel structures -Listening: grammar focus on negation and parallel structures -Reading: grammar focus on negation and parallel structures -Speaking: describing favorite things, discussing useful inventions -Writing: describing a new invention</p>
<p>Nội dung 7 (3,3,19)</p>	<p>Unit 6: -Topics: friend s and other interesting people -Grammar: comparisons -Listening: grammar focus on comparisons -Reading: grammar focus on comparisons -Speaking: describing types of friends -Writing: describing an interesting or unusual person</p>
<p>Nội dung 8 (3,3,19)</p>	<p>Unit 7: -Topics: using money and exchanging services -Grammar: tag questions, agreement -Listening: grammar focus on agreement -Reading: grammar focus on agreement -Speaking: sayings about money -Writing: barter notices</p>

<p>Nội dung 9 (3,3,19)</p>	<p>Unit 8: -Topics: agriculture and industry, food preparation -Grammar: relative clauses -Listening: grammar focus on relative clauses -Reading: grammar focus on relative clauses -Speaking: discussing local products -Writing: a cooking show script</p>
<p>Nội dung 10 (3,3,19)</p>	<p>Unit 9: -Topics: travel and exploration -Grammar: modification and word order -Listening: grammar focus on modification and word order -Reading: grammar focus on modification and word order -Speaking: discussing views on travelling -Writing: a personal travel story</p>
<p>Nội dung 11 (3,3,25)</p>	<p>Unit 10: -Topics: Belief and first expressions -Grammar: First conditional, indefinite pronouns -Listening: grammar focus on indefinite pronouns -Reading: grammar focus on indefinite pronouns -Speaking: discussing first impressions -Writing: personal stories of first impressions</p>
<p>Nội dung 12 (3,3,25)</p>	<p>Unit 11: -Topics: physical and animal worlds, geography -Grammar: Voice, reported requests with ask, tell, want -Listening & Reading : grammar focus on Voice -Speaking: comparing landscapes, choosing an appropriate pet -Writing: A story about a special characteristic of an animal</p>
<p>Nội dung 13 (3,3,25)</p>	<p>Unit 12: -Topics: office life and social customs -Grammar: second condition, making indirect questions, conjunctions and prepositions -Listening & Reading: grammar focus on conjunctions and prepositions -Speaking: “The <i>if</i> ...game”; -Writing: asking for and giving advice</p>
<p>Nội dung 14 (0,6,25)</p>	<p>Closing the course 1. Submission of assignments 2. Grammar revision 3. Listening skills revision 4. Reading skills revision 5. Instruction for final test</p>

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012). English File–Elementary 3rd edition.. Oxford University Press
2. TS.Nguyễn Thị Nguyệt (2018) Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A. Nhà xuất bản Thanh Hoá

9.2. Sách tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar In Use*. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành .NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2015). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press..

10.7. TIẾNG ANH 2

- Mã số học phần: 133020
- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Phát triển kỹ năng tiếng Anh.
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Ôn luyện và phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3.1 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học củng cố lại những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở học phần Tiếng Anh 1 như: các thì, thể của động từ; trợ động từ; câu bị động; câu điều kiện... đồng thời người học tiếp thu được các kiến thức ngữ pháp mới như: mệnh đề quan hệ xác định-không xác định, lời nói trực tiếp, gián tiếp, câu hỏi đuôi, đảo ngữ... Bên cạnh đó, người học nắm được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng giao tiếp sau :

- Hình thành những câu hỏi cần thiết trong giao tiếp; có khả năng tạo ra và duy trì được những cuộc hội thoại đơn giản về các chủ đề đã học trong công việc và cuộc sống thường nhật ở môi trường thường xuyên giao tiếp với người nước ngoài. Ở trình độ này, người học còn mắc lỗi ngữ pháp, phát âm và sử dụng từ, nhưng không cản trở nhiều đến nội dung thông điệp.

- Nghe hiểu được những cuộc hội thoại đơn giản về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo đơn giản.

- Có thể đọc hiểu được những bài viết đơn giản phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 -100 từ về những chủ đề quen thuộc : mô tả địa điểm, kể về một kỳ nghỉ...(về những chủ đề đã học); có khả năng viết một lá thư ngắn, không nghi thức: ví dụ, viết thư cho bạn ... hoặc viết một bưu thiếp v.v...

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên hứng thú tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình, xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.

3. Nội dung chi tiết học phần

<p>Nội dung 1 (3,2,15)</p>	<p>Introduction 1. Course Introduction 2. Unit 1: From me to you -Topics: Means of communication -Grammar: review of present and past forms -Listening: Sounds -Reading: <i>“In Touch”</i> -Speaking: Discussing means of communication, choosing appropriate types of communication -Writing: describing communication references</p>
<p>Nội dung 2 (2,3,10)</p>	<p>Unit 1: From me to you (continued) -Grammar: tag questions -Listening: A sociologist talks about gossip, an informal phone conversation -Reading: <i>“In Touch”</i> -Speaking: Conversation strategies - ToEIC Listening strategies: Part 1: Photos</p>
<p>Nội dung 3 (2,3,10)</p>	<p>Unit 2: In the limelight -Topics: The performing arts -Grammar: review of present perfect continuous/present perfect simple -Listening: An opera singer -Reading: <i>“Prince Eyango”</i> -Speaking: Talking about musicians -Writing: describing a favorite musician</p>
<p>Nội dung 4 (2,3,10)</p>	<p>Unit 2: In the limelight (Continued) -Grammar: questions with prepositions -Listening: A TV game show -Reading: <i>“The Writing Life”</i> -Speaking: Talking about hobbies and working styles - ToEIC Listening strategies: Part 2: Question-response</p>

<p>Nội dung 5 (2,3,10)</p>	<p>Unit 3: By coincidence -Topics: coincidence and connections -Grammar: Past perfect -Listening: “<i>Table for Two</i>” -Reading: The story of Deborah and Josep/“<i>Six Degrees of Separation</i>” -Speaking: Telling a story about a coincidence -Writing: a story about a coincidence</p>
<p>Nội dung 6 (2,3,10)</p>	<p>Unit 3: By coincidence (Continued) -Grammar: Relative clauses (object) -Listening: Confirmation/Song -Speaking: Sending a package to people, Confirmation -ToEIC Listening strategies: Part 3: Conversations</p>
<p>Nội dung 7 (2,3,10)</p>	<p>Unit 4: A day’s work -Topics: Job and work experience -Grammar: Gerunds and infinitive -Listening: People talking about their job/Dangerous job -Reading: Extract from a book – “<i>Tis</i>” -Speaking: Discussing important features in a job -Writing: describing a job</p>
<p>Nội dung 8 (2,3,10)</p>	<p>Unit 4: A day’s work (Continued) -Grammar: It...+infinitive -Reading: Extract from a book – “<i>Tis</i>” -Speaking: Talking about workplace problems - ToEIC Listening strategies: Part 4: Talks</p>
<p>Nội dung 9 (2,3,10)</p>	<p>Unit 5: The nature of things -Topics: Ecology and natural phenomena -Grammar: passive: continuous and perfect form -Listening: A park ranger -Reading: “<i>Best-dressed penguins are wearing wool this year</i>” -Speaking: Debating an environmental issue -Writing: A letter to a newspaper</p>
<p>Nội dung 10 (2,3,10)</p>	<p>Unit 5: The nature of things (Continued) -Grammar: Time clauses (future) -Listening: A news report about the weather -Reading: <i>Volcano</i> -Speaking: Discussing places to live - ToEIC Reading Strategies: Part 5: Incomplete Sentences</p>
<p>Nội dung 11 (2,3,10)</p>	<p>Unit 6: Make your mark -Topics: Heroes and fame -Grammar: Ability: <i>Could and able to</i> -Listening: Who do you admire -Reading: An article about folk tales -Speaking: describing someone you admire /Telling a folk tale -Writing: A folk tale - ToEIC Reading Strategies: Part 6: Text completion</p>

Nội dung 12 (2,3,10)	Unit 6: Make your mark (Continued) -Grammar: First and second conditional -Listening: A survey about fame - ToEIC Reading Strategies: Part 7: Reading comprehension
Nội dung 13 (2,1,10)	<u>*Review of ToEIC listening Skills</u> - Photo strategies - Question-response strategies - Conversation strategies - Talk strategies <u>*Review of ToEIC Reading Skills</u> - Incomplete sentences strategies - Incomplete text strategies - Reading comprehension strategies <u>*A real actual TOEIC test</u>

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011). *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press
2. TS.Nguyễn Thị Quyết (2018 *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B*. Nhà xuất bản Thanh Hoá

9.2. Sách tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar In Use*. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành NXB Thời đại.
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*. Cambridge University Press.
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*. Cambridge University Press

10.8. TIẾNG ANH 3

- Mã số học phần: 133021

- Số tín chỉ: 3 (26, 39, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Phát triển kỹ năng tiếng Anh, Khoa Ngoại Ngữ, Trường đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1 & 2.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Củng cố và nâng cao kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3.2 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ... Có khả năng xây dựng kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học củng cố lại những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, đồng thời mở rộng kiến thức ngữ pháp nâng cao. Bên cạnh đó, người học phát triển vốn từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng giao tiếp sau :

- Có khả năng giao tiếp trong những tình huống thông thường của cuộc sống cũng như trong môi trường làm việc.
- Có khả năng nghe hiểu những cuộc hội thoại thông thường về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo trong công việc.
- Có khả năng đọc hiểu những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể, có khả năng suy luận.
- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 -100 từ về những chủ đề thông thường trong cuộc sống. Có khả năng viết một lá thư ngắn, theo nghi thức.
- Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1 (2,3,10)	<p>Introduction</p> <p>1. Course Introduction</p> <p>Unit 7: By design</p> <p>-Topics: Design in public spaces and cars, landmarks</p> <p>-Grammar: Passive form: modals</p> <p>-Listening: The Brooklyn Bridge</p> <p>-Reading: “Engineering Challenges”</p> <p>-Vocabulary: Landmarks</p> <p>-Speaking: <i>Like and Dislike</i></p>
----------------------------	--

<p>Nội dung 2 (2,3,10)</p>	<p>Unit 7: By design (continued) -Grammar: so/such...that -Listening: Features of cars -Reading: Read the description of Plaza Olavide -Speaking: Planning a public park, Role-play: Buying/selling a car -Writing: Describing a public place</p>
<p>Nội dung 3 (2,3,10)</p>	<p>Unit 8: Special offer -Topics: Services and advertising -Grammar: have/get st done -Listening: An errand-running service -Vocabulary: damaged goods -Speaking: Creating a service -Writing: A formal letter</p>
<p>Nội dung 4 (2,3,10)</p>	<p>Unit 8: Special offer (continued) -Grammar: Verb +object + infinitive -Listening: Radio commercials -Reading: “<i>Motion Ads may make commute seem faster</i>” -Speaking: planning a radio commercial -Writing: Write a radio commercial for a product</p>
<p>Nội dung 5 (2,3,10)</p>	<p>Unit 9: Mysteries and science -Topics: Unsolved mysteries and scientific explanation -Grammar: Possibilities -Listening: A suprising story -Reading: “<i>Mysteries of the Southwest</i>” -Speaking: Talking about a frightening or surprising experience -Writing: Describing a frightening or surprising experience</p>
<p>Nội dung 6 (2,3,10)</p>	<p>Unit 9: Mysteries and science (continued) -Grammar: Noun clauses -Listening: A radio program about science -Reading: “<i>Unraveling the mysteries of fossils</i>” -Speaking: “<i>How much do you know about science</i>” -Pronunciation: Vowel sounds</p>
<p>Nội dung 7 (2,3,10)</p>	<p>Unit 10: Mind your manners -Topics: Misunderstanding and manners -Grammar: Reported speech -Listening: Soap operas -Vocabulary: speaking verbs -Speaking: Language in action: Misunderstandings -Writing: A scene from a soap opera</p>
<p>Nội dung 8 (2,3,10)</p>	<p>Unit 10: Mind your manners (continued) -Grammar: would have, should have -Listening: Are manners going out of styles? -Reading: “<i>The power of poetry</i>” -Speaking: Discussing good and bad manners -Writing: writing a haiku</p>

<p>Nội dung 9 (2,3,10)</p>	<p>Unit 11: Make or bread -Topics: Justice and life decisions, crimes -Grammar: Third conditional -Listening: Unusual punishments - Reading: An article about a robbery -Speaking: Choosing and appropriate punishment -Pronunciation: Linking</p>
<p>Nội dung 10 (2,3,10)</p>	<p>Unit 11: Make or bread (continued) -Grammar: whatever, wherever, whoever... -Listening: Good advice -Reading: “Point of view” -Speaking: Gratitude -Writing: Describing a life-changing experience</p>
<p>Nội dung 11 (2,3,11)</p>	<p>Unit 12: A laugh a day -Topics: Health and laughter, sickness and health -Grammar: Structure with there+be - Listening: A laughter club - Reading : “Musician on call” - Speaking: Discussing how lifestyle affects health</p>
<p>Nội dung 12 (2,3,12)</p>	<p>Unit 12: A laugh a day (continued) -Grammar: Connectors - Listening: Jokes - Reading : “Why do we laugh?” - Speaking: Practice telling jokes - Writing: Learning English outside the classroom</p>
<p>Nội dung 13 (1,3,12)</p>	<p>*<u>Review of ToEIC listening Skills</u> - Photo strategies - Question-response strategies - Conversation strategies - Talk strategies *<u>Review of ToEIC Reading Skills</u> - Incomplete sentences strategies - Incomplete text strategies - Reading comprehension strategies *<u>A real actual TOEIC test</u></p>

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing.*
2. TS. Nguyễn Thị Quyét (2018) *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B.* Nhà xuất bản Thanh Hoá

9.2. Sách tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar In Use.* Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 5.* Cambridge University Press.
3. Cambridge ESOL (2015). *Cambridge Preliminary English Test 6.* Cambridge University Press

10.9. TIN HỌC

- Mã số học phần: 173080
- Số tín chỉ: 2 (10, 0, 40)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng, khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng được máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên phải rèn luyện được các kỹ năng sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; kỹ năng sử dụng thư điện tử, Website, cách tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực; kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên tích cực khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Mô đun A1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT

1.1. Thông tin và dữ liệu

- 1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
- 1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính
- 1.1.3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- 1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
- 1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
- 1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

- 1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
- 1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
- 1.3.3. Bộ nhớ
- 1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
- 1.3.5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

1.4. Phần mềm và thuật toán

- 1.4.1. Phần mềm
- 1.4.2. Thuật toán

Mô đun A2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH

2.1. Các thao tác cơ bản

- 2.1.1. Khởi động máy tính
- 2.1.2. Màn hình nền (desktop) và nút Start
- 2.1.3. Sử dụng bàn phím và chuột
- 2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ
- 2.1.5. Tắt máy đúng kiểu

2.2. Quản lý và khai thác máy tính

- 2.2.1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính
- 2.2.2. Khai thác và sử dụng My Computer
- 2.2.3. Biểu tượng tệp tin, thư mục
- 2.2.4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thư mục
- 2.2.5. Sử dụng chương trình Windows Explorer
- 2.2.6. Chạy một chương trình ứng dụng

2.3. Sử dụng máy tính

- 2.3.1. Cài đặt máy in và in tài liệu
- 2.3.2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục
- 2.3.3. Nén dữ liệu
- 2.3.4. Xem thông tin về máy tính
- 2.3.5. Thiết lập Control Panel
- 2.3.6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng
- 2.3.7. Một số phím tắt

2.4. Tiếng Việt trên máy tính

- 2.4.1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt
- 2.4.2. Kiểu gõ Telex
- 2.4.3. Các bộ gõ thông dụng
- 2.4.4. Chuyển đổi mã tiếng Việt
- 2.4.5. Cài đặt Unikey

2.5. Một số phần mềm tiện ích

Mô đun A3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

3.1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

3.2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

3.3. Thư điện tử - Email

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Tên hộp thư điện tử

3.3.3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

3.4. Website, Blog, diễn đàn

3.4.1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn

3.4.2. Tên miền URL

3.4.3. Trang chủ (Home page)

3.4.4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

3.5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

3.5.1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin

3.5.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

3.6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

3.7. Thuê bao kết nối Internet

Mô đun A4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN

4.1. Giới thiệu

4.1.1. Khởi động

4.1.2. Cửa sổ làm việc

4.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ

4.1.4. Thoát khỏi

4.2. Các thao tác cơ bản

4.2.1. Nhập và điều chỉnh văn bản

4.2.2. Thao tác trên một khối văn bản

4.2.3. Các thao tác cơ bản với file văn bản

4.3. Định dạng và in ấn văn bản

4.3.1. Định dạng ký tự

4.3.2. Định dạng đoạn văn bản

4.3.3. Một số định dạng khác

4.3.3.1. Định dạng cột báo

4.3.3.2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn

4.3.3.3. Định dạng đường viền

4.3.3.4. Định dạng ký tự đầu dòng

4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản

4.4. Chèn đối tượng vào văn bản

4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt

4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật

4.4.3. Chèn tranh

4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa

4.4.5. Chèn công thức toán học

4.4.6. Chèn biểu đồ

4.5. Bảng biểu

4.5.1. Tạo bảng mới

4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng

4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng

4.6. Một số xử lý khác

4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản

- 4.6.2. Tạo và sử dụng AutoCorrect
- 4.6.3. Chèn số trang
- 4.6.4. Chèn Header and Footer
- 4.6.5. Trộn văn bản

Mô đun A5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN

5.1. Giới thiệu

- 5.1.1. Khởi động
- 5.1.2. Cửa sổ làm việc
- 5.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 5.1.4. Các kiểu hiển thị một trình chiếu
- 5.1.5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một
- 5.1.6. Các bước tạo một minh hoạ
- 5.1.7. Thoát khỏi

5.2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide

- 5.2.1. Các khái niệm cơ bản
- 5.2.2. Quy trình soạn thảo trình diễn
- 5.2.3. Các thao tác với file trình diễn

5.3. Các thao tác với slide

- 5.3.1. Định dạng slide
- 5.3.2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa
- 5.3.3. Trình bày slide

5.4. Tạo hiệu ứng

- 5.4.1. Thiết lập template
- 5.4.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
- 5.4.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng

5.5. Trình chiếu slide và in ấn

- 5.5.1. Trình chiếu slide
- 5.5.2. Định dạng trang in và in file trình diễn

Mô đun A6: PHẦN MỀM XỬ LÝ BẢNG TÍNH

6.1 Giới thiệu

- 6.1.1. Khởi động
- 6.1.2. Cửa sổ làm việc
- 6.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 6.1.5. Các thao tác với file bảng tính
- 6.1.6. Một số khái niệm cơ bản
- 6.1.7. Thoát khỏi

6.2. Các thao tác với bảng tính

- 6.2.1. Nhập, sửa dữ liệu
- 6.2.2. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in bảng tính

- 6.3.1. Định dạng dữ liệu
 - 6.3.1.1. Các kiểu dữ liệu
 - 6.3.1.2. Định dạng các kiểu dữ liệu
 - 6.3.1.3. Căn chỉnh dữ liệu
 - 6.3.1.4. Kẻ khung cho vùng dữ liệu
- 6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

- 6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm
- 6.4.2. Một số hàm thông dụng:

6.5. Biểu đồ

6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ

6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

6.6.1. Các khái niệm cơ bản

6.6.2. Sắp xếp dữ liệu

6.6.3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter

6.6.4. Tổng hợp dữ liệu: Subtotal

6.7. Tính toán trên nhiều bảng tính

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Giờ lý thuyết thực hiện tại phòng chức năng có các thiết bị: máy tính, máy chiếu Projector, loa, Micro. Giờ thực hành chia nhóm, mỗi nhóm thực hành không quá 25 người được thực hiện tại phòng máy tính, mỗi người học được sử dụng một máy và mỗi phòng thực hành có tối thiểu 25 máy sẵn sàng hoạt động, có đầy đủ phần mềm cần thiết phục vụ cho nội dung thực hành. Bố trí lịch học đúng theo lịch trình cụ thể.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2010, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

9.2. Giáo trình, sách tham khảo:

1. Dương Minh Quý (2013), *Microsoft Office 2007*.

2. Microsoft (2012), *Step by Step Microsoft Office 2007*, Microsoft Press.

3. Hàn Viết Thuận (2012), *Tin học đại cương*, Nxb ĐHQTKD.

10.10. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Việt Nam học – Du lịch, Khoa Khoa học xã hội

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những

đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

-Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

-Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

(4, 4)

1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.1.Khoa học về văn hoá có nhiều ngành

1.1.2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lý luận văn hoá, Địa lý văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển...

1.1.3.Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học

1.2. Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

1.3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

1.3.1. Cấu trúc

1.3.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

1.4.Định vị văn hoá Việt Nam

1.4.1. Không gian văn hoá Việt Nam

1.4.2. Thời gian văn hoá Việt Nam

1.4.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

Chương 2: TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM

(2, 2)

2.1.Tiến trình văn hoá Việt Nam

2.1.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử

2.1.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử

2.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

2.1.4. Thời kỳ phong kiến toa chủ (Đại Việt)

2.1.5.Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc

2.1.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

2.2. Các đặc điểm của văn hoá Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hoá nhân loại thời hiện đại?

Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

(2, 2)

3.1. Các vùng văn hoá Việt Nam

- 3.1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá
- 3.1.2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam
- 3.2. Khái niệm vùng văn hoá
 - 3.2.1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam
 - 3.2.2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ
 - 3.2.3. Vùng văn hoá Việt Bắc
- 3.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ
- 3.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ
- 3.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ
- 3.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên
- 3.7. Vùng văn hoá Nam bộ
- Chương 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC (2, 2)**
- 4.1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á
- 4.2. Triết lý âm dương
 - 4.2.1. Nguyên lý âm dương
 - 4.2.1. Sự thâm thấu của triết lý âm dương trong văn hoá Việt Nam
- 4.3. Tam tài - ngũ hành
- 4.4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi
- Chương 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG (2, 2)**
- 5.1. Tổ chức nông thôn
 - 5.1.1. Các hình thức tổ chức nông thôn
 - 5.1.2. Đặc điểm của làng Việt
- 5.2. Tổ chức quốc gia
 - 5.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội
 - 5.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước
 - 5.2.3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống
- 5.3. Tổ chức đô thị
 - 5.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia
 - 5.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn
 - 5.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống
- Chương 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO (2, 2, 2)**
- 6.1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo
- 6.2. Tín ngưỡng
 - 6.2.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
 - 6.2.2. Tín ngưỡng thờ thần
 - 6.2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lý mẹ của văn hoá Việt Nam
 - 6.2.4. Tín ngưỡng phồn thực
- 6.3. Tôn giáo.
 - 6.3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam
 - 6.3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam
 - 6.3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
 - 6.3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam
- 6.4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam
- Chương 7: VĂN HOÁ ẨM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI (2, 2, 2)**
- 7.1. Văn hoá ẩm thực
 - 7.1.1. Cơ cấu bữa ăn
 - 7.1.2. Cách chế biến món ăn
 - 7.1.3. Cách ăn
 - 7.1.4. Uống, hút

- 7.2. Văn hoá mặc
 - 7.2.1. Chất liệu may mặc
 - 7.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc
- 7.3. Văn hoá ở và đi lại
 - 7.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
 - 7.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

Chương 8: VĂN HOÁ GIAO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ TRUYỀN (2, 2)

- 8.1. Văn hoá giao tiếp
 - 8.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp
 - 8.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
 - 8.1.3. Nghệ thuật ngôn từ
- 8.2. Văn hoá nghệ thuật
 - 8.2.1. Nghệ thuật trình diễn
 - 8.2.2. Nghệ thuật sân khấu
 - 8.2.3. Nghệ thuật tạo hình
 - 8.2.4. Nghệ thuật kiến trúc
- 8.3. Phong tục
 - 8.3.1. Phong tục hôn nhân
 - 8.3.2. Phong tục tang ma.
 - 8.3.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

Chương 9 : TỔNG KẾT (2, 2)

- 9.1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam
- 9.2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.
- 9.3. Vấn đề nguồn lực con người

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá VN*, Nxb GD, HN.

9.2. Sách tham khảo:

1. Trần Quốc Vượng (2002), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb GD.
2. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXBVH TT HN.

3. Phan Kế Bính (1985), Việt Nam phong tục, Nxb VHNT, HN.

10.11. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

- Mã học phần: 210001

- Số tín chỉ: 02 (18,24,0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Động vật, Khoa Khoa học tự nhiên

- Điều kiện tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức

- Đào tạo người học nắm vững kiến thức sâu rộng về khoa học môi trường và mối quan hệ giữa con người với môi trường, hoạt động của con người trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, trách nhiệm của con người đối với môi trường thông qua giáo dục bảo vệ môi trường.

- Từ kiến thức của học phần, giúp người học nắm được kiến thức của các ngành học khác, từ đó hiểu và bổ sung cho ngành học và tiếp tục học, nghiên cứu ở bậc cao hơn.

- Trên cơ sở kiến thức đã học, người học có khả năng phân tích, tổng hợp, bình luận về các kiến thức liên quan đến vấn đề bức xúc hiện nay về môi trường đang diễn ra trên bề mặt trái đất.

3.2. Kỹ năng

- Hình thành và rèn luyện kỹ năng thực tiễn nghề nghiệp, nghiên cứu, thực hành quan sát, mô tả, phân tích các vấn đề môi trường, giáo dục bảo vệ môi trường.

- Nội dung và thời lượng thảo luận nhóm trên lớp có khả năng hình thành cho người học kỹ năng làm việc theo nhóm.

- Bố cục nội dung hợp lý, sắp xếp khoa học có khả năng hình thành cho người học kỹ năng phát triển tư duy, phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có ý thức tốt trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường

1.1. Khái niệm, phân loại môi trường

1.1.1. Khái niệm về môi trường

1.1.2. Phân loại môi trường

1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường

1.2.1. Đối tượng

1.2.2. Nhiệm vụ

1.3. Chức năng của môi trường

- 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật
- 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên
- 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật
- 1.3.4. Chức năng làm giảm nhẹ các tác động có hại tới con người và sinh vật
- 1.3.5. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin

Chương 2. Tác động của con người đối với môi trường

- 2.1. Lịch sử tác động của con người đến môi trường
 - 2.1.1. Thời kỳ hái lượm
 - 2.1.2. Thời kỳ săn bắt và đánh cá
 - 2.1.3. Thời kỳ chăn thả
 - 2.1.4. Thời kỳ nông nghiệp
 - 2.1.5. Thời kỳ công nghiệp hoá
 - 2.1.6. Thời kỳ đô thị hoá
 - 2.1.7. Thời kỳ siêu công nghiệp hoá
- 2.2. Tác động của con người đến các thành phần môi trường
 - 2.2.1. Tác động của con người đến đất - rừng trên lục địa
 - 2.2.2. Tác động của con người đến biển và đại dương
- 2.3. Mối quan hệ giữa con người và môi trường
 - 2.3.1. Vị trí của con người trong sinh quyển
 - 2.3.2. Tác động của con người đến môi trường
 - 2.3.3. Tác động của môi trường đến con người
- 2.4. Ảnh hưởng của khoa học và công nghệ lên môi trường
 - 2.4.1. Ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp đến môi trường
 - Công nghiệp năng lượng
 - Công nghiệp hoá chất
 - Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng
 - Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến Nông - Lâm - Thủy sản
 - Các ngành công nghiệp khác
 - 2.4.2. ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường
 - Các cuộc cách mạng trong nông nghiệp
 - Lạm dụng thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc kích thích tăng trưởng
 - Các hình thức canh tác, tưới tiêu không hợp lý
 - 2.4.3. ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế khác đến môi trường

Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- 3.1. Gia tăng dân số
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới
 - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số
 - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển
 - Dự báo phát triển dân số trên thế giới
 - 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam
 - 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh
- 3.2. Vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Phân loại tài nguyên
 - 3.2.3. Tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên thế giới
 - 3.2.4. Tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam

Chương 4. Ô nhiễm môi trường

- 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường

4.2. Ô nhiễm môi trường nước

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước

4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới

4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục

4.3. Ô nhiễm môi trường không khí

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí

4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí

4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục

4.4. Ô nhiễm môi trường đất

4.4.1. Khái niệm

4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất

4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất

4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục

4.5. Các ô nhiễm khác

Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững

5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu

5.1.1. Lắng đọng axit

5.1.2. Hiệu ứng nhà kính

5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn

5.2. Phát triển bền vững

5.2.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV

5.2.2. Nguyên tắc của PTBV

5.2.3. Các chỉ tiêu lượng hoá của PTBV

Chương 6. Giáo dục môi trường

6.1. Các vấn đề chung về giáo dục bảo vệ MT

6.1.1. Mục tiêu và đối tượng của GDMT

6.1.2. Nội dung của GDMT

6.2. Phương pháp và phương thức giáo dục bảo vệ môi trường

6.2.1. Phương pháp tiếp cận trong giáo dục bảo vệ môi trường

6.2.2. Các phương thức giáo dục bảo vệ môi trường

6.2.3. Thực trạng môi trường và bảo vệ môi trường ở Việt Nam

4. Yêu cầu đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

Nghe giảng, dự giờ giảng đầy đủ trên lớp. Chuẩn bị bài tập ở nhà. Seminar thảo luận trên lớp.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Giao các chủ đề thảo luận, xemina ở từng phần. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*. Nxb GD

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan(2011), *Giáo trình môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13

[3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): *Môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

10.12. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Mã số học phần: **125125**

- Số tín chỉ: **2 (18,0; 24,0)**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn LLVH và PPDH Ngữ văn, khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.**

- Điều kiện tiên quyết: **Không**

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; logic tiến trình nghiên cứu khoa học; xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.

Năng lực đạt được: SV thực hiện được các bước nghiên cứu trong logic tiến trình nghiên cứu khoa học (lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, xác định các phương pháp nghiên cứu, dự thảo nội dung nghiên cứu của đề tài, xác định được các giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu, danh mục tài liệu tham khảo) và đánh giá được một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập ở đại học và tự học để phát triển nghề nghiệp, cụ thể như thực hiện các đề tài nghiên cứu, viết tiểu luận, chuyên đề, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp,... thuộc lĩnh vực dạy học Ngữ văn hoặc khoa học cơ bản.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; logic tiến trình nghiên cứu khoa học; xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học thực hiện được các bước nghiên cứu trong logic tiến trình nghiên cứu khoa học (lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, xác định các phương pháp nghiên cứu, dự thảo nội dung nghiên cứu của đề tài, xác định được các giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu, danh mục tài liệu tham khảo) và đánh giá được một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập ở đại học và tự học để phát triển nghề nghiệp, cụ thể như thực hiện các đề tài nghiên cứu, viết tiểu luận, chuyên đề, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp,... thuộc lĩnh vực dạy học Ngữ văn hoặc khoa học cơ bản.

3. Nội dung chi tiết học phần

BÀI MỞ ĐẦU:

1.1. Khái niệm chung về môn học

1.2. Mục đích, ý nghĩa môn học

- 1.3. Nội dung của môn học
- 1.4. Quan hệ của môn học với các môn học khác
- 1.5. Quan hệ của môn học với các môn phương pháp nghiên cứu chuyên ngành
- 1.6. Phương pháp học tập môn học
- Chương 1: KHOA HỌC
- 1.1. Khái niệm “khoa học”
 - 1.1.1. Khoa học là một hệ thống tri thức
 - 1.1.2. Khoa học là một hoạt động xã hội
 - 1.1.3. Khoa học là một hình thái ý thức xã hội
 - 1.1.4. Khoa học là một thiết chế xã hội
- 1.2. Phân loại khoa học
 - 1.2.1. Phân loại theo phương pháp hình thành khoa học
 - 1.2.2. Phân loại theo đối tượng nghiên cứu khoa học
 - 1.2.3. Phân loại theo đối tượng nghiên cứu của khoa học
- 1.3. Các giai đoạn phát triển của tri thức khoa học
- 1.4. Lý thuyết khoa học
 - 1.4.1. Khái niệm “Lý thuyết khoa học”
 - 1.4.2. Hệ thống khái niệm
 - 1.4.3. Mối liên hệ giữa các khái niệm
- 1.5. Tiêu chí nhận biết một bộ môn khoa học
- Chương 2: ĐẠI CƯƠNG VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
- 2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học
- 2.2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học
 - 2.2.1. Tính mới
 - 2.2.2. Tính tin cậy
 - 2.2.3. Tính thông tin
 - 2.2.4. Tính khách quan
 - 2.2.5. Tính rủi ro
 - 2.2.6. Tính kế thừa
 - 2.2.7. Tính cá nhân
- 2.3. Phân loại nghiên cứu khoa học
 - 2.3.1. Phân loại theo chức năng nghiên cứu
 - 2.3.2. Phân loại theo giai đoạn nghiên cứu
 - 2.3.3. Phân loại theo phương thức thu thập thông tin
- 2.4. Một số thành tựu khoa học đặc biệt
- Chương 3: TRÌNH TỰ LOGIC CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
- 3.1. Khái niệm chung
 - 3.1.1. Trình tự logic
 - 3.1.2. Kiểm tra lỗi logic của người nghiên cứu
- 3.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài
 - 3.2.1. Lựa chọn sự kiện khoa học
 - 3.2.2. Nhận dạng nhiệm vụ nghiên cứu
 - 3.2.3. Xác định mục tiêu nghiên cứu
 - 3.2.4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu
 - 3.2.5. Đặt tên đề tài
 - 3.2.6. Một số điểm cần tránh khi đặt tên đề tài
- 3.3. Xây dựng luận điểm khoa học
 - 3.3.1. Vấn đề nghiên cứu
 - 3.3.2. Giải thuyết nghiên cứu

- 3.4. Chứng minh luận điểm khoa học
- 3.4.1. Cấu trúc logic của phép chứng minh
- 3.4.2. Luận cứ
- 3.4.3. Phương pháp tìm kiếm, chứng minh và sử dụng luận cứ

Chương 4: THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Đại cương về thu thập thông tin
 - 4.2.1. Chọn mẫu khảo sát
 - 4.2.2. Chọn phương pháp tiếp cận khảo sát
 - 4.2.3. Đặt giả thiết nghiên cứu
- 4.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu
 - 4.3.1. Mục đích nghiên cứu tài liệu
 - 4.3.2. Phân tích các nguồn tài liệu
 - 4.3.3. Tổng hợp tài liệu
- 4.4. Phương pháp khảo sát thực địa
- 4.5. Phỏng vấn
- 4.6. Hội nghị khoa học
- 4.7. Điều tra bằng bảng hỏi
- 4.8. Phương pháp thực nghiệm
- 4.9. Trắc nghiệm xã hội
- 4.10. Phương pháp xử lý thông tin

Chương 5: TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM KHOA HỌC

- 5.1. Bài báo khoa học
- 5.2. Trình bày một tổng luận khoa học
- 5.3. Công trình khoa học
- 5.4. Khóa luận tốt nghiệp
- 5.5. Thuyết trình khoa học
- 5.6. Ngôn ngữ khoa học
- 5.7. Trích dẫn khoa học

Chương 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

- Bước 1: Lựa chọn đề tài
- Bước 2: Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu
- Bước 3: Tổ chức nhóm nghiên cứu
- Bước 4: Thu thập và xử lý thông tin
- Bước 5: Viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu
- Bước 6: Đánh giá và nghiệm thu đề tài
- Bước 7: Công bố kết quả nghiên cứu

Chương 7: ĐẠO ĐỨC KHOA HỌC

- 7.1. Khái niệm
- 7.2. Chuẩn mực của cộng đồng nghiên cứu
- 7.3. Lựa chọn mục tiêu nghiên cứu
- 7.4. Trung thực với kết quả nghiên cứu của mình
- 7.5. Trung thực trong sử dụng kết quả nghiên cứu
- 7.6. Khoa học và giá trị văn hóa
- 7.7. Kiểm soát xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn

Chương 8: ĐÁNH GIÁ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- 8.1. Đại cương về đánh giá
- 8.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu
- 8.3. Đánh giá hiệu quả nghiên cứu

Chương 9: THỬ NGHIỆM NGHIỆM CỨU VĂN HỌC QUA CÁC MẪU

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NxbGD, H, 2012.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Việt Vượng, *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP*, Nxb GD, 1998.

2. Phạm Việt Vượng, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: L3*, Nxb ĐHQGHN, 2002.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1

2 TC (10,0,40)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào.

Tài liệu học tập

A. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền Kinh*, NXB, TĐTT.

B. Tài liệu tham khảo

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*, NXB, TĐTT, Hà Nội

2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB, TĐTT, Hà Nội.

3. Ủy ban TĐTT (2003), *Luật Điền Kinh*, NXB, TĐTT.

Giáo dục thể chất 2

2 TC (0,0,60)

Chọn 1 trong 5 nội dung:

a) Bóng chuyền/Volleyball

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt)

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

Tài liệu học tập

A. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2004), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB, ĐHSP.

B. Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban TDTT (2003), *Luật Bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.

b) Aerobic Dansports

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.

Tài liệu học tập

A. Tài liệu bắt buộc

1. Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*, NXB, TDTT.

B. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB, TDTT.

2. Liên đoàn Thể dục quốc tế, (2013) *Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016*, NXB, TDTT

c) Bóng đá/Football

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má.); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.

Tài liệu học tập

A. Tài liệu bắt buộc

1. Phạm Quang (2011), *Giáo trình bóng đá*, NXB, TDTT.

B. Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban TDTT (2003), *Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người sửa đổi và bổ sung*, NXB, TDTT

d) Bóng rổ/Basketball

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.

Tài liệu học tập

A. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình bóng rổ*, NXB, TĐTT.

B. tài liệu tham khảo

1. Luật Bóng rổ, TĐTT, 2003

2. Lê Trọng Đông, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB Đại học Thái Nguyên.

e) Võ Vovinam/Military Vovinam

Điều kiện tiên quyết: GDTC1

Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

Tài liệu học tập

A. Tài liệu bắt buộc

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), *Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 1*, NXB, TĐTT.

B. Tài liệu tham khảo

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2011), *Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 2*, NXB, TĐTT.

2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam- Việt võ đạo*, NXB, TĐTT.

Giáo dục Quốc phòng/Military education 165 tiết

Đường lối quân sự của Đảng/The military styles of the Party

3 ĐVHT (45 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quốc phòng, an ninh/Defense and security works 3 ĐVht

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)/General military and tactical, submachine gunning techniques AK (CKC) 02 Đvht

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

10.13. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

- Số tín chỉ: 2 (18, 20, 4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Hệ thống về những nền văn minh cổ, trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á) và phương Tây (Hi Lạp, La Mã, các nước Tây Âu) và nền văn minh công nghiệp thời cận, hiện đại.

Năng lực đạt được: Phân tích và bước đầu đánh giá được ảnh hưởng của các nền văn minh cổ, trung đại ở phương Đông và nền văn minh công nghiệp thời cận, hiện đại; xây dựng quan điểm và phẩm chất nhân văn, khơi dậy khát vọng tìm hiểu nghiên cứu các nền văn minh, giáo dục thái độ trân trọng, giữ gìn những thành tựu và di sản vô giá của văn minh nhân loại.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày kiến thức cơ bản về văn minh phương Đông và phương Tây
- Vận dụng và lĩnh hội được kiến thức về các nền văn minh lớn trên thế giới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử và công tác giảng dạy Lịch sử sau này.
- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề tộc người trong quá trình phát triển của các nền văn minh.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ:
- Có ý thức trong việc phát triển khả năng hợp tác trong làm việc tập thể.
 - Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục, có ý chí đấu tranh vì sự tiến bộ của khoa học và giáo dục.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Văn minh phương Đông (3, 4)

1.1. Khái niệm

1.2. Các cách tiếp cận văn minh

Chương 2. Văn minh Ai Cập (3, 5)

2.1. Cơ sở của nền văn minh

2.2. Những thành tựu chủ yếu	
Chương 3. Văn minh Ấn Độ	(4, 3, 2)
3.1. Cơ sở của nền văn minh	
3.2. Những thành tựu chủ yếu	
Chương 4. Văn minh Trung Quốc	(4, 3, 2)
4.1. Cơ sở hình thành	
4.2. Những thành tựu chủ yếu	
Chương 5. Văn minh phương Tây	(4, 3, 2)
5.1 Văn minh Hy Lạp- La Mã	
5.2 Văn minh phương Tây thời Trung đại	
5.3 Văn minh công nghiệp	
5.4 Văn minh thế kỷ XX	

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Đức An, Những mẩu chuyện Lịch sử văn minh thế giới, 2001.
- [2] Phạm Cao Dương, Nhập môn Lịch sử các nền văn minh thế giới (tập 1), tủ sách phổ thông sử học Sài Gòn, 1972.
- [3] Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần hồng Ngọc, Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong Lịch sử thế giới cổ trung đại, NXB GD, 2001.
- [4] Lê Phụng Hoàng, Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục, 2005.
- [5] Lương Ninh, Lịch sử văn hóa thế giới, NXB Giáo dục, 2008.

10.14. KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN

- Tên học phần: Kinh tế và phát triển
- Số tín chỉ: 2 (18,24,90)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa lý KT-XH & PPDH Địa lý, Khoa Khoa học Xã hội

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển bao gồm: các khái niệm, vai trò của môn học, các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, quan niệm về phát triển bền vững, mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển với công bằng xã hội; đặc điểm các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế của quốc gia bao gồm: nguồn lao động, tài nguyên thiên nhiên, vốn sản xuất, khoa học và công nghệ; nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô

hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam; vấn đề công bằng xã hội và nghèo đói trong quá trình phát triển kinh tế; vai trò, đặc điểm và phương hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển.

Năng lực đạt được: SV phân tích, đánh giá được mức tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương, khu vực trên một số lĩnh vực tiêu biểu; vận dụng kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với công bằng xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học có được hệ thống kiến thức về: tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững. Nắm vững các chỉ số quan trọng đo lường sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia. Phân tích được các nhân tố, điều kiện đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển. Vận dụng được các mô hình phát triển kinh tế vào lãnh thổ cụ thể, đánh giá được khả năng áp dụng các mô hình này ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam. Người học tiếp cận các vấn đề về khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tạo điều kiện cho nền kinh tế có sự tăng trưởng cao, ổn định và bền vững. Hiểu được sự vận động và phát triển của các ngành và các lĩnh vực kinh tế và mối quan hệ trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, có khả năng đánh giá các chiến lược phát triển của chính phủ và địa phương, dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh mới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong học phần này, người học đạt được các kỹ năng cơ bản sau:

- Có khả năng phân tích, đánh giá tổng hợp các vấn đề kinh tế xã hội, vận dụng cụ thể ở Việt Nam và ở địa phương
- Có thể xử lý dữ liệu thống kê, tính toán các chỉ số tăng trưởng, phát triển kinh tế, phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế
- Có khả năng viết và trình bày báo cáo ngắn gọn về một vấn đề đã được lựa chọn liên quan đến nội dung học phần
- Sinh viên được nâng cao năng lực làm việc làm theo nhóm và tự học

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên quan tâm chú ý đối với các chiến lược phát triển của chính phủ và địa phương, dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh mới.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (3,3)

I. Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế

1. Tăng trưởng kinh tế

- 1.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế
- 1.2. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế
- 1.3. Các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng kinh tế

2. Phát triển kinh tế

- 2.1. Khái niệm và nội dung phát triển kinh tế
- 2.2. Phát triển bền vững
- 2.3. Các chỉ số phản ánh sự phát triển kinh tế
- 2.4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế.

II. Các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế

1. Mô hình cổ điển về tăng trưởng kinh tế
2. Mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế
3. Mô hình của J.M. Keynes về tăng trưởng kinh tế

4. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại

Nội dung 2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ (2,3)

I. Khái niệm và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Khái niệm cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế
2. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế
3. Một số mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

II. Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Nhóm nhân tố thị trường
2. Nhóm nhân tố xã hội
3. Nhóm nhân tố tự nhiên
4. Nhóm nhân tố khoa học và công nghệ
5. Nhóm nhân tố về sự phát triển của các ngành có liên quan,...
6. Nhóm nhân tố về sự tác động của hội nhập kinh tế quốc tế
7. Nhóm nhân tố về vai trò của Nhà Nước

Nội dung 3. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ (6,9)

I. Tài nguyên và môi trường

1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên
2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế
3. Tài nguyên thiên nhiên ở nước ta hiện nay
4. Những vấn đề đặt ra trong việc khai thác và sử dụng TNTN

II. Nguồn lao động với phát triển kinh tế

1. Nguồn lao động và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế
2. Vai trò của nguồn lao động với phát triển kinh tế
3. Đặc điểm của nguồn lao động và thị trường lao động ở Việt Nam
4. Những vấn đề cần quan tâm đối với lao động Việt Nam

III. Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế

1. Khái niệm khoa học và công nghệ
2. Vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế
3. Định hướng và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ

IV. Vốn với phát triển kinh tế

1. Vốn và vai trò của vốn đối với phát triển kinh tế
2. Các nguồn vốn đầu tư
3. Các giải pháp chủ yếu để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả

Nội dung 4. CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ NGHÈO, ĐÓI (2,2)

I. Công bằng xã hội

1. Quan niệm về công bằng xã hội
2. Công bằng xã hội trong phân phối thu nhập
3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội

II. Nghèo, đói

1. Khái niệm nghèo
2. Phương pháp đánh giá nghèo tuyệt đối
3. Nguyên nhân và các yếu tố chính ảnh hưởng đến nghèo, đói.
4. Các giải pháp nhằm giảm tăng trưởng kinh tế với xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

Nội dung 5. NÔNG NGHIỆP VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2,3)

I. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

II. Vai trò của nông nghiệp đối với phát triển kinh tế

III. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

IV. Giải pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp

Nội dung 6. CÔNG NGHIỆP VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2,2)

- I. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp
- II. Vai trò của công nghiệp đối với phát triển kinh tế
- III. Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp và lựa chọn cơ cấu công nghiệp hợp lý.
- IV. Giải pháp chủ yếu phát triển công nghiệp

Nội dung 7. DỊCH VỤ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ (1,2)

- I. Đặc điểm của dịch vụ
 1. Khái niệm dịch vụ
 2. Đặc điểm của dịch vụ
- II. Vai trò của dịch vụ đối với phát triển kinh tế
- III. Ngoại thương với phát triển kinh tế
 1. Các học thuyết về thương mại quốc tế
 2. Các hình thức và chính sách kinh tế đối ngoại của các nước đang phát triển
 3. Xuất nhập khẩu các nước phát triển và đang phát triển.
 4. Chính sách thương mại và định hướng của ngoại thương Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đình Hợi, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Tài chính, Hà Nội - 2008
2. Vũ Thị Ngọc Phùng, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội – 2005.

9.2. Sách tham khảo:

1. Ngô Doãn Vịnh, *Bàn về phát triển kinh tế*, NXB Chính trị Quốc gia, 2005
2. Trần Thọ Đạt, *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, NXB Thống kê, 2005
3. Nguyễn Trọng Hoài, *Giáo trình kinh tế phát triển*, Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2007.
4. Trần Văn Chủ (chủ biên), *Giáo trình Kinh tế học phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2002.
5. Nguyễn Văn Thường (chủ biên), *Kinh tế Việt Nam*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội – 2010.
6. Lê Thông (chủ biên), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2001

10.15. HÁN NÔM CƠ SỞ

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Văn học Việt Nam
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học: phân: Cung cấp cho SV các kiến thức cơ bản về chữ Hán chữ Nôm; sự du nhập, sử dụng chữ Hán ở Việt Nam; văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm trong tiến trình văn học dân tộc; các bài tập ứng dụng thực hành.

Năng lực đạt được: HP trang bị cho SV kỹ năng viết thành thạo, phiên âm, chú thích, dịch nghĩa các văn bản Hán văn đơn giản; kỹ năng phân tích các kiểu cấu trúc của chữ Hán để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản Hán nôm; khả năng phân loại, giải thích nghĩa của chữ Hán, từ Hán Việt,

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức cơ bản về:

+ Chữ Hán, chữ Nôm như: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể: cách thể hiện; bộ thủ; những kiến thức về tự, từ và câu trong Hán văn cổ.

+ Từ đó, có thể trình bày, phân tích, so sánh, luận giải được các vấn đề như đóng góp của hai loại văn tự này đối với nền văn học Việt Nam nói riêng, với đời sống văn hóa của người Việt nói chung.

2.2. Về kỹ năng: Học xong học phần, sinh viên phải biết:

+ Viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận; đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán Văn; hệ thống các hoành phi, câu đối, văn bia được học; nhận biết được đặc trưng của mỗi thể loại văn học: (chiếu, truyện, kí); văn bản Hán Nôm du lịch (Hoành phi, câu đối, văn bia)

+ Phân tích được các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong các văn bản Hán văn được học.

2.3. Về thái độ: Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

7. Nội dung học phần

- Phần 1: Đại cương về chữ Hán

Chương 1. Văn tự Hán – Nguồn gốc, hình thể, kết cấu

* Lý thuyết (2 tiết)

1. Văn tự Hán - nguồn gốc
2. Văn tự Hán - hình thể qua từng thời kỳ phát triển
3. Văn tự Hán - kết cấu

* Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Trong các nhân tố khiến chữ Hán du nhập vào Việt Nam, nhân tố nào quan trọng nhất, giải thích vì sao.
2. Nhận xét về hình thể và quá trình phát triển và kết cấu của văn tự Hán.
3. Phân tích kết cấu chữ Hán qua một số chữ Hán cụ thể

* Tự học (10 tiết)

1. Đọc tài liệu và vận dụng các kiến thức đã học để tìm ra ưu, nhược điểm của chữ Hán và những đóng góp của chữ Hán đối với văn học, văn hóa và lịch sử của xã hội Việt Nam.
2. Phân tích kết cấu chữ Hán qua các chữ Hán trong bài thơ: “Ngôn hoà, Nam quốc sơn hà, Thuật hoà, Thiên trường văn vọng”

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7

Chương 2. Văn tự Hán – Cách thể hiện

* Lý thuyết (2 tiết)

1. Các nét cơ bản và biến thể
2. Quy tắc bút thuận

3. Tính cân đối của chữ
4. Lệ ngoại

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Tìm các nét cơ bản và biến thể trong các chữ Hán cụ thể
2. Viết chữ Hán có trong bài “” theo quy tắc bút thuận
3. Phân tích tính cân đối của chữ Hán qua một số chữ Hán sau.

*** Tự học (15 tiết)**

1. Tìm các nét cơ bản, biến thể, viết theo quy tắc bút thuận các chữ Hán có trong bài: “Độc Tiểu Thanh ký, Côn Sơn ca; thơ chữ Hán Hồ Chí Minh ”
2. Những chữ Hán viết theo quy tắc lệ ngoại có trong bài.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7

Chương 3. Bài 3. Bộ thủ

1. Vai trò của bộ thủ với việc học chữ Hán
2. Phân biệt một số bộ thủ có hình thể giống nhau và các bộ có nhiều hình thể.

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Vai trò của bộ thủ đối với việc học chữ Hán
2. Một số bộ thủ quan trọng
3. Sử dụng bộ thủ trong việc nhớ nghĩa chữ Hán và tra từ điển.

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Phân tích vai trò của bộ thủ trong cấu tạo chữ Hán qua các ví dụ.
2. Vận dụng bộ thủ trong cách ghi nhớ nghĩa của chữ Hán.

*** Tự học (15 tiết)**

1. Chia 214 bộ thủ chữ Hán thành nhóm theo chủ đề.
2. Tìm bộ thủ chữ trong các chữ Hán qua bài: “Thiên đô chiếu, Bình Ngô đại cáo, Bạch Đằng giang phú”

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7

Chương 4. Tự, từ và câu trong Hán văn cổ

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Từ tự đến từ
2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ
3. Từ từ đến câu

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Phân tích mối quan hệ giữa tự và từ.
2. Phân tích kết cấu của các loại từ ghép. Cho ví dụ minh họa.
3. Những hư từ thường gặp trong Hán văn cổ, phân tích chức năng ngữ pháp của các hư từ đó.

*** Tự học (10 tiết)**

1. Tìm từ đơn, từ ghép chữ Hán trong văn bản chữ Hán trong chương trình.
2. Phân tích chức năng ngữ pháp của hư từ “chi, kỳ, giả” trong các văn bản chữ Hán có trong chương trình.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7,10

Chương 5. Tiếp cận văn bản Hán qua một số văn bản tiêu biểu:

- Ngô thân (Ấu học Hán học tân thư)
- Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (Đại học)
- Tam nhân đồng hành (Minh tâm bảo giám)
- Nam quốc sơn hà (Lý thường Kiệt)
- Thiên Trường vãn vọng
- Mạnh Tử (trích đoạn)

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Tiểu sử tác giả, tác phẩm
2. Nguyên văn chữ Hán
3. Giải nghĩa chữ Hán có trong bài
4. Dịch nghĩa

*** Bài tập/ Thảo luận (4 tiết)**

1. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa tìm những chỗ chưa sát với nguyên tác trong các tác phẩm có trong chương trình.

*** Tự học (20 tiết)**

1. Viết theo quy tắc bút thuận, phân tích kết cấu của các chữ Hán có trong bài.
2. Phiên âm, dịch nghĩa các văn bản chữ Hán có trong bài, tìm ra bản dịch sát nguyên tác nhất.

- Phần 2. Đại cương về chữ Nôm

Chương 6. Các vấn đề trong chữ Nôm

*** Lý thuyết (5 tiết)**

1. Cách đọc Hán Việt Việt hóa
 - Âm tiền Hán Việt
 - Âm Hán Việt Việt hóa
 - Âm Hán Việt Việt hóa
2. Cách đọc chỉnh âm

*** Bài tập/ Thảo luận (6 tiết)**

- Thảo luận về cách đọc chữ Nôm qua một văn bản cụ thể

*** Tự học (5 tiết)**

1. Đọc tài liệu, tìm hiểu về nguồn gốc, cấu tạo chữ Nôm qua một số đoạn trích trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) mà em thích.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 3,8,13,14

Chương 7: Cấu trúc của chữ Nôm

*** Lý thuyết (5 tiết)**

1. Loại chữ Nôm vay mượn chữ Hán
 - Loại A1: đọc theo âm Hán Việt và mượn nghĩa
 - Loại A2: đọc theo âm Tiền Hán Việt và Hán Việt Việt hóa và mượn nghĩa
 - Loại A3: đọc âm Hán Việt bỏ nghĩa
 - Loại A4: đọc chệch âm Hán Việt
2. Loại chữ Nôm tự tạo
 - Loại B1: Chữ Nôm và ký hiệu phụ
 - Loại B2: Dùng ký hiệu chỉnh âm đầu
 - Loại B3: chữ Hán và bộ thủ chỉ ý
 - Loại B4: Chữ Hán chỉ âm và chữ Hán
3. Loại chữ Nôm đặc biệt
4. Chữ Nôm viết tắt

*** Bài tập/ Thảo luận (6 tiết)**

- Thảo luận về cấu tạo của chữ Nôm qua một văn bản cụ thể (theo yêu cầu của GV).
- Phân tích cấu tạo chữ Nôm loại A qua đoạn trích: “Chị em Thúy Kiều”, “Thúy Kiều thăm mộ Đạm Tiên”, “Thúy Kiều gặp Kim Trọng” trích “Truyện Kiều” (Nguyễn Du).
- Phân tích cấu tạo chữ Nôm loại B qua đoạn trích: “Mã Giám Sinh mua Kiều”, “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, “Kiều gặp Từ Hải” trích “Truyện Kiều” (Nguyễn Du).

*** Tự học (5 tiết)**

Đọc tài liệu, tìm hiểu, phân tích về cấu tạo chữ Nôm qua một số đoạn trích trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) mà em thích.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 3,8,13,14

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1. Đặng Đức Siêu, *Ngữ văn Hán Nôm*, T1, Nxb. Giáo dục, 1995

Học liệu tham khảo:

1. Lê Đình Khẩn, *Chữ Hán, những vấn đề cơ bản*, Nxb Đại học Quốc Gia TP. HCM, 2000
2. Nguyễn Ngọc San, *Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm*, Nxb Đại học Sư phạm, 2003.

10.16. THỐNG KÊ XÃ HỘI

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kinh tế - xã hội và Phương pháp dạy học Địa lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: gồm các thang đo trong xã hội học, mẫu ngẫu nhiên đơn giản và các bài toán xác định cỡ mẫu tối thiểu, quan hệ giữa hai biến định lượng, quan hệ giữa hai biến định tính và các độ đo sự liên thuộc, một số phương pháp thống kê trong Xã hội học.

Năng lực đạt được: SV tính toán, phân tích, thống kê, tổng hợp, khái quát hóa được các mẫu đo cơ bản; vận dụng chúng vào giải quyết các vấn đề học tập và đời sống, xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Về kiến thức: Sau khi học xong học phần, sinh viên trình bày được nội dung các thuật ngữ cơ bản của thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và giải thích cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; sinh viên cũng có thể giải thích được những nội dung thống kê trong một số lĩnh vực xã hội chủ yếu như mức sống, dân số, lao động, giáo dục, y tế.

2.2. Về kỹ năng: Có thể xây dựng được phiếu điều tra xã hội (bảng hỏi) đơn giản, tính toán được một số mức độ thường dùng trong thống kê, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian; có thể xây dựng và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành GDP, năng suất lao động, tiền lương. Trong một số lĩnh vực thống kê xã hội, sinh viên có thể phân tích được biến động dân số, phân tích nghèo đói và bất bình đẳng và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê xã hội phổ biến.

2.3. Về thái độ người học: Có ý thức trong việc áp dụng các lý thuyết thống kê trong công việc, nhất là trong nghiên cứu khoa học, điều hành doanh nghiệp.

- Nội dung học phần:

Nội dung giảng dạy	Lí thuyết	Thảo luận (TL), Bài tập (BT)	Tài liệu đọc trước
<p>Chương 1. Những vấn đề chung về thống kê xã hội</p> <p>1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung môn học</p> <p>1.1. Đối tượng</p> <p>1.2. Nhiệm vụ</p> <p>1.3. Mục tiêu môn học</p> <p>1.4. Phương pháp học tập</p> <p>2. Khái quát các giai đoạn phát triển khoa học thống kê</p> <p>2.1. Thời kì Cổ đại</p> <p>2.2. Thời Trung Cổ</p> <p>2.3. Thời kì cận đại</p> <p>2.4. Thời kì hiện đại</p> <p>3. Đặc điểm của khoa học thống kê hiện đại</p> <p>4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu</p> <p>5. Những quy định của Nhà nước về thống kê</p>	2	2 TL	Đọc TL số 1, 2
<p>Chương 2. Khái niệm cơ bản về thống kê</p> <p>1. Một số vấn đề lý thuyết thống kê</p> <p>2. Dữ liệu, số liệu</p> <p>3. Những đơn vị thống kê</p> <p>4. Lập bảng biểu và biểu diễn dữ liệu thống kê</p> <p>5. Những số liệu thống kê</p> <p>5.1. Số tuyệt đối</p> <p>5.2. Số tương đối</p> <p>5.3. Số bình quân</p> <p>5.4. Số trung vị</p> <p>5.5. Dây số thời gian</p> <p>6. Chỉ số và phương pháp phân tích chỉ số</p>	4	6 BT	Đọc TL số 2, 3
<p>Chương 3. Quá trình nghiên cứu thống kê</p> <p>1. Khái niệm về quá trình nghiên cứu thống kê</p> <p>2. Xác định đối tượng và xây dựng hệ thống khái niệm, chỉ tiêu thống kê</p> <p>3. Điều tra thống kê</p> <p>3.1. Khái niệm điều tra thống kê</p> <p>3.2. Phân loại và điều tra thống kê</p> <p>3.3. Thu thập dữ liệu thống kê</p> <p>3.4. Xây dựng kế hoạch điều tra thống kê</p> <p>3.5. Sai số thống kê và xử lý sai số trong thống kê</p> <p>4. Xử lý thống kê</p> <p>5. Dự báo thống kê</p>	4	2TL + 4BT	Đọc TL số 2, 3
<p>Chương 4. Thống kê dân số, lao động</p> <p>1. Thống kê dân số</p> <p>1.1. Tỷ suất sinh</p>	4	2TL + 3BT	Đọc TL số 2, 3

Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thảo luận (TL), Bài tập (BT)	Tài liệu đọc trước
1.2. Tỷ suất tử 1.3. Gia tăng tự nhiên 1.4. Gia tăng cơ giới 1.5. Tỷ suất gia tăng dân số, dự báo dân số 1.6. Kết cấu sinh học của dân cư 1.7. Tỷ suất hôn nhân 2. Thống kê nguồn lao động 3. Thống kê lực lượng lao động 4. Thống kê lao động trong doanh nghiệp			
Chương 5. Thống kê một số vấn đề xã hội 1. Thống kê về chất lượng cuộc sống 1.1. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập 1.2. Chất lượng cuộc sống và những chỉ tiêu thống kê 1.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê về thu nhập 2. Thống kê bảo hiểm xã hội 2.1. Khái quát thống kê các vấn đề xã hội 2.2. Phân loại các chỉ tiêu thống kê bảo hiểm xã hội 2.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bảo hiểm xã hội 3. Thống kê bảo trợ xã hội và cứu trợ xã hội 3.1. Các chỉ tiêu về bảo trợ xã hội 3.2. Thống kê về ưu đãi xã hội 3.3. Thống kê phòng chống tệ nạn xã hội 3.4. Một số thống kê xã hội khác	4	2TL + 3BT	Đọc TL số 2, 3

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết thống kê, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
 2. Nguyễn Ngọc Cương, *Thống kê Xã hội học*, NXBGD 2002.
- 9.2. Tài liệu tham khảo**
3. PGS.TS Bùi Xuân Phong (2002), Thống kê và ứng dụng. Nxb Thống kê

10.17. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LLVH&PPDH Văn – Tiếng Việt, khoa Khoa học xã hội, Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm về văn bản; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, bản sao; phong cách ngôn ngữ hành chính – công vụ và kỹ thuật sử dụng tiếng Việt trong văn bản hành chính – công vụ; quy trình soạn thảo và ban hành văn bản; kỹ thuật soạn thảo và trình bày một số văn bản hành chính thông dụng: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn hành chính, hợp đồng,...

Năng lực đạt được: Sinh viên soạn thảo và phân tích được các loại văn bản hành chính thông dụng.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững kiến thức tổng quát về khái niệm, đặc trưng, kết cấu của các loại văn bản hiện hành, bao gồm: Khái quát về kỹ thuật soạn thảo văn bản; Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, bản sao; Văn bản quản lý nhà nước; Phong cách ngôn ngữ hành chính – công vụ và kỹ thuật sử dụng tiếng Việt trong văn bản hành chính – công vụ; Quy trình soạn thảo và ban hành văn bản; Kỹ thuật soạn thảo và trình bày một số văn bản hành chính thông dụng: Tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn hành chính, hợp đồng,...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong học phần này, người học có kỹ năng tốt trong việc tiếp nhận, tạo lập các loại văn bản quản lý Nhà nước, văn bản Hành chính - công vụ và các văn bản thông dụng. Người học có thể đảm nhiệm việc tổ chức đào tạo chuyên môn Kỹ thuật soạn thảo văn bản thông qua các khóa học với những chương trình đào tạo khác nhau.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong thực hành tạo lập các loại văn bản thông dụng phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I – KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY VĂN BẢN

Chương 1. HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP VÀ VĂN BẢN

1. Hoạt động giao tiếp
2. Khái niệm văn bản, văn bản quản lý nhà nước, văn bản hành chính
3. Phân loại văn bản và bản sao văn bản
4. Danh mục và quy định viết tắt tên loại văn bản, bản sao văn bản

Chương 2. THỂ THỨC VÀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN, BẢN SAO VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý xác định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản
2. Đối tượng áp dụng
3. Khổ giấy, kiểu trình bày, định lề, đánh số trang
4. Font chữ trình bày văn bản và bản sao văn bản

5. Các thành phần thể thức của các loại văn bản
6. Sơ đồ bố trí, mẫu trình bày các thành phần của thể thức văn bản
7. Nội dung kỹ thuật trình bày các thành phần của thể thức văn bản
8. Sơ đồ bố trí các thành phần thể thức mẫu bản sao văn bản
9. Sơ đồ bố trí các thành phần thể thức mẫu bản sao văn bản

Chương 3. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH – CÔNG VỤ

1. Phong cách ngôn ngữ hành chính – công vụ
2. Kỹ thuật sử dụng tiếng Việt trong văn bản hành chính công vụ

Chương 4. QUY TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Yêu cầu đối với việc soạn thảo và ban hành văn bản
2. Các bước soạn thảo và ban hành văn bản

PHẦN II. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH MỘT SỐ LOẠI VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG

Chương 1. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY *QUYẾT ĐỊNH*

1. Khái niệm
2. Thẩm quyền ban hành
3. Cấu trúc Quyết định
4. Mẫu trình bày Quyết định

Chương 2. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY *THÔNG BÁO*

1. Khái niệm
2. Yêu cầu của Thông báo
3. Cấu trúc của Thông báo
4. Các loại Thông báo thường sử dụng
5. Mẫu trình bày Thông báo

Chương 3. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY *TỜ TRÌNH*

1. Khái niệm
2. Yêu cầu của Tờ trình
3. Cấu trúc tờ Trình
4. Mẫu trình bày Tờ trình

Chương 4. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY VĂN BẢN *BÁO CÁO*

1. Khái niệm
2. Yêu cầu của Báo cáo
3. Phân loại Báo cáo
4. Phương pháp soạn thảo Báo cáo
5. Mẫu trình bày Báo cáo

Chương 5. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY *BIÊN BẢN*

1. Khái niệm
2. Phân loại Biên bản
3. Phương pháp ghi Biên bản
4. Cấu trúc của Biên bản
5. Mẫu trình bày Biên bản

Chương 6. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY *CÔNG VĂN HÀNH CHÍNH*

1. Khái niệm
2. Các loại Công văn hành chính
3. Đặc điểm của công văn hành chính
4. Phương pháp soạn thảo Công văn hành chính
5. Nội dung cụ thể của một số loại Công văn hành chính
6. Mẫu trình bày Công văn hành chính

Chương 7. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY *HỢP ĐỒNG*

1. Khái niệm
2. Điều kiện Hợp đồng
3. Hiệu lực của Hợp đồng
4. Phân loại Hợp đồng

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Vương Thị Kim Thanh (2005), *Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

1. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) Nguyễn Hoàng Anh – Võ Trí Hào (2014), *Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản*, Nxb ĐHQGHN
2. Phạm Hải Hưng (2007) *Bộ văn bản mẫu và bài tập môn soạn thảo văn bản*, NXB Lao động – xã hội.

10.18. TÂM LÝ HỌC

- Mã học phần: 181080
- Số tín chỉ học tập: 04 (36,40,8)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý- Giáo dục.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức; hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); nhân cách và sự phát triển nhân cách; lý luận về sự phát triển trẻ em; tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT ; hoạt động dạy học; hành vi đạo đức; nhân cách của người thầy giáo...

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai...

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu tâm lý và vai trò của các hiện tượng tâm lý trong hoạt động, trong đời sống.

- Phân tích được các vấn đề trong tâm lý học như: hoạt động, giao tiếp, ý thức, nhân cách, nhận thức, tình cảm, ý chí, sự phát triển tâm lý, hoạt động học, sự phát triển trí tuệ, hành vi đạo đức...

- Giải thích được quan điểm của tâm lý học duy vật biện chứng về bản chất hiện tượng tâm lý người, về sự phát triển tâm lý và cơ chế hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách qua các giai đoạn lứa tuổi.

- Trình bày được cấu trúc của hoạt động, cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức, cấu trúc nhân cách người thầy giáo...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Lựa chọn được những phương pháp nghiên cứu phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu tâm lý các đối tượng trong hoạt động sư phạm..

- Giải thích được các hiện tượng tâm lý người nói chung và tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông nói riêng.

- Vận dụng được kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập, các bài tập trong chương trình học và trong đời sống một cách khoa học.

- Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức của bản thân cũng như việc tổ chức hoạt động sư phạm.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có ý thức vận dụng kiến thức về tâm lý học vào giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai...

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chương 1: Tâm lý học là một khoa học.

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

1.1. Tâm lý học là gì ?

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý

2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC

2.2. Chức năng của tâm lý.

2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý.

3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.

3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý.

3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

Chương 2: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.

1.1. Di truyền và tâm lý.

1.2. Não và tâm lý.

2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.

2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý.

2.2. Hoạt động và tâm lý .

2.2.1. Khái niệm hoạt động.

2.2.2. Đặc điểm của hoạt động

2.2.3. Cấu trúc của hoạt động.

2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành tâm lý.

2.3. Giao tiếp và tâm lý .

2.3.1. Khái niệm giao tiếp.

2.3.2. Các loại giao tiếp.

2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành tâm lý.

3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể.
 - 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể .
 - 3.1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý.
 - 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý.
 - 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức .
 - 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức.
 - 3.2.1.1. Ý thức là gì ?
 - 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức
 - 3.2.2. Các cấp độ của ý thức.
 - 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân
4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức
 - 4.1. Khái niệm chú ý.
 - 4.2. Các thuộc tính của chú ý.
 - 4.3. Các loại chú ý.

Chương 3: Hoạt động nhận thức

1. Nhận thức cảm tính.
 - 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác
 - 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác.
 - 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác.
 - 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính.
 - 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác
 - 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác.
2. Nhận thức lý tính.
 - 2.1. Tư duy.
 - 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy
 - 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy
 - 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy
 - 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy.
 - 2.1.3. Các thao tác của tư duy
 - 2.1.4. Các loại tư duy
 - 2.2. Tưởng tượng.
 - 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng
 - 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng
 - 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng.
 - 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.
3. Trí nhớ.
 - 3.1. Khái niệm chung về trí nhớ.
 - 3.1.1. Định nghĩa.
 - 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ.
 - 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ
 - 3.2.1. Quá trình ghi nhớ.
 - 3.2.2. Quá trình giữ gìn.
 - 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại.
 - 3.2.4. Sự quên và cách chống quên.
 - 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ.
4. Ngôn ngữ và nhận thức.
 - 4.1. Khái niệm ngôn ngữ.
 - 4.2. Chức năng của ngôn ngữ.
 - 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ.

4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức.

Chương 4: Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách

1. Khái niệm chung về nhân cách.
 - 1.1. Định nghĩa.
 - 1.2. Đặc điểm của nhân cách .
2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách.
 - 2.1. Xu hướng.
 - 2.1.1. Khái niệm xu hướng.
 - 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng.
 - 2.2. Năng lực.
 - 2.2.1. Năng lực là gì?
 - 2.2.2. Các mức độ của năng lực.
 - 2.2.3. Phân loại năng lực.
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX
 - 2.3. Tính cách.
 - 2.3.1. Tính cách là gì?
 - 2.3.2. Cấu trúc của tính cách.
 - 2.4. Khí chất.
 - 2.4.1. Khí chất là gì?
 - 2.4.2. Các kiểu khí chất.
 - 2.5. Tình cảm, ý chí.
 - 2.5.1. Tình cảm.
 - 2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm .
 - 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm
 - 2.5.1.3. Vai trò của tình cảm.
 - 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm
 - 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm.
 - 2.5.2. Ý chí.
 - 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí.
 - 2.5.2.2. Hành động ý chí.
 - 2.5.2.3. Hành động tự động hóa.
3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.
 - 3.1. Giáo dục và nhân cách..
 - 3.2. Hoạt động và nhân cách.
 - 3.3. Giao tiếp và nhân cách
 - 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách.

PHẦN II: . MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TLH LỨA TUỔI - SƯ PHẠM

Chương 5: Nhập môn TLH lứa tuổi- TLH sư phạm.

1. Khái quát về TLHLT và TLHSP.
 - 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP
 - 1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.
2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 2.1. Quan niệm về trẻ em.
 - 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em.
 - 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em.
 - 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý.
 - 2.3. Qui luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em
3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em.

- 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý.
- 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em

Chương 6: Tâm lý học tuổi học sinh THCS (Thiếu niên).

1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS
2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS
 - 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể.
 - 2.2. Sự thay đổi điều kiện sống.
3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ.
 - 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS.
 - 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS.
4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS
 - 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn
 - 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi
5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS.
 - 5.1. Sự hình thành tự ý thức
 - 5.2. Sự phát triển tình cảm

Chương 7: Tâm lý học tuổi học sinh THPT

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT.
 - 1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân.
 - 1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể.
 - 1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển.
2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT.
 - 2.1. Đặc điểm hoạt động học tập.
 - 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ.
3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu
 - 3.1 Sự phát triển của ý thức.
 - 3.2. Sự hình thành thể giới quan
 - 3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm
4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp
5. Một số vấn đề giáo dục lứa tuổi học sinh THPT

Chương 8: Tâm lý học dạy học

1. Hoạt động dạy
2. Hoạt động học.
 - 2.1. Khái niệm hoạt động học
 - 2.2. Đặc điểm hoạt động học
 - 2.3. Hình thành hoạt động học.
 - 2.3.1. Hình thành động cơ học tập
 - 2.3.2. Hình thành mục đích học tập
 - 2.3.3. Hình thành các hành động học
3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học
 - 3.1. Khái niệm về khái niệm
 - 3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm
 - 3.3. Sự hình thành khái niệm
 - 3.3.1. Một số nguyên tắc chung.
 - 3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm
4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo.
 - 4.1. Sự hình thành kỹ năng
 - 4.2. Sự hình thành kỹ xảo
5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ

- 5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ
- 5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ
- 5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ
- 6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ.
 - 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy.
 - 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và phương pháp của hoạt động dạy học.

Chương 9: Tâm lý học giáo dục.

- 1. Đạo đức và hành vi đạo đức
 - 1.1. Khái niệm đạo đức.
 - 1.2. Hành vi đạo đức.
 - 1.2.1. Khái niệm.
 - 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức.
- 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức
 - 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức
 - 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức
 - 2.3. ý chí và thói quen đạo đức
- 3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh
 - 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường.
 - 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh.
 - 3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình
 - 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi học sinh.

Chương 10: Tâm lý học nhân cách người thầy giáo

- 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo
 - 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người.
 - 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình.
 - 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội
 - 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo.
 - 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp.
- 2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo.
 - 2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo
 - 2.2. Năng lực của người thầy giáo
 - 2.2.1. Năng lực dạy học
 - 2.2.2. Năng lực giáo dục
 - 2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm.
- 3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo.
 - 3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm.
 - 3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
 - 3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì?
 - 3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
- 4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo.

4. Yêu cầu đối với môn học

- Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Xuân Thúc (2008-chủ biên), *GT Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP
2. Nguyễn Kế Hào (2005 - chủ biên), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐH Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Trần Trọng Thủy (2002 – chủ biên), *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB ĐHQG Hà Nội
4. Nguyễn Quang Uẩn (2006 - chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP.

10.19. GIÁO DỤC HỌC

- Mã học phần: 182005
- Số tín chỉ: 04 (36,48,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và hệ thống các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách, các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường phổ thông; những vấn đề cơ bản của lí luận dạy học, giáo dục và chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp .

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, tổng hợp được những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các khái niệm, phạm trù của giáo dục học, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách ; mục đích và nhiệm vụ giáo dục. Cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, vai trò và nhiệm vụ của người GV và người GV Chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông để từ đó vận dụng một cách có hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

2.2. Về kỹ năng:

- Sinh viên biết liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường, giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của đảng, nhà nước ta hiện nay.

- Hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng thiết kế và lập kế hoạch chủ nhiệm, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên tích cực vận dụng kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC

CHƯƠNG I: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người
2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học
 - 2.1. Đối tượng của giáo dục học
 - 2.2. Nhiệm vụ của giáo dục học
 - 2.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học
3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học
4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác

CHƯƠNG II: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

1. Sự phát triển nhân cách của con người
 - 1.1. Khái niệm con người, nhân cách
 - 1.2. Khái niệm về sự phát triển nhân cách
2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách
3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách
 - 3.1. Vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách
 - 3.2. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với hình thành và phát triển nhân cách
 - 3.3. Giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi

CHƯƠNG III: MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục đích giáo dục
 - 1.1. Khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục
 - 1.2. Mục tiêu giáo dục Việt Nam
 - 1.4. Mục tiêu ở cấp độ tổng quát
 - 1.5. Mục tiêu ở cấp độ hệ thống giáo dục
 - 1.6. Mục tiêu ở cấp độ chuyên biệt
2. Hệ thống giáo dục quốc dân
 - 2.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân
 - 2.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
 - 2.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân
3. Nguyên lý giáo dục
 - 3.1. Khái niệm về nguyên lý giáo dục
 - 3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục
 - 3.3. Phương hướng quán triệt nguyên lý giáo dục
4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường
 - 4.1. Giáo dục đạo đức và ý thức công dân
 - 4.2. Giáo dục trí tuệ
 - 4.3. Giáo dục thể chất
 - 4.4. Giáo dục lao động và hướng nghiệp
 - 4.5. Giáo dục thẩm mỹ

PHẦN 2: LÝ LUẬN DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG LÝ LUẬN DẠY HỌC

1. Quá trình dạy học
 - 1.1. Khái niệm quá trình dạy học
 - 1.2. Cấu trúc, bản chất của quá trình dạy học
 - 1.3. Nhiệm vụ của quá trình dạy học

- 1.4. Động lực và lôgic của quá trình dạy học
2. Nguyên tắc và nội dung dạy học
 - 2.1. Nguyên tắc dạy học
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học
 - 2.2. Nội dung dạy học
 - 2.2.1. Khái quát về nội dung dạy học
 - 2.2.2. Phương hướng xây dựng nội dung dạy học. Xu thế đổi mới nội dung dạy học
 - 2.2.3. Kế hoạch, chương trình dạy học, SGK và các tài liệu dạy học
3. Phương pháp dạy học
 - 3.1. Khái quát về phương pháp dạy học
 - 3.2. Hệ thống phương pháp dạy học
 - 3.3. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh
 - 3.4. Vấn đề đổi mới PPDH ở trường phổ thông
 - 3.5. Phương tiện dạy học
4. Các hình thức tổ chức dạy học
 - 4.1. Khái niệm
 - 4.2. Các hình thức tổ chức dạy học
5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh
 - 5.1. Khái niệm về kiểm tra, đánh giá
 - 5.2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá
 - 5.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá

CHƯƠNG II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN GIÁO DỤC

1. Quá trình giáo dục
 - 1.1. Khái niệm, bản chất của quá trình giáo dục
 - 1.2. Cấu trúc, đặc điểm của quá trình giáo dục
 - 1.3. Động lực, lôgic của quá trình giáo dục
 - 1.4. Tự giáo dục và giáo dục lại
2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục
 - 2.1. Nguyên tắc giáo dục
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục
 - 2.2. Nội dung giáo dục
 - 2.2.1. Những nội dung giáo dục cơ bản trong nhà trường phổ thông
 - 2.2.2. Một số nội dung giáo dục mới
3. Phương pháp giáo dục
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục
 - 3.3. Lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục

PHẦN 3: NGƯỜI GIÁO VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

CHƯƠNG 1: NGƯỜI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC

- I. Vị trí, chức năng của người giáo viên
- II. Đặc điểm của lao động sư phạm
 1. Mục đích của hoạt động lao động sư phạm
 2. Đối tượng của hoạt động lao động sư phạm
 3. Công cụ của hoạt động lao động sư phạm
 4. Sản phẩm của hoạt động lao động sư phạm

- 5. Một số đặc điểm khác
- III. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên
 - 1. Những căn cứ để xác định Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên
 - 2. Nhiệm vụ của người giáo viên
 - 3. Các quyền của nhà giáo
- IV. Những yêu cầu của người GV trung học.
 - 1. Phẩm chất sư phạm
 - 2. Năng lực sư phạm
- V. Người GV và vấn đề nâng cao trình độ.

CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- I. Chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp
- II. Nhiệm vụ của GV chủ nhiệm lớp
- III. Nội dung và phương pháp công tác của GV chủ nhiệm lớp

4. Yêu cầu đối với môn học

- Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định. Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2006) (chủ biên). *Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2*, NXBĐHSP.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Sinh Huy-Nguyễn Văn Lê (1997) *Giáo dục học đại cương. Tập 1,2*. NXBGD, 1997.

[2]. Phạm Việt Vượng (2001) *Giáo dục học*. NXBĐHQG

[3]. Đỗ Thế Hưng (2007) *Tình huống dạy học môn GDH*. NXB ĐHSP

10.20. QUẢN LÝ HCNN VÀ QLGD

- Mã học phần: 198000
- Số tín chỉ học tập: 02 (18,24,0)
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, giáo dục học.
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục học

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện và đánh giá được các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên sự phạm những kiến thức cơ bản và mới nhất về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là : Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; Đường lối quan điểm của Đảng, nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ GD&ĐT và thực tiễn giáo dục địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Về kỹ năng:

Hình thành ở người học một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng phân tích đánh giá, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng thích ứng với những điều kiện, thay đổi thực tế. Nhận biết được vai trò của giáo dục đối với sự vận động và phát triển của đất nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có ý thức nghiêm túc trong thực hiện và đánh giá, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục đúng định hướng chiến lược GD của Đảng.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I : MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC

1. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước XHCN

1.1. Lí luận chung về nhà nước

1.1.1. Khái niệm về nhà nước

1.1.2. Bản chất của nhà nước

1.1.3. Chức năng của nhà nước

1.2. Nhà nước XHCN Việt nam

1.2.1. Nhà nước là trung tâm quyền lực trong hệ thống chính trị XHCN

1.2.2. Bản chất của nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

1.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước

1.2.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

2. Một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính nhà nước

2.1. Khái niệm về quản lí hành chính nhà nước

2.2. Tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước

2.3. Nội dung hoạt động chủ yếu của quản lí hành chính nhà nước

2.4. Phương pháp, hình thức, phương tiện quản lí hành chính nhà nước.

3. Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

3.1. Khái niệm quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

3.2. Nội dung quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

3.3. Hệ thống cơ quan quản lí nhà nước về GD & ĐT

3.4. Phương hướng đổi mới quản lí nhà nước về GD & ĐT

4. Công vụ, công chức

- 4.1. Công vụ
 - 4.1.1. Khái niệm công vụ
 - 4.1.2. Nội dung của công vụ
 - 4.1.3. Các nguyên tắc của công vụ
- 4.2. Công chức
 - 4.2.1. Khái niệm
 - 4.2.2. Pháp lệnh cán bộ công chức
 - 4.2.3. Nghĩa vụ và quyền hạn cán bộ, công chức.
 - 4.2.4. Những việc cán bộ, công chức không được làm.
 - 4.2.5. Khen thưởng và xử lý vi phạm cán bộ, công chức.

CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Thực trạng giáo dục Việt Nam hiện nay
2. Bối cảnh, thời cơ, thách thức đối với giáo dục nước ta giai đoạn 2011- 2020.
3. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhà nước về đổi mới sự nghiệp giáo dục & đào tạo
4. Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2020
5. Các giải pháp phát triển giáo dục 2011 - 2020

CHƯƠNG III: LUẬT GIÁO DỤC

1. Khái niệm luật giáo dục
2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục
 - 2.1 Những quy định chung
 - 2.2 Hệ thống giáo dục quốc dân
 - 2.3 Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác
 - 2.4 Nhà giáo
 - 2.5 Người học
 - 2.6 Nhà trường , gia đình và xã hội
 - 2.7 Quản lý nhà nước về giáo dục
 - 2.8 Khen thưởng và xử lý vi phạm
 - 2.9 Điều khoản thi hành
3. Những điểm mới bổ sung trong luật GD 2011

CHƯƠNG IV: ĐIỀU LỆ, QUY ĐỊNH, QUI CHẾ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Điều lệ nhà trường
 - 1.1. Khái quát về bộ cục Điều lệ nhà trường
 - 1.2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường
 - 1.2.1. Điều lệ trường mầm non
 - 1.2.2. Điều lệ trường tiểu học
 - 1.2.3. Điều lệ trường trung học
2. Quy định của Bộ GD & ĐT đối với các bậc học
 - 2.1. Quy định về giảng dạy, chủ nhiệm, đánh giá học sinh
 - 2.1.1. Trường mầm non
 - 2.1.2. Trường Tiểu học
 - 2.1.3. Trường trung học
 - 2.2. Quy định về tiêu chuẩn danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tập thể
 - 2.2.1. Trường mầm non
 - 2.2.2. Trường Tiểu học
 - 2.2.3. Trường trung học
3. Quy chế về thanh tra, kiểm tra trong nhà trường mầm non và trường phổ thông

CHƯƠNG V : THỰC TIỄN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn giáo dục địa phương .

2. Những quy định và chỉ đạo của địa phương về giáo dục và đào tạo hiện nay

4. Yêu cầu đối với môn học

- Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định. Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu.

9.1. Giáo trình:

[1]. Phạm Việt Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. *Luật Cán bộ, công chức*

[2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, *Luật viên chức*.

[3] Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, *luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức*.

[4] Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, *Luật Giáo dục*.

[5] Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*

[6]. Quốc Hội (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH1 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông*.

[7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

[8]. Thủ tướng chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020. (Ban hành kèm theo quyết định 711/TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012.)*

[9]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT, Điều lệ trường mầm non 2015*

[10]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), *Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT, Điều lệ trường tiểu học 2014*

[11]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ban hành *Điều lệ trường THCS, trường THPT có nhiều cấp học*

10.21. THỰC TẾ SƯU TẦM, NGHIÊN CỨU HÁN NÔM VÀ VĂN HỌC VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 02 (4, 36)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn học Việt Nam, Khoa Khoa học xã hội.

- Điều kiện tiên quyết: *Văn bản Hán cổ Trung Quốc, Văn bản Hán văn Việt Nam, Văn học Trung đại Việt Nam*

1. Mô tả học phần.

Học phần là sự kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, giúp người học được tiếp cận, học tập trực tiếp với văn bản Hán Nôm, văn bản Văn học trung đại, hiện đại Việt Nam, hiện còn lưu giữ trong các khu di tích lịch sử, di tích văn hoá, đền thờ danh nhân, các thư viện, viện bảo tàng trong cả nước và các tác phẩm văn học viết về các địa danh lịch sử. Thực hành công tác sao dập, sưu tầm, bảo quản các hiện vật.

Năng lực đạt được: Giúp người học đọc và hiểu nội dung ý nghĩa của các văn bản, tác phẩm văn học, cũng như các vấn đề lịch sử về tác giả, tác phẩm có liên quan. Viết báo cáo chuyên đề tại từng điểm thực tế mà đoàn đến học tập thực tế... Giúp người học có năng lực làm việc, tổ chức hoạt động độc lập và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức.

- Học phần là sự kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, giúp người học được tiếp cận trực tiếp với văn bản Hán Nôm, văn bản Văn học Trung đại hiện còn lưu giữ tại các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa, đền thờ – nhà thờ - khu tưởng niệm các danh nhân văn hóa, nhà thơ – nhà văn, các bảo tàng, thư viện trong cả nước

- Người học trực tiếp tiếp xúc với các địa chỉ văn hóa liên quan đến các sáng tác các tác phẩm, tác giả văn học Việt Nam trung đại và hiện đại. Qua đó giúp người học đọc hiểu nội dung ý nghĩa các văn bản văn học Trung đại được viết bằng chữ Hán – Nôm; các vấn đề lịch sử về tác giả, tác phẩm có liên quan.

- Người học có khả năng sưu tầm, bảo quản các hiện vật; điền dã, tập hợp, phân loại, nghiên cứu tài liệu liên quan đến văn học, Hán Nôm; nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hóa, nghiên cứu văn học bằng phương pháp trực giác, nghiên cứu văn học bằng phương pháp tiểu sử.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng.

Môn học giúp học sinh nắm vững và phân biệt được các thể loại văn bản chữ Hán trong các khu di tích; Đọc hiểu và lý giải các thể loại Văn bia, hoành phi - đại tự - câu đối thường gặp; Rèn luyện kỹ năng lý giải và thưởng thức văn bản Hán cổ thông qua nguyên tác.

Nắm vững và phân biệt được các loại hình di tích, thể loại văn bản trong Hán cổ, trong các khu di tích lịch sử và văn hoá.

Giúp người học viết báo cáo chuyên đề tại từng địa điểm học tập thực tế, thực địa mà đoàn đến học tập,... Giúp người học có năng lực làm việc, tổ chức hoạt động độc lập hoặc theo nhóm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1: Các vấn đề lý luận (4)

A. Lý thuyết.

1. Các vấn đề về văn bản học và các phương pháp nghiên cứu văn bản học.
2. Phương pháp sưu tầm, ghi chép, sao chụp các tác phẩm văn học

3. Phương pháp tiếp cận, giải mã các tác phẩm văn học
4. Cảm thụ tác phẩm thông qua nguyên tác
5. Phân biệt loại hình di tích
6. Phân biệt thể loại văn bản văn học
7. Kỹ năng phỏng vấn, truy vấn thông tin
8. Kỹ năng viết báo cáo, bài thu hoạch, báo cáo chuyên đề

B. Thảo luận, trao đổi.

1. Tính tối ưu và tính phù hợp trong phương pháp nghiên cứu cho từng đối tượng di tích.

2. Tính tối ưu và tính phù hợp trong phương pháp nghiên cứu cho từng tác phẩm.

3. Sự khác nhau, tính độc lập của các loại hình di tích

C. Tự học, tự nghiên cứu.

Đọc Tài liệu tham khảo:

- Vũ Cao Đàm (2005) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học và kỹ thuật.

- Trung Nguyên (2008) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giao thông vận tải

PHẦN 2. NỘI DUNG (36)

Chương 1. Hán Nôm (12)

A. Địa điểm thực địa – Nội dung học tập.

Tùy theo Kế hoạch học tập thực địa, thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà trong Kế hoạch học tập thực địa thực tế sẽ xây dựng cụ thể (tên địa điểm, nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm học tập Hán Nôm người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Nghe thuyết minh về di tích
2. Ghi chép lại các văn bản Hán – Nôm hiện đang được lưu giữ tại các di tích lịch sử - văn hóa, bao gồm: Hoành phi – câu đối, văn bia, tác phẩm văn học được ghi chép, khắc trực tiếp lên biển gỗ, đá, tường,...
3. Sao chụp lại các văn bản Hán Nôm để làm tư liệu học tập
4. Người học được tổ chức hướng giải mã, phiên âm – dịch nghĩa và giải đáp các vấn đề có liên quan đến các văn bản đã sưu tầm được.

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các tư liệu, tài liệu và kiến thức đã thu thập người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề riêng cho phần Hán Nôm. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về di tích
2. Viết, chép lại phần chữ Hán đã sưu tầm được tại địa điểm học tập thực tế.
3. Phiên âm, dịch nghĩa (có hướng dẫn) các văn bản Hán Nôm đã thu thập được.
4. Mỗi địa điểm, mỗi di tích viết được viết thành một mục riêng.
5. Ý nghĩa, giá trị của di tích, của các văn bản Hán Nôm.

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi địa điểm học tập thực tế, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn học thuật, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn hiệu quả hơn.

Chương 2. Văn học Trung đại Việt Nam (12)

A. Địa điểm thực địa – Nội dung học tập.

Tùy theo Kế hoạch học tập thực địa, thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà trong Kế hoạch học tập thực địa thực tế sẽ xây dựng cụ thể (tên địa điểm, nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm học tập Hán Nôm người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Nghe thuyết minh về di tích, nhà thờ, khu tưởng niệm.
2. Tại địa điểm học thực tế người học được nghe thuyết minh, thuyết trình, nói chuyện,... về tiểu sử, cuộc đời, tư tưởng và sự nghiệp văn chương của tác giả.
3. Ghi chép lại các sự kiện, nhân vật có liên quan đến di tích
4. Ghi chép lại các tác phẩm văn học hiện còn lưu giữ tại khu di tích, khu tưởng niệm,...
5. Suu tầm các tác phẩm có liên quan để làm tư liệu học tập

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các tư liệu, tài liệu và kiến thức đã thu thập người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề riêng cho phần Văn học Trung đại Việt Nam. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về di tích, về tác giả văn học, về các sự kiện lịch sử liên quan đến di tích.
2. Viết, chép lại một số tác phẩm văn học tiêu biểu đã sưu tầm được tại địa điểm học tập thực tế.
3. Phân tích, bình luận, đánh giá tác phẩm văn học dưới góc độ ngữ nghĩa, tư tưởng và giá trị.
4. Mỗi địa điểm, mỗi di tích viết được viết thành một mục riêng.
5. Ý nghĩa, giá trị của di tích, của các tác phẩm văn học.

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi địa điểm học tập thực tế, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn học thuật, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn hiệu quả hơn. Thông qua hoạt động này giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn về tác giả, về tư tưởng cũng như tính triết lý trong các tác phẩm văn học do tác giả sáng tác.

Chương 3. Văn học Việt Nam hiện đại (12)

A. Địa điểm thực địa – Nội dung học tập.

Tùy theo Kế hoạch học tập thực địa, thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà trong Kế hoạch học tập thực địa thực tế sẽ xây dựng cụ thể (tên địa điểm, nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm học tập Hán Nôm người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Người học được tham quan, học tập, nghe thuyết minh trực tiếp tại các di tích, khu tưởng niệm, đài tưởng niệm: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các di tích trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nghĩa trang liệt sĩ, các địa danh lịch sử,... có liên quan đến sự ra đời của các tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại.
2. Tại địa điểm học thực tế người học được nghe thuyết minh, thuyết trình, nói chuyện,... về tiểu sử, cuộc đời, tư tưởng và sự nghiệp văn chương của tác giả.
3. Ghi chép lại các sự kiện, nhân vật có liên quan đến di tích

4. Ghi chép lại các tác phẩm văn học hiện còn lưu giữ tại khu di tích, khu tưởng niệm,... các tác phẩm văn học có liên quan đến di tích

5. Suu tầm các tác phẩm có liên quan để làm tư liệu học tập

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các tư liệu, tài liệu và kiến thức đã thu thập người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề riêng cho phần Văn học Trung đại Việt Nam. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về di tích, về tác giả văn học, về các sự kiện lịch sử liên quan đến di tích.

2. Viết, chép lại một số tác phẩm văn học tiêu biểu đã sưu tầm được tại địa điểm học tập thực tế.

3. Phân tích, bình luận, đánh giá tác phẩm văn học dưới góc độ ngữ nghĩa, tư tưởng và giá trị.

4. Mỗi địa điểm, mỗi di tích viết được viết thành một mục riêng.

5. Ý nghĩa, giá trị của di tích, của các tác phẩm văn học.

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi địa điểm học tập thực tế, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn học thuật, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn hiệu quả hơn.

Thông qua nội dung học tập này giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn, sâu sắc hơn về tác phẩm văn học có liên quan cũng như có những hiểu biết sâu sắc về tinh thần của thời đại, của một giai đoạn lịch sử thông qua các địa điểm, địa danh mà người học tham gia học tập thực tế.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ, ít nhất đạt 80% số giờ lý thuyết, thảo luận và học tập thực địa tại điểm học tập có hướng dẫn của giảng viên, thuyết minh viên, phải làm bài tập cá nhân ở mỗi nội dung theo yêu cầu, có bài báo cáo hoặc bài thu hoạch khi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo hình thức cá nhân và theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; phương pháp học tập hiệu quả nhất. Trong từng buổi học tư vấn, giải đáp những thắc mắc phát sinh cho người học. Cuối mỗi nội dung học tập tại thực địa có tổng kết rút kinh nghiệm.

7. Trang thiết bị

Người học phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân như: bút, vở ghi, tài liệu, sách tham khảo.

Tại địa điểm học tập thực tế giảng viên liên hệ bố trí đầy đủ điều kiện học tập như: phòng học, bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, thảo luận hoặc nghe thuyết trình, thuyết minh,...

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 30%

- Bài thu hoạch, Báo cáo chuyên đề hết học phần: trọng số 70%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9. 1. Giáo trình, tài liệu tham khảo chính

1. Phương Lưu, *Phương pháp luận nghiên cứu văn học* 3. Các tài liệu, sách viết về các địa điểm học tập thực tế, Nxb ĐH Sư phạm, 2012

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* Nxb Khoa học và kỹ thuật, 2005

2. Phạm Viết Vượng, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, 1997

9.22. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO NGŨ VĂN

- **Số tín chỉ: 02 (5, 50)**

- **Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học, Tâm lí học.

1. Mô tả học phần.

Học phần là sự kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, giúp sinh viên nắm được những vấn đề khái quát, cơ bản, thời sự về hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông; sinh viên được tham gia thực hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và đánh giá việc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn.

Năng lực đạt được: sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản và trực tiếp tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn. Từ đó, sinh viên biết vận dụng kiến thức, kĩ năng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn cho học sinh ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm vững vị trí, mục tiêu, đặc điểm, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông nói chung và ở môn Ngữ văn nói riêng.

- Phân tích được vai trò của các thao tác cụ thể cần tiến hành khi thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn và ý nghĩa của từng thao tác trong toàn hoạt động.

- Biết cách tiến hành tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn theo từng chủ đề, phù hợp với từng đối tượng học sinh ở trường phổ thông.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Phát triển các kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp tài liệu và ví dụ thực tiễn về hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở trường phổ thông

- Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp, biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn vào thực tiễn lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch trong những tình huống cụ thể.

- Phát hiện, phân tích và giải quyết những tình huống thực tiễn đặt ra trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn.

- Có kĩ năng báo cáo chuyên đề sau mỗi hoạt động thực hành trải nghiệm sáng tạo, có năng lực làm việc, tổ chức hoạt động độc lập hoặc theo nhóm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Người học hứng thú, quan tâm, tích cực, sáng tạo trong học tập và thường xuyên tích lũy kiến thức chuyên ngành, rèn luyện các kĩ năng cơ bản của học phòng.

- Người học có nhu cầu tự học nâng cao trình độ để phát triển năng lực nghề nghiệp thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường giáo dục hiện đại.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1: Các vấn đề lý luận (5)

A. Lý thuyết

1. Một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

1.1. Quan niệm về hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

1.2. Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

1.3. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

1.4. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

1.5. Ý nghĩa của việc thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông

2. Quy trình lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn

2.1. Lựa chọn và xác định chủ đề hoạt động

2.2. Xác định mục tiêu giáo dục của hoạt động

2.3. Xác định nội dung chương trình và hình thức hoạt động

2.4. Chuẩn bị các điều kiện và nguồn lực cho hoạt động

2.5. Công bố hoạt động cho đối tượng tham gia

3. Đánh giá việc thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn

3.1. Mục đích của việc đánh giá

3.2. Nội dung và hình thức đánh giá

3.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá và thang đánh giá hoạt động

B. Thảo luận, trao đổi

1. So sánh môn học và hoạt động trải nghiệm sáng tạo?

2. Phân biệt khái niệm hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo dự thảo chương trình mới và khái niệm hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đã được sử dụng nhiều năm qua?

3. Vai trò của người giáo viên môn Ngữ văn trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo?

C. Tự học, tự nghiên cứu

Đọc Tài liệu tham khảo:

- Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên) (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, H.

- Nguyễn Thị Liên (Chủ biên) (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam, H.

PHẦN 2. NỘI DUNG (50)

Chương 1. Điền dã, tham quan thực tế (13)

A. Nội dung học tập

Tùy theo Kế hoạch học tập thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà Kế hoạch tham quan, điền dã sẽ xây dựng cụ thể (tên địa điểm, nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học

tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm tham quan, điền dã, người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Chia thành các nhóm và phân công nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm.
2. Tiến hành tham quan, nghiên cứu:
 - Tham quan theo sự chỉ dẫn của hướng dẫn viên.
 - Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đã được phân công bằng việc sử dụng các công cụ nghiên cứu đã thiết kế (phỏng vấn người dân, quan sát, ghi chép, phân tích, tổng hợp thông tin, quay phim, chụp ảnh,...)
3. Chia sẻ, thảo luận, giải đáp thắc mắc, đánh giá công việc của các nhóm.

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các tư liệu, tài liệu và kiến thức đã thu thập người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về địa điểm đi tham quan, điền dã.
2. Trình bày được kết quả nghiên cứu thu được sau chuyến tham quan, điền dã.
3. Ý nghĩa của việc tham quan, điền dã.

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi chuyến tham quan, điền dã, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn hiệu quả hơn.

Chương 2. Sân khấu kịch tương tác (13)

A. Nội dung hoạt động

Tùy theo Kế hoạch học tập thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà Kế hoạch học tập sẽ xây dựng cụ thể (nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm thực hành trải nghiệm sân khấu kịch tương tác, người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Xác định mục tiêu, nội dung chương trình và các hình thức hoạt động.
2. Chia thành các nhóm và phân chia nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm: Chuẩn bị các điều kiện vật chất (dự trù kinh phí, xác định địa điểm tổ chức, trang phục biểu diễn, bài trí sân khấu,...), xây dựng kịch bản, đạo diễn, điều phối thảo luận, tổ chức quản lí chương trình, tập dượt diễn xuất và trình diễn trên sân khấu.
3. Chia sẻ, thảo luận, giải đáp thắc mắc, đánh giá công việc của các nhóm.

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các trải nghiệm có được sau khi biểu diễn vở kịch tương tác, người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về nội dung, chủ đề của sân khấu kịch tương tác
2. Trình bày những kết quả thu nhận được sau buổi biểu diễn sân khấu kịch tương tác.
3. Ý nghĩa của việc tham gia sân khấu kịch tương tác

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi dịp tổ chức sân khấu kịch tương tác, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn, hiệu quả hơn. Thông qua hoạt động này giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn về các chủ đề văn học được giảng dạy trong nhà trường.

Chương 3. Hội thi (12)

A. Nội dung hoạt động

Tùy theo Kế hoạch học tập thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà Kế hoạch học tập sẽ xây dựng cụ thể (nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm thực hành tổ chức hội thi, người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Xác định mục tiêu, nội dung chương trình và các hình thức hoạt động
2. Chia thành các nhóm và phân chia nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:
 - Xây dựng thể lệ cuộc thi, nội dung yêu cầu cụ thể cho mỗi phần thi.
 - Xây dựng câu hỏi, đáp án cho Ban tổ chức cuộc thi.
 - Lựa chọn đội thi trên tinh thần tự nguyện, công bằng, khách quan; công bố thể lệ cho người tham gia.
 - Chuẩn bị các điều kiện vật chất (dự trù kinh phí, xác định địa điểm tổ chức, micro, máy tính, máy chiếu, phòng sân khấu,...)
 - Điều khiển hội thi và hỗ trợ quá trình diễn ra hội thi.
3. Chia sẻ, thảo luận, giải đáp thắc mắc, đánh giá công việc của các nhóm.

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các trải nghiệm có được sau khi tổ chức hội thi, người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về mục đích, nội dung, chủ đề của hội thi.
2. Trình bày những kết quả thu nhận được sau buổi tổ chức hội thi.
3. Ý nghĩa của việc tham gia hội thi.

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi dịp tổ chức hội thi, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn, hiệu quả hơn. Thông qua hoạt động này giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn về các chủ đề văn học được giảng dạy trong nhà trường.

Chương 4. Hội thảo (12)

A. Nội dung hoạt động

Tùy theo Kế hoạch học tập thực tế từng năm, từng khóa do Bộ môn xây dựng, được sự đồng ý của Nhà trường mà Kế hoạch học tập sẽ xây dựng cụ thể (nội dung học tập, hoạt động, thời gian học tập, kết quả học tập,...). Tuy nhiên tại mỗi địa điểm thực hành tổ chức hội thảo, người học sẽ thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể sau:

1. Xác định mục tiêu, nội dung, tiêu chí của hội thảo.
2. Chia thành các nhóm và phân chia nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:
 - Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo: dự kiến thời gian tổ chức, thời hạn nộp bài, giới hạn số trang, định dạng bài viết,...
 - Thông báo tổ chức hội thảo, kêu gọi viết bài (cách thức nhận bài, cách thức liên lạc với Ban tổ chức hội thảo).
 - Viết bài tham gia hội thảo, đáp ứng đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của Ban tổ chức hội thảo.
 - Nhận bài viết, tổng hợp, gửi tới các chuyên gia phản biện, thông báo lịch trình báo cáo tới các báo cáo viên.
 - Chuẩn bị các điều kiện vật chất (dự trù kinh phí, xác định địa điểm tổ chức, micro, máy tính, máy chiếu, phòng sân khấu,...)
 - Điều khiển hội thảo và hỗ trợ quá trình diễn ra hội thảo.

3. Chia sẻ, thảo luận, giải đáp thắc mắc, đánh giá công việc của các nhóm.

B. Viết báo cáo chuyên đề

Dựa trên các trải nghiệm có được sau khi tổ chức hội thảo, người học thực hiện viết báo cáo chuyên đề. Yêu cầu người viết báo cáo phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Giới thiệu tổng quan về mục đích, nội dung, tiêu chí của hội thảo.
2. Trình bày những kết quả thu nhận được sau buổi tổ chức hội thảo.
3. Ý nghĩa của việc tham gia hội thảo.

C. Rút kinh nghiệm

Sau mỗi dịp tổ chức hội thảo, sẽ có tổ chức trao đổi các vấn đề liên quan đến chuyên môn, trong đó việc tổng kết rút kinh nghiệm giúp cho việc học tập tốt hơn hiệu quả hơn. Thông qua hoạt động này giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn về các chủ đề văn học được giảng dạy trong nhà trường.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ, ít nhất đạt 80% số giờ lý thuyết, thảo luận và học tập thực địa tại điểm học tập có hướng dẫn của giảng viên, thuyết minh viên, phải làm bài tập cá nhân ở mỗi nội dung theo yêu cầu, có bài báo cáo hoặc bài thu hoạch khi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo hình thức cá nhân và theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; phương pháp học tập hiệu quả nhất. Trong từng buổi học tư vấn, giải đáp những thắc mắc phát sinh cho người học. Cuối mỗi nội dung học tập tại thực địa có tổng kết rút kinh nghiệm.

7. Trang thiết bị

Người học phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân như: bút, vở ghi, tài liệu, sách tham khảo.

Tại địa điểm học tập thực tế giảng viên liên hệ bố trí đầy đủ điều kiện học tập như: phòng học, bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, thảo luận hoặc nghe thuyết trình, thuyết minh,...

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 30%
- Bài thu hoạch, Báo cáo chuyên đề hết học phần: trọng số 70%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình, tài liệu tham khảo chính

1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Minh Hạnh (2007), Tổ chức dạy học môn hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường CĐSP: Sách trợ giúp giảng viên CĐSP, Nxb ĐHSP.
2. Lê Thị Phương (Chủ biên), 2020, *Cẩm nang hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

10.23. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC VÀ NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT

- Số tín chỉ: 2(18,20,4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, Khoa Khoa học xã hội,

trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức lý thuyết chung, khái quát về ngôn ngữ như: bản chất, chức năng của ngôn ngữ; mối quan hệ ngôn ngữ - tư duy; hệ thống và các cấp độ, các đơn vị của ngôn ngữ; và những kiến thức cơ sở của ngữ âm học và ngữ âm học tiếng Việt; đặc điểm của âm tiết tiếng Việt, các hệ thống âm vị trong tiếng Việt: hệ thống âm đầu, hệ thống âm đệm, hệ thống âm chính, hệ thống âm cuối và hệ thống thanh điệu; tiêu chí nhận diện, quy luật phân bố, quy luật biến dạng cũng như thể hiện bằng chữ viết của các âm vị làm thanh điệu, âm đầu, âm đệm, âm chính và âm cuối trong tiếng Việt.

Năng lực đạt được: Học phần rèn luyện cho sinh viên các thao tác phân tích, nghiên cứu, xử lý các vấn đề của thực tiễn ngôn ngữ, của ngữ âm tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng kết hợp âm vị trong cấu tạo âm tiết và phân tích cấu trúc âm tiết tiếng Việt, xác định âm vị tiếng Việt, vận dụng các kiến thức của môn học vào cuộc sống, công việc và hướng tới nghiên cứu.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, sinh viên có hiểu biết một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của ngôn ngữ, về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của ngôn ngữ; về đặc điểm và cấu tạo của âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt, hệ thống chữ viết và chuẩn chính tả tiếng Việt, vận dụng các kiến thức của môn học vào cuộc sống, công việc và hướng tới nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề về ngôn ngữ nói chung.

- Sinh viên có kỹ năng nhận diện và phân tích đặc điểm của các âm, các thanh và các kết hợp âm thanh trong tiếng Việt

- Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức về Ngữ âm tiếng Việt để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ

- Sinh viên có kỹ năng nói, viết bằng tiếng Việt đúng chuẩn.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên hiểu được đặc trưng rất riêng của âm tiết tiếng Việt và cảm nhận được tính nhạc trong âm tiết tiếng Việt.

- Từ những hiểu biết trong môn học về những vấn đề dẫn luận ngôn ngữ, sinh viên có thái độ tôn trọng và trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát triển ngôn ngữ nói chung.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

CHƯƠNG 1. NGÔN NGỮ VÀ NGÔN NGỮ HỌC (3,3)

1. Khái niệm ngôn ngữ và ngôn ngữ học

2. Bản chất của ngôn ngữ

3. Chức năng của ngôn ngữ

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGỮ ÂM, TỪ VỰNG, NGỮ PHÁP (4,8)

1. Ngữ âm

1.1. Khái niệm

1.2. Đơn vị ngữ âm

2. Từ vựng
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Đơn vị từ vựng
3. Ngữ pháp
 - 3.1. Ý nghĩa ngữ pháp
 - 3.2. Phương thức ngữ pháp
 - 3.3. Phạm trù ngữ pháp
 - 3.4. Quan hệ ngữ pháp
 - 3.5. Đơn vị ngữ pháp

PHẦN II: NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT

CHƯƠNG 1. ÂM TIẾT TIẾNG VIỆT (3, 6)

1. Khái niệm âm tiết
2. Đặc điểm của âm tiết tiếng Việt
3. Phân loại âm tiết tiếng Việt

CHƯƠNG 2. HỆ THÔNG ÂM VỊ TIẾNG VIỆT (5, 10)

1. Âm đầu
 - 1.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng
 - 1.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết
 - 1.3. Âm đầu trong phương ngữ, thổ ngữ
2. Âm đệm
 - 2.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng
 - 2.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết
 - 2.3. Âm đệm trong phương ngữ, thổ ngữ
3. Âm chính
 - 3.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng
 - 3.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết
 - 3.3. Âm chính trong phương ngữ, thổ ngữ
4. Âm cuối
 - 4.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng
 - 4.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết
 - 4.3. Âm cuối trong phương ngữ, thổ ngữ
5. Thanh điệu
 - 5.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng
 - 5.2. Số lượng và sự thể hiện
 - 5.3. Thanh điệu trong phương ngữ, thổ ngữ

CHƯƠNG 3. CHỮ VIẾT VÀ CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT (3, 9)

1. Vấn đề chữ viết tiếng Việt
 - 1.1. Chức năng của chữ viết
 - 1.2. Sự ra đời của chữ quốc ngữ
 - 1.3. Nhận xét về hệ thống chữ viết đang dùng
 - 1.4. Vấn đề cải tiến chữ viết hiện nay
2. Vấn đề chính tả tiếng Việt
 - 2.1. Chính âm – chính tả và vấn đề chuẩn hoá tiếng Việt
 - 2.2. Chuẩn chính tả

- 2.2.1. Nguyên tắc kết hợp chính tả tiếng Việt
- 2.2.2. Quy tắc viết hoa hiện hành
- 2.2.3. Quy tắc viết tên riêng và thuật ngữ nước ngoài
- 2.3. Lỗi chính tả

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành/bài tập (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành / bài tập theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, Dẫn luận ngôn ngữ học, Nxb Giáo dục, 2008.

9.2. Sách tham khảo:

- 1. Nguyễn Thiện Giáp, Giáo trình ngôn ngữ học, Nxb ĐHQG HN, 2008
- 2. Bùi Minh Toán, Tiếng Việt Đại cương - Ngữ âm: Giáo trình CĐSP, Nxb ĐHSP HN, 2006

10.24. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH/ENGLISH FOR LINGUISTICS AND LITERATURE

- **Course code:**
- **Credit:** 4 (36; 48; 180)
- **Department in charge:**
- **Prerequisites:**

1. Course Description:

This course includes basic and general knowledge of Linguistics and Literature. In detail, they are some terminologies and definitions belong to phonetics, lexicology, grammar, stylistics; some basic terminologies and definitions of literary theory and literary history. In this course, the content of lessons and exercises, that is built along with the content of subjects in terms of linguistics, literary theory and literary history.

2. Course Objectives

2.1. About knowledge: After completing this course,

- Students can understand some basic terminologies and definitions of Linguistics and Literature, including linguistics, literary theory and literary history in English.
- Students can have vocabularies to read and understand basic literary knowledge in English.

2.2. About skills: After completing this course, Students can gain some skills of reading- understanding of works, researches and criticisms in Linguistics and Literature.

2.3. About attitude:

This course forms attitude of reading and referring materials relevant to Linguistics and Literature such as books, magazines in English

3. Course Content

Chapter 1. Terminologies, definitions of linguistics

1. Terminologies, definitions of linguistics of Phonetics
2. Terminologies, definitions of linguistics of Lexicology
3. Terminologies, definitions of linguistics of Grammar
4. Terminologies, definitions of linguistics of Stylistics
5. Terminologies, definitions of linguistics of Pragmatics

Chapter 2. Folklore

1. Definition of folklore
2. Understand and translate materials about basic features of folklore
3. Understand and translate materials about genres of folklore
4. Understand and summarize some folktales in English

Chapter 3. What is literature?

1. Understand and translate definitions of literature
2. Watch clips of introducing literature
3. Main terminologies: theme, plot, character, setting, point of view, moral, inspiration, symbol, etc.
4. Exercises: Analyzing elements of literary works (belong to different literary works)

Chapter 4. Work of literature

1. Introduction of typical authors and works
2. Understand and translate about some authors
3. Understand and translate about some works of literature
4. Exercises: Write a paragraph or an essay to introduce about authors and works in English.

Chapter 5. Genre of literature

1. Overall about genres of literature
2. Understand and translate materials about poetry
3. Understand and translate materials about fiction
4. Understand and translate materials about nonfiction
5. Understand definitions about drama
6. Watch clips introducing about genres of literature

Chapter 6. Literary epochs and literary movements

1. Definitions of *literary epochs* and *literary movements*
2. Understand and translate materials about literary epochs and literary movements (Reading 1)
3. Understand and translate materials about literary epochs and literary movements (Reading 2)

4. Understand and translate materials about literary epochs and literary movements (Reading 3)

4. Requirements

Students must attend at least 80% of the theoretical lectures, attend discussion session (with the instructor's guidance), complete the essay, take both full midterm exam and final exam.

5. Teaching Method: Lecture, discussion, work in groups.

6. Consulting plan: In the teaching process, lecturers are responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module instructor must make at least a meeting to answer students' questions and problems.

7. Equipments

- The classrooms are large enough to be divided into discussion groups with sufficient means: tables, projectors, computers to practice presentations.
- Full study materials at the library.

8. Grading

- Regular inspection and assessment: 30%.
- Mid-term examination and evaluation: 20%
- Final examination and evaluation: 50%.

Score scale: 10

9. Tài liệu tham khảo

1. Robert DiYanni (2007), *Literature: Reading Fiction, Poetry, Drama, and the Essay*, McGraw-Hill.
2. Andrew Bennett and Nicholas Royle (2004), *Introduction to Literature, Criticism and Theory*, Pearson Education Limited.
3. Ashe R.E (1994), *Encyclopedia of language and linguistics*, Pergamon Press.
4. Katie Wales (1989), *The dictionary of stylistic*, Longman Group UK Limited.

10.25. TÁC PHẨM VÀ THỂ LOẠI VĂN HỌC

Mã học phần : 122040

Số tín chỉ : 02 (18,24,90)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lí luận VH & PPDH Ngữ văn

Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, quá trình hình thành, đặc trưng các thể loại văn học, quan niệm về thể loại qua những thời đại khác nhau; tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản những chủ đề, đề tài, giọng điệu trong thơ trữ tình, vấn đề nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện trong tác phẩm tự sự.

Năng lực đạt được: SV vận dụng được kiến thức lý luận văn học vào thưởng thức, nghiên cứu, giảng dạy các hiện tượng văn học cụ thể, kỹ năng phát hiện các vấn đề trong đời sống văn học.

2. Mục tiêu cần đạt

2.1. Về kỹ năng

- Kỹ năng đọc, nghiên cứu các tác phẩm văn học cụ thể, sinh viên biết vận dụng kiến thức để khám phá, để tìm hiểu và từng bước tập sự nghiên cứu, phê bình văn học. Tổ chức tăng nhóm học tập, thảo luận, tranh luận những tác phẩm văn học đang được dư luận chú ý.

- Kỹ năng tự học, tranh luận, làm việc nhóm.

2.2. Mục tiêu thái độ

SV học tập, tự nhiên cứu nghiêm túc, thảo luận, đánh giá các tác phẩm văn học và tác giả với thái độ khách quan, khoa học, có lý luận và thực tiễn, bước đầu đưa ra được nhận định cá nhân.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I:

PHƯƠNG THỨC TỒN TẠI CỦA VĂN BẢN VĂN HỌC – VĂN BẢN VÀ TÁC PHẨM (2, 2)

I. Khái niệm về tác phẩm văn học và phương thức tồn tại của nó

II. Các quan niệm khác nhau về tác phẩm

1. Quan niệm truyền thống

2. Quan niệm hình thức chủ nghĩa và cấu trúc chủ nghĩa về tác phẩm văn học

3. Quan niệm tác phẩm văn học của mỹ học tiến nhận, hiện tượng luận và hậu cấu trúc

III. Khái niệm văn bản văn học như là cơ sở của tác phẩm văn học

1. Sự phân biệt giữa văn bản văn học và tác phẩm văn học

2. Đặc trưng của văn bản văn học

3. Tính cấu trúc của hình tượng văn học

4. Sự thống nhất giữa nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học

IV. Cấu trúc của văn bản văn học và tính quá trình của tác phẩm văn học

1. Cấu trúc của văn bản văn học.

2. Tính quá trình của tác phẩm văn học.

CHƯƠNG II – NGÔN TỪ VĂN HỌC (2, 3)

I. Khái niệm ngôn từ văn học

II. Đặc trưng ngữ âm, ngữ nghĩa của ngôn từ văn học

1. Đặc trưng ngữ âm

2. Đặc trưng ngữ nghĩa

3. Ngữ cảnh và ngữ nghĩa trong văn học.

III. Đặc trưng từ ngữ câu văn và văn bản ngôn từ văn học

1. Từ ngữ và ý tượng

2. Câu văn và đoạn văn

3. Văn bản nghệ thuật

IV. Các biện pháp nghệ thuật của văn bản văn học

1. Trữ thuật

2. Miêu tả

3. Trữ tình

4. Nghị luận

CHƯƠNG 3.

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT, SỰ KIỆN, CỐT TRUYỆN VÀ TRẦN THUẬT (2, 2)

I. Thế giới nghệ thuật

1. Khái niệm thế giới nghệ thuật
2. Các yếu tố của thế giới nghệ thuật
 - a. Không gian nghệ thuật
 - b. Thời gian nghệ thuật
 - c. Không gian – thời gian

II. Khái niệm sự kiện, cốt truyện và truyện

1. Sự kiện (biến cố)
 2. Cốt truyện và truyện kể
 3. Cấu trúc của cốt truyện
 4. Các yếu tố khác của truyện kể
- ## III. Trần thuật và các yếu tố của trần thuật
1. Người kể chuyện, ngôi trần thuật và vai trần thuật
 2. Điểm nhìn trần thuật
 3. Lượng thuật
 4. Dựng cảnh và miêu tả chân dung
 5. Phân tích và bình luận
 6. Giọng điệu

CHƯƠNG 4. NHÂN VẬT VĂN HỌC (2, 3)

I. Nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm

1. Khái niệm nhân vật và cấu trúc nhân vật
2. Nhân vật: phương tiện tư duy hiện thực và định hướng giá trị con người.

II. Loại hình nhân vật văn học

1. Nhân vật chính, phụ, trung tâm
2. Nhân vật chính diện và nhân vật phản diện
3. Một số kiểu cấu trúc nhân vật
 - a. Nhân vật chức năng
 - b. Nhân vật loại hình
 - c. Nhân vật tính cách
 - d. Nhân vật tư tưởng
 - e. Nhân vật ngụ ngôn

III. Các phương thức, phương tiện và biện pháp thể hiện nhân vật.

CHƯƠNG 5. KẾT CẤU TÁC PHẨM VĂN HỌC (2, 3)

I. Khái niệm kết cấu tác phẩm

1. Kết cấu và lịch sử khái niệm
2. Kết cấu: phương tiện biểu hiện đạt ý nghĩa nghệ thuật
3. Các bình diện và cấp độ kết cấu

II. Các bình diện kết cấu bề mặt.

1. Hệ thống hình tượng nhân vật
 2. Kết cấu cốt truyện
 3. Kết cấu văn bản ngôn ngữ
 - a. Bố cục và các thành phần của trần thuật
 - b. Tổ chức điểm nhìn trần thuật
- ### III. Kết cấu bề sâu của văn bản

1. Yếu tố bề sâu của kết cấu
2. Cấu trúc bề sâu và ý nghĩa của tác phẩm

CHƯƠNG 6. NỘI DUNG VÀ Ý NGHĨA TÁC PHẨM (2, 3)

- I. Vấn đề nội dung và ý nghĩa tác phẩm
 1. Khái niệm nội dung và ý nghĩa tác phẩm
 2. Ý nghĩa văn hóa của tác phẩm
 3. Cội nguồn ý nghĩa của văn bản
- II. Đề tài, chủ đề và tư tưởng tác phẩm
 1. Đề tài tác phẩm
 2. Chủ đề tác phẩm
 3. Tư tưởng tác phẩm
 - a. Sự lý giải chủ đề
 - b. Cảm hứng tư tưởng
 - c. Tính đa nghĩa của chủ đề và tư tưởng
- III. Ý nghĩa thẩm mỹ của tư tưởng văn học
 1. Ý nghĩa thẩm mỹ của tác phẩm văn học: Khát vọng vươn lên của con người.
 2. Sự phong phú về ý nghĩa thẩm mỹ của tác phẩm.

CHƯƠNG 7. THỂ LOẠI TÁC PHẨM VĂN HỌC (2, 3)

- I. Khái niệm thể loại và sự phân chia thể loại.
 1. Thể loại: hình thức chính thể của tác phẩm
 2. Sự hình thành và phát triển thể loại
 3. Tính quy luật loại hình của thể loại
- II. Sự phân loại văn học và phân chia thể loại tác phẩm văn học.
 1. Sự phân loại Văn học
 - a. Truyền thống “chia ba” của phương Tây
 - b. Truyền thống “chia bốn” của Trung Quốc
 - c. Cách phân loại ở Việt Nam
 - d. Các cách chia khác
 2. Sự phân chia thể loại tác phẩm Văn học
 3. Thể loại và tên gọi thể loại
 - + Thể loại
 - + Tên gọi thể loại
- III. Ý nghĩa của thể loại Văn học
 1. Ý nghĩa của thể loại đối với sáng tác
 2. Ý nghĩa của thể loại đối với phê bình, nghiên cứu và thưởng thức Văn học

CHƯƠNG 8: THƠ CA (2, 3)

- I. Khái niệm chung về thơ ca
- II. Đặc trưng của thơ
 1. Đặc trưng nội dung của thơ
 - a. Thơ là sự bộc lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức
 - b. Thơ – nghệ thuật của trí tưởng tượng
 - c. Tính cá thể hóa của tình cảm trong thơ
 - d. Chất thơ của thơ

2. Đặc trưng hình thức của thơ
 - a. Thơ biểu hiện bằng biểu tượng, ý tượng
 - b. Cấu tạo đặc biệt của ngôn từ thơ

II. Phân loại thơ

1. Thơ trữ tình và thơ tự sự
 - a. Thơ trữ tình
 - b. Thơ tự sự
 - c. Thơ kịch
2. Luật thơ và thơ tự do
 - a. Luật thơ và một số thể thơ luật cơ bản
 - + Thất ngôn bát cú
 - + Tứ tuyệt
 - + Lục bát
 - + Song thất lục bát
 - b. Thơ tự do
3. Thơ văn xuôi

IV. Tổ chức của tác phẩm thơ trữ tình

1. Nhan đề bài thơ
2. Dòng thơ và câu thơ
3. Khổ thơ và đoạn thơ
4. Bài thơ và tứ thơ
5. Kết cấu bài thơ

CHƯƠNG 9. TRUYỆN VÀ TIỂU THUYẾT (2, 3)

I. Khái niệm chung về truyện và tiểu thuyết

1. Các thuật ngữ truyện thông đến tiểu thuyết hiện đại
2. Từ truyện truyền thống đến tiểu thuyết hiện đại

II. Đặc trưng của tiểu thuyết

1. tiểu thuyết so với các thể loại khác.
2. Hình thức của tiểu thuyết.

III. Các thể loại truyện và tiểu thuyết

1. Phân biệt truyện và tiểu thuyết theo hình thức và dung lượng.
 - a. Truyện ngắn
 - b. Truyện vừa
 - c. Tiểu thuyết chương hồi
2. Phân chia thể loại theo nội dung đề tài.
 - a. Truyện và tiểu thuyết hiệp sĩ
 - b. Truyện và tiểu thuyết kinh dị
 - c. Truyện và tiểu thuyết trinh thám
 - d. Truyện và tiểu thuyết lịch sử - xã hội
 - e. Truyện và tiểu thuyết luận đề
 - f. Tiểu thuyết tâm lý và tiểu thuyết tự nguyện

CHƯƠNG 10. VĂN HỌC KỊCH (2, 3)

I. Khái niệm chung về văn học kịch

1. Văn học kịch (kịch bản) bộ phận hợp thành của nghệ thuật sân khấu
2. Kịch bản là một thể loại văn học.

II. Đặc trưng thể loại.

1. Kịch tính và đặc trưng nổi bật nhất.
2. Vai trò của cốt truyện kịch
3. Tính chất xác định của tính cách là đặc điểm cơ bản của nhân vật kịch
4. Vai trò của lời thoại kịch

III. Phân loại kịch

1. Bi kịch
2. Hài kịch
3. Chính kịch

CHƯƠNG 11 – KÝ VĂN HỌC (2, 3)

I. Khái niệm chung về văn học ký văn học

1. Ký loại hình văn học có nhiều biến thể
2. Ký là loại hình văn học trung gian

II. Đặc trưng trung của loại hình ký văn học

1. Ký là sự can dự trực tiếp của nghệ thuật vào đời sống xã hội
2. Ký thông tin chính xác về cuộc sống
3. Ký với khoảng cách thời gian sự kiện và thời gian trần thuật
4. Ký kết hợp kinh hoạt các phương thức tự sự, trữ tình và chính luận

III. Phân loại các thể ký

1. Ký sự
2. Phóng sự
3. Nhật ký, hồi ký
4. Bút ký, tùy bút
5. Du ký, tản văn

CHƯƠNG 12 THỂ LOẠI CHÍNH LUẬN (2, 3)

I. Khái niệm chung về thể loại chính luận

1. Về khái niệm chính luận và nghị luận
2. Nội dung và phương pháp lập luận
3. Phạm vi của văn nghị luận và chính luận
4. Tác dụng xã hội của văn chính luận

II. Đặc điểm của thể loại chính luận

1. Chức năng của văn học chính luận
2. Đặc điểm phong cách chính luận

III. Phẩm chất cơ bản của tác phẩm chính luận

1. Thể hiện tư tưởng sâu sắc và tiến bộ
2. Kết hợp giữa cảm hứng trữ tình và châm biếm
3. Sự chặt chẽ, linh hoạt, sáng tạo trong lập luận
4. Các dạng thức lập luận cơ bản

CHƯƠNG 13-MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC TRUNG ĐẠI (2, 3)

I. Khái niệm chung

1. Sự hình thành và phát triển
2. Tính đa chức năng
3. Tính quy phạm và ước lệ

II. Một số thể loại văn học trung đại

1. Một số hình thức thơ cổ điển
 - a. Thơ lục bát; b. Thơ song thất lục bát; c. Thơ cổ phong; d. Thơ luật Đường
2. Thể phú; 3. Cáo, chiếu, hịch; 4. Thư, luận; 5. Ngâm khúc; 6. Hát nói; 7.

Truyện nôm; 8. Truyện truyền kỳ.

A. Học liệu bắt buộc

1. Phương Lưu (Chủ biên), La Khắc Hoà, Phùng Ngọc Kiêm, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học, tập 2 Tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2008.

B. Học liệu tham khảo

1. Phương Lưu (Chủ biên) Nguyễn Trọng Nghĩa, La Khắc Hoà, Lê Lưu Anh, *Lý luận văn học, tập 1, Văn học, nhà văn, bạn đọc*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2009

2. Hà Minh Đức (Chủ biên), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H, 2012. Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2008.

6. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

7. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

10.26. VĂN HỌC, NHÀ VĂN, BẠN ĐỌC

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LLVH&PPDH Văn – Tiếng Việt, khoa Khoa học xã hội, Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: gồm những kiến thức tổng quát, cơ bản về lý luận văn học (đặc trưng của văn học, quan hệ của văn học với thực hiện, chức năng và tính khuynh hướng của văn học, quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học...); các nguyên lý tổng quát và nội hàm các khái niệm của lý luận văn học (tư duy nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, điển hình hoá,...).

Năng lực đạt được: SV vận dụng được kiến thức lý luận văn học vào thưởng thức, nghiên cứu, giảng dạy các hiện tượng văn học cụ thể, kỹ năng phát hiện các vấn đề trong đời sống văn học.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững các phạm trù lý luận cơ bản về bản chất, đặc trưng của văn học.

Nắm vững các khái niệm văn học, nhà văn, bạn đọc, quá trình hình thành và phát triển của văn học, mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật khác, mối quan hệ giữa ba nhân tố chính của đời sống văn học là văn học – nhà văn – người tiếp nhận.

- Hiểu được các quy luật vận động, nguồn gốc của văn học – nghệ thuật, các khuynh hướng, trào lưu văn học, phương pháp sáng tác, sự khác nhau trong phương pháp sáng tác văn học của văn học Phương Tây và Phương Đông.

- Hiểu rõ sự hình thành các chủ nghĩa văn học ở Phương Tây và Phương Đông.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận văn học, người học từng bước hình thành cho mình vốn kiến thức về văn học, nhà văn và bạn đọc.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận văn học vào việc tiếp cận các vấn đề văn học trong việc nghiên cứu, thưởng thức và giảng dạy văn học.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

SV hứng thú vận dụng kiến thức môn học vào quá trình nghiên cứu nhà văn và tiếp nhận tác phẩm văn học.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 – VĂN HỌC – HÌNH THÁI Ý THỨC XÃ HỘI THẨM MĨ

1. Đối tượng đặc trưng của văn học
2. Tình cảm xã hội – thẩm mỹ trong văn học
3. Hình tượng nghệ thuật

CHƯƠNG 2 – VĂN HỌC VỚI HIỆN THỰC

1. Phản ánh với nhận thức
2. Phản ánh với biểu hiện
3. Phản ánh với sáng tạo
4. Phản ánh với tác động

CHƯƠNG 3 – VĂN HỌC, GƯƠNG MẶT CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC

1. Vị trí của văn học trong văn hóa
2. Tính chất dân tộc, từ thuộc tính đến phẩm chất của văn học
3. Tính dân tộc qua các yếu tố của tác phẩm văn học
4. Các mối tương quan hai chiều lịch sử và nhân loại của tính dân tộc trong văn học

CHƯƠNG 4 – VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

1. Đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ
2. Văn học với các loại hình nghệ thuật khác

CHƯƠNG 5 – CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

1. Đa dạng mà thống nhất trong chức năng văn học
2. Một số phương diện cơ bản của chức năng văn học
3. Đối sánh với các loại hình nghệ thuật nghe nhìn về mặt chức năng

CHƯƠNG 6 – NHÀ VĂN, CHỦ THỂ SÁNG TÁC VĂN HỌC

1. Tư chất nghệ sĩ của nhà văn
2. Một số tiền đề của tài năng văn học
3. Phương phướng củng cố và phát triển của tài năng
4. Những chặng đường chung nhất của một đời văn
5. Đặc điểm của nữ văn sĩ

CHƯƠNG 7 – TƯ DUY NGHỆ THUẬT CỦA NHÀ VĂN

1. Tư duy hình tượng là cơ sở của tư duy nghệ thuật
2. Thể nghiệm trong tư duy nghệ thuật
3. Logic đa trị mơ hồ trong tư duy nghệ thuật
4. Trực giác trong tư duy nghệ thuật

1. Phương Lưu (Chủ biên), La Khắc Hoà, Phùng Ngọc Kiêm, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học, tập 2 Tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2008.

5. Vô thức trong tư duy nghệ thuật

CHƯƠNG 8 – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO

1. Từ rung động đến sáng tạo

2. Các khâu sáng tác

CHƯƠNG 9 – BẠN ĐỌC, CHỦ THỂ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

1. Những quan niệm về sự tiếp nhận của người đọc

2. Vai trò của người đọc trong hoạt động văn học

3. Các loại người đọc

CHƯƠNG 10 – QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN

1. Khởi điểm của tiếp nhận văn học

2. Diễn biến của tiếp nhận văn học

3. Hiệu quả của tiếp nhận văn học

CHƯƠNG 11 – PHÊ BÌNH VĂN HỌC, MỘT LOẠI TIẾP NHẬN ĐẶC BIỆT

1. Loại tiếp nhận mang tính chất khoa học đối với trình độ phát triển cao của văn học

2. Nhân tố tác động và tổ chức quá trình văn học

3. Một số vấn đề phương pháp luận phê bình văn học

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu học tập

9.1. tài liệu bắt buộc:

1. Phương Lưu (Chủ biên), La Khắc Hoà, Phùng Ngọc Kiêm, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học, tập 2 Tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2008.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Phương Lưu (Chủ biên) Nguyễn Trọng Nghĩa, La Khắc Hoà, Lê Lưu Anh, *Lý luận văn học, tập 1*, Văn học, nhà văn, bạn đọc, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2009
2. Hà Minh Đức (Chủ biên), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H, 2012.

10.27. TIẾN TRÌNH VĂN HỌC

- Số tín chỉ: 02 (18, 20, 4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LLVH&PPDH Ngữ văn, khoa Khoa học xã hội, Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Tác phẩm và thể loại văn học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm, phạm trù của tiến trình văn học làm cơ sở cho việc tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử.

Năng lực đạt được: SV có năng lực nhìn nhận văn học trong sự vận động và trong các mối quan hệ biện chứng; bước đầu biết liên hệ, phân tích các mối quan hệ của văn học trong tiến trình lịch sử; kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận văn học vào thưởng thức, nghiên cứu, giảng dạy các hiện tượng văn học cụ thể, kỹ năng phát hiện các vấn đề trong đời sống văn học.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững Khái niệm, phạm trù, thuật ngữ của tiến trình văn học làm cơ sở cho việc tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử.

- Hiểu được các quy luật vận động, nguồn gốc của văn học – nghệ thuật, các khuynh hướng, trào lưu văn học, phương pháp sáng tác, sự khác nhau trong phương pháp sáng tác văn học của văn học Phương Tây và Phương Đông.

- Hiểu rõ cơ sở của sự hình thành các chủ nghĩa văn học ở Phương Tây và Phương Đông.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận văn học, người học từng bước hình thành cho mình vốn kiến thức về Tiến trình văn học.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận văn học vào việc tiếp cận các vấn đề văn học trong việc nghiên cứu, thưởng thức và giảng dạy văn học.

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận văn học để lý giải của hiện tượng trong đời sống văn học nhằm có được cái nhìn đúng đắn về tiến trình phát triển của văn học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

SV hứng thú vận dụng kiến thức môn học trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu tiến trình văn học.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 - TIẾN TRÌNH VĂN HỌC

1. Khái niệm tiến trình văn học

1.1. Tiến trình văn học là sự tồn tại, vận động, tiến hóa của văn học

1.2. Tiến trình văn học là khái niệm của mỹ học và lý luận văn học hiện đại

2. Tiến trình văn học là một bộ phận của tiến trình lịch sử xã hội

2.1. Lao động sản xuất là nguồn gốc của văn học nghệ thuật

2.2. Văn học là một hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng

3. Các quy luật vận động nội tại của tiến trình văn học

3.1. Quy luật tác động qua lại giữa các hiện tượng văn học

3.2. Quy luật lặp lại của những hiện tượng văn học không cùng cội nguồn phát sinh

3.3. Tiên bộ nghệ thuật và tính vĩnh hằng của các giá trị thẩm mỹ

3.4. Vấn đề phân kỳ lịch sử của tiến trình văn học

CHƯƠNG 2 - THỜI ĐẠI, TRÀO LƯU, PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC, PHONG CÁCH VĂN HỌC

1. Thời đại văn học

1.1. Những vấn đề chung

1.2. Thời kỳ văn học cổ trung đại

2. Trào lưu văn học

2.1. Trào lưu văn học là gì?

2.2. Sự khác nhau giữa trào lưu văn học với kiểu sáng tác

3. Phương pháp sáng tác

3.1. Nội dung của phương pháp sáng tác

3.2. Cơ sở của phương pháp sáng tác

4. Phong cách

4.1. Thế nào là phong cách nhà văn

4.2. Sự khác nhau giữa phong cách và phương pháp riêng

CHƯƠNG 3 - PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC TRONG VĂN HỌC CẬN ĐẠI PHƯƠNG TÂY

1. Chủ nghĩa hiện thực thời Phục hưng

1.1. Cơ sở xã hội và ý thức

1.2. Nhân vật trung tâm

1.3. Nguyên tắc khắc họa tính cách

1.4. Thi pháp

2. Chủ nghĩa cổ điển

2.1. Cơ sở xã hội và ý thức

2.2. Nhân vật trung tâm

2.3. Nguyên tắc xây dựng tính cách

2.4. Thi pháp

3. Chủ nghĩa lãng mạn

3.1. Cơ sở xã hội và ý thức

3.2. Nhân vật trung tâm

3.3. Nguyên tắc khắc họa tính cách

3.4. Thi pháp

4. Chủ nghĩa hiện thực phê phán

4.1. Cơ sở xã hội và ý thức - Nguyên tắc lịch sử - cụ thể

4.2. Nhân vật trung tâm và cảm hứng chủ đạo

4.3. Tính cách trong hoàn cảnh điển hình

4.4. Thi pháp

5. Chủ nghĩa tự nhiên

5.1. Cơ sở xã hội và ý thức

5.2. Nhân vật trung tâm

5.3. Nguyên tắc khắc họa tính cách

5.4. Thi pháp

CHƯƠNG 4 - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC TRONG VĂN HỌC CỔ PHƯƠNG ĐÔNG

1. những vấn đề có tính chất phương pháp luận

2. Khuynh hướng “cổ điển”

- 2.1. Cơ sở xã hội và ý thức
- 2.2. Nhân vật trung tâm
- 2.3. Về việc khắc họa tính cách
- 2.4. Thi pháp

3. Chủ nghĩa hiện thực

- 3.1. Cơ sở xã hội và ý thức
- 3.2. Nhân vật trung tâm
- 3.3. Nguyên tắc khắc họa tính cách
- 3.4. Thi pháp

4. Khuynh hướng lãng mạn

- 4.1. Cơ sở xã hội và ý thức
- 4.2. Nhân vật trung tâm
- 4.3. Nguyên tắc khắc họa tính cách
- 4.4. Thi pháp

CHƯƠNG 5 - CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC THẾ KỶ XX

1. Tình hình chung

- 1.1. Chủ nghĩa hiện thực mới
- 1.2. Chủ nghĩa hiện thực kỳ ảo
- 1.3. Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc
- 1.4. Chủ nghĩa hiện thực tâm lý

2. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa

- 2.1. Cơ sở xã hội và ý thức - Nguyên lý tính đảng cộng sản
- 2.2. Nhân vật trung tâm - Vấn đề ca ngợi và phê phán
- 2.3. Điển hình hóa - Vấn đề lãng mạn cách mạng
- 2.4. Những mặt hạn chế

CHƯƠNG 6 - CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI

1. Chủ nghĩa tượng trưng
2. Chủ nghĩa biểu hiện
3. Chủ nghĩa vị lai
4. Chủ nghĩa đa đa
5. Chủ nghĩa siêu thực và chủ nghĩa trừu tượng
6. Chủ nghĩa hiện sinh
7. Chủ nghĩa hậu hiện đại
8. Bước đầu đánh giá lại chủ nghĩa hiện đại

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu học tập:

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Phương Lưu (Chủ biên), *Lý luận văn học*, tập 3, *Tiến trình văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2009

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phương Lưu (Chủ biên) Nguyễn Trọng Nghĩa, La Khắc Hoà, Lê Lưu Anh, *Lý luận văn học, tập 1, Văn học, nhà văn, bạn đọc*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2009

2. Hà Minh Đức (Chủ biên), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H, 2012.

10.28. VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

- Mã học phần: 181080

- Số tín chỉ học tập: 03 (27,36)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Văn học Việt Nam

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian; Khái lược tiến trình văn học dân gian Việt Nam; Đặc điểm nội dung, đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian Việt Nam và những tác phẩm tiêu biểu; Khái quát văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam; đặc điểm nội dung và nghệ thuật của hai thể loại sử thi và truyện thơ.

Năng lực đạt được:

Người học có đủ năng lực đảm nhiệm việc dạy phần Văn học dân gian ở nhà trường phổ thông; có tiềm lực học và nghiên cứu ở trình độ cao hơn trong lĩnh vực chuyên ngành văn học dân gian và liên ngành văn hóa dân gian; sử dụng và khai thác được những giá trị của văn học dân gian để tác nghiệp trong các lĩnh vực bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc.

2. Mục tiêu cần đạt

2.1. *Về kiến thức:* Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể

- Giải thích được khái niệm văn học dân gian, nắm vững được văn học dân gian vừa là văn học vừa là văn hóa, để luận giải được những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian, các quan điểm về phân loại thể loại trong nghiên cứu văn học dân gian.

- Trình bày, luận giải được các vấn đề cơ bản về khái niệm, đặc trưng, nội dung và nghệ thuật của các thể loại văn học dân gian; phân tích được một số tác phẩm tiêu biểu của các thể loại văn học dân gian.

2.2. *Về kỹ năng:* Học xong học phần, sinh viên phải rèn luyện được kỹ năng cảm thụ văn học dân gian theo đặc trưng thể loại; bước đầu nghiên cứu các vấn đề văn

học dân gian; tổng thuật được lịch sử nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian và bước đầu thực hiện được những nhiệm vụ chủ yếu trong sưu tầm, tổng hợp tư liệu văn học dân gian.

2.3. *Về thái độ*: Hình thành được trong người học quan điểm khoa học trong việc tìm hiểu, nghiên cứu văn học dân gian như một bộ phận của văn hóa, để từ đó tìm hiểu đất nước, con người, tâm hồn, phẩm chất Việt Nam qua các thể loại văn học dân gian; .

3. Nội dung học phần

Chương 1: Khái quát về văn học dân gian Việt Nam

*** Lý thuyết (4 tiết)**

1. Thuật ngữ, định nghĩa
2. Đặc trưng của văn học dân gian
3. Phân loại các thể loại văn học dân gian
4. Vai trò và giá trị của văn học dân gian

*** Bài tập, thảo luận (4 tiết)**

1. Vì sao nói văn học dân gian vừa là văn học vừa là văn hóa?
2. Phân tích cội nguồn, nguyên nhân những đặc trưng của văn học dân gian?

*** Tự học (20 tiết)**

1. Đọc tài liệu để tổng thuật vấn đề phân loại trong nghiên cứu văn học dân gian đã diễn ra như thế nào? Trên cơ sở đó phác thảo bảng tổng hợp phân loại văn học dân gian
2. Đọc tài liệu để làm sáng rõ vai trò của thể loại trong khoa học văn học dân gian ?
3. Đọc tài liệu và vận dụng các kiến thức đã học để nhận diện những điểm đặc thù của văn học dân gian trong tương quan so sánh với văn học viết.

*** Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 23, 25**

Chương 2: Thần thoại

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Thuật ngữ, định nghĩa
2. Nguồn gốc và phân loại thần thoại
3. Đặc trưng thể loại thần thoại
4. Những phương diện cơ bản về nội dung
5. Những phương diện cơ bản về nghệ thuật

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Vì sao nói thần thoại là sự sáng tạo nghệ thuật không tự giác ?
2. Phân tích nội dung ý nghĩa và nghệ thuật của những truyện thần thoại sau: *Thần Trụ Trời, Cóc kiện Trời, Chú Cuội Cung trăng, Sơn Tinh Thủy Tinh*

*** Tự học (10 tiết)**

1. Đọc tài liệu và xác định nội dung của khái niệm “sức mạnh tự nhiên” trong câu nói sau đây của Mác “ Thần thoại nào cũng chinh phục, chi phối và nhào nặn những sức mạnh tự nhiên trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng”
2. Đọc tài liệu tìm hiểu quan niệm của người Việt cổ về vũ trụ, thế giới buổi đầu và cách hình dung của người xưa về vũ trụ, tự nhiên, xã hội.

*** Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2, 3, 18**

Chương 3. Truyền thuyết

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1. Thuật ngữ, định nghĩa
2. Nguồn gốc và phân loại thể loại
3. Đặc trưng thể loại truyền thuyết
4. Những phương diện cơ bản về nội dung
5. Những phương diện cơ bản về nghệ thuật

*** Bài tập/ Thảo luận (6 tiết)**

1. Lý giải ý kiến sau đây của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng “ Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thực lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lý tưởng hóa gửi gắm vào đó tâm tình của mình cùng với thơ và mộng, chấp đôi cánh của sức tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên những tác phẩm văn hóa mà đời đời con người ưa thích”
2. Từ truyện *Thánh Gióng* đến truyện *An Dương Vương*, dòng truyền thuyết chống xâm lăng của người Việt đã phát triển thế nào về các phương diện: đề tài, chủ đề, cốt truyện, phương pháp xây dựng nhân vật ?

*** Tự học (20 tiết)**

1. Đọc tài liệu tìm hiểu chân dung con người Việt Nam trong truyền thuyết ?
2. Lý giải, phân tích mức độ và sự thể hiện của hai tính chất thần thoại và truyền thuyết trong các truyện: *Sơn Tinh Thủy Tinh*, *Thánh Gióng* ?

***Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 2,3,18

Chương 4. Truyện cổ tích

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1. Quan niệm về truyện cổ tích
2. Đặc trưng của thể loại truyện cổ tích
3. Phân loại truyện cổ tích
4. Nội dung và nghệ thuật của các tiểu loại cổ tích

*** Bài tập/ Thảo luận (7 tiết)**

1. Truyện cổ tích khác với thần thoại, truyền thuyết ở những điểm nào ? chọn mỗi thể loại một truyện tiêu biểu để chứng minh cho sự khác nhau ấy ?
2. Tại sao thể loại cổ tích lại không ra đời cùng một lúc với thể loại thần thoại ?
3. Phân tích lý giải vai trò, tác dụng và nguyên nhân xuất hiện của lực lượng thần kỳ trong truyện cổ tích ?

*** Tự học (25 tiết)**

1. Phân tích các truyện cổ tích sau: *Trầu cau*, *Tám Cám*, *Cây khế*, *Sọ Dừa*, *Trương Chi*,
2. Thống kê phân loại và nêu nhận xét về các hình thức thưởng phạt đối với các nhân vật chính diện và phản diện trong truyện cổ tích ? Ước mơ công lý của nhân dân đã được thể hiện như thế nào qua hình thức thưởng phạt ấy?
3. Tinh thần lạc quan của nhân dân đã được thể hiện như thế nào trong truyện cổ tích ? ở những truyện kết thúc không “có hậu” tinh thần lạc quan ấy được thể hiện như thế nào ?

*** Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 1, 2, 8, 12, 18, 19, 21

Chương 5. Truyện cười

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Định nghĩa
2. Phân loại truyện cười
3. Đặc trưng cơ bản của truyện cười
4. Nội dung của truyện cười
5. Nghệ thuật của truyện cười

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Tại sao nói truyện cười là một hình thái nhận thức thực tế đặc biệt ?
2. Phân tích các truyện cười sau: *Mồ hôi sang cả mình con*, *Quan huyện thanh liêm*, *Tam đại con gà*

*** Tự học (10 tiết)**

1. Thống kê trong kho tàng truyện cười dân gian những truyện cười giải trí, hài hước tiêu biểu ?
2. Đọc và tóm tắt các truyện cười: *Cháy*, *Ba anh ngủ mê*, *Lợn cưới áo mới*, *Mua kính*, *Sao phí quá thế*, *Bắt chước bố vợ*,

*** Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 6, 18, 21

Chương 6. Truyện ngụ ngôn

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Định nghĩa
2. Đặc trưng của truyện ngụ ngôn
3. Nội dung của truyện ngụ ngôn
4. Nghệ thuật của truyện ngụ ngôn

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Phân tích các truyện ngụ ngôn sau: *Đẽo cày giữa đường*, *Treo biển*, *Thầy bói xem voi*
2. Tại sao nói trong truyện ngụ ngôn ẩn chứa kinh nghiệm sống phong phú và sâu sắc của người Việt Nam?

*** Tự học (10 tiết)**

1. Tìm hiểu quan niệm và nhận thức thế giới của người Việt Nam qua truyện ngụ ngôn?
2. Tại sao tính ẩn dụ (một tiêu chí vừa thuộc nội dung, vừa thuộc nghệ thuật) là một căn cứ quan trọng để nhận biết truyện ngụ ngôn ?

*** Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 1, 2, 7, 18, 21

Chương 7. Ca dao

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1. Thuật ngữ, định nghĩa
2. Đặc trưng thể loại
3. Phân loại ca dao
4. Nội dung ca dao
5. Nghệ thuật ca dao

*** Bài tập/ Thảo luận (7 tiết)**

1. Tại sao hò lao động là một minh chứng rõ nét về tính nguyên hợp, về chức năng ứng dụng thực hành của văn học dân gian ?
2. Phân tích chủ đề than thân và chủ đề tình nghĩa trong ca dao truyền thống của người Việt ?

3. Nêu và phân tích đặc điểm của các nhân vật trữ tình chủ yếu trong ca dao truyền thống của người Việt ?

*** Tự học (25 tiết)**

1. Ca dao truyền thống có thể phân thành những loại nào ? Tóm tắt đặc điểm của mỗi loại ?

2. Bình giảng các bài ca dao sau: *Tát nước đầu đình, Trèo lên cây bưởi hái hoa, Người ta đi cấy lấy công, Mời cái trứng, Sáng ngày em đi hái dâu, Khăn thương nhớ ai, Hòn đá đóng rong*

***Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 15

Chương 8. Tục ngữ

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Thuật ngữ, định nghĩa

2. Đặc trưng của tục ngữ

3. Nội dung của tục ngữ

4. Nghệ thuật tục ngữ

*** Bài tập/ Thảo luận (5 tiết)**

1. Phân biệt tục ngữ với thành ngữ và ca dao ?

2. Phân tích và lý giải tính nhiều nghĩa của tục ngữ ? Nêu rõ nguyên nhân và điều kiện khiến cho tục ngữ có khả năng mở rộng nghĩa ?

3. Phân tích các câu tục ngữ sau: *Thuốc đắng dã tật/ Sự thật mất lòng; Tác đất tác vàng; Tốt gỗ hơn tốt nước sơn;*

*** Tự học (10 tiết)**

1. Đọc tài liệu, tìm một số câu tục ngữ trái nghĩa nhau nhưng thực chất không đối kháng, loại trừ nhau ?

2. Hãy vận dụng tục ngữ để viết một bài báo ngắn nói về một trong những đề tài sau: lễ sống, sự học tập, sự đoàn kết, sự công bằng, sự kiên nhẫn.

***Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 13, 15, 18, 20, 26

Chương 9. Câu đố

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Định nghĩa

2. Đặc trưng của câu đố

3. Nội dung, ý nghĩa của câu đố

4. Hình thức nghệ thuật của câu đố

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Ẩn dụ trong câu đố khác với ẩn dụ trong các thể loại văn học dân gian khác như thế nào ? Có thể coi đó là một kiểu ẩn dụ riêng của câu đố được không ? Vì Sao ?

2. Đặc điểm chủ yếu của thể loại câu đố là gì? Sự tương đồng và khác biệt của câu đố với ca dao, tục ngữ ?

*** Tự học (10 tiết)**

1. Trong sự tương đồng câu đố có một hiện tượng đặc biệt mang tính chất nghịch lý là “thua” mà “được”, có “thua” mới “được”, càng “thua” càng hào hứng, thú vị ? hãy phân tích và lý giải điều đó ?

2. Câu đố có những tác dụng gì đối với đời sống tinh thần của nhân dân ?

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 11

Chương 10. Về

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Định nghĩa
2. Đặc trưng của vè
3. Nội dung của vè
4. Nghệ thuật của vè

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Tại sao nói vè là hình thức tự sự bằng văn vần, mang tính thời sự?
2. Tại sao nói vè có tính địa phương ?

*** Tự học (10 tiết)**

1. Đọc, ghi chép các bài vè phản ánh thế giới phong phú của loài vật, cây trái, sự vật ?
2. Về lịch sử và về thể sự khác nhau ở chỗ nào ?

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 3, 18

Chương 11. Sử thi

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Thuật ngữ, định nghĩa
2. Phân loại sử thi
3. Những đặc trưng cơ bản của sử thi

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Khái quát quá trình sử dụng thuật ngữ sử thi ở Việt Nam ?
2. Vì sao sử thi *Đẻ đất đẻ nước* còn được gọi là *Mo Đẻ đất đẻ nước*?

*** Tự học (10 tiết)**

1. Đọc, tóm tắt sử thi *Đẻ đất đẻ nước*
2. Đọc, tóm tắt sử thi *Đam San*

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2, 3, 4, 10, 16, 17

Chương 12. Truyện thơ

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Định nghĩa
2. Phân loại truyện thơ
3. Đặc trưng của truyện thơ
4. Nội dung của truyện thơ
5. Nghệ thuật truyện thơ

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa nhóm truyện thơ trữ tình- tự sự với nhóm truyện thơ tự sự - trữ tình ?
2. Phân tích truyện thơ *Tiến dặn người yêu*

*** Tự học (10 tiết)**

Đọc, tóm tắt các truyện thơ: *Tiến dặn người yêu*, *Nàng Õm – chàng Bồng Bương*, *Nàng Nga – Hai Mối*, *Út Lót - hồ Liêu*, *Nàng Con Côi*

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2, 3, 18

Chương 13. Chèo dân gian

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Định nghĩa
2. Đặc trưng của chèo dân gian
3. Nội dung tư tưởng của các vở chèo cổ

4. Một số đặc sắc của nghệ thuật chèo

*** Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)**

1. Tóm tắt tích chèo *Quan Âm Thị Kính*, so sánh tích chèo với truyện nôm khuyết danh *Quan Âm Thị Kính* ?
2. Lý giải sự hâm mộ đặc biệt của đông đảo công chúng đối với chèo Quan Âm Thị Kính

*** Tự học (10 tiết)**

1. Phân biệt chèo dân gian với chèo chuyên nghiệp ?
2. Phân tích các đặc điểm cơ bản của chèo dân gian (các tính chất: tổng hợp, tập thể, dân tộc, diễn tích, ước lệ,...)

***Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 2, 3, 5

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành/bài tập (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành / bài tập theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu học tập

Học liệu bắt buộc:

- [1]. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2001.

Học liệu tham khảo:

[1]. Lê Chí Quế (Chủ biên), Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

[2]. Nguyễn Xuân Lạc, *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường*, Nxb Giáo dục năm 1998

10.29.VĂN BẢN HÁN VĂN CỔ TRUNG QUỐC VÀ VĂN BẢN HÁN VĂN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Tên học phần: *Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và Văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam*

Tổng số tín chỉ: 3 tín chỉ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
- + Bài tập, thảo luận: 36 tiết
- + Tự học: 135 tiết

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Văn học Việt Nam

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Giới thiệu, phân tích nội dung, ý nghĩa các tác phẩm: Cổ văn Trung Quốc như: Kinh thi, Luận ngữ, Mạnh tử dưới dạng trích lược; một số tác phẩm Đường thi tiêu biểu và một số tác phẩm văn học tiêu biểu thời kỳ Trung đại được viết bằng chữ Hán. Qua tác những phẩm văn học này cung cấp cho người học cách tiếp cận cũng như nghĩa gốc của văn bản.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng phân tích, giải mã và cảm thụ các tác phẩm văn học viết bằng chữ Hán của Trung Quốc và Việt Nam. Qua đó có cái nhìn và cách hiểu toàn diện về văn bản về 4 mặt (nội dung, thể loại, nghệ thuật). Có năng lực giải mã, giải thích từ Hán Việt thường gặp.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức cơ bản về:

+ Chữ Hán như: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể: cách thể hiện; bộ thủ; những kiến thức về tự, từ và câu trong Hán văn cổ.

+ Những kiến thức chung về văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam thông qua những tác phẩm kinh điển và tiêu biểu.

+ Từ đó, có thể trình bày, phân tích, so sánh, luận giải được các vấn đề như đặc điểm nội dung tư tưởng, nghệ thuật và những đóng góp cho nền văn học... của các tác phẩm kinh điển thời kỳ này.

2.2. Về kỹ năng: Học xong học phần, sinh viên phải biết:

+ Viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận; đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán Văn; hệ thống các hoành phi, câu đối, văn bia được học; nhận biết được đặc trưng của mỗi thể loại văn học: (chiếu, truyện, kí); văn bản Hán Nôm du lịch (Hoành phi, câu đối, văn bia)

+ Phân tích được các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong các văn bản Hán văn được học.

2.3. Về thái độ: Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

3. Nội dung học phần

Phần 1: Đại cương về chữ Hán

Chương 1. Văn tự Hán – Nguồn gốc, hình thể, kết cấu

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Văn tự Hán - nguồn gốc
2. Văn tự Hán - hình thể qua từng thời kỳ phát triển
3. Văn tự Hán - kết cấu

*** Bài tập, thảo luận (2 tiết)**

1. Trong các nhân tố khiến chữ Hán du nhập vào Việt Nam, nhân tố nào quan trọng nhất, giải thích vì sao.

2. Nhận xét về hình thể và quá trình phát triển và kết cấu của văn tự Hán.

3. Phân tích kết cấu chữ Hán qua một số chữ Hán cụ thể

*** Tự học (10 tiết)**

1. Đọc tài liệu và vận dụng các kiến thức đã học để tìm ra ưu, nhược điểm của chữ Hán và những đóng góp của chữ Hán đối với văn học, văn hóa và lịch sử của xã hội Việt Nam.

2. Phân tích kết cấu chữ Hán qua các chữ Hán trong bài thơ: “Ngôn hoài, Nam quốc sơn hà, Thuật hoài, Thiên trường vãn vọng”

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7

Chương 2. Văn tự Hán – Cách thể hiện

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Các nét cơ bản và biến thể
2. Quy tắc bút thuận
3. Tính cân đối của chữ
4. Lệ ngoại

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Tìm các nét cơ bản và biến thể trong các chữ Hán cụ thể
2. Viết chữ Hán có trong bài “” theo quy tắc bút thuận
3. Phân tích tính cân đối của chữ Hán qua một số chữ Hán sau.

*** Tự học (15 tiết)**

1. Tìm các nét cơ bản, biến thể, viết theo quy tắc bút thuận các chữ Hán có trong bài: “Độc Tiểu Thanh ký, Côn Sơn ca; thơ chữ Hán Hồ Chí Minh ”
2. Những chữ Hán viết theo quy tắc lệ ngoại có trong bài.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7

Chương 3. Bài 3. Bộ thủ

1. Vai trò của bộ thủ với việc học chữ Hán
2. Phân biệt một số bộ thủ có hình thể giống nhau và các bộ có nhiều hình thể.

*** Lý thuyết (1 tiết)**

1. Vai trò của bộ thủ đối với việc học chữ Hán
2. Một số bộ thủ quan trọng
3. Sử dụng bộ thủ trong việc nhớ nghĩa chữ Hán và tra từ điển.

*** Bài tập/ Thảo luận (1 tiết)**

1. Phân tích vai trò của bộ thủ trong cấu tạo chữ Hán qua các ví dụ.
2. Vận dụng bộ thủ trong cách ghi nhớ nghĩa của chữ Hán.

*** Tự học (15 tiết)**

1. Chia 214 bộ thủ chữ Hán thành nhóm theo chủ đề.
2. Tìm bộ thủ chữ trong các chữ Hán qua bài: “Thiên đô chiếu, Bình Ngô đại cáo, Bạch Đằng giang phú”

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7

Chương 4. Tự, từ và câu trong Hán văn cổ

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Từ tự đến từ
2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ
3. Từ từ đến câu

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Phân tích mối quan hệ giữa tự và từ.
2. Phân tích kết cấu của các loại từ ghép. Cho ví dụ minh họa.
3. Những hư từ thường gặp trong Hán văn cổ, phân tích chức năng ngữ pháp của các hư từ đó.

*** Tự học (10 tiết)**

1. Tìm từ đơn, từ ghép chữ Hán trong văn bản chữ Hán trong chương trình.

2. Phân tích chức năng ngữ pháp của hư từ “chi, kỳ, giả” trong các văn bản chữ Hán có trong chương trình.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,5,6,7,10

- Phần 2. Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc

Chương 5. Vài nét về Hán văn Trung Quốc và các loại thể

* Lý thuyết (1 tiết)

1. *Vận văn (văn vận):* Thơ ca, từ phú; Tụng tán; Châm minh; Bi chí, bi kí; Ai tề

2. *Tản văn (văn xuôi) và biên văn:* Luận thuyết; Tựa bạt; Luận thuyết; Tựa bạt; Tặng tựa; Thư giản; Sử truyện; Tạp ký; Tấu, khái, nghị, đối sách, chương biểu; Chiếu, chế, sắc, sách phong, hịch, cáo

* Bài tập/ Thảo luận (2 tiết)

1. Mối quan hệ giữa tản văn, phú và biên văn trong hệ thống thể loại văn học Trung Quốc.

2. Đường thi và những quy định trong thơ Đường

3. Chiếu và hệ thống văn bản chiếu trong lịch sử Việt Nam.

* Tự học (5 tiết)

1. Đọc tài liệu, tìm hiểu, so sánh sự giống và khác nhau giữa thể loại vận văn, tản văn và biên văn của Việt Nam và Trung Quốc.

2. Phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của Việt Nam và Trung Quốc.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 7,10

Chương 6. Những tác phẩm kinh điển tiêu biểu của Văn học cổ Trung Quốc

- Kinh thi (tác phẩm tiêu biểu)

- Luận ngữ (trích đoạn)

- Mạnh Tử (trích đoạn)

* Lý thuyết (3 tiết)

1. Tiểu sử tác giả, tác phẩm

2. Nguyên văn chữ Hán

3. Giải nghĩa chữ Hán có trong bài

4. Dịch nghĩa

* Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)

1. Nội dung và ảnh hưởng của Kinh thi đối với văn học và văn hóa Việt Nam.

2. Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và giá trị với Việt Nam.

3. Châm ngôn xử thế của Khổng Tử và giá trị với Việt Nam.

4. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa tìm những chỗ chưa sát với nguyên tác trong các tác phẩm có trong chương trình.

* Tự học (30 tiết)

1. Viết theo quy tắc bút thuận, phân tích kết cấu của các chữ Hán có trong bài.

2. Phiên âm, dịch nghĩa các văn bản chữ Hán có trong bài, tìm ra bản dịch sát nguyên tác nhất.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2,3,9,11

Chương 7. Những quy định trong thơ Đường và những tác phẩm Đường thi tiêu biểu:

*** Lý thuyết (2 tiết)**

- Số chữ, số câu; Vận; Bằng, trắc, nhịp, luật, niêm; Đối; Kết cấu
- Những tác phẩm tiêu biểu: Vọng Lư Sơn bộc bố; Tĩnh dạ tứ; Hồi hương ngẫu thư; Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng; Thu hứng

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Sự khác nhau giữa thơ Đường và thơ Đường luật.
2. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa tìm những chỗ chưa sát với nguyên tác trong các tác phẩm có trong chương trình.

*** Tự học (35 tiết)**

1. Phân tích luật của Đường thi qua những tác phẩm có trong bài.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2,3,8,9,11

- Phần 3. Văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam

Chương 8. Thơ chữ Hán Trung đại Việt Nam và những tác phẩm tiêu biểu:

- Ngôn hoài; Nam quốc sơn hà; Thuật hoài; Thiên trường vãn vọng; Côn Sơn ca; Độc Tiểu Thanh ký; thơ Hồ Chí Minh.

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Tiểu sử tác giả, tác phẩm
2. Nguyên văn chữ Hán
3. Giải nghĩa chữ Hán có trong bài
4. Dịch nghĩa

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa, tìm những chỗ chưa sát với nguyên tác các tác phẩm có trong chương trình.
2. Vì sao nói, “Nam quốc sơn hà” là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.
2. Đặc điểm của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong sáng tác của Nam Cao?

*** Tự học (20 tiết)**

1. Viết theo quy tắc bút thuận, phân tích kết cấu của các chữ Hán có trong bài.
2. Phiên âm, dịch nghĩa các văn bản chữ Hán có trong bài, sưu tầm các bản dịch nghĩa, dịch thơ và tìm ra bản dịch sát nguyên tác nhất.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2,10,12,13

Chương 9. Tản văn, biền văn Việt Nam và những tác phẩm tiêu biểu:

- Thiên đô chiếu; Dụ chư tì tướng hịch văn; Bình Ngô đại cáo; Bạch Đằng giang phú

1. Tiểu sử tác giả, tác phẩm
2. Nguyên văn chữ Hán
3. Giải nghĩa chữ Hán có trong bài
4. Dịch nghĩa

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa, tìm những chỗ chưa sát với nguyên tác các tác phẩm có trong chương trình.
2. Vì sao nói, “Nam quốc sơn hà” là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.
2. Đặc điểm của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong sáng tác của Nam Cao?

* Tự học (20 tiết)

1. Viết theo quy tắc bút thuận, phân tích kết cấu của các chữ Hán có trong bài.

2. Phiên âm, dịch nghĩa các văn bản chữ Hán có trong bài, sưu tầm các bản dịch nghĩa, dịch thơ và tìm ra bản dịch sát nguyên tác nhất.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 2,10,12,13

8. Tài liệu học tập

Học liệu bắt buộc

[1]. Đặng Đức Siêu – *Giáo trình Ngữ Văn Hán Nôm T1* – Nxb Giáo dục, 1995

Học liệu tham khảo:

[1]. Đặng Đức Siêu (Chủ biên), Nguyễn Ngọc San, *Ngữ văn Hán Nôm*, Nxb. ĐH Sư Phạm, 2007

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;

- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;

- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;

- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;

- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* (30%)

- *Kiểm tra - đánh giá giữa kì* (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.

- *Kiểm tra - đánh giá cuối kì* (50%): Viết, 180 phút.

Lịch thi, kiểm tra

+ Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.

+ Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).

+ Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.

- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.30. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN HẾT THẾ KỶ XVII

Số tín chỉ 03

Giờ tín chỉ với các hoạt động:

- Nghe giảng lí thuyết: 27 tiết

- Bài tập, thảo luận: 36 tiết

- Tự học: 135 tiết

Bộ môn phụ trách: Văn học Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Tiến trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII qua các giai đoạn với những khuynh hướng, đặc điểm, tính

chất đặc thù; những tác gia, tác phẩm tiêu biểu; quá trình hình thành và phát triển của hệ thống thể loại văn học.

Năng lực đạt được: SV có đủ năng lực giảng dạy các tác phẩm văn học từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII trong nhà trường Phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về văn hóa-văn học trung đại; kỹ năng viết, tổ chức hội thảo, thuyết trình các vấn đề văn học có liên quan; tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về văn học Việt Nam trung đại ở các bậc đào tạo cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được cơ sở hình thành và điều kiện phát triển của nền văn học chữ viết dân tộc trong tiến trình mười thế kỷ, từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX.

Nắm vững quá trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII qua các giai đoạn: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV; thế kỷ XV; từ thế kỷ XVI đến hết thế kỷ XVII với những đặc điểm, tinh chất, diện mạo riêng; vừa có sự tiếp nối, kế thừa, vừa có những đặc điểm đặc thù ở từng giai đoạn văn học, gắn liền với những tác gia, tác phẩm tiêu biểu.

Hiểu được sự vận động của hệ thống thể loại qua các giai đoạn văn học, đặc biệt là quá trình tiếp thu, cải biến và sáng tạo của hệ thống thể loại văn học nội sinh.

2.2. Về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức của môn học, sinh viên phải rèn luyện được kỹ năng đọc hiểu và năng lực giảng dạy các tác giả, tác phẩm văn học trong tiến trình từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII ở nhà trường Phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, văn học trung đại Việt Nam.

2.3. Về thái độ: Người học xác lập được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn khi phân tích, lý giải, đánh giá các hiện tượng văn học trong tiến trình văn học Việt Nam thời trung đại nói riêng, trong nền văn học dân tộc nói chung.

3. Nội dung học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I. Lí thuyết (5 tiết)

1. Khái niệm văn học trung đại
2. Những tiền đề lịch sử, xã hội, tư tưởng, văn hóa
3. Phân kỳ giai đoạn văn học
4. Đặc điểm của văn học trung đại

II. Bài tập, thảo luận (7 tiết)

1. Trình bày các khái niệm về văn học trung đại Việt Nam; nêu các cơ sở lịch sử - xã hội, văn hóa – tư tưởng làm xuất hiện nền văn học chữ viết dân tộc?
2. Một số quan niệm và tiêu chí phổ biến về phân kỳ giai đoạn văn học trung đại.
3. Phân tích các đặc điểm cơ bản của văn học trung đại Việt Nam.

III. Tự học (20 tiết)

1. Đọc tài liệu và vận dụng các kiến thức để làm rõ các tiền đề làm xuất hiện nền văn học chữ viết dân tộc
2. Phân tích các đặc điểm cơ bản của văn học trung đại Việt Nam.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3,4,9

Chương 2: VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ X – XIV

I. Lí thuyết (4 tiết)

1. Những tiền đề lịch sử, xã hội, tư tưởng, văn hóa
2. Đặc điểm về lực lượng sáng tác và hệ thống tác phẩm
3. Các khuynh hướng văn học
4. Hệ thống thể loại

II. Bài tập, thảo luận (6 tiết)

1. Thống kê đội ngũ tác giả và hệ thống tác phẩm trong văn học từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIV.
2. Phân tích các khuynh hướng cảm hứng lớn của văn học thế kỷ X – XIV
3. Nêu đặc điểm của hệ thống thể loại văn học trong giai đoạn này.

III. Tự học (20 tiết)

1. Những biểu hiện của cảm hứng tôn giáo và cảm hứng yêu nước trong văn học Việt Nam thế kỷ X – XIV.
2. Đặc điểm của hệ thống thể loại văn học ngoại nhập (từ văn học Trung Quốc)
* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu: 1,2,3,4

Chương 3: VĂN HỌC THẾ KỶ XV – XVII

I. Lí thuyết (4 tiết)

1. Những tiền đề lịch sử, xã hội, tư tưởng, văn hóa
2. Đặc điểm về lực lượng sáng tác và hệ thống tác phẩm
3. Các khuynh hướng văn học
4. Hệ thống thể loại

II. Bài tập, thảo luận (5 tiết)

1. Thống kê đội ngũ tác giả và hệ thống tác phẩm trong văn học từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII.
2. Phân tích các khuynh hướng cảm hứng lớn của văn học thế kỷ XV - XVII
3. Nêu đặc điểm của hệ thống thể loại văn học trong giai đoạn này.

III. Tự học (20 tiết)

1. Những biểu hiện của cảm hứng yêu nước trong văn học Việt Nam thế kỷ XV – XVII
2. Đặc điểm của hệ thống thể loại văn học chức năng trong văn học giai đoạn này.
* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu: 1,2,3,4

Chương 4: NGUYỄN TRÃI (1380 – 1442)

I. Lí thuyết (4tiết)

1. Thân thế, sự nghiệp
2. Những giá trị cơ bản của văn chương Nguyễn Trãi
 - 2.1. Quan điểm văn học của Nguyễn Trãi
 - 2.2. Nguyễn Trãi – nhà văn chính luận kiệt xuất
 - 2.3. Nguyễn Trãi – nhà thơ trữ tình sâu sắc
 - 2.4. Văn chương Nguyễn Trãi kết tinh năm thế kỷ văn học viết, đồng thời góp phần mở hướng cho sự phát triển văn học dân tộc

II. Bài tập, thảo luận (5 tiết)

1. Nêu những nét lớn trong thân thế và sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi?

2. Sự kết hợp giữa tính chính luận và tính trữ tình trong văn chương Nguyễn Trãi.

3. Những đóng góp của Nguyễn Trãi vào sự phát triển nền văn học dân tộc.

III. Tự học (20 tiết)

1. Trình bày những nét lớn trong quan điểm văn học của Nguyễn Trãi.

2. Quan niệm về “nhân nghĩa” của Nguyễn Trãi trong “Bình Ngô đại cáo”.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu: 1,2,3,4,8

Chương 5: THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT VÀ “HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP”

I. Lí thuyết (4 tiết)

1. Thơ Nôm Đường luật

1.1. Khái niệm và đặc điểm của thơ Nôm Đường luật

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

2. “Hồng Đức quốc âm thi tập”

2.1. Thời đại và tác giả “Hồng Đức quốc âm thi tập”

2.2. Giá trị văn chương của “Hồng Đức quốc âm thi tập”

II. Bài tập, thảo luận (5 tiết)

1. Nêu những tiền đề về tư tưởng, văn hóa và văn học làm xuất hiện “Thơ Nôm Đường luật”.

2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Hồng Đức quốc âm thi tập”.

3. Đóng góp của Lê Thánh Tông trong “Hồng Đức quốc âm thi tập”.

III. Tự học (20 tiết)

1. Tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của “Thơ Nôm Đường luật”

2. Vị trí của “Hồng Đức quốc âm thi tập” trong tiến trình thơ Nôm Đường luật.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu: 1,2,3,4,11

Chương 6: NGUYỄN BÌNH KHIÊM (1491 – 1585)

I. Lí thuyết (3 tiết)

1. Thân thế

2. Sự nghiệp văn học

3. “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”

3.1. Hệ thống chủ đề của “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”

3.2. Con người Nguyễn Nguyễn Bình Khiêm qua “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”

3.3. Nghệ thuật thơ “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”

II. Bài tập, thảo luận (4 tiết)

1. Trình bày những nét lớn trong cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Bình Khiêm?

2. Những giá trị đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”.

3. Tư tưởng “nhàn” trong thơ văn Nguyễn Bình Khiêm.

III. Tự học (20 tiết)

1. Tìm hiểu “Tư duy thế sự” của Nguyễn Bình Khiêm qua “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”.

1. Vị trí của “Bạch Vân quốc ngữ thi tập” trong tiến trình thơ Nôm Đường luật.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3,4,7

Chương 7: THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KÌ VÀ “TRUYỆN KÌ MẠN LỤC”

I. Lí thuyết (3 tiết)

1. Khái quát về thể loại truyện kì

- 1.1. Vị trí của thể loại truyện kì
- 1.2. Đặc điểm của thể loại truyện kì
- 1.3. Quá trình phát triển của thể loại truyện kì

2. “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ

- 2.1. Tác giả và tác phẩm
- 2.2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Truyện kì mạn lục”
- 2.3. Quan hệ giữa “Truyện kì mạn lục” với văn học dân gian
- 2.4. Sự kết hợp giữa yếu tố kì với yếu tố hiện thực trong Truyện kì mạn lục.

II. Bài tập, thảo luận (4 tiết)

1. Nêu khái niệm, nguồn gốc và đặc trưng của thể loại “Truyện truyền kì”
2. Trình bày những nét lớn trong cuộc đời của Nguyễn Dữ.
3. Yếu tố “kì” trong “Truyện kì mạn lục” và trong truyện dân gian từ góc nhìn so sánh.

III. Tự học (15 tiết)

1. So sánh cốt truyện “Truyện vợ chàng Trương” (trong văn học dân gian) và “Người con gái Nam Xương (trong “Truyện kì mạn lục”).

2. Những kế thừa từ văn học dân gian trong “Truyện kì mạn lục”

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3,4,10

8. Tài liệu học tập

Học liệu bắt buộc

1. Đinh Gia Khánh, *Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, 2002

Học liệu tham khảo

1. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học Trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1999.

2. Lã Nhâm Thìn (chủ biên), *Giáo trình Văn học Trung đại Việt Nam* tập 1, Nxb Giáo dục, 2011.

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;

- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;

- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;

- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;

- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (30%)

- Kiểm tra - đánh giá giữa kì (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kì (50%): Viết, 180 phút.

Lịch thi, kiểm tra

- + Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.
- + Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).
- + Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.
- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.31. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XVIII ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX

Số tín chỉ 02

Giờ tín chỉ với các hoạt động:

- Nghe giảng lí thuyết: 18 tiết
- Bài tập, thảo luận: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

Bộ môn phụ trách: Văn học Việt Nam

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Tiến trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX qua các giai đoạn với những khuynh hướng, đặc điểm, tính chất đặc thù; những tác gia, tác phẩm tiêu biểu; quá trình hoàn thiện hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam.

Năng lực đạt được: SV có đủ năng lực giảng dạy các tác phẩm văn học từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX trong nhà trường Phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về văn hóa-văn học trung đại; kỹ năng viết, tổ chức hội thảo, thuyết trình các vấn đề văn học có liên quan; tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về văn học Việt Nam trung đại ở các bậc đào tạo cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được cơ sở hình thành và điều kiện phát triển văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

Nắm vững quá trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX qua các giai đoạn: Từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX; nửa sau thế kỷ XIX với những đặc điểm, tinh chất, diện mạo riêng; vừa có sự tiếp nối, kế thừa, vừa có những đặc điểm đặc thù ở từng giai đoạn văn học, gắn liền với những tác gia, tác phẩm tiêu biểu.

Hiểu được sự vận động của hệ thống thể loại qua các giai đoạn văn học, đặc biệt là sự xuất hiện và phát triển của hệ thống thể loại văn học nội sinh gắn liền với những thành tựu nghệ thuật xuất sắc.

2.2. Về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức của môn học, sinh viên phải rèn luyện được kỹ năng đọc hiểu và năng lực giảng dạy các tác giả, tác phẩm văn học trong tiến trình từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX ở nhà trường Phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, văn học trung đại Việt Nam.

2.3. Về thái độ: Người học xác lập được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn khi phân tích, lý giải, đánh giá các

hiện tượng của văn học Việt Nam thời trung đại nói riêng, của nền văn học dân tộc nói chung.

3. Nội dung của học phần

Chương 1: Khái quát giai đoạn văn học từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Bối cảnh lịch sử - xã hội, tư tưởng – văn hóa

- Sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến...
- Khởi nghĩa nông dân phát triển với quy mô rộng lớn
- Sự xuất hiện của các trung tâm kinh tế - văn hóa
- Sự lớn mạnh của tầng lớp thị dân

2. Khái quát tình hình văn học

- Vai trò và vị trí của văn học giai đoạn thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX trong lịch sử văn học dân tộc.

- Đặc điểm của văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX và những đổi mới so với các giai đoạn trước

II. Bài tập/ thảo luận (3 tiết)

1. Khái quát những nét chính về bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa, tư tưởng của văn học Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.

2. Những tiến bộ, đổi mới của văn học giai đoạn thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX so với các giai đoạn văn học trước đó.

III. Tự học (10 tiết)

1. Tìm hiểu vị trí của giai đoạn văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX trong tiến trình nền văn học dân tộc.

2. Sự xuất hiện của các thể loại văn học dân tộc đã đem lại cho diện mạo giai đoạn văn học này những điểm mới nào?

*Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3,8

Chương 2: Tiểu thuyết chương hồi và *Hoàng Lê nhất thống chí*

I. Lí thuyết (1 tiết)

1. Khái quát về tiểu thuyết chương hồi Việt Nam

- Quá trình hình thành và phát triển
- Đặc trưng của tiểu thuyết chương hồi Việt Nam

2. Tác phẩm: “Hoàng Lê nhất thống chí”

- Khái quát về tác gia, tác phẩm
- Nội dung tác phẩm
- Nghệ thuật tác phẩm

II. Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Trình bày khái niệm, nguồn gốc và đặc trưng của thể loại “Tiểu thuyết chương hồi”?

2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Hoàng Lê nhất thống chí”

III. Tự học (8 tiết)

1. Tìm hiểu điểm khác biệt về nội dung, kết cấu giữa tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc và Việt Nam

2. Giá trị lịch sử và giá trị văn học của “Hoàng Lê nhất thống chí”.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu: 1,2,3,9.

Chương 3: Thể ký và *Thượng kinh ký sự*, *Vũ trung tùy bút*

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Khái quát về thể ký Việt Nam thời trung đại

- Quá trình phát triển
- Những tác gia, tác phẩm tiêu biểu
- 2. Lê Hữu Trác và “Thượng kinh ký sự”*
- Thân thế, sự nghiệp
- “Thượng kinh ký sự”
- 3. Phạm Đình Hổ và “Vũ trung tùy bút”*
- Thân thế, sự nghiệp
- “Vũ trung tùy bút”

II. Bài tập, thảo luận (3 tiết)

1. Trình bày nguồn gốc, khái niệm và đặc trưng của thể ký
2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Thượng kinh ký sự”
3. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Vũ trung tùy bút”

III. Tự học (10 tiết)

1. Thống kê số lượng tác gia, tác phẩm tiêu biểu của thể ký trong văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX
2. Tìm hiểu bức tranh xã hội Việt Nam qua “Thượng kinh ký sự” và “Vũ trung tùy bút”.

* Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3, 5,10

Chương 4: Thể khúc ngâm và *Chinh phụ ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Khái quát về thể ngâm khúc

- Vị trí của thể loại
- Quá trình phát triển
- Đặc trưng của thể loại
- 2. “Chinh phụ ngâm khúc” và “Cung oán ngâm khúc”*
- Chinh phụ ngâm khúc
- Cung oán ngâm khúc

II. Bài tập, thảo luận (3 tiết)

1. Trình bày nguồn gốc, khái niệm và đặc trưng của thể ngâm khúc
2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Chinh phụ ngâm khúc”
3. Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Cung oán ngâm khúc”

III. Tự học (10 tiết)

1. Thống kê số lượng tác gia, tác phẩm tiêu biểu của thể ngâm khúc trong văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX
2. Tiếng nói nữ quyền trong “Chinh phụ ngâm khúc” và “Cung oán ngâm khúc”.

* Hướng dẫn: Đọc tài liệu: 1,2,3, 9

Chương 5: Truyện thơ Nôm

I. Lí thuyết (1 tiết)

1. Khái quát truyện thơ Nôm

- Khái niệm
- Đặc trưng

- Phân loại
- Quá trình hình thành, phát triển của truyện thơ Nôm
- 2. *Giá trị nội dung*
- Ca ngợi tình yêu tự do
- Ca ngợi cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc, đề cao người phụ nữ
- Tiếng nói tố cáo, lên án xã hội
- 3. *Đặc điểm nghệ thuật*
- Nghệ thuật xây dựng cốt truyện
- Nghệ thuật khắc họa nhân vật
- Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ

II. Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Trình bày đặc trưng và tiêu chí phân loại truyện thơ Nôm
2. Vị trí của truyện thơ Nôm trong văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ

XIX

III. Tự học (7 tiết)

1. Thống kê số lượng tác giả, tác phẩm của truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.
 2. Ngoài tài liệu bắt buộc, tìm đọc các bài viết về tác phẩm “Hoa tiên”, “Sơ kính tân trang”...
- * Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3, 9.

Chương 6: Nguyễn Du và Đoạn trường tân thanh

I. Lí thuyết (3 tiết)

1. *Thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Du*
- Thân thế Nguyễn Du
- Sự nghiệp sáng tác
2. *Tác phẩm “Đoạn trường tân thanh”*
- Một số vấn đề chung
- Giá trị tác phẩm

II. Bài tập, thảo luận (4 tiết)

1. Trình bày những nét lớn về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du
2. Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của “Đoạn trường tân thanh”

III. Tự học (10 tiết)

1. So sánh văn bản “Kim Vân Kiều truyện” với “Đoạn trường tân thanh”
 2. Vị trí của Nguyễn Du và “Đoạn trường tân thanh” trong văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.
- * Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3, 7

Chương 7: Hồ Xuân Hương

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. *Vấn đề về tác giả và tác phẩm Hồ Xuân Hương*
- Vấn đề về tác giả Hồ Xuân Hương
- Vấn đề tác phẩm Hồ Xuân Hương
2. *Giá trị thơ Nôm Hồ Xuân Hương*
- Hồ Xuân Hương – nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ
- Hồ Xuân Hương – nhà thơ trữ tình và trào phúng
3. *Nghệ thuật thơ Hồ Xuân Hương*

- Về ngôn ngữ
- Về hình tượng nghệ thuật

II. Bài tập, thảo luận (3 tiết)

1. Tiếng nói nữ quyền trong thơ Hồ Xuân Hương
2. Hệ thống hình tượng nghệ thuật độc đáo trong thơ Hồ Xuân Hương

III. Tự học (10 tiết)

1. Tìm hiểu giá trị biểu đạt nghệ thuật của ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương
 2. Con người cá nhân trong thơ Hồ Xuân Hương
- * Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3, 11.

Chương 8: Bà huyện Thanh Quan

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Vấn đề về tác giả, tác phẩm

- Tác giả
- Tác phẩm
- 2. *Thơ Bà huyện Thanh Quan – những nỗi cảm hoài*
 - Nỗi niềm hoài cổ
 - Nỗi niềm hoài hương
 - Nỗi niềm cảm thức cá nhân

3. Thơ Bà huyện Thanh Quan – Gương mặt Đường thi chuẩn mực về nghệ thuật

- Đường thi chuẩn mực về thi luật
- Đường thi chuẩn mực về thi ngôn
- Đường thi chuẩn mực về thi ảnh

II. Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Những biểu hiện của niềm hoài cổ trong thơ Nôm Bà huyện Thanh Quan
2. Tính sang nhã, điển phạm trong nghệ thuật thơ Bà huyện Thanh Quan

III. Tự học (10 tiết)

1. Tìm hiểu những nét lớn trong cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Bà huyện Thanh Quan.
 2. Đặc điểm thơ vịnh sử của Bà huyện Thanh Quan
- * Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3, 10

Chương 9: Thơ văn chữ Hán và Cao Bá Quát

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Khái quát về thơ chữ Hán Việt Nam thời trung đại

- Sơ lược quá trình hình thành và phát triển
- Một số tác giả tiêu biểu giai đoạn thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX

2. Thơ chữ Hán Cao Bá Quát

- Thân thế và sự nghiệp Cao Bá Quát
- Nội dung thơ chữ Hán Cao Bá Quát
- Nghệ thuật thơ chữ Hán Cao Bá Quát

II. Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Tìm hiểu quá trình và phát triển của thơ chữ Hán Việt Nam thời trung đại
2. Vị trí thơ chữ Hán Cao Bá Quát trong dòng thơ chữ Hán Việt Nam trung đại

III. Tự học (10 tiết)

Ngoài các tài liệu bắt buộc, đọc thêm các tài liệu viết về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Cao Bá Quát

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3, 11

Chương 10: Hát nói và Nguyễn Công Trứ

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Thể loại hát nói

- Một số vấn đề chung
- Một số đặc điểm nghệ thuật của thể hát nói

2. Nguyễn Công Trứ

- Cuộc đời – sự nghiệp
- Văn chương Nguyễn Công Trứ
- + Giá trị nội dung
- + Giá trị nghệ thuật

II. Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Trình bày khái niệm, nguồn gốc, đặc trưng của thể hát nói
2. Những đóng góp của văn chương Nguyễn Công Trứ trong giai đoạn văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.

III. Tự học (10 tiết)

Tìm hiểu những nét lớn trong cuộc đời và sự nghiệp văn chương Nguyễn Công Trứ.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3, 11

Chương 11: Khái quát giai đoạn văn học nửa sau thế kỷ XIX

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, văn hóa

- Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và cuộc chiến đấu anh dũng chống kẻ thù dân tộc
- Xã hội Việt Nam chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội thực dân nửa phong kiến

2. Khái quát tình hình văn học

- Đặc điểm của văn học giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX và những đổi mới so với văn học giai đoạn trước
- Các khuynh hướng văn học tiêu biểu

II. Bài tập, thảo luận (2 tiết)

1. Những đổi mới của văn học nửa sau thế kỷ XIX
2. Nội dung của khuynh hướng văn học yêu nước chống Pháp

III. Tự học (10 tiết)

So sánh khuynh hướng văn học yêu nước chống Pháp giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX với khuynh hướng văn học yêu nước của văn học nửa đầu thế kỷ XV.

* Hướng dẫn: Đọc các tài liệu 1,2,3,8

Chương 12: Nguyễn Đình Chiểu

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Cuộc đời và sự nghiệp
2. Truyện thơ Nôm
 - “Lục Vân Tiên”
 - “Đương Từ - Hà Mậu”
 - “Ngư Tiều y thuật vấn đáp”

3. Thơ văn sau 1858
4. Đặc trưng nghệ thuật văn chương
 - Nguồn cảm xúc mãnh liệt
 - Sự kết hợp bút pháp tượng trưng với mục đích chuyển tải đạo lí và phản ánh hiện thực

II. Bài tập, thảo luận (3 tiết)

1. Tìm hiểu những bài học đạo lý qua “Lục Vân Tiên” và “Đương Từ - Hà Mậu”
2. Giá trị văn chương yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu

III. Tự học (10 tiết)

1. Những nét lớn trong cuộc đời và sự nghiệp văn chương Nguyễn Đình Chiểu
 2. Đặc điểm của thể “Văn tế” qua “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”
- * Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3,10

Chương 13: Nguyễn Khuyến

I. Lí thuyết (2 tiết)

1. Cuộc đời và sự nghiệp
 - Cuộc đời
 - Sự nghiệp
2. Giá trị văn chương
 - Trào phúng và tự trào – lời cảnh tỉnh thực tại
 - Nhà thơ của tình người, của quê hương làng cảnh Việt Nam
 - Một bậc thầy về sử dụng ngôn từ

Một tài năng tài hoa, đa dạng – sử dụng thành thục nhiều thể tài

- Sự đa dạng, độc đáo trong bút pháp phản ánh và biểu hiện

II, Bài tập, thảo luận (3 tiết)

1. Những nét lớn trong cuộc đời và sự nghiệp văn chương Nguyễn Khuyến
2. Chứng minh và luận giải: Nguyễn Khuyến là nhà thơ làng cảnh Việt Nam?

III. Tự học (10 tiết)

1. Tìm hiểu sự kết hợp giữa bút pháp trào phúng và trữ tình trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến
2. Giá trị biểu đạt nghệ thuật của bộ phận ngôn ngữ dân tộc trong thơ Nguyễn Khuyến.

* Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3,8

Chương 14: Trần Tế Xương

I. Nội dung (2 tiết)

1. Cuộc đời, sự nghiệp văn học
2. Những cách tân nghệ thuật
 - Cách tân thể tài thơ
 - Cách tân ngôn ngữ thơ
 - Cách tân thể loại thơ Đường luật
 - Quan niệm nghệ thuật “vô ngôn” và một ý thức sáng tạo mới
3. Mối quan hệ giữa chất trào phúng và chất trữ tình

II. Bài tập, thảo luận (3 tiết)

1. Những nét lớn trong cuộc đời và sự nghiệp văn chương Trần Tế Xương
2. Con người cá nhân trong thơ văn Trần Tế Xương

III. Tự học (10 tiết)

1. Phương thức tự trào trong thơ Trần Tế Xương
2. Giá trị biểu đạt nghệ thuật của bộ phận ngôn ngữ dân tộc trong thơ Trần Tế Xương.

* Hướng dẫn: Đọc tài liệu 1,2,3,8

8. Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam (Nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX)*, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 1997

Học liệu tham khảo

1. Lã Nhâm Thìn, Vũ Thanh (Đồng chủ biên)..., *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2016.
2. Trần Nho Thìn, *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;

- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;
- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;
- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;
- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* (30%)
- *Kiểm tra - đánh giá giữa kì* (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.

- *Kiểm tra - đánh giá cuối kì* (50%): Viết, 180 phút.

Lịch thi, kiểm tra

- + Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.
- + Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).
- + Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.

- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.32. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

Tổng số tín chỉ: 3 tín chỉ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết

+ Bài tập, thảo luận: 36 tiết

+ Tự học: 135 tiết

Bộ môn phụ trách học phần: Văn học Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII, Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Đặc điểm và quy luật của tiến trình văn học trong bối cảnh lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa... đặc thù; những khuynh hướng văn học lớn; những hiện tượng văn học nổi bật; những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những tri thức về sự phát triển của chữ viết, tiếng Việt, nội dung tư tưởng, phương pháp sáng tác, hệ thống thể loại...

Năng lực đạt được: SV vận dụng vào giảng dạy các tác phẩm văn học thời kỳ từ đầu thế kỷ XX đến 1945 trong các chương trình THPT & THCS; có kỹ năng viết, thuyết trình, thảo luận các vấn đề văn học có liên quan; tiếp tục nghiên cứu các vấn đề văn học sử chuyên sâu của thời kỳ này trong các chương trình đào tạo cao hơn.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể

- Giải thích được một số khái niệm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945, nắm vững để trình bày được những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa dẫn đến quá trình hiện đại hóa văn học, các chặng vận động của nền văn học theo hướng hiện đại, những đặc điểm cơ bản và thành tựu nổi bật của văn học thời kỳ này.

- Trình bày, phân tích, so sánh, luận giải... được các vấn đề cơ bản như tiêu sử, con người, quan điểm nghệ thuật, sự nghiệp sáng tác, tư tưởng - nghệ thuật và những đóng góp vào quá trình hiện đại hóa văn học... của các tác gia tiêu biểu thời kỳ này.

2.2. Về kỹ năng: Học xong học phần, sinh viên phải rèn luyện được kỹ năng đọc hiểu và bước đầu nghiên cứu các vấn đề văn học sử Việt Nam thời kỳ hiện đại hóa (thời kỳ chuyển giao hệ hình từ trung đại sang hiện đại), đọc hiểu và bước đầu nghiên cứu tác gia văn học.

2.3. Về thái độ: Hình thành được trong người học quan điểm khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề của văn học hiện đại.

3. Nội dung học phần

Chương 1. Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

*** Lý thuyết (5 tiết)**

1. Vị trí của văn học thời kỳ này trong tiến trình văn học dân tộc
2. Cơ sở của quá trình hiện đại hóa văn học
3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam thời kỳ này
4. Những thành tựu nổi bật của quá trình hiện đại hóa văn học

*** Bài tập, thảo luận (6 tiết)**

1. Các bước của quá trình hiện đại hóa văn học 45 năm đầu thế kỷ XX? Vì sao nói giai đoạn 1930-1945 là chặng hoàn tất của quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam?

2. Văn học VN từ đầu TK XX đến 1945 đã phân hóa phức tạp như thế nào? Nguyên nhân của sự phân hóa đó?

3. Phân tích cội nguồn của những thành tựu văn học thời kỳ này?

*** Tự học (20 tiết)**

1. Đọc tài liệu và vận dụng các kiến thức đã học để phác thảo diện mạo của văn học Việt Nam thời kỳ này?

2. Làm sáng tỏ những thành tựu về thể loại của quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 45 năm đầu thế kỷ XX.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 4

Chương 2. Tản Đà

* Lý thuyết (3 tiết)

1. Cuộc đời và con người
2. Sự nghiệp trước tác đồ sộ
3. Cảm hứng chủ đạo trong thơ văn Tản Đà
4. Phong cách nghệ thuật thơ Tản Đà
5. Văn xuôi Tản Đà
6. Đóng góp của Tản Đà cho quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu TK XX

* Bài tập/ Thảo luận (4 tiết)

1. Vì sao nói Tản Đà là một “khối mâu thuẫn lớn” (Văn Tâm)?
2. Tính chất dân tộc và yếu tố thời đại trong thơ văn Tản Đà?
3. Phân tích một trong các bài thơ sau: *Muốn làm thằng Cuội*, *Hầu trời*, *Hoa sen nở trước nhất đêm*, *Tự trào*, *Cảm thu tiễn thu*.

* Tự học (12 tiết)

1. Đọc các tiểu thuyết *Giác mộng con* (I, II) và *Giác mộng lớn*.
2. Tìm hiểu về tính chất giao thời trong tiểu thuyết của Tản Đà.
3. Học thuộc một số bài thơ tiêu biểu của Tản Đà: *Muốn làm thằng Cuội*, *Tự trào*, *Hầu trời*, *Lo văn ế...*

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 6, 2, 4, 9

Chương 3. Xuân Diệu

* Lý thuyết (2 tiết)

1. Cuộc đời và con người
2. Hai chặng đường sáng tác của Xuân Diệu
3. Tư tưởng - nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám
4. Văn xuôi Xuân Diệu
5. Nghiên cứu phê bình văn học của Xuân Diệu

* Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)

1. Tại sao có thể nói Xuân Diệu là “đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại” (Hoài Thanh – Hoài Chân)?
2. Đặc điểm của *thơ điệu nói* trong thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám?
3. Dấu ấn thơ tượng trưng trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*.

* Tự học (12 tiết)

1. Đặc điểm văn xuôi và văn phê bình Xuân Diệu?
2. Học thuộc và bình giảng một số bài thơ tiêu biểu trong hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 9, 10, 2

Chương 4. Thạch Lam

* Lý thuyết (2 tiết)

1. Tiểu sử và con người
2. Sự nghiệp sáng tác và quan niệm văn chương của Thạch Lam
3. Thế giới nhân vật trong sáng tác của Thạch Lam
4. Phong cách nghệ thuật truyện ngắn Thạch Lam

* Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)

1. So sánh phong cách truyện ngắn Thạch Lam và Nam Cao, Thạch Lam và Xuân Diệu, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh.

2. Đóng góp của Thạch Lam vào sự phát triển của thể loại truyện ngắn trong quá trình hiện đại hóa văn học đầu thế kỷ XX?

3. Phân tích một trong các truyện ngắn *Nhà mẹ Lê*, *Hai đứa trẻ*, *Gió lạnh đầu mùa*, *Cô hàng xóm*.

*** Tự học (10 tiết)**

1. Đọc *Hà Nội băm sáu phố phường*, *Nghệ thuật ăn Tết* và chỉ ra những nét đặc sắc trong tùy bút của Thạch Lam.

2. Có ý kiến cho rằng Thạch Lam là nhà văn của chủ nghĩa duy cảm, duy mỹ. Ý kiến của anh/ chị thế nào?

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 11, 2

Chương 5. Hồ Biểu Chánh

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1. Cuộc đời và con người

2. Sự nghiệp sáng tác của Hồ Biểu Chánh

3. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh

4. Đóng góp của Hồ Biểu Chánh cho quá trình hình thành và phát triển của thể loại tiểu thuyết hiện đại

*** Bài tập/ Thảo luận (4 tiết)**

1. Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của các tiểu thuyết *Khóc thầm*, *Cha con nghĩa nặng*.

2. Mối quan hệ giữa nội dung hiện thực và nội dung đạo lý trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh?

*** Tự học (15 tiết)**

1. Quan niệm của Hồ Biểu Chánh về đạo đức của người phụ nữ trong các tiểu thuyết *Ai làm được*, *Nhân tình ấm lạnh*, *Khóc thầm*?

2. Đọc và tóm tắt các tiểu thuyết *Thầy thông ngôn*, *Con nhà nghèo*.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 4, 12, 17

Chương 6. Ngô Tất Tố

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1. Tiểu sử và con người

2. Hoạt động báo chí và văn học của Ngô Tất Tố

3. Ngô Tất Tố - Nhà văn của nông thôn và nông dân Việt Nam

4. Đóng góp của Ngô Tất Tố vào quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc đầu thế kỷ XX

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm *Tắt đèn*?

2. Chất phóng sự và chất tiểu thuyết trong tác phẩm *Lều chõng*?

*** Tự học (15 tiết)**

Đọc *Việc làng* và phân tích những giá trị cơ bản của tác phẩm.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 14, 2

Chương 7. Vũ Trọng Phụng

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1. Tiểu sử và con người

2. Quá trình sáng tác và sự vận động tư tưởng của Vũ Trọng Phụng

3. Thế giới quan phức tạp và đầy mâu thuẫn
4. Phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Tường thuật lại “vụ án” Vũ Trọng Phụng.
2. Vì sao có thể nói *Số đỏ* là một cuốn tiểu thuyết hoạt kê vô tiền khoáng hậu trong văn học Việt Nam?
3. Phân tích giá trị hiện thực của thiên phóng sự *Com thầy com cô*.

*** Tự học (12 tiết)**

1. Đọc và tóm tắt các tiểu thuyết *Giông tố*, *Vỡ đê*
2. Có hay không chủ nghĩa tự nhiên trong *Làm đĩ*?

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 15

Chương 8. Nam Cao

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Tiểu sử và con người
2. Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao
3. Vấn đề “đôi mắt” và quan niệm về con người
4. Hai mảng đề tài lớn trong sáng tác của Nam Cao trước cách mạng
5. Phong cách nghệ thuật Nam Cao
6. Đóng góp của Nam Cao vào quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc đầu thế kỷ XX

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Sự khác nhau trong vấn đề đôi mắt của Nam Cao trước và sau cách mạng tháng Tám?
2. Đặc điểm của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong sáng tác của Nam Cao?
3. So sánh phong cách truyện ngắn Nam Cao và Tô Hoài, Thạch Lam.

*** Tự học (12 tiết)**

1. Giá trị nhân đạo mới mẻ trong sáng tác của Nam Cao?
2. Vì sao có thể nói Nam Cao là một bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ?

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 16

Chương 9. Phan Bội Châu

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Cuộc đời và con đường hoạt động cách mạng
2. Con đường sáng tác
3. Phan Bội Châu – Nhà văn chính trị
4. Phan Bội Châu và quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc

*** Bài tập/ Thảo luận (4 tiết)**

1. Bi kịch “lại giống” trong văn chương Phan Bội Châu thời “Ông già Bến Ngự”?
2. Phân tích tính tự truyện trong *Ngục trung thư* và *Phan Bội Châu niên biểu*.
3. Thực hành phân tích bài *Xuất dương lưu biệt*.

*** Tự học (15 tiết)**

1. Học thuộc một số tác phẩm tiêu biểu: *Xuất dương lưu biệt*, *Bài ca chúc Tết thanh niên*.
2. Đọc và tóm tắt *Trùng Quang tâm sử*, *Không trung duyên*

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 7

Chương 10. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

*** Lý thuyết (2 tiết)**

1. Tiểu sử và con đường hoạt động cách mạng
2. Quan điểm sáng tác văn chương của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh
3. Sự nghiệp văn học
4. Phong cách nghệ thuật thơ văn Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

*** Bài tập/ Thảo luận (3 tiết)**

1. Mối quan hệ giữa hoạt động chính trị và hoạt động văn chương của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh?
2. Phong cách nghệ thuật của *Nhật ký trong tù* qua một số bài thơ cụ thể: *Mộ; Tảo giải; Tân xuất ngục, học đặng sơn...*
3. Phong cách truyện ngắn Nguyễn Ái Quốc qua chùm truyện viết bằng tiếng Pháp: *Vi hành, Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu, Lời than vãn của bà Trưng Trắc...*

*** Tự học (15 tiết)**

1. Phong cách văn chính luận qua *Bản án chế độ thực dân Pháp* và *Tuyên ngôn độc lập*.
2. Học thuộc lòng một số bài thơ tiêu biểu của Hồ Chí Minh trong *Nhật ký trong tù* và chùm thơ ra đời trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 3, 8

8. Tài liệu học tập

Học liệu bắt buộc

1. Trần Đăng Suyền (chủ biên), Nguyễn Văn Long (đồng chủ biên), Lê Quang Hưng, Trịnh Thu Tiết, Giáo trình *Văn học Việt Nam hiện đại, tập I* (Từ đầu thế kỷ XX đến 1945), Nxb ĐH Sư phạm, 2010.

Học liệu tham khảo

1. Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Văn học Việt Nam 1900-1945, Nxb Giáo dục, 2008.
2. Nguyễn Đăng Mạnh, *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam 1930-1945*, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 2000.
3. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt Nam hiện đại: khảo cứu và suy ngẫm.*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;
- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;
- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;
- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;
- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* (30%)
- *Kiểm tra - đánh giá giữa kì* (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.
- *Kiểm tra - đánh giá cuối kì* (50%): Viết, 150 phút.

Lịch thi, kiểm tra

- + Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.
- + Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).
- + Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.
- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.33. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY

Tổng số tín chỉ: 3 tín chỉ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
- + Bài tập, thảo luận: 36 tiết
- + Tự học: 135 tiết

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Văn học Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Những điều kiện lịch sử, văn hoá, xã hội của văn học Việt Nam từ 1945 đến nay; quá trình vận động; đặc điểm và quy luật vận động của nền văn học; thành tựu và hạn chế của nền văn học; sự vận động của hai thể loại chính: thơ và văn xuôi; những tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

Năng lực đạt được: SV có đủ năng lực đảm nhiệm việc dạy phần Văn học Việt Nam hiện đại, nhất là giai đoạn từ 1945 đến nay, ở nhà trường phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành, quản lí bộ môn/ ngành tại các cơ sở giáo dục trong cả nước.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể

- Hiểu được những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 đến nay, như: tiền đề lịch sử, xã hội và văn hóa, các chặng và quy luật vận động, đặc điểm, thành tựu và hạn chế.

- Hiểu, phân tích, đánh giá được vị trí, vai trò và sự vận động của hai thể loại chính Thơ và Văn xuôi trong nền văn học Việt Nam

- Phân tích, luận giải được các vấn đề cơ bản liên quan đến nghiên cứu tác gia, tác phẩm, như tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, quan điểm nghệ thuật, phong cách cá tính... và những đóng góp vào tiến trình vận động văn học của các tác gia tiêu biểu thời kỳ này.

2.2. Về kỹ năng: Có kỹ năng sư phạm để giảng dạy chương trình Văn học Việt Nam hiện đại, giai đoạn từ 1945 đến nay theo hướng đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa & phương pháp dạy học, đó là: có tư duy so sánh; có năng lực tích hợp kiến thức lên ngành với chuyên ngành trong môn dạy, giờ dạy; Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng việc cập nhật thông tin, nâng cao chất lượng giờ học.

2.3. Về thái độ: Hình thành được trong người học quan điểm khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề văn học hiện đại.

3. Nội dung học phần

Chương 1. Những điều kiện lịch sử, xã hội của nền văn học Việt Nam từ sau 1945 đến nay

*** Lý thuyết (3 tiết)**

1.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1975

- Sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng cộng sản
- Cuộc dịch chuyển lớn về môi trường hoạt động của văn học nghệ thuật
- Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài 30 năm

1.2. Giai đoạn từ 1975 đến nay

- Đất nước hòa bình, thống nhất, phát triển theo hướng hội nhập quốc tế - vận hội và thách thức

- Những chuyển biến trong ý thức con người và toàn xã hội: mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, tinh thần dân chủ và tôn trọng sự thật, xu hướng hội nhập vào đời sống quốc tế trong nhiều lĩnh vực

* Thảo luận (5 tiết)

- Tác động của thời đại tới đời sống văn học Việt Nam ở hai chặng trước và sau như thế nào?

- Sự thay đổi lớn trong đời sống chính trị xã hội của đất nước trước và sau 1975 liệu có tạo nên những chuyển biến khác biệt của văn học Việt Nam không?

* Tự học (20 tiết)

- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá vai trò, tác động của đời sống xã hội đối với văn học;

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá vai trò đặc biệt của Đảng với nền văn học sau 1975.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 3, 9, 15

Chương 2. Những đặc điểm cơ bản của nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975

* Lý thuyết (3 tiết)

2.1. Một giai đoạn văn học tập trung thực hiện nhiệm vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu.

2. 2. Một giai đoạn văn học hướng về đại chúng, trước hết là công nông binh.

2. 3. Một giai đoạn văn học chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

* Thảo luận (4 tiết)

- Tác động của thời đại trong việc hình thành nên đặc điểm/ diện mạo của nền văn học giai đoạn 1945 – 1975 như thế nào.

* Tự học (12 tiết)

Tiếp tục nghiên cứu, phân tích lý giải vai trò đặc biệt của Đảng với nền văn học sau 1975.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 15,9.

Chương 3. Quá trình vận động phát triển, thành tựu và hạn chế của Văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến 1975.

* Lý thuyết: 3 tiết

3.1. Các chặng đường lịch sử của Văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945 đến 1975.

3.1.1. Chặng 1945- 1946: Văn học trong những năm đầu sau CM- ngày hội lớn của dân tộc.

3.1.2. Chặng 1946- 1954: Văn học thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

3.1.3. Chặng 1954- 1964: Văn học phục vụ nhiệm vụ chính trị của cả hai miền (CMXHCN ở miền Bắc và CMDTDC ở miền Nam).

3.1.4. Chặng 1964- 1975: Văn học trong cao trào chống Mỹ cứu nước trên cả hai miền

3.2. Những nét lớn về thành tựu của Văn học Việt Nam từ 1945- 1975

3.2.1. Thành tựu về đội ngũ

3.2.2. Thành tựu về nội dung tư tưởng

3.2.3. Thành tựu về thể loại.

3.3. Một số hạn chế

3.3.1. Hạn chế về nội dung

3.3.2. Hạn chế về hình thức nghệ thuật

* **Thảo luận (4 tiết)**

- Tại sao diễn biến vận động của văn học Việt Nam 1945 – 1975 lại diễn ra qua ba chặng? Qua mỗi chặng, văn học có những thay đổi gì cơ bản?

- Tìm nguyên nhân khách quan và chủ quan làm nên thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam 1945 – 1975.

* **Tự học (12 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu giải đáp hai nội dung của phần thảo luận

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 9, 15

Chương 4. Sự vận động của thơ 1945 – 1975

* **Lý thuyết (2 tiết)**

4.1. Thơ năm đầu cách mạng

4.2. Thơ giai đoạn kháng chiến chống Pháp

4.3. Thơ những năm miền Bắc hòa bình

4.4. Thơ giai đoạn kháng chiến chống Mỹ

* **Thảo luận (3 tiết)**

- Vị trí, vai trò của thơ trong sự vận động, phát triển của văn học Việt Nam 1945 – 1975

- Nguyên nhân hình thành các xu hướng của thơ Việt Nam 1945 – 1975

* **Tự học (10 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu phân tích, đánh giá vị trí, vai trò của thơ trong sự vận động, phát triển của văn học Việt Nam 1945 – 1975

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 6, 17

Chương 5. Một số phong cách thơ tiêu biểu

* **Lý thuyết (3 tiết)**

5.1. Tố Hữu và phong cách thơ trữ tình - chính trị

- Phong cách nghệ thuật: Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị

+ Cảm hứng thơ gắn liền với chính trị

+ Hình tượng thơ sử thi

+ Giọng thơ trữ tình thương mến

5.2. Chế Lan Viên và phong cách thơ triết lý

- Phong cách thơ Chế Lan Viên

+ Tính luận đề trong cảm xúc thơ

+ Hình tượng thơ mang chiều sâu triết lý

+ Giọng thơ luận lý và hình thức thơ “văn xuôi”

5.3. Phạm Tiến Duật và Thơ trẻ chống Mỹ

- Sự xuất hiện và quá trình trưởng thành của thơ trẻ chống Mỹ

- Đặc điểm của thơ trẻ chống Mỹ

+ Hồn nhiên, trẻ trung, sôi nổi

+ Tính triết lý

+ Tính trữ tình

*** Thảo luận (3 tiết)**

- Thảo luận làm rõ hơn phong cách, cá tính của 3 tác giả

*** Tự học (15 tiết)**

Nghiên cứu và tìm ra các tác giả/ tác phẩm chịu ảnh hưởng của ba phong cách trên.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,4, 5, 11

Chương 6. Đặc điểm, các khuynh hướng, thành tựu của truyện và ký 1945 – 1975

*** Lý thuyết (2 tiết)**

6.1. Đặc điểm, các khuynh hướng của truyện và ký 1945 – 1975

- Truyện và ký bám sát hiện thực đời sống, (chủ yếu trên bình diện lịch sử), kịp thời ghi lại và tạo dựng những bức tranh chân thực về một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc

- Truyện và ký thể hiện sự nhận thức ngày càng sâu sắc về hình tượng con người quần chúng

- Điều kiện lịch sử, xã hội tạo cho truyện và ký giai đoạn 1945 -1975 những dáng nét, đặc điểm riêng với sự ưu thế của các thể loại ngắn như: ký, truyện ngắn

- Ý thức ngày càng rõ nét về vai trò của chủ thể sáng tác, phong cách cá nhân

6.2. Thành tựu và hạn chế của truyện và ký 1945 – 1975

- Thành tựu:

- + Về nội dung

- + Về nghệ thuật

- Hạn chế

- + Đề tài hạn hẹp

- + Chưa có những cách tân về thể loại

- + Thiếu vắng thể phóng sự

*** Thảo luận (3 tiết)**

- Dấu ấn riêng của các loại hình thể loại

- Giới thiệu các tác giả và tác phẩm tiêu biểu ở các loại hình cụ thể

*** Tự học (15 tiết)**

- Nghiên cứu sâu hơn về thành tựu và hạn chế của truyện và ký dưới góc nhìn thể loại.

Hướng dẫn đọc các tài liệu: số 1, 7, 8, 17

Chương 7. Một số phong cách văn xuôi tiêu biểu

*** Lý thuyết (3 tiết)**

7.1. Tô Hoài

- * Phong cách nghệ thuật

- + Cảm hứng sáng tác thiên về những vấn đề đời thường, thế sự

- + Khả năng quan sát và miêu tả tinh tế

- + Giọng văn duyên dáng, dí dỏm

7.2. Nguyễn Khải

- * Phong cách nghệ thuật

- + Húng thú khám phá, phản ánh hiện thực có “tính vấn đề”

- + Hình tượng giàu ý nghĩa triết lý, khái quát gắn liền với những vấn đề mang tính xã hội

- + Trần thuật mang sắc thái chính luận, triết luận đậm nét

7.3. Nguyễn Trung Thành

* Phong cách nghệ thuật

+ Đề tài, chủ đề gắn liền với những vấn đề trọng đại của đất nước, dân tộc

+ Hình tượng trong tác phẩm mang tính khái quát, biểu tượng cho dân tộc, thời đại

+ Giọng điệu và ngôn ngữ đậm tính sử thi

* Thảo luận (3 tiết)

- Chọn phân tích những tác phẩm tiêu biểu cho phong cách của mỗi tác giả

* Tự học (10 tiết)

- Tiếp tục phân tích những tác phẩm tiêu biểu cho phong cách của mỗi tác giả

- Chỉ ra điểm mạnh và hạn chế của ba phong cách trên.

Hướng dẫn đọc các tài liệu: số 2, 10, 15,16,18,20,21

Chương 8. Nhu cầu đổi mới văn học sau 1975

* Lý thuyết (2 tiết)

8.1 Tác động từ phía khách quan

- Bối cảnh lịch sử - xã hội và văn hóa

- Nguồn văn học dịch

- Các nguồn thông tin văn hóa

8.2. Từ phía chủ quan

- Nhu cầu của bạn đọc

- Nhu cầu của chính tác giả

* Thảo luận (3 tiết)

- Trong tác động khách quan và chủ quan, tác động nào là chủ yếu dẫn tới đổi mới văn học sau 1975?

* Tự học (12 tiết)

Tìm, nhận xét, luận giải sâu một vấn đề nào đó của sự tác động (tác động ở cả chiều thuận và chiều nghịch)

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 7, 8, 21

Chương 9. Đặc điểm văn học Việt Nam sau 1975

* Lý thuyết (3 tiết)

9.1. Văn học vận động theo hướng dân chủ hóa

9.2. Tinh thần nhân bản và ý thức cá nhân là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo, bao trùm trong nền văn học giai đoạn này

9.3. Văn học phát triển phong phú, đa dạng, phức tạp, hướng tới tính hiện đại

* Thảo luận (4 tiết)

- So sánh sự giống và khác nhau trong đặc điểm của văn học giai đoạn này với các giai đoạn văn học trước đó.

* Tự học (10 tiết)

Tiếp tục nghiên cứu để tìm ra sự giống và khác nhau trong đặc điểm của văn học giai đoạn này với các giai đoạn văn học trước đó.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 9, 7, 18, 21

Chương 10. Nhìn chung về sự đổi mới của văn xuôi sau 1975

* Lý thuyết (2 tiết)

10.1. Đổi mới trong quan niệm và cách tiếp cận hiện thực

10.2. Đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người

11.3. Đổi mới trong nghệ thuật trần thuật

11.4. Đổi mới trong cấu trúc thể loại và ngôn ngữ

* **Thảo luận (3 tiết)**

- So sánh với cách tiếp cận hiện thực của văn xuôi 1945 – 1975
- So sánh sự đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người của văn xuôi sau 1975
- So sánh sự đổi mới trong quan niệm trần thuật của văn xuôi sau 1975.

* **Tự học (10 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu 3 nội dung thảo luận

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 9,7,16, 18, 21

Chương 11. Một số gương mặt văn xuôi tiêu biểu

* **Lý thuyết (3 tiết)**

- 11.1. Nguyễn Minh Châu
- 11.2. Nguyễn Huy Thiệp
- 11.3. Hồ Anh Thái

* **Thảo luận (4 tiết)**

- Vai trò “mở đường” của Nguyễn Minh Châu trên hành trình đổi mới văn xuôi.
- Vai trò “đỉnh cao” của Nguyễn Huy Thiệp trên hành trình cách tân văn xuôi sau 1975
- Vai trò tiếp nối và phát triển của Hồ Anh Thái trên hành trình cách tân văn xuôi sau 1975

* **Tự học (15 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu sâu 3 nội dung thảo luận:

- Vai trò “mở đường” của Nguyễn Minh Châu trên hành trình đổi mới văn xuôi.
- Vai trò “đỉnh cao” của Nguyễn Huy Thiệp trên hành trình cách tân văn xuôi sau 1975
- Vai trò tiếp nối và phát triển của Hồ Anh Thái trên hành trình cách tân văn xuôi sau 1975

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 9, 3, 16,18,21

Chương 12. Nhìn chung về diện mạo và sự đổi mới của thơ sau 1975

* **Lý thuyết (3 tiết)**

- 12.1. Một số xu hướng thơ sau 1975
 - Tiếp tục mạch cảm hứng sử thi nhưng thiên về bi tráng và gắn với trải nghiệm, kinh nghiệm cá nhân
 - Hướng vào đời sống thế sự và trở về cái tôi cá nhân
 - Đi sâu khai thác con người bản thể ở phần tâm linh, vô thức
 - Xu hướng thiên về tân hình thức
- 12.2. Nhìn chung về sự đổi mới của thơ sau 1975
 - Tính chất phi sử thi hóa, hướng vào đời sống thế sự và cá nhân đã làm xuất hiện nhiều dạng thức mới của cái tôi trữ tình trong thơ sau 1975
 - Thơ muốn vượt ra khỏi cái truyền thống duy cảm“ của thơ phương đông để đi theo hai hướng sau: đưa thơ gần với văn xuôi, với triết học hoặc đưa thơ về với tâm linh, vô thức.
 - Về hình thức, tự do hóa là xu hướng bao trùm

* **Thảo luận (3 tiết)**

- Hành trình đổi mới thơ sau 1975 kế thừa được những gì từ những giai đoạn trước?

- Cách tân nổi bật của thơ sau 1975?

*** Tự học (10 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu sâu hai nội dung thảo luận

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 3, 5, 14

Chương 13. Một số gương mặt thơ tiêu biểu

*** Lý thuyết (2 tiết)**

13.1. Lê Đạt

- Giới thiệu tác giả, sự nghiệp, quan điểm nghệ thuật

- Một vài tác phẩm tiêu biểu

13.2. Nguyễn Quang Thiều

- Giới thiệu tác giả, sự nghiệp, quan điểm nghệ thuật

- Một vài tác phẩm tiêu biểu

*** Thảo luận (3 tiết)**

- Thảo luận thi pháp thơ Lê Đạt và Nguyễn Quang Thiều

- Sự tiếp nối, kế thừa và sáng tạo của hai cây bút

*** Tự học (10 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu sâu hai nội dung thảo luận

- Thi pháp thơ Lê Đạt và Nguyễn Quang Thiều

- Sự tiếp nối, kế thừa và sáng tạo của hai cây bút

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 3, 5, 14

Chương 14. Lý luận phê bình của nền văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

*** Lý thuyết (1tiết)**

- Lực lượng nghiên cứu, phê bình

- Các xu hướng nghiên cứu, phê bình

- Một số thành tựu

*** Thảo luận (3 tiết)**

- Thảo luận về sự đặc thù của lực lượng nghiên cứu, phê bình ở Việt Nam

- Vai trò của phê bình trong đời sống sáng tác

*** Tự học (10 tiết)**

Tiếp tục nghiên cứu sâu hai nội dung thảo luận:

- Thảo luận về sự đặc thù của lực lượng nghiên cứu, phê bình ở Việt Nam

- Vai trò của phê bình trong đời sống sáng tác

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 3,9, 8,21

8. Tài liệu học tập

8.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Long (Cb), *Văn học Việt nam từ sau cách mạng tháng tám năm 1945*, Nxb DDHSP, 2017.

8.2. Học liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (đồng chủ biên), *Văn học Việt Nam sau 1975, những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, H, 2006

2. Nguyễn Đăng Mạnh (Cb), *Lịch sử văn học Việt Nam, tập 3*, Nxb ĐHSP, 2004.

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;
- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;
- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;
- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;
- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* (30%)
- *Kiểm tra - đánh giá giữa kì* (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.
- *Kiểm tra - đánh giá cuối kì* (50%): Viết, 180 phút.

Lịch thi, kiểm tra

- + Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.
- + Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).
- + Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.
- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.34. VĂN HỌC TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 2 (18; 24,90)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn học nước ngoài, khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái lược tiến trình phát triển của văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại; tìm hiểu, khám phá giá trị của các hiện tượng văn học có ý nghĩa tiêu biểu, điển hình, có ảnh hưởng quan trọng đối với văn học Việt Nam (Kinh thi, thơ Đường, tiểu thuyết Minh Thanh, truyện ngắn Lỗ Tấn), các tác phẩm được tuyển chọn trong chương trình ngữ văn ở trường phổ thông.

Năng lực đạt được: SV phân tích được tác phẩm văn học Trung Quốc, giảng dạy tốt tác phẩm văn học Trung Quốc trong chương trình Ngữ văn phổ thông, có tiềm lực để học tập, nghiên cứu văn học Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Có kiến thức khái quát về tiến trình cơ bản của văn học Trung Quốc; tìm hiểu, khám phá những đỉnh cao văn học với những tác phẩm, tác gia tiêu biểu; những đóng góp về tư tưởng và nghệ thuật của văn học Trung Quốc đối với văn học thế giới; hiểu sâu về thơ Đường, tiểu thuyết Minh Thanh và truyện ngắn Lỗ Tấn.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có phương pháp, kỹ năng nghiên cứu văn bản, xử lý bản dịch, phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật để dạy học những tác phẩm văn học Trung Quốc có trong chương trình ngữ văn ở trường phổ thông, và có điều kiện để hiểu sâu hơn một số hiện tượng cụ thể của văn học Việt Nam có liên quan;

- Học cách phát hiện, tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Có quan điểm khách quan, khoa học trong nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá văn học nước ngoài; đánh giá đúng mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc...

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ VĂN HỌC TRUNG QUỐC (2; 1)

1.1. Khái lược về tiến trình lịch sử xã hội và văn học Trung Quốc

1.1.1. Tiến trình lịch sử

1.1.2. Tiến trình văn học

1.2. Các giai đoạn của tiến trình văn học Trung Quốc

1.2.1. Văn học Tiên Tần

1.2.2. Văn học Tần Hán

1.2.3. Văn học Ngụy Tấn Nam Bắc triều

1.2.4. Văn học Tùy Đường Ngũ đại

1.2.5. Văn học Tống Nguyên

1.2.6. Văn học Minh Thanh

1.2.7. Văn học cận – hiện đại

Chương 2. THƠ CA TIÊN TẦN (3; 4)

2.1. Kinh Thi

2.1.1. Giới thiệu chung

a) Lai lịch *Kinh Thi*

b) Giá trị nội dung

c) Giá trị nghệ thuật

2.1.2. Một số bài thơ tiêu biểu

2.2. Khuất Nguyên và Sở từ

2.2.1. Thời đại và cuộc đời Khuất Nguyên

2.2.2. *Sở từ* và tác phẩm Khuất Nguyên

2.2.3. *Ly tao*

Chương 3. SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN (2; 3)

3.1. *Thân thế, sự nghiệp Tư Mã Thiên*

3.2. *Giá trị của bộ Sử ký*

3.2.1. Giá trị sử học

3.2.2. Giá trị văn học

Chương 4. THƠ ĐƯỜNG (4; 6)

4.1. Khái quát

4.1.1. Nguyên nhân phồn vinh của thơ Đường

4.1.2. Quá trình phát triển và thành tựu của thơ Đường

4.1.3. Đặc điểm thơ Đường

4.2. Ba nhà thơ tiêu biểu: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị

4.2.1. Lý Bạch (701-762)

4.2.2. Đỗ Phủ (712-770)

4.2.3. Bạch Cư Dị (772-846)

Chương 5. TẠP KỊCH NGUYÊN VÀ TIỂU THUYẾT MINH THANH (4; 6)

5.1. Tạp kịch Nguyên

5.1.1. Sự trỗi dậy và phồn vinh của tạp kịch

5.1.2. Quan Hán Khanh và vở *Đậu Nga oan*

5.1.3. Vương Thực Phủ và vở *Tây sương ký*

5.2. Tiểu thuyết Minh Thanh

- 5.2.1. Vài nét về bối cảnh lịch sử và tình hình văn học thời Minh Thanh
- 5.2.1.1. Nguyên nhân phồn vinh của tiểu thuyết Minh – Thanh
- 5.2.1.2. Quá trình phát triển và vấn đề phân loại tiểu thuyết Minh - Thanh
- 5.2.2. Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu
- 5.2.2.1. *Tam quốc diễn nghĩa*
- 5.2.2.2. *Tây du ký*
- 5.2.2.3. *Liêu trai chí dị*
- 5.2.2.4. *Hồng lâu mộng*

Chương 6. VĂN HỌC HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC (3; 4)

6.1. Khái quát văn học cận – hiện đại Trung Quốc (1840-1949)

6.1.1. Văn học cận đại (1840-1919)

- a) Bối cảnh xã hội
- b) Tình hình văn học

6.1.2. Văn học hiện đại (1919-1949)

- a) Bối cảnh xã hội
- b) Tình hình văn học
- c) Tác phẩm tiêu biểu

6.2. Lỗ Tấn (1881-1936)

6.2.1. Quá trình tư tưởng và sáng tác

- a) Thời kỳ trước Ngũ Tứ
- b) Thời kỳ 1918-1927
- c) Thời kỳ 1928-1936

6.2.2. Tiểu thuyết (truyện ngắn) Lỗ Tấn

- a) Các chủ đề chính
- b) Nghệ thuật tiểu thuyết

6.2.3. *AQ chính truyện*

- a) Các chủ đề chính
- b) Nhân vật điển hình AQ

4. Yêu cầu đối với môn học

Sinh viên phải hội đủ các điều kiện sau đây mới được dự thi kết thúc học phần:

- a) Dự đủ 80% số giờ lên lớp của học phần (không kể là lý thuyết hay thảo luận, thực hành)
- b) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu bắt buộc của học phần theo quy định trong đề cương chi tiết học phần (làm các loại bài tập, bài kiểm tra thường xuyên và giữa kỳ)
- c) Không vi phạm kỷ luật trong học tập, nội quy học đường từ mức cảnh cáo trở lên.

Sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần hoặc bị điểm F ở kỳ thi chính phải đăng ký học lại để được tham dự kỳ thi phụ (nếu trường có tổ chức kỳ thi phụ) hoặc kỳ thi chính ở học kỳ tiếp theo.

5. Phương pháp dạy học

Thuyết trình, thảo luận (nhóm, lớp), thực hành (cá nhân, nhóm)

6. Kế hoạch tự vấn

Trong quá trình dạy học, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nội dung, hình thành phương pháp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; giải đáp hoặc hướng dẫn sinh viên tự tìm lời giải cho những thắc mắc nảy sinh trong quá trình học tập của bản thân (nếu có).

7. Trang thiết bị

Phòng học phải đủ điều kiện để chia nhóm thảo luận, tổ chức thuyết trình; thư viện phải có đủ các đầu sách phục vụ môn học để sinh viên có thể sử dụng theo nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của họ.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần): Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Dư Quan Anh, Lê Huy Tiêu (BD) *Lịch sử văn học Trung Quốc* tập 1 + 2, Nxb Giáo dục, 1997 + 1998.

9.2. Sách tham khảo

1. Lê Huy Tiêu, Lương Duy Thứ (Chủ biên), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, (tập 2), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.

2. PGS.TS Hồ Sĩ Hiệp, *Văn học Trung Quốc với Nhà Trường* (tiểu luận), Nxb ĐHQG TP.HCM, H., 2006

3. Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, (tập 2), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2002.

10.35. VĂN HỌC ÁN ĐỘ, NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á

Số tín chỉ: 2 (18, 24,90)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: bộ môn Văn học Nước ngoài, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức

Điều kiện tiên quyết: Văn học, nhà văn, bạn đọc; Tác phẩm văn học và thể loại văn học.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Lược sử văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến năm 1950; tìm hiểu những đóng góp nổi bật của nền văn học Ấn Độ cho nền văn hóa, văn học thế giới qua: sử thi Mahabharata, Ramayana, Tagore (1861 – 1941); Lược sử văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến năm 1868, những hiện tượng nổi bật: Massuo Basho (1644 – 1694) với thơ Haiku, Yasunari Kawabata (1899 – 1972); Khái lược về văn hóa, văn học Đông Nam Á, tìm hiểu một số nền văn học tiêu biểu ở Đông Nam Á (Lào, Campuchia, Thái Lan...).

Năng lực đạt được: SV phân tích được các tác phẩm văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á, giảng dạy tốt các tác phẩm văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á trong chương trình Ngữ văn phổ thông, có tiềm lực để học tập, nghiên cứu văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được kiến thức cơ bản về văn học Ấn Độ: quá trình phát triển từ thần thoại Ấn Độ qua các thời kì; Hiểu rõ được giá trị tư tưởng, nghệ thuật, phẩm chất nhân vật anh hùng sử thi Ấn Độ qua Ramayana và Mahabharata. Có được hiểu biết sâu sắc về Tagore, một nhà thơ thiên tài, một nhà văn hóa lớn của Ấn Độ, cũng như nắm bắt được những giá trị về nội dung tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của ông.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học Nhật Bản: Quá trình phát triển và đặc điểm của văn học Nhật Bản qua các thời kì; Hiểu rõ về cuộc đời Masuo Basho, những đóng góp to lớn của ông cho nội dung và nghệ thuật của thể thơ

Haiku. Nắm vững về cuộc đời, quá trình sáng tạo và những đặc sắc về nghệ thuật tiêu thuyết của tác giả Y. Kawabata.

- Nắm được kiến thức cơ bản về văn học Đông Nam Á: Những đặc điểm chung cũng như nét riêng của văn học khu vực Đông Nam Á, các nền văn học tiêu biểu của các quốc gia trong khu vực.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, nghiên cứu các hiện tượng tiêu biểu của văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á một cách khách quan, khoa học. Từ đó có điều kiện để hiểu sâu hơn một số hiện tượng văn học cụ thể của Việt Nam.

- Có cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Suu tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập và nghiên cứu
- Có kỹ năng thiết kế giáo án, tổ chức dạy học Văn học nước ngoài ở bậc học phổ thông; có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, có tư duy phê phán, tư duy sáng tạo để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn giáo dục phổ thông.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ tích cực học tập tích lũy chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Văn học nước ngoài ở bậc học phổ thông, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phần thứ nhất: Văn học Ấn Độ. (10, 2, 10)

1. *Lược sử văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến 1950.*

1.1- Văn học dân gian Ấn Độ.

1.1.1. Thần thoại Ấn Độ.

1.1.2. Sử thi Ấn Độ.

1.2. Văn học viết Ấn Độ.

1.2.1. Văn học cổ điển.

1.2.2. Văn học trung đại.

1.2.3. Văn học cận hiện đại.

2. *Sử thi Ấn Độ (Ramayana và Mahabharata)*

2.1. Nguồn gốc.

2.2. Sử thi *Mahabharata*

2.3. Sử thi *Ramayana*.

2.3.1. Nguồn gốc và quá trình hình thành sử thi *Ramayana*.

2.3.1.1. Valmiky và quá trình hình thành tác phẩm

2.3.1.2. Quá trình lưu truyền *Ramayana* và ảnh hưởng của nó trong đời sống tinh thần Ấn Độ.

2.3.1.3. Ảnh hưởng của sử thi *Ramayana*

2.3.2. Giá trị nội dung tư tưởng của sử thi *Ramayana*.

2.3.2.1. Trên bình diện lịch sử xã hội.

2.3.2.2. Trên bình diện đạo đức thẩm mỹ.

2.3.2.3. Trên bình diện tư tưởng triết học.

2.3.3. Một số đặc điểm thi pháp sử thi *Ramayana*.

2.3.3.1. Sự thâm nhập giữa tư duy tôn giáo và tư duy nghệ thuật

2.3.3.2. Nghệ thuật khắc họa nhân vật

2.3.3.3. Một số thủ pháp nghệ thuật cơ bản.

3. *Rabindranath Tagore (1861 - 1941)*

3.1. Thời đại R. Tagore.

- 3.1.1. Tiếp xúc Đông - Tây và quá trình thức tỉnh Ấn Độ.
- 3.1.2. Đời sống cá nhân.
- 4.1.3. Đóng góp của R. Tagore cho quá trình phục hưng Ấn Độ.
- 3.2. Thơ R. Tagore.
 - 3.2.1. Quan niệm triết học về con người trong thơ R. Tagore
 - 3.2.2. Những cảm hứng chủ đạo trong thơ R. Tagore
 - 3.2.3. Một số đặc điểm thi pháp thơ R. Tagore.

Phần thứ hai: Văn học Nhật Bản (6, 2, 6)

1. *Lược sử văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868.*

- 1.1. Một cái nhìn khái lược.
 - 1.1.1. Ngọn nguồn văn học Nhật Bản.
 - 1.1.2. Sự hình thành văn học viết Nhật Bản.
 - 1.1.3. Một số thể loại tiêu biểu trong văn học Nhật Bản.
- 1.2. Một giai đoạn phát triển rực rỡ của văn học Nhật Bản.
 - 1.2.1. Văn học thời Hejan (IX - XII)
 - 1.2.2. Văn học trung đại (XIII - XV)
 - 1.2.3. Văn học thời Edo (XVII - 1868)

2. *Matsuo Bashô (1644 - 1694) và thơ Haiku.*

- 2.1. Cuộc đời một tài năng.
 - 2.1.1. Thời đại.
 - 2.1.2. Hoàn cảnh xuất thân.
 - 2.1.3. Quan điểm tư tưởng.
- 2.2. Quá trình sáng tạo.
 - 2.2.1. Hành trình đến với thơ ca của M. Bashô
 - 2.2.2. Tác phẩm *Lối lên miền Oku*
- 2.3. Thơ Haiku của M. Bashô
 - 2.3.1. Nguồn gốc thơ Haiku
 - 2.3.2. Những đặc sắc về nội dung tư tưởng của thơ Haiku
 - 2.3.3. Đặc trưng cấu trúc thơ Haiku

3. *Y. Kawabata (1899 - 1972)*

- 3.1. Cuộc đời một tài năng.
 - 3.1.1. Thời đại Y. Kawabata.
 - 3.1.2. Đời sống cá nhân.
 - 3.1.3. Quan điểm tư tưởng.
- 3.2. Con đường sáng tạo của Y. Kawabata.
 - 3.2.1. Quan điểm thẩm mỹ.
 - 3.2.2. Quá trình sáng tạo.
 - 3.2.3. Tiểu thuyết Y. Kawabata.
- 3.3. Một số đặc điểm thi pháp tiểu thuyết Y. Kawabata.
 - 3.3.1. Y. Kawabata - Người đi tìm cái đẹp.
 - 3.3.2. Thi pháp chân không.
 - 3.3.3. Thế giới biểu tượng.

Phần thứ ba: Văn học các nước Đông Nam Á (2, 0,4)

1. *Văn học Đông Nam Á - một cái nhìn khái lược.*

- 1.1. Khái quát chung về văn hóa Đông Nam Á.
 - 1.1.1. Vài nét về địa lý, lịch sử, chủng tộc.
 - 1.1.2. Ngôn ngữ, phong tục tập quán.

- 1.1.3. Những cuộc tiếp xúc văn hóa trong lịch sử Đông Nam Á.
- 1.2. Văn học dân gian Đông Nam Á.
 - 1.2.1. Văn minh lúa nước - ngọn nguồn của văn học dân gian ĐNA.
 - 1.2.2. Truyện kể dân gian Đông Nam Á.
 - 1.2.3. Thơ ca dân gian Đông Nam Á.
- 1.3. Văn học viết Đông Nam Á.
 - 1.3.1. Quá trình hình thành nền văn học viết Đông Nam Á.
 - 1.3.2. Một số thể loại tiêu biểu.

2. Một số nền văn học tiêu biểu.

- 2.1. Văn học Lào.
 - 2.1.1- Đất nước, lịch sử, dân tộc Lào.
 - 2.1.2- Văn học dân gian Lào.
 - 2.1.3- Văn học thành văn.
- 2.2. Văn học Campuchia .
 - 2.2.1- Đất nước, lịch sử, dân tộc Campuchia.
 - 2.2.2- Văn học dân gian Campuchia.
 - 2.2.3- Văn học thành văn.
- 2.3. Văn học Thái Lan
 - 2.3.1- Đất nước, lịch sử, dân tộc Thái Lan.
 - 2.3.2- Văn học dân gian Thái Lan.
 - 2.3.3- Văn học thành văn.
- 2.4. Văn học Indônêxia.
 - 2.4.1- Đất nước, lịch sử, dân tộc Indônêxia.
 - 2.4.2- Văn học dân gian Indônêxia.
 - 2.4.3- Văn học thành văn.
- 2.5. Văn học Philippin.
 - 2.5.1- Đất nước, lịch sử, dân tộc Philippin.
 - 2.5.2- Văn học dân gian Philippin.
 - 2.5.3- Văn học thành văn.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham gia đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết học thảo luận thực hành (có sự hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phan Nhật Chiêu, *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, NXB Giáo dục, HN, 2003.
2. Lưu Đức Trung, *Văn học Ấn Độ*, NXB Giáo dục, HN, 2000.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đức Ninh (chủ biên), *Văn học các nước Đông Nam Á*, NXB ĐHQG, HN, 2002
2. Đào Xuân Quý, *Thơ Tago*, NXB Văn hoá – Thông Tin, HN, 2001
3. Nguyễn Thị Bích Hải, *Đến với tác phẩm văn chương phương đông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, HN, 2009.

10.36. VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY TỪ CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỶ XVII

Số tín chỉ: 2 (18,24,90)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn học nước ngoài, trường Đại học Hồng Đức

Điều kiện tiên quyết: Tác phẩm văn học và loại thể văn học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái quát về đặc điểm, tiến trình của Văn học phương Tây trên các phương diện trào lưu, thể loại, những đóng góp về nội dung và nghệ thuật; tập trung đi sâu vào sáng tác của những tác gia tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Phục hưng gồm tiêu thuyết của Xecvantec, bi kịch của Seecxpia, văn học Pháp với bi kịch cổ đại (ba đại diện tiêu biểu như Etsin, Xôphôclơ, Oripit), bi kịch cổ điển Pháp (tập trung ở tác giả Cornây) và hài kịch của Môlie.

Năng lực đạt được: SV có kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học phương Tây cho người học và đặc biệt kết hợp rèn các thao tác sư phạm qua việc tập giảng một số trích đoạn được giảng dạy ở trường phổ thông đáp ứng được năng lực dạy học (ứng dụng nghề nghiệp) của SV sau khi tốt nghiệp, có tiềm lực để học tập, nghiên cứu văn học phương Tây ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học. Cụ thể: tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số nền văn học khác cùng thời đại.
- Hiểu được xu hướng cơ bản nhất về tiến trình văn học; những trào lưu, khuynh hướng trong văn học có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.
- Trang bị về lí thuyết nghiên cứu văn học song song với thực hành (trên lớp, ở nhà, làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Có kỹ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các tác phẩm dạy trong chương trình phổ thông.
- Có kỹ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu trước mắt và lâu dài, v.v.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: Văn học cổ đại Hi Lạp

Nội dung 1: Khái quát văn học cổ đại Hi Lạp

I. Khái quát nước Hi Lạp thời cổ và văn học cổ đại Hi Lạp

1. Nước Hi Lạp cổ đại

2. Văn hoá Hi Lạp cổ đại
- II. Những giá trị lớn của nền văn học Hi Lạp cổ đại
 1. Giá trị mở đầu
 2. Giá trị nhân đạo
 3. Giá trị thẩm mỹ

Nội dung 2: Thần thoại Hi Lạp

- I. Phân loại thần thoại Hi Lạp
 1. Thần thoại về các gia hệ thần
 2. Thần thoại về các thành bang
 3. Thần thoại về các anh hùng
- II. Những nét đại cương về nội dung thần thoại Hi Lạp
 1. Nguồn gốc của thế gian và các vị thần
 2. Nguồn gốc của loài người
 3. Truyền thuyết về các anh hùng
- III. Đặc trưng của thần thoại Hi Lạp
 1. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố hiện thực và yếu tố lãng mạn
 2. Yếu tố triết lí
 3. Yếu tố thẩm mỹ

Nội dung 3: Anh hùng ca của Hôme (Homère)

- I. Vài nét về tác giả
- II. Anh hùng ca *Iliat*
 1. Nguồn gốc đề tài
 2. Nội dung tác phẩm
 3. Giá trị tư tưởng và nghệ thuật
- III. Anh hùng ca *Ôđixê*
 1. Nguồn gốc đề tài
 2. Nội dung tác phẩm
 3. Giá trị tư tưởng và nghệ thuật

Nội dung 4: Bi kịch cổ đại Hi Lạp

- I. Nguồn gốc ra đời của bi kịch
- II. Xã hội Hi Lạp thời bi kịch
- III. Các nhà bi kịch tiêu biểu của Hi Lạp cổ đại
 1. Esin (Eschyle) và vở *Prômêtê bị xiềng*
 2. Xôphôclơ (Sophocle) và vở *Êđip làm vua*
 3. Ôripit (Euripide) và vở *Mêđê*

Chương II: Văn học thời Phục hưng

Nội dung 5: Khái quát

- I. Thời đại Phục hưng
 1. Vài nét về xã hội
 2. Vấn đề Phục hưng
- II. Chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng
 1. Một số nội dung cơ bản
 2. Hạn chế của chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng
- III. Phong trào văn học Phục hưng
 1. Tình hình văn học
 2. Giới thiệu *Thần khúc* (Đantê) - tác phẩm mở đầu của nền văn học Phục

hưng

Nội dung 6: Mighen đơ Xecvăngtec (Miguel de Cervantes) và tiểu thuyết *Đôn Kihôtê*

- I. Văn học Tây Ban Nha thời Phục hưng
- II. Cuộc đời và sự nghiệp của Xecvăngtec
- III. Tiểu thuyết *Đôn Kihôtê*
 1. Lời tựa *Đôn Kihôtê*
 2. Hình tượng Đôn Kihôtê
 3. Nghệ thuật tương phản bổ sung qua cặp nhân vật Đôn Kihôtê và Xantrô

Panxa

Nội dung 7: Uylyam Sêcxpia (William Shakespeare) và các vở kịch tiêu biểu

- I. Nước Anh thế kỉ XVI – XVII
- II. Vấn đề “Sêcxpia hoá”
 - III. Vở hài kịch *Người lái buôn thành Vonizo*
 - IV. Vở bi kịch *Hămlet* và *Ôtenlô*

Chương III. Văn học Pháp thế kỉ XVII

Nội dung 8: Khái quát văn học Pháp thế kỉ XVII

- I. Nước Pháp và thế cân bằng chính trị
- II. Bức tranh văn học
- III. Đặc trưng của chủ nghĩa cổ điển

Nội dung 9: Pie Cornây (Pierre Corneille)

- I. Cornây - người sáng lập bi kịch cổ điển Pháp

- II. Vở kịch *Lơ Xit*

Nội dung 10: Hài kịch của Môlie (Molière)

- I. Con đường hình thành tài năng của Môlie và sự sáng lập hài kịch cổ điển Pháp

- II. Nghệ thuật hài kịch của Môlie

- III. Một số vở hài kịch tiêu biểu

1. *Tactuyp*

2. *Lão hà tiện*

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên (nếu sinh viên có yêu cầu).

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tập giảng, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: trọng số 30 %
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20 %
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50 %

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân (2008), *Văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Cẩn, Nguyễn Linh Chi (2011), *Giáo trình văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Phùng Văn Tửu, Đỗ Hải Phong, Phùng Hữu Hải (2006), *Giáo Trình Văn học Âu Mỹ*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

10.37. VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY TỪ THẾ KỶ XVIII ĐẾN NAY/WESTERN LITERATURE FROM THE 18TH CENTURY TO THE PRESENT

- Credit: 4 (36,36,12)

- Department in charge: Department of Foreign Literature, Faculty of Social Science, Hong Duc University

- Prerequisites: Western literature from the early to the seventeenth century

1. Course Description

This course has provided students with both basic and overall knowledge about the characteristics and processes of Western literature from the eighteenth century to the twentieth century in terms of genres, contributions to content and art, focusing on the writings of prominent authors and writers: the eighteenth century with F. Schiller, Goethe, Daniel Defoe; The 19th century with O. Balzac, V. Hugo, Mark Twain; The 20th century with F. Kafka, B. Brecht, E. Hemingway, E. Ionesco, L. Aragon, etc and recognizing the innovations of some contemporary literary genres.

Competency: Students understand and systematize typical representatives of Western literature from the eighteenth century to the present. At the same time, learners can apply teaching foreign literature works in high school program and reach out to the typical stylistic innovations of contemporary Western literature. Since then, students can relate and compare to the development of Vietnamese literature.

2. Objectives of the course

2.1. About Knowledge

- Understanding basic knowledge, foundation of the subject. In detail: an overview of society, history, literature and related to some other literature of the time.

- Understanding the most basic trends in the literary process; trends, vocations in literature that has a profound influence in the world.

- Equipped with theory of literary research along with practice (in class, at home, essay, thesis).

2.2. About Skill

- Students can have logical thinking and skills of synthesizing, analyzing art text exactly, objectively and scientifically, as well as skill of professional implementation through the teaching practice hours in the programs.

- Students can find out and select short term and long term issue for their research, especially learners can have skills of approaching, receiving suitable contemporary works in order to add professional knowledge and then orientate skills of reading and understanding for learners.

2.3. About attitude

Have an objective, scientific perspective in research, inquiry, literature evaluation

3. Content of the course

Chapter 1. The eighteenth century Literature (9, 6)

I. Overall of the eighteenth century Literature

1. England and English Literature features
2. *The 18th century, mainly as French century*
3. Germany and German Literature

II. Defoe and *Robinson Crusoe*(3,3)

1. Life and writings
2. *Robinson Crusoe*
 - 2.1. Prototype
 - 2.2. Structure
 - 2.3. Visual Beauty of Robinson

III. Goethe and *Faust* tragedy (3,3)

1. Goethe and "the German suffering"
2. *Faust* tragedy
 - 2.1. Topic
 - 2.2. Structure and Genre
 - 2.3. *Faust* and action philosophy

Chapter 2. The nineteenth century Literature (9,15)

I. Overall of the nineteenth century Literature

1. Literary situation
2. Features of romanticism
3. Features of realism

II. Victor Hugo (1802-1885) (3,6)

1. Hugo- the first huge French writer
2. "*Paris Notre Dame Cathedral*" (1831)
 - 2.1. Contrasting art through pairs of characters
 - 2.2. Image of Notre Dame Cathedral

3. *The miserable*

- 3.1. Structure, Title, Subtitle
- 3.2. Character system
- 3.3. Some typical artistic methods

III. Honoré de Balzac (1799 – 1850)(3,6)

1. Life and writings
2. *Balzac* – a master of realism
 - 2.1. A bold plan to build *The human comedy*
 - 2.2. Typical characters in a typical situation.
 - 2.3. A type of repetitive characteristic
 - 2.4. Power of money in *The human comedy*
3. The work *The skin of a donkey*
 - 3.1. The structure
 - 3.2. The image of *The skin of a donkey*
 - 3.3. The image of Raphael
4. The work *Mr Goriot*
 - 4.1. The origin of the topic and the generation of the work.

- 4.2. Descriptive art
- 4.3. Characters (Goriot, Rastignac, Vautrin...)
- IV. Mark Twain (1835 -1910) (2,3)
 - 1. Life and creative career
 - 2. The novel *The Adventures of Tom Sawyer*
 - 2.1. The personality of Tom Sawyer
 - 2.2. Artistic measures to create laughter
- Chapter III. The twentieth-century Literature (9,15)**
 - I. Overview (1,0)
 - 1. The status of thought and philosophy
 - 2. Social and cultural situation
 - 3. Literary situation
 - 3.1. The explosion of the genre
 - 3.2. Artistic innovations and literary techniques
 - 3.3. Polyphonic tendency in creation
 - II. Franz Kafka (1883 – 1924) (3,5)
 - 1. Life and creative career
 - 1.1. A man without a fatherland - a life of exile
 - 1.2. Number of works and the intention to destroy manuscript before death
 - 1.3. The notion of the writer about human being and life
 - 2. Short story and medium story
 - 2.1. The short story *The nearest village*
 - 2.2. The medium story *Deformation (Incarnation)*
 - 3. Novel
 - 3.1. *The case*
 - 3.2. *The palace*
 - III. Ernest Hemingway (1899 – 1961) (3,5)
 - 1. Life and creative career
 - 2. The status of Italy and *A farewell to arms* (1929)
 - 3. The Spanish Civil War and *For whom the bell tolls* (1940)
 - 4. Short story *The short happy life of F. Macomber*
 - 4.1. The role and innovation of dialogic art
 - 4.2. Open structure
 - 5. The masterpiece *The old man and the sea* (1952)
 - 5.1. The iceberg theory
 - 5.2. Interior monologue
 - 5.3. Polysemous nature
 - IV. Eugene Ionesco (1912 – 1994) (1,2)
 - 1. Eugene Ionesco - The father of irrational drama
 - 2. The irrational drama: *The bald songstress*
 - 2.1. “*The stage of despair*”
 - 2.2. Artistic innovations
 - V. L. Aragon (1897 – 1982) (1,3)
 - 1. Aragon and the love with Elsa
 - 2. Novels of Aragon
 - 3. Aragon poetry
 - 3.1. Characteristics of Aragon poetry

3.2. The stages of poetry: before and after meeting Elsa

3.3. The poem *Elsa at the mirror*

Chapter IV. Innovation of some contemporary literary genres(9,12)

I. The issues of notion

1. Modern notion about contemporary concept

2. Conception theory

II. Contemporary short story in The West

1. The story “Knowing more than tellers”

2. The tendency to pay more attention to the narrative method than to the narrative content (paying attention to “the story” rather than “content of the story”).

3. Irreducible size –
the rise of extremely short story

4. Applying to learn about innovation of contemporary short stories in Britain, America and France

III. Contemporary Western Novels

1. Novels - From tradition to modern

2. Short novels

3. Stream of consciousness novels

4. Legendizing in novels

5. Applying to learn about innovation of contemporary novels in Britain, America and France

IV. Contemporary Western Poems

1. Some new forms of Western contemporary poems

2. Blurring the border between poetry -
prose

3. Applying to learn about innovation of contemporary poems in Britain, America and France.

4. Requirements

Students must attend at least 80% of the theoretical lectures, attend discussion session (with the instructor's guidance), complete the essay, take both full midterm exam and final exam.

5. Teaching Method: Lecture, discussion, work in groups.

6. Consulting plan: In the teaching process, lecturers are responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module instructor must make at least a meeting to answer students' questions and problems.

7. Equipments

- The classrooms are large enough to be divided into discussion groups with sufficient means: tables, projectors, computers to practice presentations.

- Full study materials at the library.

8. Grading

- Regular inspection and assessment: 30%.

- Mid-term examination and evaluation: 20%

- Final examination and evaluation: 50%.

Score scale: 10

9. Key References

9.1. Key Materials

1. Dang Anh Dao, Hoang Nhan, *Western literature*, Education Publishing House, 2008.

9.2. References

1. Lê Huy Bac (Editor), *American Literature of the 20th Century*, Hanoi National University of Education Publishing House, Hanoi, 2011

2. Edward Quinn (2006), *A Dictionary of Literary and Thematic Terms* (Second edition), An Imprint of Infobase Publishing, New York.

10.38. VĂN HỌC NGA

- Số tín chỉ: 02 (18, 24,90)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn học nước ngoài

- Điều kiện tiên quyết: Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỷ XVII

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái quát về diện mạo, đặc điểm của nền văn học Nga trong quá trình vận động, phát triển từ thế kỉ XIX đến thế kỉ XX, trên các phương diện thể loại, mô típ nhân vật, các khuynh hướng phong cách của những tác giả tiêu biểu (tiểu thuyết bằng thơ của Puskin, tiểu thuyết sử thi của L.Tônxtôi, tiểu thuyết đa thanh của Đôxtôiépki, truyện ngắn của Sêkhốp, truyện ngắn của Gorki, thơ của Êxênin, tiểu thuyết của Sôlôkhốp, những ảnh hưởng qua lại giữa văn học Nga với văn học Việt Nam.

Năng lực đạt được: SV phân tích được tác phẩm văn học Nga, giảng dạy tốt tác phẩm văn học Nga trong chương trình Ngữ văn phổ thông, , có tiềm lực để học tập, nghiên cứu văn học Nga ở trình độ cao hơn..

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được kiến thức cơ bản, nền tảng của văn học Nga. Cụ thể: tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số nền văn học khác cùng thời đại.

- Nắm được xu hướng cơ bản nhất về tiến trình văn học, những trào lưu, khuynh hướng trong văn học Nga thế kỉ XIX và thế kỉ XX có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.

- Trang bị về lí thuyết nghiên cứu văn học song song với thực hành (trên lớp, ở nhà, làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp).

2.2. Mục tiêu về kĩ năng:

- Có kĩ năng tư duy logic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học.

- Có kĩ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu trước mắt và lâu dài.

2.2. Mục tiêu về thái độ:

Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc và tích cực vận dụng kiến thức của học phần vào rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ dạy học ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Khái quát văn học Nga thế kỉ XIX (2, 0)

1.1. “Một hiện tượng kì diệu”

1.2. Một thế kỉ không ngừng đấu tranh chống ách nông nô chuyên chế

1.3. Một thế kỉ hoàng kim của văn học

1.3.1. Văn học Nga nửa đầu thế kỷ XIX.

1.3.2. Văn học Nga nửa cuối thế kỷ XIX

Nội dung 2. A.X.Puskin (1799-1837) (2, 2)

2.1. Con đường đời

2.2. Sự nghiệp sáng tác

2.2.1. Thơ trữ tình và các bản trường ca phương Nam.

2.2.2. Tiểu thuyết thơ *Epghênhi Ônhêghin*.

2.2.3. Truyện ngắn - sự khởi đầu của truyện ngắn hiện thực.

Nội dung 3. F.M. Đôxtôiépki (1821-1881) (2, 4)

3.1. Đứa con của thế kỉ

3.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

3.1.2. Nhà văn của những khối mâu thuẫn lớn

3.1.3. Đặc điểm của chủ nghĩa hiện thực Đôxtôiépki

3.2. *Tội ác và trừng phạt*.

3.2.1. Hoàn cảnh sáng tác

3.2.2. Ý nghĩa tiêu đề

3.2.3. Kiểu nhân vật

3.2.4. Con đường cứu rỗi

3.2.5. *Tiểu thuyết đa thanh*

Nội dung 4. L.N. Tônxtoi (1828-1910) (2, 4)

4.1. Con đường đời, con đường sáng tác

4.2. *Chiến tranh và hoà bình*.

4.2.1. Hoàn cảnh sáng tác

4.2.2. Ý nghĩa tiêu đề.

4.2.3. Thể loại: tiểu thuyết sử thi

4.2.4. Tư tưởng nhân dân trong tác phẩm.

4.2.5. Nhân vật (kiểu nhân vật “tìm đường”).

4.2.6. Đặc trưng “phép biện chứng tâm hồn” của Tônxtoi.

4.3. Một số tác phẩm khác (giới thiệu – SV tự nghiên cứu)

4.3.1. *Anna Karenina*.

4.3.2. Phục sinh

Nội dung 5. A.P. Sêkhôp (1860-1904) (2, 4)

5.1. Con đường đời

5.2. Con đường sáng tác

5.3. Đặc điểm truyện ngắn của Sêkhôp

5.3.1. Nội dung: những con người bình thường trong cuộc sống bình thường.

5.3.2. Nghệ thuật: (Nghệ thuật đối thoại, giọng điệu, ngôn ngữ, vai trò của *mạch ngầm* trong truyện, đặc điểm của những *kết thúc mở*...).

5.4. Những cách tân kịch của Sêkhôp so với kịch Nga cổ điển.

Nội dung 6. Khái quát văn học Nga thế kỉ XX (2, 0)

6.1. Bối cảnh lịch sử

6.2. Tình hình văn học

6.2.1. Thời kì đầu sau cách mạng và nội chiến

6.2.2. Văn học những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội

6.2.3. Văn học những năm chiến tranh vệ quốc và sau chiến tranh

Nội dung 7. M. Gorki (1868-1936) (2, 4)

7.1. Nhà văn trưởng thành từ trong “cay đắng” và đấu tranh cách mạng

7.2. Truyện ngắn

7.2.1. Phân loại

7.2.2. Đặc điểm

7.2.3. Một số truyện ngắn tiêu biểu: *Maka Sudra*(1892), *Bà lão Idecghin* (1894), *Senkats* (1894) và *Một con người ra đời* (1912)

7.3. Bộ ba tự truyện: *Thời thơ ấu*, *Kiểm sống* và *Những trường đại học của tôi*

Nội dung 8. X.A. Êxênin (1895-1925) (2, 2)

8.1. Con đường đến với thi ca

8.2. Êxênin – “thi sĩ cuối cùng của đồng quê Nga”

8.3. Bài thơ *Thư gửi mẹ*

8.3.1. Hình thức - kết cấu

8.3.2. Tâm trạng của nhân vật trữ tình

Nội dung 9. M. Sôlôkhốp (1905 - 1984) (2, 4)

9.1. Một nhà văn Xôviết lỗi lạc

9.2. Tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm*

9.2.1. Lịch sử sáng tác và tiếp nhận

9.2.2. Kết cấu và thể loại (đặc trưng sử thi và bi kịch)

9.2.3. Yếu tố dân gian đậm đặc

9.2.4. Hình tượng Grigôri Mêlêkhốp

9.3. Truyện ngắn *Số phận con người*

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo qui định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm qui định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: trọng số 30%

- Kiểm tra, đánh giá giữa kì: trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kì: trọng số 50%

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Đỗ Hải Phong (Chủ biên), Hà Thị Hoà, *Giáo trình văn học Nga*, Nxb GDVN, 2012.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính, Nguyễn Hải Hà, Hoàng Ngọc Hiến...
Lịch sử văn học Nga, Nxb GD, H. 2009.
2. Nguyễn Hải Hà, *Tinh hoa văn học Nga – Khám phá và thưởng thức*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H. 2012.
3. Hà Thị Hoà, *Văn học Nga trong nhà trường*, Nxb GDVN, H. 2011.

10.39. TỪ VỰNG - NGŨ NGHĨA TIẾNG VIỆT

- Số tín chỉ: 2 (18,24,90)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Dân luận ngôn ngữ và Ngữ âm học tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: bao gồm những kiến thức cơ bản về từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt: Từ tiếng Việt; ngữ cố định tiếng Việt; nghĩa của các đơn vị từ vựng; trường từ vựng – ngữ nghĩa; các lớp từ vựng và một số vấn đề về giảng dạy từ ngữ trong nhà trường.

Năng lực đạt được: SV nhận diện và phân tích được các kiểu cấu tạo từ ngữ, các thành phần nghĩa của từ, các quan hệ về nghĩa trong trường từ vựng, thực hành điền dã, sưu tầm các lớp từ trong tiếng Việt. Rèn luyện kỹ năng sử dụng từ ngữ tiếng Việt trong cuộc sống và trong dạy học Ngữ văn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) đối tượng và nhiệm vụ của Từ vựng - ngữ nghĩa học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) các đơn vị từ vựng trên các phương diện cấu tạo, ngữ nghĩa và cách sử dụng.

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) sự chuyển biến ý nghĩa của các đơn vị từ vựng và từ nhiều nghĩa.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) các quan hệ về nghĩa giữa các từ trong trường nghĩa, các lớp từ vựng.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) các quan hệ về nghĩa giữa các từ trong trường nghĩa, các lớp từ vựng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, người học nhận diện, hiểu, phân tích, giải thích và sử dụng đúng các đơn vị từ vựng trong thực tế giao tiếp.

- Biết vận dụng kiến thức lý thuyết của môn học vào việc tích lũy vốn từ và sử dụng vốn từ đó trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu.

- Biết vận dụng kiến thức lý thuyết của môn học và kỹ năng sư phạm để giảng dạy các vấn đề về từ ngữ trong nhà trường: dùng từ, giải nghĩa từ, chữa từ ngữ sai,

....

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Có thái độ trân trọng với tiếng Việt bởi sự phong phú và giàu sắc thái biểu cảm trong hệ thống từ vựng trong ngôn ngữ của chúng ta.

- Sử dụng từ ngữ đúng và chuẩn mực trong nói và viết.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ TỪ VỰNG VÀ TỪ VỰNG HỌC

1. *Khái quát về Từ vựng*
 - 1.1. Khái niệm về *Từ vựng*

Khái quát về các đơn vị từ vựng
 2. *Khái quát về Từ vựng học*
 - 2.1 Khái niệm Từ vựng học
 - 2.1. Đối tượng nghiên cứu của Từ vựng học
 - 2.3. Nhiệm vụ của Từ vựng học

CHƯƠNG 2: CÁC ĐƠN VỊ TỪ VỰNG

1. *Từ tiếng Việt*
 - 1.1. Khái quát về từ tiếng Việt
 - 1.1.1. Khái niệm về từ tiếng Việt
 - 1.1.2. Đặc điểm của từ tiếng Việt
 - 1.2. Cấu tạo từ
 - 1.2.1. Đơn vị tạo từ - từ tố
 - 1.2.2. Phương thức tạo từ
 - 1.2.3. Các kiểu cấu tạo từ
 - 1.2.3.1. Từ đơn
 - 1.2.3.2. Từ ghép
 - 1.2.3.3. Từ láy
 2. *Ngữ cố định*
 - 2.1. Khái niệm ngữ cố định
 - 2.2. Đặc điểm của ngữ cố định
 - 2.3. Phân loại ngữ cố định
 - 2.3.1. Phân loại ngữ cố định theo kết cấu
 - 2.3.2. Phân loại ngữ cố định theo chức năng
 - 2.4. Giá trị ngữ nghĩa của ngữ cố định

CHƯƠNG 3: NGHĨA CỦA TỪ

1. *Khái niệm nghĩa của từ*
2. *Các thành phần nghĩa của từ định danh*
 - 2.1. Nghĩa biểu vật
 - 2.2. Nghĩa biểu niệm
 - 2.3. Nghĩa biểu thái
 - 2.4. Nghĩa liên hội
3. *Nghĩa của các từ phi định danh*
4. *Sự chuyển biến ý nghĩa của từ*
 - 4.1. Phương thức chuyển nghĩa
 - 4.1.1. Ẩn dụ
 - 4.1.2. Hoán dụ
 - 4.1.3. Phân biệt ẩn dụ, hoán dụ từ vựng và ẩn dụ, hoán dụ tu từ
 - 4.2. *Từ nhiều nghĩa*
 - 4.2.1. Khái niệm từ nhiều nghĩa
 - 4.2.2. Kết cấu nghĩa của từ nhiều nghĩa

- 4.2.3. Tính hệ thống về nghĩa của từ nhiều nghĩa
- 4.2.4. Phân loại các nghĩa khác nhau trong một từ
- 5. Nghĩa của từ trong ngôn ngữ văn chương

CHƯƠNG 4: TRƯỜNG TỪ VỰNG - NGŨ NGHĨA VÀ QUAN HỆ VỀ NGHĨA GIỮA CÁC TỪ TRONG TRƯỜNG TỪ VỰNG – NGŨ NGHĨA

- 1. *Khái niệm trường từ vựng – ngữ nghĩa*
- 2. *Các trường từ vựng – ngữ nghĩa*
 - 1.2. Trường biểu vật
 - 1.3. Trường biểu niệm
 - 1.4. Trường nghĩa ngang
 - 1.5. Trường liên tưởng
- 3. *Trường nghĩa và ngôn ngữ văn chương*
- 4. *Các quan hệ về nghĩa*
 - 4.1. Quan hệ bao gồm – nằm trong
 - 4.2. Quan hệ toàn bộ - bộ phận
 - 4.3. Quan hệ đồng nghĩa
 - 4.3.1. Khái niệm từ đồng nghĩa
 - 4.3.2. Đặc điểm của nhóm từ đồng nghĩa
 - 4.3.3. Phân tích nghĩa của từ trong nhóm từ đồng nghĩa
 - 4.4. *Quan hệ trái nghĩa*
 - 4.4.1. Khái niệm từ trái nghĩa
 - 4.4.2. Đặc điểm của nhóm từ trái nghĩa
 - 4.4.3. Phân tích nghĩa của từ trong nhóm từ trái nghĩa
 - 4.5. *Đồng âm*
 - 4.5.1. Khái niệm từ đồng âm
 - 4.5.2. Con đường hình thành các nhóm từ đồng âm
 - 4.5.3. Phân biệt đa nghĩa và đồng âm

CHƯƠNG 5: CÁC LỚP TỪ VỰNG

- 1. *Các lớp từ phân chia theo phạm vi sử dụng*
 - 1.1. Từ vựng toàn dân
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Đặc điểm
 - 1.2. Từ vựng địa phương
 - 1.2.1. Sơ lược về tiếng địa phương
 - 1.2.2. Từ vựng địa phương
 - 1.3. Thuật ngữ khoa học, kỹ thuật
 - 1.3.1. Khái niệm
 - 1.3.2. Đặc điểm
 - 1.4. Từ vựng nghề nghiệp
 - 1.4.1. Khái niệm
 - 1.4.2. Đặc điểm
 - 1.5. Biệt ngữ
 - 1.5.1. Khái niệm
 - 1.5.2. Tiếng lóng
- 2. *Các lớp từ phân chia theo chức năng*
 - 2.1. Từ vựng đa chức năng và từ vựng hạn chế về chức năng

- 2.2. Từ vựng khẩu ngữ
- 2.3. Từ vựng văn chương
- 2.4. Từ ngữ cổ và từ ngữ mới
- 2.5. Từ vựng toàn dân và sự chuẩn hóa tiếng Việt
- 3. *Các lớp từ phân chia theo nguồn gốc*
 - 3.1. Lớp từ gốc Nam Á
 - 3.1.1. Từ liệu
 - 3.1.2. Nhận xét đánh giá
 - 3.2. Lớp từ gốc Hán
 - 3.2.1. Quá trình tiếp xúc Hán Việt
 - 3.2.2. Các từ cổ Hán Việt
 - 3.2.3. Các từ Hán Việt
 - 3.2.4. Vai trò và việc sử dụng các từ gốc Hán trong tiếng Việt
 - 3.3. Lớp từ gốc Ấn - Âu
 - 3.3.1. Quá trình tiếp xúc
 - 3.3.2. Từ gốc Ấn - Âu trong tiếng Việt hiện nay
 - 3.3.2. Vai trò và việc sử dụng các từ gốc Ấn - Âu trong tiếng Việt

CHƯƠNG 7: MỘT SỐ VẤN ĐỀ DẠY TỪ NGỮ TRONG NHÀ TRƯỜNG

1. Dạy từ ngữ trong nhà trường

- 1.1. Vị trí và yêu cầu của việc dạy từ ngữ trong nhà trường
- 1.2. Gợi ý về phương pháp dạy từ ngữ trong nhà trường

2. Giảng nghĩa từ

- 2.1. Nội dung của việc giảng nghĩa từ
- 2.2. Các cách giảng nghĩa từ

3. Phân tích từ ngữ trong giảng văn

- 3.1. Đối tượng của việc phân tích từ ngữ
- 3.2. Yêu cầu của việc phân tích từ ngữ
- 3.3. Đặc điểm của ngôn ngữ văn chương
- 3.3. Lựa chọn từ ngữ

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt*, Nxb ĐHQGHN, tái bản, 1997.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đỗ Hữu Châu, *Giáo trình từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2006

10.40. NGỮ PHÁP HỌC TIẾNG VIỆT

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, Khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Từ vựng học tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm, tiêu chuẩn phân định và hệ thống từ loại tiếng Việt; những kiến thức về cấu tạo, chức năng, ý nghĩa của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; những kiến thức về câu tiếng Việt như cấu tạo của câu, phân loại và miêu tả câu theo các tiêu chí khác nhau, trên những bình diện khác nhau.

Năng lực đạt được: SV nhận diện từ loại của từ; xác định và phân tích cụm từ; nhận diện kiểu câu và phân tích cấu trúc câu tiếng Việt; có khả năng xử lý các hiện tượng ngôn ngữ thực tế và vận dụng vào việc giảng dạy ở bậc phổ thông; giúp HS phổ thông diễn đạt trôi chảy, đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt khi nói/ viết.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên hiểu được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp tiếng Việt: tiêu chí phân loại và hệ thống từ loại tiếng Việt; cấu trúc và chức năng của các cụm từ; câu tiếng Việt trên ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

+ Sinh viên có kỹ năng nhận diện đúng từ loại của các từ, xác định đúng đơn vị cụm từ và phân tích được cấu tạo của cụm từ.

+ Sinh viên có phương pháp và nắm được các thao tác phân tích câu, miêu tả hệ thống cú pháp tiếng Việt.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên có thể có ý thức về việc viết câu, dùng câu một cách chuẩn mực trong giao tiếp.

- Sử dụng ngữ pháp tiếng Việt đúng và chuẩn mực.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1. TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT (6,9)

1. Khái niệm từ loại và tiêu chí phân định

1.1. Khái niệm từ loại

1.2. Tiêu chí phân định từ loại tiếng Việt

2. Hệ thống từ loại tiếng Việt

2.1. Sự phân biệt thực từ và hư từ

2.2. Danh từ

2.3. Số từ

2.4. Động từ

2.5. Tính từ

2.6. Đại từ

2.7. Phụ từ

2.8. Quan hệ từ

2.9. Tình thái từ

3. Sự chuyển loại của từ

PHẦN 2. CỤM TỪ TIẾNG VIỆT

(6,9)

1. Khái quát về cụm từ

1.1. Phân biệt cụm từ tự do và cụm từ cố định

1.2. Phân biệt các loại cụm từ tự do

2. Cấu tạo của các loại cụm từ tự do

2.1. Cụm từ chủ - vị

2.2. Cụm từ đẳng lập

2.3. Cụm từ chính - phụ

3. Cụm danh từ

3.1. Khái niệm

3.2. Chức năng

3.3. Phần trung tâm

3.4. Phần phụ trước

3.5. Phần phụ sau

4. Cụm động từ

4.1. Khái niệm

4.2. Chức năng

4.3. Phần trung tâm

4.4. Phần phụ trước

4.5. Phần phụ sau

5. Cụm tính từ

5.1. Khái niệm

5.2. Chức năng

5.3. Phần trung tâm

5.4. Phần phụ trước

5.5. Phần phụ sau

PHẦN 3. CÂU TIẾNG VIỆT

(15, 17)

Chương 1. Bình diện ngữ pháp của câu tiếng Việt (5, 5)

1. Một số vấn đề khái quát về câu

1.1. Câu và phát ngôn

1.2. Các đặc trưng cơ bản của câu

1.3. Khái quát về ba bình diện của câu

2. Bình diện ngữ pháp của câu

2.1. Các thành phần câu

2.2. Các kiểu câu tạo ngữ pháp của câu

Chương 2. Bình diện ngữ nghĩa của câu tiếng Việt (5,6)

1. Nghĩa miêu tả của câu

2. Nghĩa tình thái của câu

Chương 3. Bình diện ngữ dụng của câu (5,6)

1. Sự hiện thực hóa cấu trúc ngữ pháp của câu trong phát ngôn

1.1. Tính lược thành phần câu

1.2. Tách câu

1.3. Lựa chọn các thành phần câu

2. Mục đích nói của câu trong giao tiếp

2.1. Câu nghi vấn

- 2.2. Câu cầu khiến
- 2.3. Câu cảm thán
- 2.4. Câu trần thuật
- 3. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu
- 3.1. Nghĩa tường minh
- 3.2. Nghĩa hàm ẩn

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành/bài tập (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành / bài tập theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bùi Minh Toán (chủ biên) – Nguyễn Thị Lương, *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHSP, 2007.

9.2. Sách tham khảo:

- 1. Đỗ Hữu Châu, *Giáo trình từ vựng học tiếng việt*, Nxb ĐHSP, 2006
- 2. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005

10.41. PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT

- Số tín chỉ: 2 (18,24,90)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Dẫn luận về phong cách học, phong cách chức năng trong hoạt động lời nói, ngôn ngữ nghệ thuật, các phương tiện và biện pháp tu từ.

Năng lực đạt được: SV lĩnh hội và tạo lập văn bản theo các phong cách chức năng, phân tích các biện pháp và phương tiện tu từ được sử dụng trong tác phẩm văn học một cách hiệu quả để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nắm vững được các khái niệm cơ bản về phong cách học, các phong cách chức năng của hoạt động lời nói trong tiếng Việt.

Hiểu được những đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật và các phương tiện, biện pháp tu từ tiếng Việt.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lĩnh hội và tạo lập văn bản theo các phong cách chức năng; nhận diện và phân tích giá trị tu từ của các biện pháp, phương tiện tu từ được sử dụng trong các tác phẩm văn học, vận dụng các kiến thức của môn học vào việc phân tích tác phẩm văn học, vào cuộc sống, công việc và hướng tới nghiên cứu.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nghiêm túc và say mê trong nghiên cứu khoa học, trong học tập, có ý thức cập nhật các tri thức khoa học phong cách ngôn ngữ, yêu thích ngành nghề đào tạo đã lựa chọn. Đồng thời có ý thức rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Việt, giữ gìn và phát huy sự trong sáng, giàu đẹp mang bản sắc văn hóa Việt.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: DẪN LUẬN VỀ PHONG CÁCH HỌC

1. Phong cách học là gì ?
2. Mục đích trong giao tiếp và việc lựa chọn NN phục vụ mục đích giao tiếp
3. Các nhân tố ngoài ngôn ngữ qui định sự lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ
4. Phong cách chức năng của hoạt động lời nói
5. Chuẩn mực phong cách ở cấp độ văn bản
6. Tiêu chuẩn cơ bản của một lời nói tốt
7. Các dạng của lời nói
8. Phân biệt các kiểu ngôn ngữ, các PCCN và các kiểu, thể loại văn bản
9. Phân tích phong cách ngôn ngữ văn bản
10. Màu sắc tu từ
11. Phương tiện tu từ và biện pháp tu từ
12. Đồng nghĩa
13. Phân tích tu từ học

Chương 2: CÁC PHONG CÁCH CHỨC NĂNG CỦA HOẠT ĐỘNG LỜI NÓI TRONG TIẾNG VIỆT

1. Phong cách hành chính
 - 1.1 Định nghĩa
 - 1.2 Đặc trưng chung
 - 1.3 Đặc điểm ngôn ngữ
 - 1.4 Dạng, kiểu, thể loại
 - 1.5 Chức năng ngôn ngữ
2. Phong cách khoa học
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Đặc trưng chung
 - 2.3. Đặc điểm ngôn ngữ
 - 2.4. Dạng, kiểu, thể loại
 - 2.5 Chức năng ngôn ngữ
3. Phong cách báo chí
 - 3.1. Định nghĩa.
 - 3.2. Đặc trưng chung
 - 3.3. Đặc điểm ngôn ngữ

- 3.4..Dạng, kiểu, thể loại
- 3.5 Chức năng ngôn ngữ
- 4. Phong cách chính luận
- 4.1 Định nghĩa
- 4.2 Đặc trưng chung
- 4.3 Đặc điểm ngôn ngữ
- 4.4..Dạng, kiểu, thể loại
- 4.5.Chức năng ngôn ngữ
- 5. Phong cách sinh hoạt hằng ngày
- 5.1. Định nghĩa
- 5.2 Đặc trưng chung
- 5.3 Đặc điểm ngôn ngữ
- 5.4 Dạng, kiểu, thể loại
- 5.5 Chức năng ngôn ngữ

Chương 3: NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

- 1. Định nghĩa
- 2. Sự khác nhau giữa ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ phi nghệ thuật
- 2.1 Về hệ thống ngôn ngữ
- 2.2 Về chức năng xã hội
- 2.3 Về tính hệ thống
- 2.4 Về bình diện nghĩa
- 2.5 Về sự có mặt của các loại phương tiện ngôn ngữ
- 2.6 Vai trò trong ngôn ngữ dân tộc
- 3. Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật
- 3.1 Tính cấu trúc
- 3.2 Tính hình tượng
- 3.3 Tính cá thể hoá
- 3.4 Tính cụ thể hoá

Chương 4: CÁC PHƯƠNG TIỆN VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ

- 1. Phương tiện tu từ
- 1.1 Phương tiện tu từ từ vựng
- 1.2 .Phương tiện tu từ ngữ nghĩa
- 1.3. Phương tiện tu từ cú pháp
- 2. Biện pháp tu từ
- 2.1. Biện pháp tu từ ngữ âm - văn tự
- 2.2.Biện pháp tu từ từ vựng.
- 2.3. Biện pháp tu từ ngữ nghĩa
- 2.4. Biện pháp tu từ cú pháp
- 2.5. Biện pháp tu từ văn bản

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đinh Trọng Lạc, *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.1999

9.2. Sách tham khảo:

1. Nguyễn Thái Hoà , *Giáo trình phong cách học tiếng việt* , Nxb ĐHSP, 2006

2. Đinh Trọng Lạc, *300 bài tập phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.1999

10.42. NGỮ DỤNG HỌC TIẾNG VIỆT

- Số tín chỉ: 2(18, 24,90)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, Khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Phong cách học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Những vấn đề khái quát về ngữ dụng học, chiếu vật và chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lý thuyết lập luận, lý thuyết hội thoại, tường minh và hàm ẩn.

Năng lực đạt được: Học phần rèn luyện cho sinh viên các thao tác phân tích, nghiên cứu, xử lý các vấn đề của thực tiễn ngôn ngữ, của ngữ dụng tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng phân tích và xử lý các vấn đề trong giao tiếp và nghiên cứu ngôn ngữ.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, sinh viên có hiểu biết một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về: sự ra đời của dụng học Việt ngữ, chiếu vật và chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lý thuyết lập luận, lý thuyết hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong tiếng Việt; rèn cho sinh viên kỹ năng sử dụng ngôn ngữ gắn với ngữ cảnh, vận dụng kiến thức vào cuộc sống, công việc và nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Giúp SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết trong việc vận dụng những kiến thức cơ bản của Ngữ dụng học vào việc sử dụng cũng như nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Việt nói chung.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Từ những kiến thức được học, sinh viên có ý thức sử dụng ngôn ngữ trong nói và viết với những chi phối từ rất nhiều phương diện,

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về ngữ dụng học

1. Những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học

1.1. Lời nói

1.2. Hành động

- 1.3. Nhân tố giao tiếp
2. Định nghĩa Ngữ dụng học
- 2.1. Về định nghĩa ngữ dụng học
- 2.2. Định nghĩa ngữ dụng học

Chương 2: Chiếu vật và chỉ xuất

1. Khái quát về chiếu vật
2. Phương thức chiếu vật
3. Chỉ xuất

Chương 3: Hành vi ngôn ngữ

1. Các hành vi ngôn ngữ
2. Phát ngôn ngữ vi, biểu thức ngữ vi và động từ ngữ vi
3. Phân loại các hành vi ngôn ngữ
4. Hành vi ở lời gián tiếp

Chương 4: Lý thuyết lập luận

1. Miêu tả (khảo nghiệm, xác tín) và lập luận
2. Bản chất ngữ dụng của lập luận
3. Đặc tính của lập luận
4. Tác tử lập luận và kết tử
5. Lẽ thường (topos) cơ sở của lập luận
6. Việc xác lập các lẽ thường

Chương 5: Lý thuyết hội thoại

1. Vận động hội thoại
2. Các yếu tố kèm lời và phi lời
3. Các qui tắc hội thoại
4. Thương lượng hội thoại
5. Cấu trúc hội thoại.

Chương 6: Ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh

1. Phân loại tổng quát ý nghĩa hàm ẩn
2. Tiền giả định và hàm ngôn
4. Cơ chế tạo ra các ý nghĩa hàm ẩn không tự nhiên
5. Phân loại hàm ngôn
6. Phân loại tiền giả định

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành/bài tập (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành/bài tập theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học, NXB Giáo dục, 2007.

9.2. Sách tham khảo:

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Tiếng Việt, Tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007

2. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Tiếng Việt, Tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008

10.43. LÀM VĂN

- Mã số học phần:

- Số tín chỉ: 2 (18,24,90)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lí luận VH và Phương pháp dạy học Ngữ văn trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Lí luận dạy học Ngữ văn

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mở rộng, nâng cao về nội dung, cách thức tạo lập các kiểu văn bản, bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính - công vụ ở dạng viết và dạng nói.

Năng lực đạt được: SV có kĩ năng tạo lập sáu kiểu văn bản thông dụng phù hợp với mục đích giao tiếp và nhu cầu biểu đạt trong học tập và trong đời sống xã hội; có năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực trình bày văn bản ở dạng nói và dạng viết; có khả năng đáp ứng yêu cầu môn học làm văn ở trường phổ thông và học lên ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Sinh viên được mở rộng và nâng cao về 6 kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ theo nguyên tắc đồng tâm và nâng cao so với chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông hiểu phương pháp tạo lập 6 kiểu văn bản thông dụng phù hợp với nhu cầu biểu đạt.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thành thạo kĩ năng tạo lập 6 kiểu văn bản.

- Vận dụng có hiệu quả kiến thức, kĩ năng tạo lập văn bản vào đọc hiểu văn bản trong và ngoài nhà trường.

- Có khả năng giải quyết những vấn đề đặt ra của môn học tạo lập văn bản trong nhà trường.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

SV hứng thú với việc học tập, nghiên cứu, thực hành, vận dụng tạo lập 6 kiểu văn bản thông dụng ở cả dạng nói và dạng viết.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: VĂN BẢN VÀ DẠY HỌC VĂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1.1. Khái niệm văn bản, bố cục, kết cấu văn bản, phương thức biểu đạt.

1.2. Tổng quan về kiểu văn bản trong nhà trường phổ thông.

1.3. Nhu cầu đổi mới dạy và học các kiểu văn bản trong nhà trường phổ thông

Chương 2: CÁC KIỂU VĂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1. VĂN BẢN TỰ SỰ

- 2.1.1. Khái quát văn bản tự sự
- 2.1.2. Đặc điểm của văn bản tự sự
- 2.1.3. Phân loại bài văn tự sự
- 2.1.4. Cách làm văn bản tự sự
- 2.1.5. Kỹ năng làm văn tự sự

2.2. VĂN BẢN MIÊU TẢ

- 2.2.1. Khái quát văn bản miêu tả
- 2.2.2. Đặc điểm của văn bản miêu tả
- 2.2.3. Phân loại bài văn miêu tả
- 2.2.4. Cách làm văn bản miêu tả
- 2.2.5. Kỹ năng làm văn miêu tả

2.3. VĂN BẢN BIỂU CẢM

- 2.3.1. Khái quát văn bản biểu cảm
- 2.3.2. Đặc điểm của văn bản biểu cảm
- 2.3.3. Phân loại bài văn biểu cảm
- 2.3.4. Cách làm văn bản biểu cảm
- 2.3.5. Kỹ năng làm văn biểu cảm

2.4. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

- 2.4.1. Khái quát văn bản nghị luận
- 2.4.2. Đặc điểm của văn bản nghị luận
- 2.4.3. Phân loại bài văn nghị luận
- 2.4.4. Cách làm văn bản nghị luận
- 2.4.5. Kỹ năng làm văn nghị luận

2.5. VĂN BẢN THUYẾT MINH

- 2.5.1. Khái quát văn bản thuyết minh
- 2.5.2. Đặc điểm của văn bản thuyết minh
- 2.5.3. Phân loại bài văn thuyết minh
- 2.5.4. Cách làm văn bản tự sự
- 2.5.5. Kỹ năng làm văn tự sự

2.6. VĂN BẢN HÀNH CHÍNH – CÔNG VỤ

- 2.6.1. Khái quát văn bản hành chính – công vụ
- 2.6.2. Đặc điểm của văn bản hành chính – công vụ
- 2.6.3. Phân loại bài văn hành chính – công vụ
- 2.6.4. Cách làm văn bản hành chính – công vụ
- 2.6.5. Kỹ năng làm văn hành chính – công vụ

Chương 3: KỸ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- 3.1. Hệ thống kỹ năng và vai trò của kỹ năng trong tạo lập văn bản
- 3.2. Quy trình luyện tập kỹ năng
- 3.3. Thực hành rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập, bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành trải nghiệm, hướng nghiệp.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan, giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, mô phỏng, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Mai Thị Kiều Phương (2009), Giáo trình làm văn, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đỗ Ngọc Thống (2007), Giáo trình làm văn (2007), Nxb ĐH sư phạm
2. Nguyễn Quốc Siêu (2005), *Kỹ năng làm văn nghị luận phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, HN.
3. Nguyễn Đăng Mạnh, Đỗ Ngọc Thống (1998 + 2000), *Muốn viết được bài văn hay*, Nxb Giáo dục, HN.

10.44. LÝ LUẬN DẠY HỌC NGỮ VĂN/General theory of Teaching literature and Vietnamese

Mã môn học:

Số tín chỉ: 02 (18,24,90)

Bộ môn quản lý học phần: Lý luận VH & PPDH Ngữ văn

Điều kiện tiên quyết: Các học phần Tâm lý học, Giáo dục học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về đặc trưng, mục tiêu, nhiệm vụ dạy học Ngữ văn; cơ chế dạy học Ngữ văn; cấu trúc chương trình, SGK môn Ngữ văn; các nguyên tắc, phương pháp chung trong dạy học Ngữ văn và cấu trúc giáo dục Ngữ văn theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực học sinh.

Năng lực đạt được: SV có khả năng tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn bậc trung học; biết vận dụng một cách linh hoạt các nguyên tắc, phương pháp dạy học chung phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình, sách giáo khoa; có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn đặt ra trong thực tế dạy học ở nhà trường phổ thông; hình thành kỹ năng vận dụng kết hợp các nguyên tắc, phương pháp dạy học chung và các nguyên tắc, phương pháp dạy học đặc thù của từng môn học trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT, THCS.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

SV có kiến thức về các nguyên tắc, phương pháp dạy học chung và các nguyên tắc, phương pháp dạy học đặc thù của từng môn học trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT, THCS.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

SV có khả năng vận dụng các cơ chế dạy học, nguyên tắc, phương pháp dạy học chung phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn bậc Trung học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

SV có quan điểm khách quan, khoa học trong nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng, đánh giá hiệu quả của các cơ chế dạy học, nguyên tắc, phương pháp dạy học chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn bậc Trung học.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: LÍ LUẬN DẠY HỌC VỚI TƯ CÁCH MỘT KHOA HỌC GD

1.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của lí luận dạy học

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và các khái niệm cơ bản của lí luận dạy học.

CHƯƠNG 2: CÁC MÔ HÌNH LÍ LUẬN DẠY HỌC

3.1. Lí luận dạy học biện chứng

3.2. Lí luận dạy học dựa trên lí thuyết giáo dục

3.3. Lí luận dạy học dựa trên lí thuyết dạy và học

CHƯƠNG 3: MÔN NGỮ VĂN VÀ CƠ CHẾ, NGUYÊN TẮC DẠY HỌC NV

3.1. Môn Ngữ văn trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT

3.2. Cơ chế dạy học văn

3.3. Nguyên tắc dạy học văn

3.4. Những khuynh hướng cần tránh trong dạy học văn

CHƯƠNG 4: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC VÀ CÁC THÀNH TỐ CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC NGỮ VĂN

4.1. Phát triển năng lực và mục tiêu dạy học

4.2. Phát triển năng lực và nội dung học tập

4.3. Phát triển năng lực và phương pháp dạy học

4.4. Phát triển năng lực và phương tiện dạy học

4.5. Phát triển năng lực và kiểm tra đánh giá trong dạy học.

6. Số tiết phân bổ

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	4	6	20
Chương 2	4	6	20
Chương 3	5	6	25
Chương 4	5	6	25
Tổng cộng	18	24	90

7. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, trải nghiệm sáng tạo.

9. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy học, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

10. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

11. Phương pháp đánh giá môn học

- 1 điểm chuyên cần n_1 : x 0,2

- 1 điểm tiểu luận hoặc điểm giữa kỳ n_2 : x 0,3

- 1 điểm bài thi cuối học phần n_3 : x 0,5

Điểm học phần: $(n_1 \times 0,2) + (n_2 \times 0,3) + (n_3 \times 0,5)$

12. Giáo trình và tài liệu tham khảo

Giáo trình chính

1. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học sư phạm.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Phạm Thu Hương (Chủ biên) (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Phan Trọng Luận (2013), *Giáo trình Phương pháp dạy học văn tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.45. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

- Số tín chỉ: 03 (27, 36,135)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LLVH&PPDH Văn – Tiếng Việt, khoa Khoa học xã hội, Đại học Hồng Đức

- Các học phần tiên quyết: LL dạy học Ngữ văn

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học văn ở nhà trường THCS và THPT theo đặc trưng loại thể bao gồm: phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (trữ tình, tự sự, kịch, nghị luận, thông tin/nhật dụng); phương pháp dạy học các bài văn học sử, lí luận văn học; phương pháp tổ chức hoạt động ngoại khoá văn học và các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả đọc Văn của học sinh.

Năng lực đạt được: SV có khả năng vận dụng các tri thức trên vào việc giải quyết những tình huống sư phạm đặt ra từ thực tế dạy học Văn; có kỹ năng dự giờ thành thạo, thiết kế giáo án và tổ chức thực hành dạy học các giờ đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng loại thể; hướng đến hình thành cho SV năng lực dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường THCS và THPT.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

SV mô tả, phân tích, khái quát được những kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật, hiện đại về: đặc trưng của hoạt động đọc văn; phương pháp, hình thức tổ chức

dạy học đọc hiểu các thể loại văn bản trữ tình, tự sự, kịch, nghị luận, thông tin; phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS qua dạy học đọc hiểu văn bản; phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh; phương pháp phát triển chương trình dạy học đọc văn; phương pháp thiết kế giáo án và quy trình tổ chức dạy học một giờ đọc văn ở nhà trường Trung học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- SV lập được kế hoạch dạy học đọc hiểu văn bản theo chủ đề, thể loại;
- Thiết kế được giáo án dạy học và đề kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu của HS theo đặc trưng thể loại;
- Thực hành tổ chức dạy học các giờ đọc hiểu văn bản, trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu của HS theo đặc trưng thể loại;
- Bước đầu biết phát triển chương trình dạy học đọc văn ở nhà trường Trung học.
- Phát triển các kỹ năng tư duy phân tích, phê phán và sáng t.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

SV có thái độ chủ động, tích cực, hứng thú trong việc tìm hiểu chương trình, SGK, thực tế dạy học Văn ở nhà trường Trung học; chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng lí thuyết về các PPDH đọc văn vào từng bài dạy cụ thể.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Hoạt động đọc văn

1. Khái niệm đọc văn và đọc hiểu văn bản
2. Đặc trưng của hoạt động đọc văn
3. Một số phương pháp, kĩ thuật chung trong dạy học đọc văn

Chương 2: Phương pháp dạy học - hiểu văn bản tự sự ở trường Trung học

1. Đặc điểm chung của văn bản tự sự
2. Khung đánh giá năng lực đọc - hiểu văn bản tự sự
3. Phương pháp, biện pháp dạy học - hiểu văn bản tự sự
4. Thiết kế bài dạy học - hiểu văn bản tự sự

Chương 3: Phương pháp dạy học - hiểu văn bản trữ tình ở trường Trung học

1. Đặc điểm chung của văn bản trữ tình
2. Khung đánh giá năng lực đọc - hiểu văn bản trữ tình
3. Phương pháp, biện pháp dạy học - hiểu văn bản trữ tình
4. Thiết kế bài dạy học - hiểu văn bản trữ tình

Chương 4: Phương pháp dạy học - hiểu văn bản kịch ở trường Trung học

1. Đặc điểm chung của văn bản kịch
2. Khung đánh giá năng lực đọc - hiểu văn bản kịch
3. Phương pháp, biện pháp dạy học - hiểu văn bản kịch
4. Thiết kế bài dạy học - hiểu văn bản kịch

Chương 5: Phương pháp dạy học - hiểu văn bản nghị luận ở trường Trung học

1. Đặc điểm chung của văn bản nghị luận
2. Khung đánh giá năng lực đọc - hiểu văn bản nghị luận
3. Phương pháp, biện pháp dạy học - hiểu văn bản nghị luận
4. Thiết kế bài dạy học - hiểu văn bản nghị luận

Chương 6: Phương pháp dạy học - hiểu văn bản thông tin và dạy học Văn học sử ở trường Trung học

1. Đặc điểm chung của văn bản thông tin
2. Khung đánh giá năng lực đọc - hiểu văn bản thông tin

3. Phương pháp, biện pháp dạy đọc - hiểu văn bản thông tin
4. Phương pháp dạy học các kiểu bài Văn học sử ở trường Trung học
5. Thiết kế bài dạy đọc - hiểu văn bản thông tin và văn học sử

Chương 7: Phương pháp phát triển chương trình dạy học đọc hiểu văn bản ở trường Trung học

1. Các tiêu chí lựa chọn văn bản đọc hiểu
2. Xác định danh mục các văn bản đọc - hiểu
3. Hướng dẫn HS tự đọc hiểu

Chương 8: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS qua dạy đọc văn

1. Vị trí, mục đích, tác dụng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo
2. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua dạy đọc văn
3. Các hình thức hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua dạy đọc văn
4. Thiết kế các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS qua dạy đọc văn

Chương 9: Kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn ở trường Trung học theo định hướng phát triển năng lực HS

1. Năng lực và đặc trưng của kiểm tra đánh giá năng lực HS
2. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn
3. Đề bài kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. PGS.TS Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), TS. Dương Thị Hồng Hiếu (2017), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, Nxb Đại học Cần Thơ.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Hoàng Thị Mai (Chủ biên) (2009), Kiều Thọ Long, *Phương pháp dạy học văn bản nghị luận ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.46. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

- Số tín chỉ: 3 (27, 36,135)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học Ngữ Văn, khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về vị trí, nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung chương trình; nguyên tắc, các phương pháp dạy học tiếng Việt; phương pháp dạy học các học phần tiếng Việt; cách thức tổ chức các kiểu bài trong chương trình, sách giáo khoa phần tiếng Việt ở trường phổ thông.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng soạn giáo án, ghi bảng, tổ chức hoạt động dạy học tiếng Việt ở THPT, THCS: vận dụng những vấn đề lý thuyết chung về tiếng Việt và ngôn ngữ, từ ngữ, ngữ pháp, phong cách, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; cách thức kiểm tra, đánh giá việc dạy học tiếng Việt của học sinh ở phổ thông trong mối tương quan tích hợp với phân môn đọc Văn và Làm văn và các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên được trang bị những tri thức lý thuyết cơ bản nhất xung quanh những vấn đề chung về vị trí, nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung chương trình; nguyên tắc, các phương pháp dạy học tiếng Việt; phương pháp dạy học các học phần tiếng Việt; cách thức tổ chức các kiểu bài trong chương trình, sách giáo khoa phần tiếng Việt ở trường phổ thông.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện và nâng cao cho sinh viên các kỹ năng tiếp cận các vấn đề lý thuyết về phương pháp dạy học tiếng Việt ở phổ thông.

- Hình thành và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành: soạn giáo án, ghi bảng, kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học; cách thức kiểm tra, đánh giá việc dạy học tiếng Việt của học sinh ở phổ thông.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Bồi dưỡng cho sinh viên ý thức tự học, tự rèn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần học hỏi, nghiên cứu, cập nhật các tri thức lý luận và thực tiễn về dạy học tiếng Việt ở bậc phổ thông.

- Có khả năng vận dụng những tri thức về phương pháp dạy học tiếng Việt trong quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỘT: MÔN TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG THCS VÀ THPT (3)

1.1. Sơ lược về vấn đề dạy tiếng mẹ đẻ ở nhà trường Việt Nam qua các thời kì

1.2. Vị trí và nhiệm vụ của môn Tiếng Việt ở THCS và THPT

1.3. Chương trình Tiếng Việt ở trường THCS và THPT theo sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành.

1.3.1. Những cơ sở để xây dựng chương trình

1.3.2. Nguyên tắc xây dựng chương trình

1.3.3. Nội dung chương trình

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT LÀ MỘT KHOA HỌC (3)

2.1. Đối tượng của phương pháp dạy học tiếng Việt

2.2. Nhiệm vụ của phương pháp dạy học tiếng Việt

2.3. Những cơ sở lý thuyết và thực tiễn của dạy học tiếng Việt

2.4. Các phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 3: CÁC NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT (17)

3.1. Các nguyên tắc

3.1.1. Khái niệm nguyên tắc và nguyên tắc dạy học tiếng Việt

3.1.2. Vận dụng các nguyên tắc giáo dục trong dạy học tiếng Việt

3.1.3. Các nguyên tắc đặc thù của phương pháp dạy học tiếng Việt

3.2. Các phương pháp

3.2.1. Khái niệm phương pháp dạy học

3.2.2. Các phương pháp dạy học tiếng Việt thường được sử dụng

3.2.3. Các thủ pháp thường được sử dụng trong dạy học tiếng Việt

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CHUNG VỀ TIẾNG VIỆT VÀ NGÔN NGỮ (8)

4.1. Vị trí, mục đích

4.2. Nội dung chương trình

4.3. Phương pháp dạy học

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TỪ NGỮ (8)

5.1. Vị trí, mục đích dạy học từ ngữ

5.2. Nội dung chương trình phần từ ngữ ở THCS và THPT

5.3. Những cơ sở của việc dạy học từ ngữ

5.4. Phương pháp dạy học lý thuyết về từ ngữ

5.5. Phương pháp dạy học thực hành về từ ngữ

CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ PHÁP (8)

6.1. Khái quát về chương trình ngữ pháp tiếng Việt ở THCS và THPT

6.2. Những cơ sở của việc dạy học ngữ pháp ở phổ thông

6.3. Các nguyên tắc dạy học ngữ pháp

6.4. Phương pháp dạy học lý thuyết ngữ pháp

6.5. Phương pháp dạy học thực hành ngữ pháp

CHƯƠNG 7: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHONG CÁCH (8)

7.1. Vị trí, mục tiêu của phần phong cách học ở nhà trường phổ thông

7.2. Nội dung, chương trình phần phong cách học ở nhà trường phổ thông

7.3. Những cơ sở của việc dạy học phong cách học

7.4. Phương pháp dạy học lý thuyết phong cách học

7.5. Phương pháp dạy học thực hành phong cách học

CHƯƠNG 8: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÁC VẤN ĐỀ HOẠT ĐỘNG HÀNH CHỨC CỦA TIẾNG VIỆT (8)

8.1. Vị trí, mục tiêu

8.2. Nội dung chương trình về các vấn đề liên quan đến hoạt động hành chức của tiếng Việt

8.3. Nội dung chương trình về hoạt động hành chức của tiếng Việt

8.4. Phương pháp dạy học lý thuyết về hoạt động hành chức của tiếng Việt

8.5. Phương pháp dạy học thực hành về hoạt động hành chức của tiếng Việt

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh (1997), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, HN.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb ĐHSP, HN

2. Bùi Minh Toán, (2010) *Tiếng Việt ở trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội

10.47. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LÀM VĂN

- Số tín chỉ: 3 (27,36,135)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lí luận văn học và Phương pháp dạy học Ngữ văn, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: *Lí luận dạy học Ngữ văn*

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: gồm các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lý thuyết và dạy học thực hành 6 kiểu văn bản làm văn theo hướng phát huy năng lực người học; quy trình, kỹ thuật rèn luyện kỹ năng tạo lập các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ.

Năng lực đạt được: SV có kỹ năng xác định mục tiêu môn học, bài học, thiết kế được các giáo án dạy học lý thuyết và dạy học thực hành làm văn ở bậc trung học; có kỹ năng vận dụng phương pháp dạy học để tổ chức các tiết dạy làm văn chính khóa hoặc ngoại khóa phù hợp với chương trình, sách giáo khoa; có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình giảng dạy làm văn trong chương trình, sách giáo khoa.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm vững mục tiêu, nội dung dạy học làm văn trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT.

- Trình bày và phân tích được các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lí thuyết, dạy học thực hành làm văn; quy trình, biện pháp rèn luyện các kĩ năng tạo lập 6 kiểu văn bản thông dụng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xác định được mục tiêu môn học, bài học, thiết kế được các giáo án dạy học lí thuyết và dạy học thực hành làm văn ở bậc trung học;

- Vận dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp phương tiện dạy học để tổ chức các tiết dạy làm văn chính khóa hoặc ngoại khóa phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.

2.3. Mục tiêu về thái độ

SV có thái độ chủ động, tích cực, hứng thú trong việc tìm hiểu chương trình, SGK, thực tế dạy học làm văn ở nhà trường Trung học; chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng các PPDH tạo lập văn bản trong từng bài dạy cụ thể.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÂN MÔN LÀM VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Lí thuyết 03 tiết, thực hành, thảo luận 0 tiết, tự học 13 tiết)

I. Vị trí, mục tiêu của phân môn Làm văn ở bậc học phổ thông

1. Vị trí
2. Mục tiêu
3. Quan hệ giữa phân môn Làm văn với các môn học khác

II. Chương trình và sách giáo khoa phân môn Làm văn ở bậc học phổ thông

1. Cơ sở để xây dựng chương trình
2. Nguyên tắc xây dựng chương trình, sách giáo khoa phân môn Làm văn ở bậc học phổ thông
3. Nội dung chương trình phân môn Làm văn ở bậc học phổ thông
4. Định hướng dạy học phân môn Làm văn ở nhà trường phổ thông trước và sau thay sách (2002)

Chương 2: MỘT SỐ TIỀN ĐỀ LÍ THUYẾT CỦA DẠY HỌC LÀM VĂN

(Lí thuyết 02 tiết, thực hành, thảo luận 01 tiết, tự học 07 tiết)

- I. Ngôn ngữ học văn bản
- II. Lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ
- III. Logic học
- IV. Lí luận văn học

Chương 3: CÁC NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LÀM VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Lí thuyết 14 tiết, thực hành, thảo luận 22 tiết, tự học 65 tiết)

I. Các nguyên tắc dạy học làm văn trong nhà trường phổ thông

1. Nguyên tắc tích hợp
2. Nguyên tắc gắn lí thuyết với thực hành hướng vào rèn luyện kĩ năng
3. Nguyên tắc gắn kiến thức nhà trường với đời sống xã hội và thực tế địa phương nơi các em đang sống
4. Nguyên tắc vận dụng tổng hợp rèn tư duy năng động, sáng tạo

5. Nguyên tắc giao tiếp

II. Các phương pháp dạy học làm văn

A- PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LÝ THUYẾT LÀM VĂN

1. Phương pháp quy nạp
2. Phương pháp tích hợp
3. Phương pháp vấn đáp gợi tìm
4. Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề

B- PHƯƠNG PHÁP DẠY THỰC HÀNH LÀM VĂN

1. Phương pháp dạy thực hành theo mẫu
2. Phương pháp dạy thực hành sáng tạo
3. Phương pháp dạy học hợp tác
5. Kỹ thuật lắng nghe và phản hồi tích cực

III. Một số phương pháp đặc thù trong dạy học làm văn ở nhà trường phổ thông

1. Phương pháp ra đề
2. Phương pháp lập đáp án cho đề làm văn
3. Phương pháp chấm bài
4. Phương pháp trả bài làm văn

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP RÈN LUYỆN CÁC KỸ NĂNG LÀM VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Lí thuyết 05 tiết, thực hành, thảo luận 10 tiết, tự học 20 tiết)

I. Hệ thống kỹ năng làm văn cần rèn luyện cho học sinh trong nhà trường phổ thông

A - Nhóm kỹ năng chung

1. Kỹ năng tìm hiểu đề, tìm ý
2. Kỹ năng lập dàn ý
3. Kỹ năng dựng đoạn và liên kết đoạn văn
4. Kỹ năng diễn đạt
5. Kỹ năng viết bài hoàn chỉnh và sửa lỗi bài văn

B - Nhóm kỹ năng đặc thù theo đặc trưng kiểu văn bản

1. Kỹ năng quan sát trong văn miêu tả
2. Kỹ năng liên tưởng, tưởng tượng trong văn miêu tả
3. Kỹ năng xây dựng nhân vật trong văn bản tự sự
4. Kỹ năng xây dựng chi tiết, tình tiết truyện trong văn bản tự sự
5. Kỹ năng xây dựng tình huống truyện trong văn bản tự sự
6. Kỹ năng sử dụng ngôi kể, lời kể trong văn bản tự sự
7. Kỹ năng biểu cảm trực tiếp
8. Kỹ năng biểu cảm gián tiếp
9. Kỹ năng xây dựng luận điểm trong bài văn nghị luận
10. Kỹ năng triển khai luận cứ trong bài văn nghị luận
11. Kỹ năng lập luận trong bài văn nghị luận
12. Kỹ năng sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết minh trong tạo lập kiểu văn bản thuyết minh
13. Kỹ năng sử dụng kết hợp các yếu tố nghệ thuật trong tạo lập kiểu văn bản thuyết minh
14. Kỹ năng sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong tạo lập văn bản

II. Phương pháp rèn luyện kỹ năng làm văn

1. Quy trình rèn luyện kỹ năng
2. Cách thức rèn luyện kỹ năng
3. Thực hành một số tiết rèn luyện kỹ năng

**Chương 5: THIẾT KẾ GIÁO ÁN VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC LÀM VĂN
TRÊN GIÁO ÁN ĐIỆN TỬ VÀ GIÁO ÁN TRUYỀN THÔNG**
(Lí thuyết 03 tiết, thực hành, thảo luận 13 tiết, tự học 30 tiết)

I. Giáo án và Thiết kế giáo án

1. Quan niệm giáo án và thiết kế giáo án
2. Giáo án điện tử và giáo án truyền thông
3. Các yêu cầu đối với một giáo án Ngữ văn
4. Tiến trình lên lớp của một giáo án dạy học lí thuyết và giáo án dạy học thực hành Làm văn ở phổ thông
5. Soạn giáo án cho một số tiết làm văn ở THPT & THCS

II. Kỹ thuật dạy học trên giáo án điện tử và dạy học trên giáo án truyền thông

1. Các yếu tố cần chuẩn bị cho một giờ dạy làm văn thành công
2. Thực hành dạy một số nội dung Làm văn ở bậc học phổ thông

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Mai Thị Kiều Phương (2009), *Giáo trình Phương pháp dạy và học làm văn*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê thị Minh Nguyệt (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông*, Nxb ĐH sư phạm, HN
2. Mai Thị Kiều Phương (2009), *Giáo trình Phương pháp dạy và học kỹ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Đỗ Ngọc Thống (2007), *Giáo trình làm văn (2007)*, Nxb ĐH sư phạm.

10.48. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN/INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY APPLICATIONS IN TEACHING PHILOLOGY-

Course code:

- Course credit: 02 (18, 16, 4)

- Department of Lecture: Department of Theories and Methods of teaching literature – Vietnamese, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University.

Prerequisites: Informatics, Theories of Philology teaching

1. Describe the course

The basic content of the course includes following topics: some theories of using information and communication technology in Philological teaching; Basic knowledge about some educational softwares applied in teaching philology; some guides of using the Internet in exploiting, storing and sharing information for teaching Philology. After completion of the course, students should be able to know how to effectively use the applications of information and communication technologies to improve the quality of teaching Philology.

Competency: Students understand information and communication technology. At the same time, learners can apply Philological teaching in high school program.

2. Course Objectives

2.1. Knowledge Objectives

- Students have mastered the system of general, basic and current knowledge about the essence, role and ability of applying information and communication technology in order to improve the effectiveness of teaching Philology.

- Students determine the requirements, principles and ways of applying information and communication technology in the organization of teaching activities, examining and assessing students' performance

2.2. Skill Objectives

- Students have the skills to create electronic lectures in Philology, organize teaching activities that apply the achievements of information and communication technology.

- Students apply flexibly, creatively the knowledge and skills into the practice of teaching Philology with orienting towards developing students' competencies.

2.3. Attitude Objectives

- Students have interest, positivity and creation in learning, regularly amass specialist knowledge, and practice the basic skills of the course.

- Students deeply desire to improve their professional competence to meet the requirement of modern education.

3. Detailed content of the Subject

Chapter 1. SOME THEORIES OF USING INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY IN TEACHING PHILOLOGY (2, 1, 0)

1.1. ICT concept

1.2. The role of ICT in teaching Philology

1.3. ICT application in Philological teaching trends

1.3.1. Application in creating electronic lectures in Philology

1.3.2. Application in exploiting, storing and sharing information for teaching Philology

1.3.3. Application in educational evaluation

CHAPTER 2: SOME EDUCATIONAL SOFTWARES APPLIED IN TEACHING PHILOLOGY (14, 11, 3)

2.1. Creating electronic lectures softwares

2.1.1. General introduction to electronic lectures

2.1.1.1. Concepts related to electronic lectures

2.1.1.2. Some notes of creating electronic lectures in Philology

2.1.2. Some creating electronic lectures softwares

2.1.2.1. PowerPoint software

2.1.2.2. Adobe Presenter software

2.1.2.3. Violet software

2.2. SmartTest - question bank management software

2.2.1. Introduction to SmartTest software

2.2.2. How to install SmartTest software

2.2.3. How to use SmartTest software

2.3. Windows Movie Maker software

2.3.1. Introduction to Windows Movie Maker software

2.3.2. How to install Windows Movie Maker software

2.3.3. How to use Windows Movie Maker software

2.4. iMindMap - mind mapping software

2.4.1. Introduction to iMindMap software

2.4.2. How to install iMindMap software

2.4.3. How to use iMindMap software

Chapter 3: INTERNET APPLICATIONS IN EXPLOITING, STORING AND SHARING INFORMATION IN TEACHING PHILOLOGY (2, 4, 1)

3.1. Using the internet to exploit information for teaching Philology

3.1.1. Introduce some websites to support the information exploitation on the internet

3.1.2. Some techniques to exploit information on the internet

3.2. Using the internet to store and share information for teaching Philology

3.2.1. Using email in storing and sharing information

3.2.2 Using specialized websites to store and share information

3.2.3. Using social networking in sharing and exchanging information

4. Course requirements

Students must attend at least 80% of the theoretical lectures, attend discussion, practice (with the instructor's instructions), complete the essay and take fully Middle Term and final examinations.

5. Teaching Method: Presentation, discussion, practice in groups.

6. Consulting plan

In the course, lecturers are responsible for instructing the students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module arrange to answer students' questions and problems.

7. Equipment

The classrooms are large enough to divide students into discussion groups, with a full range of facilities: tables, projectors, computers for practice presentations, full study materials at the library.

8. Method of subject assessment

- Regular inspection and assessment: weight of 30%.
- Mid-term examination and evaluation: weight of 20%
- Final examination and evaluation: weight of 50%.

10 point scale

9. Key References

9.1. Main textbook

1. Ministry of Education and Training (2010), Active Teaching and Learning - Some Methods and Techniques for Teaching, University of Education Publishing House, H.

2. Le Cong Triem, Nguyen Duc Vu (2006), Application of information technology in teaching, Education Publishing House, H.

9.2. Reference books

3. Nguyen Thanh Hung (2007): The teaching Philology method in Secondary School, University of Education Publishing House, H.

4. Phan Trong Luan (editor) (2003): The teaching Literature method - Volume 1, Education Publishing House, H.

5. Phan Trong Luan (2011) School literature - points of view, University of Education Publishing House, H.

6. Ministry of Education and Training: Philological Curriculum and Textbooks in Secondary and High school, Education Publishing House.

7. Colin Rose, M.J. Nicholl (2008), Advanced Learning Skills in the 21st Century, Knowledge Publishing House, H.

8. Internet: websites about teaching Philology, information and communication technology applications in teaching,...

10.49. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC/ASSESSMENT OF HIGH SCHOOL STUDENTS' LEARNING OUTCOMES IN PHILOLOGY

- Course code:

- Credit: 2 (18, 24, 6)

- Department in charge: Department of Literary Reasoning and Teaching Method of Literature, Faculty of Social Science, Hong Duc University

- Prerequisites: Teaching Reasoning of Literature course

1. Course Description

This course provides learners some general knowledge about the examination and evaluation of students' learning outcomes, the process of evaluation follows formation and development of competence, guide to make questions, exercises, tests linking to the real life and topics in Literature education program in high school.

Competency: Students understand process of evaluation, orientation for making questions, exercises, criteria for students' competency evaluation and topics in high school Literature program. At the same time, learners can apply assessment of high school student's learning outcomes in Philology.

2. Objectives of the course

2.1. About knowledge

- Recognizing concepts, features of evaluation according to competency and some what are relevant to students' learning outcomes, types of evaluation, methods of evaluation.

- Understanding process of evaluation, orientation for making questions, exercises, criteria for students' competency evaluation and topics in high school Literature program.

2.2. About skill

- Presenting and analyzing some issues related to assessing students' learning outcomes, types of assessment, methods of assessment.

- Applying knowledge of the assessment process and mastering high school literacy curriculum, learners can make questions, assignments, tests, answers and criteria for assessing the four skills (listening, speaking, reading and writing) of high school students.

2.3. Attitude Objectives

- Students have interest, positivity and creation in learning, regularly amass specialist knowledge, and practice the basic skills of the course.

- Students deeply desire to improve their professional competence to meet the requirement of modern education.

3. Content of the course

Chapter 1. Some general issues about assessing students' learning outcomes

1.1. Concepts of evaluation, competency evaluation and learning outcome's evaluation

1.2. Role of assessing for learners' competency

1.3. Some issues related to assessing learners' competency

1.4. Objectives of assessing learners' competency

1.5. Main features of assessing learners' competency

1.6. Classification of assessing learners' competency

1.7. Requirements of assessing students' learning outcomes

Chapter 2. Process of assessing students' learning outcomes

2.1. Preparation for content of assessing learners' competency

2.2. Assessment

2.3. Analysing outcomes and making decision

2.4. Assessment criteria for skill of literary reading

2.5. Assessment criteria for skill of creating text in both speech and writings

2.6. Assessment criteria for skill of listening in Literature teaching in high school

2.7. Assessment criteria for competency of dealing with problems in teaching

2.8. Assessment criteria for competency of cooperation

Chapter 3. Instruction for setting up a tool of evaluation according to competency orientation

3.1. Process of making questions, exercises, tests, answers for evaluation according to competency orientation with topics in Literature in high school

3.2. Examples of questions, exercises, tests and answers

3.3. Practice of making questions, exercises, tests, answers for evaluation according to competency orientation with topics in Literature in high school

4. Requirements

Students must attend at least 60% of the theoretical lectures, attend discussion session (with the instructor's guidance), self-study, completing the essay, taking both full midterm exam and final exam.

5. Teaching Method: Lecture, discussion, work in groups, experience activity

6. Consulting plan: In the teaching process, lecturers are responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module instructor must make at least a meeting to answer students' questions and problems.

7. Equipments

- The classrooms are large enough to be divided into discussion groups with sufficient means: tables, projectors, computers to practice presentations.
- Full study materials at the library.

8. Grading

- Regular inspection and assessment: 30%.
- Mid-term examination and evaluation: 20%
- Final examination and evaluation: 50%.

Score scale: 10

9. Key references:

9.1. Key materials:

1. Hồ Sĩ Đàm (Chủ biên) Đào Kiến Quốc – Hồ Đắc Phương (2007), *Giáo trình tin học cơ sở*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Reference books:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.50. THỂ LOẠI VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI/MODERN VIETNAMESE LITERARY GENRE

- **Module code:**

- **Credits: 2 (18; 24; 90)**

- **Department in charge: Department of Vietnamese Literature, Faculty of Social Science, Hong Duc University.**

- **Prerequisite: None**

1. Module Description

The module includes basic and professional knowledge about genres of modern Vietnamese literature: novels, short stories, poems, dramas and literary criticism. Each genre is studied through concept, formation, development and outstanding achievements. This module also guides learners how to apply theories to analyze typical literary works, especially those are given in high school program.

2. Objectives of the module

2.1. About knowledge

After completing this module, learners can:

- Recognizing the terms of modern literary genres: novels, short stories, poems, dramas, literary criticism.
- Presenting and analyzing fundamental issues such as historical, social and cultural premise of the emergence of modern literary genres in Vietnamese literature, the process of formation, development, and outstanding achievements.

2.2. About skills: After completing the course, learners must practice their reading comprehension skills and begin to study modern Vietnamese literature from the perspective of genre.

2.3. About attitude: It is possible for students to form the scientific view of the study of modern literary works from the perspective of the genre.

3. Content of the module

Chapter 1. Overview of the genre system in modern Vietnamese literature

1. The concept of genre
2. The overall look of the genre
3. The outstanding features
4. The situation of studying and teaching modern Vietnamese literature from the perspective of genre

Chapter 2. Novels

1. Definition
2. The process of formation and movement, development in Vietnamese literature
3. The outstanding achievements
4. Applying theoretical knowledge of genres to analyze works
 - *Happiness of a funeral* (extract *Red numbers* - Vu Trong Phung)
 - *The season of fallen leaves* (*The season of leaves falling in the garden*)

(extract, Ma Van Khang)

Chapter 3. Short stories

1. Definition
2. The process of formation and movement, development in Vietnamese literature
3. The outstanding achievements
4. Applying theoretical knowledge of genres to analyze works
 - *Chữ người tử tù* (Nguyen Tuan)
 - *Chiếc thuyền ngoài xa* (*The boat outside*) (Nguyen Minh Chau)

Chapter 4. Poems

1. Definition
2. The process of formation and movement, development in Vietnamese literature
3. The outstanding achievements
4. Applying theoretical knowledge of genres to analyze works
 - *Vội vàng* (Xuan Dieu)
 - *Đất nước* (excerpt *Mặt đường khát vọng* - Nguyen Khoa Diem)

Chapter 5. Dramas

1. Definition
2. The process of formation and movement, development in Vietnamese literature
3. The outstanding achievements
4. Applying theoretical knowledge of genres to analyze works
 - *Vĩnh biệt cửu trùng đài* (excerpt *Vũ Như Tô* – Nguyen Huy Tuong)
 - *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (excerpt, Luu Quang Vu)

Chapter 6. Realistic Fiction

1. Definition
2. Sub-types
3. The process of formation and movement, development in Vietnamese literature
4. Outstanding achievements
5. Applying theoretical knowledge of the genre to analyze works
Ai đã đặt tên cho dòng sông (Who named the river) (excerpt, Hoang Phu Ngoc Tuong)

Chapter 7. Literary criticism

1. Definition
2. Genres of literary criticism
3. The process of formation and movement, development in Vietnamese literature
4. Outstanding achievements
5. Applying theoretical knowledge of the genre to analyze works
 - *Một thời đại trong thi ca (An era in poetry)* (excerpt, Hoai Thanh – Hoai Chan)
 - *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc (Nguyen Dinh Chieu, a bright star in art of the nation)* (Pham Van Dong)

4. Requirements

Students must attend at least 80% of the theoretical lectures, attend discussion session (with the instructor's guidance), complete the essay, take both full midterm exam and final exam.

5. Teaching Method: Lecture, discussion, work in groups.

6. Consulting plan: In the teaching process, lecturers are responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module instructor must make at least a meeting to answer students' questions and problems.

7. Equipments

- The classrooms are large enough to be divided into discussion groups with sufficient means: tables, projectors, computers to practice presentations.
- Full study materials at the library.

8. Grading

- Regular inspection and assessment: 30%.
- Mid-term examination and evaluation: 20%
- Final examination and evaluation: 50%.

Score scale: 10

9. Key References

9.1. Key materials

1. Phan Cu De, *Vietnamese Literature of the twentieth century*, Education Publishing House, Hanoi, 2004.

9.2 Reference books

1. *Dictionary literature* (new set), The Gioi Publishing House, Hanoi, 2004.
Từ điển văn học (bộ mới)
2. *Oxford advanced learner's dictionary*, University of Oxford Press.

10.51a. Thể loại văn học Việt Nam trung đại

Số tín chỉ 02

Giờ tín chỉ với các hoạt động:

- Nghe giảng lí thuyết: 18 tiết

- Bài tập, thảo luận: 24 tiết
- Tự học: 90 tiết

Bộ môn phụ trách: Văn học Việt Nam

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng một số thể loại văn học tiêu biểu gắn với những tác gia, tác phẩm qua các giai đoạn cụ thể trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX.

Năng lực đạt được: SV có khả năng giảng dạy hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn THPT; có kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học dưới góc nhìn thể loại.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được quá trình vận động, phát triển của hệ thống thể loại văn học Việt Nam trung đại qua các giai đoạn văn học, gắn với những tác gia, tác phẩm cụ thể.

Nắm vững tính chất, đặc trưng của hệ thống văn học ngoại nhập, hệ thống thể loại văn học nội sinh, hệ thống thể loại tiếp thu từ văn học dân gian; hiểu được bản chất đặc thù của từng thể loại cụ thể trong tác phẩm văn học.

2.2. Về kỹ năng: Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên có khả năng so sánh, phân tích đặc trưng của hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam trong tương quan với hệ thống thể loại văn học Trung Quốc và hệ thống thể loại văn học Việt Nam hiện đại; có năng lực giảng dạy tác phẩm văn học ở trường Phổ thông dưới góc độ thể loại.

2.3. Về thái độ: Người học xác lập được quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu văn học trung đại; biết trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần của nền văn học dân tộc trong quá khứ, trong đó có hệ thống thể loại văn học.

3. Nội dung học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về thể loại văn học

I. Lí thuyết (4 tiết)

1. Vị trí của thể loại trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử văn học
2. Quan niệm về thể loại văn học
3. Tiêu chí phân loại hệ thống thể loại văn học Việt Nam trung đại
4. Giảng dạy tác phẩm văn học gắn với đặc trưng thể loại

II. Bài tập, thực hành (5 tiết)

1. Trình bày vị trí của thể loại văn học trong lịch sử văn học
2. Vì sao phải đọc hiểu và giảng dạy tác phẩm văn học dưới góc độ thể loại?

III. Tự học (20 tiết)

1. Thống kê các quan niệm và tiêu chí phân loại hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam.
2. Đọc các tài liệu: 1,2,3, 5

Chương 2: Hệ thống thể loại văn học ngoại nhập

I. Lí thuyết (5 tiết)

1. Văn chương tôn giáo và lễ nghi
 - Khái niệm
 - Các thể loại tiêu biểu
 - Đặc trưng của từng thể loại

- Các tác phẩm tiêu biểu của từng thể loại

2. Văn chương cử tử

- Khái niệm

- Các thể loại tiêu biểu

- Đặc trưng của từng thể loại

- Các tác phẩm tiêu biểu của từng thể loại

3. Văn học chức năng

- Khái niệm

- Các thể loại tiêu biểu

- Đặc trưng của từng thể loại

- Các tác phẩm tiêu biểu của từng thể loại

4. Văn học hình tượng

- Khái niệm

- Các thể loại tiêu biểu

- Đặc trưng của từng thể loại

- Các tác phẩm tiêu biểu của từng thể loại

II. Bài tập, thảo luận (7 tiết)

1. Đặc trưng của thể loại văn học chức năng qua “Hịch tướng sĩ”

2. Sự kết hợp giữa văn học chức năng và văn học hình tượng qua “Bình Ngô đại cáo”

III. Tự học (25 tiết)

1. Thống kê và phân tích đặc trưng các thể loại của văn học hình tượng ngoại nhập.

2. Đọc các tài liệu: 1,2,3,4,6

Chương 3: Hệ thống thể loại văn học nội sinh

I. Lí thuyết (5 tiết)

1. Diễn ca lịch sử

- Khái niệm

- Đặc trưng thể loại

Các tác phẩm tiêu biểu

2. Ngâm khúc

- Khái niệm

- Đặc trưng

- Các tác phẩm tiêu biểu

3. Hát nói

- Khái niệm

- Đặc trưng thể loại

Các tác phẩm tiêu biểu

3. Truyện thơ Nôm

- Khái niệm

- Đặc trưng thể loại

Các tác phẩm tiêu biểu

II. Bài tập, thảo luận (7 tiết)

1. Đặc trưng của thể ngâm khúc qua “Chinh phụ ngâm khúc”

2. Đặc trưng của truyện thơ Nôm qua “Đoạn trường tân thanh”

III. Tự học (25 tiết)

1. Thống kê các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của truyện thơ Nôm trong văn học giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX.

2. Đọc tài liệu: 1,2,3,4,

Chương 4: Hệ thống thể loại có nguồn gốc từ văn học dân gian

I. Lí thuyết (4 tiết)

1. Thơ lục bát

- Khái niệm
- Đặc trưng thể loại
- Các tác phẩm tiêu biểu

2. Thơ song thất lục bát

- Khái niệm
- Đặc trưng thể loại
- Các tác phẩm tiêu biểu

II. Bài tập, thảo luận (5 tiết)

1. Tìm hiểu đặc trưng của thơ lục bát qua một truyện thơ Nôm tự chọn

2. Đặc trưng của thể song thất lục bát qua bản dịch “Chinh phụ ngâm”

III. Tự học (20 tiết)

1. Âm hưởng của thể lục bát trong một số tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

2. Đọc tài liệu: 1,2,3,4.

8. Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

1. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.

Học liệu tham khảo

1. Bùi Duy Tân, Khảo và luận một số thể loại tác gia tác phẩm văn học trung đại Việt Nam: Tập 2, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

2. Trần Nho Thìn, *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Nxb GDVN, 2009

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;

- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;
- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;
- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;
- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* (30%)

- *Kiểm tra - đánh giá giữa kì* (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.

- *Kiểm tra - đánh giá cuối kì* (50%): Viết, 180 phút.

Lịch thi, kiểm tra

+ Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.

+ Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).

+ Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.
- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.51b. TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Tên học phần: *Truyện ngắn Việt Nam hiện đại*

Tổng số tín chỉ: 02 tín chỉ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Bài tập, thảo luận: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Văn học Việt Nam

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Sự vận động và quy luật phát triển của truyện ngắn Việt Nam từ 1945 đến 1975 qua các chặng 1945 - 1954; 1955 - 1964; 1965 - 1975: đặc điểm truyện ngắn Việt nam giai đoạn 1945 - 1954; đặc điểm truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964; đặc điểm truyện ngắn Việt nam giai đoạn 1965 - 1975.

Năng lực đạt được: SV có đủ năng lực đảm nhiệm việc giảng dạy các tác phẩm truyện ngắn hiện đại Việt Nam ở nhà trường phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về thể loại truyện ngắn; Sự vận động, phát triển, diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam hiện đại ở giai đoạn từ 1945 đến 1975.

2.2. Về kỹ năng: SV có khả năng vận dụng phân tích, nghiên cứu một thể loại văn học, một tác giả, tác phẩm văn học; Vận dụng phân tích một số truyện ngắn được đưa vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông; Tập vận dụng sáng tác tác phẩm truyện ngắn.

2.3. Về thái độ: Có nhận thức đúng đắn, khoa học về thể loại, vị trí, vai trò của thể loại truyện ngắn giai đoạn 1945 - 1975 trong tiến trình vận động, phát triển của thể loại nói riêng, nền văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

3. Nội dung học phần:

Chương 1. Quan niệm về thể loại truyện ngắn

* Lý thuyết (01 tiết)

Quan niệm về thể loại truyện ngắn:

- Thuật ngữ

- Nhận dạng truyện ngắn:

+ Truyện ngắn mang đặc điểm của tác phẩm truyện nói chung

+ Dung lượng ngắn

* Thảo luận (02 tiết)

- Đặc điểm dạng thức truyện ngắn truyền thống

- Một số dạng thức truyện ngắn cách tân

* Tự học (7 tiết)

- Phân tích biểu hiện 5 tác phẩm truyện ngắn có dạng thức truyền thống

- Phân tích biểu hiện 5 tác phẩm truyện ngắn có dạng thức cách tân
- Tập sáng tác truyện ngắn

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 4

Chương 2. Các hướng nghiên cứu truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975

*** Lý thuyết (01 tiết)**

- Hướng nghiên cứu xã hội học
- Hướng nghiên cứu trực giác, nặng về cảm nhận phê bình, chủ quan
- Hướng nghiên cứu thi pháp học
- Một số hướng nghiên cứu mới

*** Thảo luận (02 tiết)**

Hiện, các lý thuyết mới đã được áp dụng để nghiên cứu truyện ngắn giai đoạn 1945 – 1975 chưa?

*** Tự học (07 tiết)**

Chỉ ra ưu điểm và hạn chế của các hướng nghiên cứu trên

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 3, 4

Chương 3. Những biến đổi của lịch sử, xã hội, văn hóa của đất nước giai đoạn 1945 – 1975.

*** Lý thuyết: 01 tiết**

- Về bối cảnh lịch sử
- + C/m tháng Tám thành công xóa bỏ ách nô lệ hơn 80 năm cho dân tộc
- + Pháp trở lại xâm lược, cuộc KCCP suốt chín năm
- + Pháp thất bại, miền Bắc được giải phóng
- + Từ 1965, chiến tranh lan rộng ra cả nước cho đến tháng 4/ 1975
- Về đời sống xã hội và văn hóa:
- + Lực lượng công - nông - binh trở thành chủ nhân của xã hội, cũng là đối tượng của sáng tác NT
- + Quan điểm coi văn học đứng trong chính trị, văn học là vũ khí cách mạng của đảng
- + Nhà văn tự nguyện dùng ngòi bút là vũ khí, chọn các thể loại ngắn để phục vụ nhanh nhất cá nhiệm vụ chính trị

*** Thảo luận (02 tiết)**

Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa của đất nước giai đoạn 1945- 1975 có phải là một hoàn cảnh đặc biệt không, vì sao?

*** Tự học (7 tiết)**

Nghiên cứu sự tác động của đời sống xã hội và văn hóa đến diện mạo thể loại của truyện ngắn

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 4, 5

Chương 4. Tác động của hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội đến diện mạo của truyện ngắn giai đoạn 1945 – 1975

*** Lý thuyết (01 tiết)**

Nghiên cứu lý giải những tác động của hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa tác động đến diện mạo thể loại của truyện ngắn giai đoạn 1945 – 1975 theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực

*** Thảo luận (02 tiết)**

- Các thể loại văn học khác ở giai đoạn này có chịu sự tác động này không?
- Truyện ngắn có phải là trường hợp cá biệt không?

*** Tự học (7 tiết)**

- Xác định được vai trò của điều kiện lịch sử xã hội tới sự phát triển văn học
- Lý giải sự tác động của thực tiễn đời sống đến văn học theo quan điểm lịch sử và biện chứng

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2,4,5,6

Chương 5. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1945 – 1954: Sự hình thành thể tài sử thi và cảm hứng lãng mạn lý tưởng mở đường cho truyện ngắn trữ tình

*** Lý thuyết (02 tiết)**

- Hoàn cảnh đất nước đã hình thành thể tài sử thi trong văn học.
- Cảm hứng lãng mạn lý tưởng mở đường cho loại hình truyện ngắn trữ tình

*** Thảo luận (02 tiết)**

Nguyên nhân hình thành cảm hứng lãng mạn lý tưởng trong tâm lý xã hội và trong văn học giai đoạn 45-75

*** Tự học (8 tiết)**

Cảm hứng nghệ thuật, sự hình thành thể tài sử thi và loại hình truyện trữ tình của nền văn học mới.

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,2,4, 5.

Chương 6. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1945 – 1954 (tiếp): Truyện ngắn bị ký hóa

*** Lý thuyết (2 tiết)**

Biểu hiện của xu hướng truyện ngắn bị “ký hóa”:

- Qua đặc điểm cốt truyện
- Qua đặc điểm nhân vật
- Qua ngôn ngữ, giọng điệu

*** Thảo luận (02 tiết)**

Lý giải nguyên nhân truyện ngắn 45 – 54 bị “ký hóa”

- Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu cho đặc điểm này

*** Tự học (8 tiết)**

Nghiên cứu, lý giải đặc trưng nổi bật nhất của truyện ngắn 45 – 54

***Hướng dẫn đọc các tài liệu:** số 1, 4, 5, 6

Chương 7. Truyện ngắn lãng mạn thể sự là diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1955 – 1964

*** Lý thuyết (2 tiết)**

Sự nổi trội của thể tài thể sự:

- Mở rộng phạm vi thể tài thể sự
- Nhân vật khái quát các dạng tính cách xã hội
- Ngôn ngữ đậm màu sắc chính trị, xã hội

*** Thảo luận (2 tiết)**

Nguyên nhân dẫn đến sự nổi trội của thể tài thể sự

- Chọn phân tích những tác phẩm tiêu biểu cho đặc điểm này

*** Tự học (8 tiết)**

Nghiên cứu, phân tích, lý giải diện mạo thể loại của truyện ngắn chặng 55-64 nghiêng về thể sự

***Hướng dẫn đọc các tài liệu:** số 1,2, 3

Chương 8. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1955 – 1964: Cảm hứng lãng mạn thể sự là điểm nổi bật độc đáo

*** Lý thuyết (2 tiết)**

Cảm hứng lãng mạn thể sự là điểm nổi bật độc đáo của truyện ngắn 55- 64 và được biểu hiện qua các phương diện sau:

- Kết cấu đối lập được huy động tối đa
- Lô gic cốt truyện theo chiều lý tưởng
- Nhân vật lý tưởng hóa

*** Thảo luận (2 tiết)**

So sánh với cảm hứng lãng mạn trong truyện ngắn ở chặng trước

*** Tự học (8 tiết)**

Lý giải nguyên nhân truyện ngắn Việt Nam ở chặng 55-64 mang cảm hứng thể sự đậm nét

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1,2,3.

Chương 9. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1955 – 1964: Sự nở rộ của loại hình truyện ngắn trữ tình

*** Lý thuyết (2 tiết)**

Sự nở rộ của loại hình truyện ngắn trữ tình biểu hiện ở các phương diện sau:

- Một thể giới nghệ thuật đầy ấp chất thơ
- Trữ tình hóa cốt truyện
- Trữ tình hóa các loại hình nhân vật
- Trữ tình hóa kết cấu văn bản và ngôn ngữ truyện

*** Thảo luận (2 tiết)**

So sánh với đặc điểm truyện ngắn trữ tình ở giai đoạn trước 1945

*** Tự học (10 tiết)**

Rèn kỹ năng lý giải, phân tích đặc trưng của phẩm chất trữ tình trong truyện ngắn 55- 64

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 3

Chương 10. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1965 – 1975, truyện ngắn sử thi anh hùng qua Loại hình xung đột và các mô típ chủ đề

*** Lý thuyết (01 tiết)**

Diện mạo sử thi của truyện ngắn Việt Nam chặng 65- 75 qua phương diện loại hình xung đột và mô típ chủ đề:

- Loại hình xung đột sử thi
- Mô típ chủ đề mang tầm vóc sử thi

*** Thảo luận (2tiết)**

Lý giải nguyên nhân sự thay đổi diện mạo của truyện ngắn ở chặng 65- 75

*** Tự học (7 tiết)**

Lý giải nguyên nhân sự thay đổi diện mạo của truyện ngắn chặng 65- 75

***Hướng dẫn:** đọc các tài liệu số 1,2,3,4

Chương 11. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1965 – 1975 qua Hệ thống hình tượng trung tâm

*** Lý thuyết (2 tiết)**

Diện mạo sử thi của truyện ngắn Việt Nam chặng 65- 75 qua hệ thống hình tượng trung tâm:

- Hình tượng thiên nhiên kỳ vĩ
- Nhân vật sử thi anh hùng

*** Thảo luận (2 tiết)**

So sánh sự khác nhau trong vẻ đẹp thẩm mỹ của nhân vật anh hùng trong truyện ngắn chặng 65- 75 với người anh hùng trong sử thi cổ điển

*** Tự học (8tiết)**

- Tiếp tục nghiên cứu sâu nội dung thảo luận
- Phân tích biểu hiện qua tác phẩm cụ thể

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 4

Chương 12. Diện mạo thể loại của truyện ngắn Việt Nam chặng 1965 – 1975 qua Nguyên tắc trần thuật, ngôn ngữ và giọng điệu

*** Lý thuyết (01 tiết)**

Diện mạo sử thi của truyện ngắn Việt Nam chặng 65- 75 qua nguyên tắc trần thuật, ngôn ngữ và giọng điệu:

- Nguyên tắc trần thuật một điểm nhìn
- Ngôn ngữ, giọng điệu trang trọng, chiêm bái

*** Thảo luận (2 tiết)**

Tìm ra điểm giống và khác nhau trong nguyên tắc trần thuật, ngôn ngữ và giọng điệu của truyện ngắn chặng 65- 75 với sử thi cổ điển

*** Tự học (7 tiết)**

- Tiếp tục nghiên cứu sâu nội dung thảo luận
- Phân tích biểu hiện qua tác phẩm cụ thể

Hướng dẫn: đọc các tài liệu số 1, 2, 4

8. Tài liệu học tập

8.1. Học liệu bắt buộc

1. Bùi Việt Thắng, *Truyện ngắn những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại*, Nxb Đại học quốc gia, H, 2011.

8.2. Học liệu tham khảo:

1. Hòa Diệu Thúy, *Truyện ngắn Việt Nam hiện đại 1945-1975*, Nxb Hội Nhà văn, 2010.

9. Phương pháp đánh giá học phần

Yêu cầu:

- Đảm bảo đủ thời gian lên lớp theo qui chế 25 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/06/2006;
- Chuẩn bị bài, làm bài tập trước khi đến lớp;
- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, tích cực các buổi thảo luận;
- Có đầy đủ các giáo trình, tài liệu học tập theo yêu cầu của môn học;
- Làm đầy đủ các bài tập KT – ĐG theo qui định và đạt mức độ trung bình trở lên.

Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* (30%)
- *Kiểm tra - đánh giá giữa kì* (20%): Kiểm tra bằng hình thức viết tại lớp khoảng 1-2 tiết.
- *Kiểm tra - đánh giá cuối kì* (50%): Viết, 180 phút.

Lịch thi, kiểm tra

- + Bài kiểm tra giữa kì thực hiện vào tuần thứ 7 của kì học.
- + Bài kiểm tra cuối kì (theo lịch của nhà trường).
- + Kết quả KT được phản hồi cho SV một tuần sau khi làm bài.

10. Các yêu cầu về cơ sở vật chất:

- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập cho SV, mở cửa Thư viện cả buổi tối và ngày nghỉ.
- Phòng học lớn phải có đầy đủ các thiết bị tăng âm, máy chiếu và đảm bảo có thể sử dụng tốt.

10.51c. TỪ HÁN VIỆT VÀ DẠY HỌC TỪ HÁN VIỆT

- Số tín chỉ: 02 (22,18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn học Việt Nam, Khoa Khoa học xã hội.

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần.

Nội dung học phần: Khái niệm, đặc điểm, cấu tạo, ngữ nghĩa, phong cách, vai trò của từ Hán Việt; đồng thời cung cấp kiến thức về các kiểu, các loại từ Hán Việt.

Năng lực đạt được: SV phân biệt các kiểu từ Hán Việt, trong đó chú trọng ở mặt tri thức, tức là người học được rèn luyện các kỹ năng giải thích và phân tích từ Hán Việt dưới góc độ *Từ nguyên, Từ nghĩa*. Học phần cũng giúp người học biết liên hệ, mở rộng, phân biệt các kiểu, loại từ Hán Việt và phương pháp lý giải nghĩa của từ Hán Việt một cách chính xác, khoa học... Từ đó, người học có năng lực dạy học phần *Từ Hán Việt* trong nhà trường ở các bậc học TH, THCS, THPT; đủ năng lực để xử lý ngôn từ, ngữ nghĩa (biên tập) một văn bản nhật dụng.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm vững các kiến thức về: đặc điểm, cấu tạo, loại từ, kiểu từ Hán Việt
- Hiểu và biết phân tích, lý giải đúng đắn từ ngữ Hán Việt
- Nắm vững các kiến thức về chức năng, vai trò, ứng dụng của từ Hán Việt trong hoạt động dạy học, trong sáng tác và đời sống xã hội
- Nắm vững phương pháp dạy học từ Hán Việt trong nhà trường.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thành thục trong việc liên hệ mở rộng từ Hán Việt và giải nghĩa từ Hán Việt
- Biết vận dụng kiến thức lý luận để phân biệt từ đồng âm, đồng nghĩa
- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để xử lý ngôn từ, ngữ nghĩa trong một văn bản bất kỳ.
- Trên cơ sở những kiến thức về mặt lý luận, người học biết phân biệt các kiểu từ Hán Việt và giải nghĩa chúng trên cơ sở khoa học

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có quan điểm khách quan, khoa học trong nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá từ Hán Việt và sử dụng từ Hán Việt.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỪ HÁN VIỆT (11,8)

Bài 1. Sự hình thành từ Hán Việt trong từ vựng tiếng Việt (3,1)

1. Sự du nhập của tiếng Hán vào Việt Nam
2. Từ Hán Việt – Hệ quả của sự ngoại xâm và tiếp xúc ngôn ngữ.
3. Nguồn gốc, diễn tiến, quá trình hình thành cách đọc Hán Việt
4. Tiếng Hán với sự phát triển từ vựng tiếng Việt
5. Từ Hán Việt và việc giữ gìn sự trong sáng trong tiếng Việt

Bài 2. Từ Hán Việt – Phân loại từ Hán Việt (4,3)

1. Định nghĩa Hán Việt và yếu tố Hán Việt
2. Cấu tạo, đặc điểm từ Hán Việt
3. Phân loại từ Hán Việt
4. Nghĩa của từ Hán Việt
5. Giá trị sử dụng của từ Hán Việt

6. Mở rộng vốn từ, ngữ Hán Việt

Bài 3. Từ Đồng âm – Từ Đồng nghĩa (2,2)

1. Khái niệm
2. Từ đồng âm khác nghĩa
3. Từ đồng nghĩa khác âm
4. Mở rộng vốn từ Hán Việt
5. Đi tìm “vẻ đẹp” trong từ Hán Việt

Bài 4. Biến thể Hán Việt trong tiếng Việt (2,2)

1. Sự tác động của quy luật tiếng Việt
2. Âm Hán Việt bị phương ngữ hóa
3. Tính kỵ húy, kiêng kỵ trong đời sống xã hội
4. Do viết nhầm, đọc nhầm
5. Tư duy liên tưởng của người Việt

Chương 2. DẠY HỌC TỪ HÁN VIỆT (11,10)

Bài 5. Dạy từ ngữ Hán Việt trong nhà trường (4,5)

1. Mục đích, đối tượng
2. Thực trạng, phương pháp, vai trò
3. Dạy học từ Hán Việt trong SGK ở bậc Tiểu học
4. Dạy học từ Hán Việt trong SGK ở bậc THCS và THPT

Bài 6. Từ Hán Việt trong sáng tác văn học (4,3)

1. Khái niệm, đối tượng và phạm vi
2. Vai trò của từ ngữ Hán Việt trong sáng tác văn học
3. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ Hán Việt trong sáng tác văn học

Bài 7. Từ Hán Việt trong giao tiếp xã hội và đời sống văn hóa người Việt (3,2)

1. Khái niệm, đối tượng, phạm vi sử dụng
2. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ Hán Việt qua vai giao tiếp
 - 2.1 Nghệ thuật sử dụng từ ngữ Hán Việt qua vai giao tiếp ngang hàng
 - 2.2 Nghệ thuật sử dụng từ ngữ Hán Việt qua vai giao tiếp không ngang hàng
3. Vai trò của từ ngữ Hán Việt trong giao tiếp và đời sống văn hóa
 - 3.1. Từ Hán Việt trong đời sống văn hóa
 - 3.2. Từ Hán Việt trong giao tiếp

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ, ít nhất đạt 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành có hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành các bài tập, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo hình thức cá nhân và theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; phương pháp học tập hiệu quả nhất. Trong từng buổi học tư vấn, giải đáp những thắc mắc phát sinh liên quan đến bài học cho người học. Cuối học phần có ít nhất 01 buổi giả đáp những câu hỏi, thắc mắc của người học.

7. Trang thiết bị

Người học phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân như: bút, vở ghi, tài liệu, sách tham khảo.

Tại địa điểm học tập giảng viên liên hệ bố trí đầy đủ điều kiện học tập như: phòng học, bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, thảo luận hoặc nghe thuyết trình, thuyết minh,...

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 30%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: trọng số chiếm 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

1. Đặng Đức Siêu (2000), *Dạy và học từ Hán – Việt ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo

1. Nguyễn Văn Bảo (2002), *Mở rộng vốn từ Hán Việt* dùng trong nhà trường, Nxb Đại học quốc gia

2. Nhóm CBGD Hán Nôm Khoa KHXH Trường ĐHHĐ, *Tài liệu hướng dẫn học tập Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt* (Lưu hành nội bộ)

10.52a. THI PHÁP THƠ ĐƯỜNG

- Số tín chỉ: 2 (18; 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Văn học nước ngoài, khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Văn học Trung Quốc

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thi pháp học, nguyên nhân hưng thịnh của thơ Đường, tiền đề của thi pháp thơ Đường. Những đặc điểm thi pháp cơ bản của thơ Đường: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thể loại và ngôn ngữ thơ. Nghiên cứu những biểu hiện cụ thể về thi pháp của thơ Đường qua những tác phẩm, tác giả tiêu biểu.

Năng lực đạt được: SV nhận biết, phát hiện và nghiên cứu được những biểu hiện cụ thể, đa dạng về thi pháp của thơ Đường, có tiềm lực để học tập, nghiên cứu thơ ca cổ điển Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản cần thiết về lý thuyết thi pháp học hiện đại, về những tiền đề thi pháp của thơ Đường; hiểu được những đặc điểm cơ bản về thi pháp của thơ Đường; vận dụng đúng để phân tích, đánh giá những biểu hiện cụ thể, sinh động trong các tác phẩm tiêu biểu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có phương pháp, kỹ năng nghiên cứu thi pháp thơ Đường; tư duy phân tích, tổng hợp, so sánh; các thao tác nghiên cứu cụ thể, chuyên biệt đối với thơ Đường (khảo sát, đối chiếu văn bản, nhận xét, đánh giá bản dịch, định hướng, phân tích các khía cạnh giá trị nội dung, nghệ thuật...);

- Học cách phát hiện, tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Thái độ khách quan, khoa học trong nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá các hiện tượng cụ thể của văn học nước ngoài nói chung, thơ Đường nói riêng; có cái nhìn biện chứng về mối quan hệ giữa thơ ca Việt Nam và thơ ca cổ điển Trung Quốc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. NHỮNG TIỀN ĐỀ LỊCH SỬ VÀ LÝ LUẬN (2; 1)

1.1. Mục đích và ý nghĩa

1.2. Thi pháp và thi pháp học

1.2.1. Khái niệm về thi pháp và thi pháp học

1.2.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của chuyên đề

1.3. Đòi Đường, thơ Đường, thi pháp thơ Đường

Chương 2. NGUYÊN NHÂN HƯNG THỊNH CỦA THƠ ĐƯỜNG VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ THI PHÁP CỦA THƠ ĐƯỜNG (2; 1)

2.1. Nguyên nhân hưng thịnh của thơ Đường

2.1.1. Nguyên nhân xã hội

2.1.2. Nguyên nhân tư tưởng và văn hóa

2.2. Tiền đề thi pháp của thơ Đường

Chương 3. CON NGƯỜI TRONG THƠ ĐƯỜNG (3; 5)

3.1. Quan niệm nghệ thuật về con người

3.2. Con người trong thơ Đường

3.2.1. Con người vũ trụ

3.2.2. Con người xã hội

Chương 4. KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT THƠ ĐƯỜNG (3; 4)

4.1. Khái niệm không gian nghệ thuật

4.2. Không gian nghệ thuật trong thơ Đường

4.2.1. Không gian vũ trụ

4.2.2. Không gian đời thường

Chương 5. THỜI GIAN NGHỆ THUẬT THƠ ĐƯỜNG (3; 4)

5.1. Khái niệm thời gian nghệ thuật

5.2. Thời gian nghệ thuật trong thơ Đường

5.2.1. Thời gian vũ trụ

5.2.2. Thời gian đời thường

Chương 6. THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG (3; 5)

6.1. Khái niệm thể loại và tiến trình các thể loại văn học Trung Quốc

6.2. Các thể thơ đời Đường

6.2.1. Thơ cổ thể

6.2.2. Thơ kim thể

Chương 7. NGÔN NGỮ THƠ ĐƯỜNG (2; 4)

7.1. Quan niệm về ngôn ngữ thơ

7.2. Ngôn ngữ thơ Đường

7.2.1. Ngữ pháp

7.2.2. Từ vựng

7.2.3. Ngữ âm

4. Yêu cầu đối với môn học

Sinh viên phải hội đủ các điều kiện sau đây mới được dự thi kết thúc học phần:

a) Dự đủ 80% số giờ lên lớp của học phần (không kể là lý thuyết hay thảo luận, thực hành)

b) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu bắt buộc của học phần theo quy định trong đề cương chi tiết học phần (làm các loại bài tập, bài kiểm tra thường xuyên và giữa kỳ)

c) Không vi phạm kỷ luật trong học tập, nội quy học đường từ mức cảnh cáo trở lên.

Sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần hoặc bị điểm F ở kỳ thi chính phải đăng ký học lại để được tham dự kỳ thi phụ (nếu trường có tổ chức kỳ thi phụ) hoặc kỳ thi chính ở học kỳ tiếp theo.

5. Phương pháp dạy học

Thuyết trình, thảo luận (nhóm, lớp), thực hành (cá nhân, nhóm)

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy học, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nội dung, hình thành phương pháp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; giải đáp hoặc hướng dẫn sinh viên tự tìm lời giải cho những thắc mắc nảy sinh trong quá trình học tập của bản thân (nếu có).

7. Trang thiết bị

Phòng học phải đủ điều kiện để chia nhóm thảo luận, tổ chức thuyết trình; thư viện phải có đủ các đầu sách phục vụ môn học để sinh viên có thể sử dụng theo nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của họ.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần): Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Bích Hải, *Thi pháp thơ Đường*, Nxb Thuận Hóa, năm 2006

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Quách Tấn, *Về Thi pháp thơ Đường*, Nxb Trẻ Tp.HCM, năm 1998.
2. Ngô Văn Phú (Dịch), *300 bài thơ Đường*, Nxb Văn học, năm 2010.
3. Trần Trung Hỷ, *Thơ sơn thủy cổ trung đại Trung Quốc (khảo luận)*, Nxb Giáo dục, năm 2007

10.52b. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT TRONG THẾ KỶ XX

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, Khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Ngữ dụng học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức cơ bản về sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỷ XX gắn với những biến động xã hội gồm: Sự phát triển của tiếng Việt trong nửa đầu và nửa cuối thế kỷ XX; sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ văn học Việt Nam trong thế kỷ XX.

Năng lực đạt được: Học phần rèn luyện cho sinh viên các thao tác phân tích, nghiên cứu, xử lý các vấn đề của thực tiễn ngôn ngữ trong quá trình phát triển.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỷ XX gồm: Sự phát triển của tiếng Việt trong nửa đầu và nửa cuối thế kỷ XX; sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ văn học Việt Nam trong thế kỷ XX.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Giúp SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết trong việc vận dụng những kiến thức cơ bản của Sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỷ XX vào công việc nói chung.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Sinh viên được những kiến thức cơ bản của sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỷ XX. Từ đó, thêm yêu ngôn ngữ dân tộc và có thái độ nghiêm túc để đạt mục tiêu học tập cũng như để làm việc với hiệu quả tốt nhất.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Một số vấn đề về sự phát triển của tiếng Việt trong nửa đầu thế kỷ XX

1. Hướng tiếp cận về ngôn ngữ tiếng Việt trong nửa đầu thế kỷ XX
 2. Lịch sử xã hội và các vấn đề ngôn ngữ cơ bản của tiếng Việt trong nửa đầu thế kỷ XX
 3. Nhận xét chung về các phương diện ngôn từ
 - 3.1. Các nhận xét trong vấn đề từ vựng
 - 3.2. Các nhận xét về mặt cú pháp
 4. Các vấn đề trên phương diện mở rộng chức năng xã hội của tiếng Việt
 - 4.1. Hướng tiếp cận về ngôn ngữ tiếng Việt trên phương diện mở rộng chức năng xã hội của tiếng Việt
 - 4.2. Khái quát về bức tranh ngôn ngữ của Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX
 - 4.3. Một số kết luận chung

Chương 2

Một số vấn đề về sự phát triển của tiếng Việt trong nửa cuối thế kỷ XX

1. Hướng tiếp cận về ngôn ngữ tiếng Việt trong nửa cuối thế kỷ XX
 2. Lịch sử xã hội và các vấn đề ngôn ngữ cơ bản của tiếng Việt trong nửa cuối thế kỷ XX
 - 2.1. Các tiêu điểm của sự phát triển ngôn ngữ
 - 2.2. Các sự thể quan trọng về ngôn ngữ chuẩn bị cho bước đi mới của tiếng Việt đương đại
 3. Tiếng Việt trên chặng đường 30 năm (1954 - 1975)
 - 3.1. Ngôn ngữ văn chương và ngôn ngữ báo chí song hành phát triển
 - 3.2. Sự khẳng định và phát triển mạnh mẽ của ngôn ngữ văn xuôi
 - 3.3. Ngôn ngữ thơ 1954 – 1975 ghi nhận bước trưởng thành vượt bậc
 4. Tiếng Việt từ khi thống nhất đất nước, 1975
 - 4.1. Ngôn ngữ và truyền thông, kênh quảng bá của tiếng Việt thống nhất
 - 4.2. Tiếng Việt và ngôn ngữ của nền hành chính và pháp luật mới
 - 4.3. Tiếng Việt từ công cuộc Đổi mới, 1986

Chương 3

Sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ văn học Việt Nam trong thế kỷ XX

Phần 1: Nghiên cứu tổng quan

1. Khái quát về vai trò của ngôn ngữ văn chương

2. Ngôn ngữ văn học Việt Nam trước thềm thế kỷ XX – Những quan sát và nhận diện

3. Lịch sử và vai trò của văn học

Phần 2: Một số khái niệm cơ bản về ngôn ngữ văn học Việt Nam trong thế kỷ XX

1. Ngôn ngữ văn học Việt Nam trong ba mươi năm đầu thế kỷ XX

2. Ngôn ngữ văn học Việt Nam trong mười lăm năm tiếp theo (1930 - 1945)

3. Ngôn ngữ văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX

4. Một số kết luận chung

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành/bài tập (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành / bài tập theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đinh Văn Đức (chủ biên), *Các bài giảng lịch sử tiếng Việt thế kỷ XX*, Nxb ĐH Quốc gia, HN, 2005

9.2. Sách tham khảo:

1. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 1, NXB Giáo dục, 2007.

2. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục, 2008.

10.53a. DẠY HỌC NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Số tín chỉ: 2 (18,16,4)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lí luận văn học và Phương pháp dạy học Ngữ văn, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lí luận dạy học Ngữ văn

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Mô tả, phân tích mục tiêu, chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn địa phương; Các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học kiến thức Văn học địa phương, tiếng Việt địa phương, làm văn về các chủ đề của địa

phương theo hướng phát huy năng lực người học; một số hình thức tổ chức dạy học ngoại khóa.

Năng lực đạt được: SV vận dụng tổng hợp kiến thức để bổ sung, làm phong phú và làm sáng tỏ cho chương trình Ngữ văn địa phương; Vận dụng các phương pháp dạy học hiệu quả vào đọc hiểu tác phẩm văn học địa phương; sửa lỗi chính tả tiếng địa phương do ảnh hưởng của cách phát âm tiếng địa phương; viết, thuyết trình, hùng biện về một số chủ đề, đề tài địa phương; Tổ chức được các hoạt động học ngoại khóa về chương trình Ngữ văn địa phương.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức về vị trí, mục tiêu, nội dung dạy học Ngữ văn địa phương trong chương trình, sách giáo khoa bậc học phổ thông và những tri thức phương pháp dạy học chương trình Ngữ văn địa phương ở cả hình thức chính khóa và ngoại khóa (dạy học văn học địa phương, tiếng việt địa phương, làm văn về các chủ đề địa phương),...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn địa phương; có kỹ năng thiết kế, vận hành, tổ chức thực hiện giáo án dạy học văn học địa phương, tiếng việt địa phương, làm văn về các chủ đề địa phương chính khóa và hoạt động ngoại khóa; có phương pháp phát triển cho HS năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tế; có kỹ năng sử dụng hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các tiết Ngữ văn địa phương.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên có thái độ nghiêm túc khi dạy học kiến thức Ngữ văn địa phương trong nhà trường, tích cực tìm tòi, nghiên cứu vận dụng thực tiễn làm phong phú và làm sáng tỏ các giá trị của kiến thức địa phương trong chương trình Ngữ văn THPT và THCS.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DẠY HỌC NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Lí thuyết 03 tiết, thực hành, thảo luận 0 tiết, tự học 10 tiết)

- 1.1. Khái niệm Ngữ văn địa phương
- 1.2. Vị trí, mục tiêu, ý nghĩa của dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT và THCS
- 1.3. Định hướng dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS
- 1.4. Nguyên tắc dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS
- 1.5. Một số vấn đề cần tránh trong dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

Chương 2: CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở THPT, THCS

(Lí thuyết 05 tiết, thực hành + thảo luận 6 tiết, tự học 20 tiết)

2.1. Chương trình Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

- 2.1.1. So sánh nội dung dạy học và thời lượng dạy học Ngữ văn địa phương trong chương trình chính khóa với chương trình của một số địa phương biên soạn (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh)
- 2.1.2. Đặc điểm cấu trúc nội dung chương trình phần Ngữ văn địa phương ở THCS, THPT
- 2.1.3. Những hạn chế, bất cập của chương trình Ngữ văn địa phương hiện hành (khảo sát ở một số tỉnh miền Trung).

2.2. Sách giáo khoa Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

- 2.2.1. Cấu trúc bài học Ngữ văn địa phương qua khảo sát sách Ngữ văn THPT, THCS chính khóa và sách của một số tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh

- 2.2.2. Kiến thức, kĩ năng Ngữ văn địa phương cần trang bị cho học sinh THPT, THCS
- 2.2.3. Hệ thống văn bản đọc hiểu văn học địa phương ở THCS, THPT
- 2.2.4. Câu hỏi, bài tập Ngữ văn địa phương ở THCS, THPT
- 2.2.5. Kênh hình trong sách Ngữ văn địa phương THCS

**Chương 3: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC
KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ PHẦN NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở THPT,
THCS**

(Lí thuyết 9 tiết, thực hành + thảo luận 8 tiết, tự học 30 tiết)

**3.1. Phương pháp, biện pháp, cách thức tổ chức dạy học Ngữ văn địa phương ở
THCS, THPT**

- 3.1.1. Phương pháp và các biện pháp, cách thức tổ chức dạy học Văn học địa phương
 - Dạy học theo đặc trưng loại thể
 - Dạy học theo hướng tích hợp
 - Khai thác các yếu tố địa phương trong tác phẩm văn học địa phương
 - Tăng cường rèn luyện tư duy cho học sinh trong các tiết dạy bài khái quát văn học địa phương
 - Dạy học hợp tác
- 3.1.2. Phương pháp và các biện pháp, cách thức tổ chức dạy học Tiếng địa phương
 - Nhóm phương pháp dạy nhận biết từ địa phương và cách sử dụng từ địa phương
 - Nhóm phương pháp khắc phục lỗi chính tả do phát âm tiếng địa phương
- 3.1.3. Phương pháp và các biện pháp, cách thức tổ chức dạy học Làm văn địa phương
 - Dạy làm văn địa phương từ thực tế địa phương
 - Tích hợp trong dạy học kiến thức làm văn địa phương.
 - Sử dụng kỹ thuật các mảnh ghép vào dạy học kiến thức làm văn địa phương.

**3.2. Phương tiện, đồ dùng dạy học Ngữ văn địa phương trong nhà trường phổ
thông**

- 3.2.1. Sử dụng giấy khổ lớn để trình diễn, minh họa các kết quả dạy và học Ngữ văn địa phương
- 3.2.2. Kết hợp phương tiện dạy học truyền thống và hiện đại kích thích hứng thú suy nghĩ cho học sinh bằng hình ảnh trực quan sinh động
- 3.2.3. Sử dụng băng hình để sửa lỗi phát âm tiếng địa phương cho học sinh

**3.3. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập Ngữ văn địa phương của học sinh THPT,
THCS**

- 3.3.1. Phân biệt kiểm tra và đánh giá kết quả học tập
- 3.3.2. Ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập
- 3.3.2. Các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS
- 3.3.3. Các phương pháp và kĩ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

**Chương 4: THIẾT KẾ GIÁO ÁN, THỰC HÀNH DẠY HỌC
NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở THPT, THCS**

(Lí thuyết 05 tiết, thực hành, thảo luận + thảo luận 10 tiết, tự học 30 tiết)

- 4.1. Thực hiện một số thiết kế bài học Ngữ văn địa phương bằng giáo án điện tử
- 4.2. Thực hành ra đề và lập đáp án chấm kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS
- 4.3. Trình diễn một số tiết dạy Ngữ văn địa phương bằng giáo án điện tử

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Thị Phương (2015), *Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương Thanh Hóa ở THCS*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Sách tham khảo:

1. Hỏa Diệu Thúy (2012), *Văn học hiện đại Thanh Hóa*, Nxb Hội nhà văn
2. Bộ giáo dục và đào tạo Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học sư phạm.

10.53b. DẠY HỌC TÍCH HỢP VÀ DẠY HỌC PHÂN HÓA MÔN NGỮ VĂN Ở THPT

- Mã số học phần:
- Số tín chỉ: 2 (18,24,6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lí luận VH và Phương pháp dạy học Ngữ văn trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Lí luận dạy học Ngữ văn

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp cho người học kiến thức chung về chương trình giáo dục THPT môn Ngữ văn, mục tiêu, yêu cầu, mức độ dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn ở THPT, nguyên tắc, phương pháp dạy học tích hợp và dạy học phân hóa trong phân môn Văn – Tiếng Việt – Làm văn ở THPT.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích, lựa chọn, xây dựng kế hoạch và hiện thực hóa các hoạt động dạy học tích hợp, dạy học phân hóa môn Ngữ văn ở THPT phát huy được phẩm chất và năng lực học sinh theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nhận biết, thông hiểu được một số vấn đề cơ bản của dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn ở THPT.

- Trình bày được quy trình, phương pháp dạy học tích hợp và dạy học phân hóa đối với các phân Văn – Tiếng Việt – Làm văn ở THPT.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Có kĩ năng xác định mục tiêu, nội dung, cách thức tổ chức dạy học tích hợp và dạy học phân hóa trong môn Ngữ văn ở THPT.

- Vận dụng kiến thức về dạy học tích hợp và dạy học phân hóa để soạn giảng được một số tiết Văn – Tiếng Việt – Làm văn trong chương trình THPT môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực và nghề nghiệp ứng dụng.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên hứng thú với phương pháp dạy học mới, tích cực tự học tự nghiên cứu để áp dụng dạy học tích hợp, dạy học phân hóa một cách có hiệu quả trong môn học Ngữ văn ở THPT.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung của dạy học phân hóa và dạy học tích hợp trong môn học Ngữ văn ở THPT

- 1.1. Khái niệm dạy học tích hợp và dạy học phân hóa
- 1.2. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa là xu hướng quốc tế
- 1.3. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa – quan điểm biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.
- 1.4. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa – con đường hiệu quả để phát triển năng lực người học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng

Chương 2: Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp môn Ngữ văn ở THPT

- 2.1. Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp trong phân môn Văn
- 2.2. Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp trong phân môn Tiếng Việt
- 2.3. Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp trong phân môn Làm văn

Chương 3: Tổ chức dạy học phân hóa trong môn Ngữ văn ở THPT

- 3.1. Dạy học phân hóa theo hình thức môn học tự chọn cơ bản
- 3.2. Dạy học phân hóa theo một số chủ đề tự chọn chuyên sâu thuộc lĩnh vực Văn – Tiếng Việt – Làm văn.
- 3.3. Dạy học phân hóa theo các hoạt động tự chọn và hoạt động ngoài giờ lên lớp (ngoại khóa).
- 3.4. Phương pháp tổ chức các hoạt động học tập Ngữ văn cho học sinh theo quan điểm dạy học phân hóa.

Chương 4: Thực hành soạn giảng một số tiết Ngữ văn ở THPT theo hướng dạy học tích hợp và phân hóa

- 4.1. Thiết kế giáo án và thực hành dạy học tích hợp, dạy học phân hóa ở phân môn Văn
- 4.2. Thiết kế giáo án và thực hành dạy học tích hợp và dạy học phân hóa ở phân môn Tiếng Việt
- 4.3. Thiết kế giáo án và thực hành dạy học tích hợp và dạy học phân hóa ở phân môn Làm văn

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 60% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập, bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành trải nghiệm, hướng nghiệp.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan, giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, mô phỏng, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên) (2018), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh Q2*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Hương Lan, Vũ Thị Sơn (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, HN.
2. Thomas Armstrong (2011), *Đa trí tuệ trong lớp học*, Nxb Giáo dục, HN.
3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê thị Minh Nguyệt (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông*, Nxb ĐH sư phạm, HN.

11. Dự kiến đơn vị giảng dạy

TT	Tên học phần	Bộ môn giảng dạy
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Nguyên lý
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng và pháp luật
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản VN	Đường lối
5	Pháp luật đại cương	Tư tưởng và pháp luật
6	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
7	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
8	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
	Giáo dục thể chất	GDTC
	Giáo dục QP	TTGDQP
9	Tin học	Tin học Ứng dụng
10	Môi trường và con người	Địa lí TN-MT
11	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử
12	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	LLVH & PPDHNV
	Kỹ năng giao tiếp	Ngôn ngữ
13	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Lịch sử
14	Kinh tế và phát triển	Địa lý KT – PPDH
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNH
16	Hán nôm cơ sở	VHVN
17	Thống kê xã hội	Địa lý TN-MT
	Xã hội học đại cương	XHH
18	Quản lý Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo	Giáo dục
19	Tâm lí học	Tâm lí

TT	Tên học phần	Bộ môn giảng dạy
20	Giáo dục học	Giáo dục
21	Văn học, nhà văn, bạn đọc	LLVH & PPDHNV
22	Tác phẩm văn học và loại thể văn học	LLVH & PPDHNV
23	Tiến trình văn học	LLVH & PPDHNV
24	Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam	VHVN
25	Thực tế chuyên môn 1	VHVN
26	Văn học dân gian Việt Nam	VHVN
27	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	VHVN
28	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	VHVN
29	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	VHVN
30	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	VHVN
31	Văn học Trung Quốc	VHNN
	Thi pháp tiêu thuyết cổ điển Trung Quốc	
32	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	VHNN
33	Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XVII	VHNN
34	Văn học phương Tây từ thế kỉ XVIII đến nay	VHNN
35	Văn học Nga	VHNN
36	Dẫn luận ngôn ngữ và Ngữ âm học TV	NN
37	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	NN
38	Ngữ pháp học tiếng Việt	NN
39	Phong cách học tiếng Việt	NN
40	Ngữ dụng học tiếng Việt	NN
	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	NN
41	Làm văn	LLVH & PPDHNV
42	Lí luận dạy học Ngữ văn	LLVH & PPDHNV
43	Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản	LLVH & PPDHNV
44	Phương pháp dạy học tiếng Việt	LLVH & PPDHNV
45	Phương pháp dạy học làm văn	LLVH & PPDHNV
46	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn	LLVH & PPDHNV
47	Tiếng Anh chuyên ngành Ngữ văn	VHVN, VHNN, NN
48	Thể loại văn học Việt Nam hiện đại	VHVN
	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	VHVN
49	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh trung học	LLVH & PPDHNV
50	Thực tế chuyên môn 2	LLVH & PPDHNV
51	Thể loại văn học Việt Nam Trung đại	
	Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt	VHVN
52	Thi pháp thơ Đường	VH nước ngoài
	Sự phát triển của tiếng Việt ở thế kỉ XX	Ngôn ngữ
53	Dạy học Ngữ văn địa phương trong nhà trường phổ thông	
	Dạy học tích hợp và phân hóa môn Ngữ văn ở THPT	LLVH & PPDHNV

12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

12.1. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học

Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

12.2. Thư viện:

Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...

12.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính

T	T	Tên học phần	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo chính	NXB	Năm XB	Thư viện	
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Bắt buộc:				
			1. Bộ GD & ĐT, “ <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2009	có	
			2. Bộ GD & ĐT, “ <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> ”	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2007	có	
			Tham khảo:				
			1. <i>C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập</i> , tập 20; tập 42.	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2000		không
			2. <i>Lênin toàn tập</i> , tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41.	Nxb Tiến bộ Matxcova	1980	có	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Bắt buộc:				
			1. Bộ GD&ĐT, “ <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009	Có	
			2. Bộ GD&ĐT, “ <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> ” (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008	Có	
			Tham khảo:				
			1. Bộ GD&ĐT, “ <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> ”	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2006	Có	
2. Bộ GD&ĐT, “ <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”	Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	2009	Có				
3		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Bắt buộc:				
			1. BGD&ĐT, <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i>	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2009		không
			2. BGD&ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN</i>	Nxb Chính trị Quốc gia, HN	2006		không
			Tham khảo:				
			1. BGD&ĐT, <i>Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i>	Nxb ĐH Kinh tế quốc dân	2008		không
2. <i>Đảng Cộng Sản Việt</i>	Nxb Chính trị	2001		không			

		Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i>	Quốc gia				
4	Tu tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc:					
		1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i>	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009	Có		
		Tham khảo:					
		1. Hội đồng Trung ương biên soạn, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,</i>	NXB CTQG, Hà Nội	2003	Có		
		2.Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ III,	NXB ST HN	1960.	Có		
		3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, NXB ST HN 1986. Có					
		4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VII,	NXB ST HN	1991.	Có		
		5. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VIII,	NXB ST HN	1996.	Có		
		6. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ IX,	NXB ST HN	2001.	Có		
		7. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ X,	NXB ST HN	2006.	Có		
5	Pháp luật đại cương	Bắt buộc:					
		1. Lê Văn Minh (chủ biên), <i>Pháp luật đại cương</i>	Nxb Lao động	2016	Có		
		Tham khảo:					
		1. Lê Minh Tâm . <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>	NXB CAND.	2015			
		2- Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật,</i>	Nxb Công an nhân dân	2015	có		
6	Tiếng Anh 1	Bắt buộc:					

		Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson <i>English File-Elementary 3rd edition.</i>	Oxford University Press	2012	Có	
		2.TS. Nguyễn Thị Quyết , <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A.</i>	Nhà xuất bản Thanh Hoá.	2018	Có	
		Tham khảo:				
		1. Raymond Murphy , <i>Grammar In Use.</i> Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành	NXB Thời đại	2013	Có	
		2. Cambridge ESOL (2015). Cambridge Preliminary English Test 2.	Cambridge University Press.	2015		
7	Tiếng Anh 2	Bắt buộc:				
		1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson. <i>English File-Preintermediate 3rd edition.</i>	Oxford University Press.	2011		
		2. TS.Nguyễn Thị Quyết, <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B.</i>	Nhà xuất bản Thanh Hoá	2018	Có	
		Tham khảo:				
		1. Raymond Murphy <i>Grammar In Use.</i> Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành NXB Thời đại.	NXB Thời đại	2013	Có	
		2. Cambridge ESOL <i>Cambridge Preliminary English Test 3.</i>	Cambridge University Press.	2013	Có	
		3. Cambridge ESOL, <i>Cambridge Preliminary English Test 4.</i>	Cambridge University Press	2014		
8	Tiếng Anh 3	Bắt buộc:				
		1. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET.</i>	Richmond Publishing		Có	
		2.TS.Nguyễn Thị Quyết, <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B.</i>	Nxb Thanh Hóa	2018	Có	
		Tham khảo:				

		1. Raymond Murphy <i>Grammar In Use</i> . Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành.	NXB Thời đại.	2013	Có	
		2. Cambridge ESOL (2011). Cambridge <i>Preliminary English Test 5</i> .	Cambridge University Press	2011	Có	
		3. Cambridge ESOL (2015). Cambridge <i>Preliminary English Test 6</i>	Cambridge University Press	2015	Có	
9	Tin học	Bắt buộc:				
		1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i> , NXB ĐHSP.	NXB ĐHSP	2010	Có	
		Tham khảo	.			
		1. Dương Minh Quý, <i>Microsoft Office 2007</i> .	NXB Hồng Đức	2013	Có	
		2. Microsoft Step by Step Microsoft Office 2007	Microsoft Press	2012		
		3. Hàn Việt Thuận (2012), <i>Tin học đại cương</i> .	Nxb ĐHQTKD	2012	Có	
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Bắt buộc:				
		1. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , Nxb GD, HN.	NXB Giáo dục. HN	1999	Có	
		Tham khảo:				
		1. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> .	Nxb GD	2002		
		2. Đào Duy Anh, <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i> .	NXBVH TT HN.	2020	Có	
		3. Phan Kế Bính (1985), <i>Việt Nam phong tục</i> .	Nxb VH TT, HN.	1985	Có	
11	Môi trường và con người	Bắt buộc:				
		1. Lê Văn Khoa (chủ biên), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i> . Tham khảo:	NXB Giáo dục	2011	Có	
		[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương	NXB Giáo dục, Hà Nội	2011	Có	

		Loan(2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i> , Nxb. Giáo dục, Hà Nội.				
		[2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13		2015	Có	
		[3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i> .	NXB Giáo dục, HN	1997	Có	
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bắt buộc:				
		1. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	NXB KH &KT	2004	Có	
		Tham khảo:				
		1. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	NXB Giáo dục	1997	Có	
		2. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	NXB ĐHQG	2006	Có	
13	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	Bắt buộc:				
		1. Vũ Cao Đàm, <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	Nxb GD, H	2012	Có	
		Tham khảo:				
		1. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP</i>	Nxb ĐHQGHN	1998.	Có	
		2. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	NXB GD	2012	Có	
		3. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: L3</i>	NXB ĐHQG	2002	Có	
14	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc:				
		1. Vũ Dương Ninh (chủ biên), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>	Nxb GD, HN	2000	có	

		2. Will Durant, <i>Lịch sử văn minh ấn Độ</i>	Nxb Lá Bối, Sài Gòn	1971	có	
		Tham khảo:				
		1. Đỗ Đình Hằng (CB) <i>Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa (3tập)</i>	Nxb QĐND, HN	1993, 1996		không
		2. Almanach <i>Những nền văn minh thế giới</i>	Nxb Văn hóa – Thông tin, HN	1999	có	
15	Kĩ thuật soạn thảo văn bản	Bắt buộc:				
		1. Vương Thị Kim Thanh <i>Kỹ thuật soạn thảo văn bản,</i>	Nxb Thống kê, Hà Nội.	2007	có	
		Tham khảo:				
		1. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) Nguyễn Hoàng Anh – Võ Trí Hào, <i>Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản</i>	Nxb ĐHQGHN	2014	Có	
		2. Phạm Hải Hưng, <i>Bộ văn bản mẫu và bài tập môn soạn thảo văn bản.</i>	NXB Lao động – xã hội.	2007	có	
16	Tâm lý học	Bắt buộc:				
		1. Tiêu Thị Minh Hương, Lý Thị Hàm, Bùi Thị Xuân Mai, <i>Giáo trình Tâm lý học xã hội Tập 1, 2</i>	NXB Lao động – Xã hội.	2007	có	
		2. Vũ Dũng, <i>Tâm lý học xã hội</i>	NXB Khoa học Xã hội Hà nội.	2000		
		Tham khảo				
		1. Trần Hiệp, <i>Tâm lý học xã hội</i>	NXB Khoa học Xã hội.	1996	có	
2. Ngô Công Hoàn, <i>Tâm lý học xã hội trong quản lý,</i>	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	1997		không		
17	Giáo dục học	Bắt buộc:				
		[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên). <i>Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2.</i>	NXBĐHSP	2006	có	
		Tham khảo:			có	
		[1]. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê <i>Giáo dục học đại cương, Tập 1,2.</i>	NXBGD.	1997	có	

		[2]. Phạm Viêt Vượng (2001) <i>Giáo dục học</i> .	NXBĐHQG	2001	Có	
		3]. Đỗ Thế Hưng, <i>Tình huống dạy học môn GDH</i> .	NXB ĐHSP	2007	Có	
18	Quản lý HCNN và Quản lý GD	Bắt buộc:				
		[1]. Đặng Vũ Hoạt – Phó Đức Hòa, <i>Giáo dục học Tiểu học 1,2</i> ,	NXB Giáo dục Hà Nội.	2008	có	
		Tham khảo:				
		[1]. Phạm Viêt Vượng <i>Giáo dục học</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2008	có	
		[2]. Trần Thị Tuyết Oanh, <i>Giáo trình Giáo dục học</i>	NXB ĐHSP HN	2007	có	
		[3]. Nguyễn Sinh Huy – Nguyễn Văn Lê <i>Giáo dục học đại cương 1, 2</i> ,	NXB Giáo dục Hà Nội.	1997	Có	
19	Dẫn luận ngôn ngữ học và Ngữ âm học TV	Bắt buộc:				
		1. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> .	NXB GD	2008	có	
		Tham khảo:				
		1. Nguyễn Thiện Giáp, <i>Giáo trình ngôn ngữ học</i> .	NXB ĐHQG HN	2008	có	
		2. Bùi Minh Toán, <i>Tiếng Việt Đại cương - Ngữ âm: Giáo trình CĐSP</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội	2006	Có	
20	Văn học, nhà văn, bạn đọc	Bắt buộc:				
		. Phương Lưu (Chủ biên) Nguyễn Trọng Nghĩa, La Khắc Hoà, Lê Lưu Anh, <i>Lý luận văn học, tập 1, Văn học, nhà văn, bạn đọc</i> .	NXB ĐHSP, Hà Nội	2009	Có	
		Tham khảo:				
		1. Trần Đình Sử, <i>Giáo trình lý luận văn học, Tập 1</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội	2011	Có	

		2. Pôxpelôp (Chủ biên), <i>Dẫn luận nghiên cứu văn học</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội	1998	Có	
21	Tác phẩm văn học và loại thể văn học	Bắt buộc: 1. Phương Lựu (Chủ biên), La Khắc Hoà, Phùng Ngọc Kiêm, Nguyễn Xuân Nam, <i>Lý luận văn học, tập 2 Tác phẩm và thể loại văn học</i> , Tham khảo:	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội	2008	Có	
		1. Phương Lựu (Chủ biên) Nguyễn Trọng Nghĩa, La Khắc Hoà, Lê Lưu Anh, <i>Lý luận văn học, tập 1, Văn học, nhà văn, bạn đọc</i> 2. Hà Minh Đức (Chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội NXB ĐHSP	2009 2012	Có Có	
22	Tiến trình văn học	Bắt buộc: 1. Phương Lựu (Chủ biên), <i>Lý luận văn học, tập 3, Tiến trình văn học</i> . Tham khảo: 1. Pôxpelôp (Chủ biên), <i>Dẫn luận nghiên cứu văn học</i> 2. Hà Minh Đức (Chủ biên), <i>Lý luận văn học</i>	Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội Nxb. Giáo dục, Hà Nội Nxb Giáo dục, Hà Nội	2009 1998 2012	Có Có Có	
23	Văn học dân gian VN	Bắt buộc: 1. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, <i>Văn học dân gian Việt Nam</i> Tham khảo: 1. Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ, <i>Văn học dân</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội Nxb Đại học QGHN	2001 2001	Có Có	

		<i>gian Việt Nam</i> , Nxb ĐHQGHN, 2001				
		2. Nguyễn Xuân Lạc, <i>Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường</i> .	Nxb Giáo dục, Hà Nội	1998	Có	
24	Văn bản Hán văn Trung Quốc và văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam	Bắt buộc: 1. Đặng Đức Siêu, <i>Ngữ văn Hán Nôm</i> , T1 2. Đặng Đức Siêu (Cb), Nguyễn Ngọc San, <i>Ngữ văn Hán Nôm</i> Tham khảo: 1. Lê Văn Quán, <i>Giáo trình tiếng Hán cổ đại</i> , tập 2 2. Trần Văn Chánh, <i>Ngữ pháp Hán ngữ cổ và hiện đại</i>	Nxb GD Nxb SP Nxb Giáo Dục, Hà Nội. NXB Trẻ	1995 2007 1992 2004	Có có Có Có	
25	Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt	Bắt buộc: 1. Đặng Đức Siêu, <i>Dạy và học từ Hán – Việt ở trường phổ thông</i> Tham khảo: 1. Võ Như Nguyễn, Nguyễn Hồng Giao, <i>Hán văn giáo khoa thư</i> , tập 1,2 2. Trần Trọng San, <i>Hán văn</i>	Nxb Giáo dục Nxb Đà Nẵng Nxb GD	2006 1997 1995	Có Có Có	
26	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII	Bắt buộc: 1. Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Ma Cao Chương, <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII</i> Tham khảo: 1. Trần Đình Sử, <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học Trung đại Việt Nam</i> 2. Lã Nhâm Thìn (chủ biên), <i>Giáo trình Văn học Trung đại Việt Nam</i>	Nxb Giáo Dục, Hà Nội Nxb GD Nxb GD	2002 1999 2011	Có Có Có	

		tập 1				
27	Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	Bắt buộc: Nguyễn Lộc, <i>Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)</i>	Nxb Giáo dục	1999	Có	
		Tham khảo:				
		1. Lã Nhâm Thìn - Vũ Thanh (đồng chủ biên), <i>Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam (tập 2)</i>	Nxb GD	2016	Có	
		2. Trần Nho Thìn, <i>Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX</i>	Nxb Giáo Dục, Hà Nội	2012	Có	
28	Thể loại văn học trung đại	Bắt buộc: Trần Đình Sử, <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>	Nxb Giáo dục	1999	Có	
		Tham khảo:				
		1. Bùi Duy Tân, <i>Khảo và luận một số thể loại tác gia tác phẩm văn học trung đại Việt Nam, tập 2</i>	Nxb Đại học Quốc gia	2001	Có	
		2. Trần Quang Dũng, <i>Giáo trình Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX</i>	Nxb Đại học Sư phạm	2007	Có	
29	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	Bắt buộc: 1. Trần Đăng Suyền (chủ biên), Nguyễn Văn Long (đồng chủ biên), Lê Quang Hưng, Trịnh Thu Tiết <i>Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại, tập I (Từ đầu thế kỷ XX đến 1945)</i>	Nxb Đại học Sư phạm	2010	Có	
		Tham khảo:				
		1. Phan Cự Đệ, Trần	Nxb Giáo dục	2008	Có	

		Đình Hượu, Văn học Việt Nam 1900-1945				
		2. Nguyễn Đăng Mạnh, <i>Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam 1930-1945</i>	Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội	2000	Có	
		3. Lê Tú Anh, <i>Văn xuôi Việt Nam hiện đại: khảo cứu và suy ngẫm.</i>	Nxb Khoa học xã hội	2012	Có	
30	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	Bắt buộc:				
		1. Nguyễn Văn Long (Cb), <i>Văn học Việt nam từ sau cách mạng tháng tám năm 1945.</i>	Nxb Sư phạm	2017	Có	
		Tham khảo:				
		1. Nguyễn Văn Long, Lê Nhâm Thìn, <i>Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy</i>	Nxb Giáo dục	2006	Có	
		2. Nguyễn Đăng Mạnh (Cb), <i>Lịch sử văn học Việt Nam, tập 3</i>	Nxb ĐH Sư phạm	2004	Có	
31	Thực tế sưu tầm, nghiên cứu Hán Nôm và VHVN	Bắt buộc:				
		1. Phương Lựu, <i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i>	Nxb ĐH Sư phạm	2012	Có	
		Tham khảo:				
		1. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	Nxb Khoa học và kỹ thuật	2005	Có	
		2. Phạm Viết Vượng, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	Nxb Giáo dục	1997	Có	
32	Văn học Trung Quốc	Bắt buộc:				
		1. Dư Quan Anh, Tiền Chung Thư, Phạm Ninh (chủ biên), (Nhiều người dịch), <i>Lịch sử văn học Trung Quốc</i> , (tập 1, 2, tái	Nxb Giáo dục	1997+1998	có	

		bản có sửa chữa, bổ sung)				
		Tham khảo:				
		1. Lê Huy Tiêu, Lương Duy Thứ (Chủ biên), <i>Lịch sử văn học Trung Quốc, (tập 2),</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2007	Có	
		2. PGS.TS Hồ Sĩ Hiệp, <i>Văn học Trung Quốc với Nhà Trường (tiểu luận)</i>	Nxb ĐHQG TP.HCM,	2006	Có	
		3. Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên), <i>Lịch sử văn học Trung Quốc, (tập 2),</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2002	Có	
33	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	Bắt buộc:				
		1. Phan Nhật Chiêu, <i>Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến năm 1868.</i>	Nxb Giáo dục, HN	2007	Có	
		2. Lưu Đức Trung, <i>Văn học Ấn Độ.</i>	Nxb Giáo dục	2010	Có	
		Tham khảo:				
		1. Đức Ninh (Chủ biên), <i>Văn học khu vực Đông Nam Á, , 2000.</i>	Nxb ĐHQG, HN	2000	Có	
		2. Đào Xuân Quý, <i>Thơ Tagor</i>	NXB Văn hoá – Thông Tin, HN	2001	Có	
		3. Nguyễn Thị Bích Hải, <i>Đến với tác phẩm văn chương phương đông</i>	Nxb Giáo dục VN	2009	Có	
34	Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XVII	Bắt buộc:				
		1. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, <i>Văn học phương Tây,</i>	Nxb Giáo dục	2008	Có	
		Tham khảo:				
		1. Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Cán, Nguyễn Linh Chi, <i>Giáo trình văn học phương Tây,</i>	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2011	Có	
		2. Phùng Văn Tửu, Đỗ Hải Phong, Phùng Hữu Hải, <i>Giáo Trình Văn học Âu Mỹ.</i>	Nx ĐHSP HN.	2006	Có	

		3. Phan Quý, Đỗ Đức Hiệu (Chủ biên), <i>Lịch sử văn học Pháp trung cổ - thế kỷ XVI và thế kỷ XVII</i> , Tập 1.	Nxb ĐHQG HN	2005	Có		
35	Văn học phương Tây từ thế kỉ XVIII đến nay	Bắt buộc:					
		1. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, <i>Văn học phương Tây</i> .	Nxb Giáo dục	2008	Có		
		Tham khảo:					
		1. Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Cần, Nguyễn Linh Chi, <i>Giáo trình văn học phương Tây</i>	Nxb GDVN	2011	Có		
		2. Edward Quinn , <i>A Dictionary of Literary and Thematic Terms (Second edition)</i> , An Imprint of Infobase	Publishing, New York.	2006	Có		
36	Văn học Nga	Bắt buộc:					
		1 Đỗ Hải Phong (chủ biên), Hà Thị Hòa, <i>Giáo trình văn học Nga</i>	Nxb ĐHSP Hà Nội	2012	Có		
		Tham khảo:					
		1. Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính, Nguyễn Hải Hà, Hoàng Ngọc Hiến... <i>Lịch sử văn học Nga</i> .	Nxb GD, H.	2009	Có		
		2. Nguyễn Hải Hà, <i>Tinh hoa văn học Nga – Khám phá và thưởng thức</i>	Nxb Giáo dục, HN	2012	Có		
2. Hà Thị Hòa, <i>Văn học Nga trong nhà trường</i> .	Nxb Giáo dục	2011	Có				
37	Thi pháp thơ Đường	Bắt buộc:					

		1. Nguyễn Thị Bích Hải, <i>Thi pháp thơ Đường</i>	Nxb Thuận Hóa	1997	Có	
		Tham khảo:				
		1. Quách Tấn, <i>Về Thi pháp thơ Đường</i> .	Nxb Trẻ TP.HCM	1998	Có	
		2. Ngô Văn Phú (Dịch), <i>300 bài thơ Đường</i>	Nxb Văn học	2010	Có	
		3. Trần Trung Hỷ, <i>Thơ sơn thủy cổ trung đại Trung Quốc (khảo luận)</i>	Nxb Giáo dục	2007	Có	
38	Thi pháp tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc	Bắt buộc:				
		1. Trần Xuân Đề, <i>Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc</i>	Nxb Giáo dục	1992	Có	
		Tham khảo:				
		1. M. Bakhtin, <i>Lí luận và thi pháp tiểu thuyết</i> ,	Nxb Hội nhà Văn	2003	Có	
		2. Nguyễn Thị Bích Hải, <i>Đến với tác phẩm văn chương phương đông</i>	Nxb Giáo dục Việt Nam, HN	2009	Có	
		3. Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên), <i>Lịch sử văn học Trung Quốc, (tập 2)</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội	2002	Có	
40	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	Bắt buộc:				
		1. Đỗ Hữu Châu, <i>Từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt</i>	NXB ĐHQGHN	1997	Có	
		Tham khảo:				
		1. Đỗ Hữu Châu, <i>Giáo trình từ vựng học tiếng Việt</i> ,	Nxb ĐHSP, Hà Nội	2006	Có	
		2. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục	2005	Có	
41	Ngữ pháp học tiếng Việt	Bắt buộc:				
		1. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục	2005	Có	
		Tham khảo:				
		1. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, <i>Ngữ pháp tiếng Việt, Tập 1</i> ,	NXB ĐH GD	2007	Có	

		2. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , Tập 2	NXB Giáo dục	2008	có	
		3. Cao Xuân Hạo, <i>Tiếng Việt – Sơ thảo Ngữ pháp chức năng</i>	NXB KHXH	2006	có	
42	Phong cách học Tiếng Việt	Bắt buộc:				
		1. Đinh Trọng Lạc, <i>Phong cách học tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục	1999	có	
		2. Đinh Trọng Lạc, <i>300 bài tập phong cách học tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục	1999	có	
		Tham khảo:				
		1. Nguyễn Thái Hoà, <i>Giáo trình phong cách học tiếng Việt.</i>	NXB ĐHSP	2006	có	
		2. Đinh Trọng Lạc, <i>300 bài tập phong cách học tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục	1999	có	
43	Ngữ dụng học	Bắt buộc:				
		1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> , Tập 2, <i>Ngữ dụng học</i>	NXB Giáo dục	2007	Có	
		Tham khảo:				
		1, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , tập 1	NXB Giáo dục	2007	có	
		2, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , tập 2.	NXB Giáo dục	2008	có	
44	Sự phát triển của tiếng Việt ở thế kỉ XX	Bắt buộc:				
		1. Đinh Văn Đức (chủ biên), <i>Tập bài giảng lịch sử tiếng Việt thế kỷ XX</i> ,	NXB ĐHQGHN	2005	Có	
		Tham khảo:				
		1, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , tập 1	NXB Giáo dục	2007	Có	
		2, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , tập 2.	NXB Giáo dục	2008	có	

45	Lí luận dạy học Ngữ văn	Bắt buộc:					
		1. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường, <i>Lí luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học</i> ,	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội	2019	Có		
		Tham khảo:					
		1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ, <i>Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực</i> .	NXB Đại học sư phạm	2010	Có		
		2. Phạm Thu Hương (Chủ biên), <i>Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông</i> ,	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2017	Có		
		3. Phan Trọng Luận, <i>Giáo trình Phương pháp dạy học văn tập 1</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2013	Có		
46	Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản	Bắt buộc:					
		1. PGS.TS Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), TS.Dương Thị Hồng Hiếu <i>Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản</i>	Nxb Đại học Cần Thơ.	2017	Có		
		Tham khảo:					
		1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân, <i>Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông</i>	NXB Đại học Sư phạm, HN	2017	Có		
		2. Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Kiều Thọ Long, <i>Phương pháp dạy học văn bản nghị luận ở trường phổ thông</i>	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	2009	Có		
		3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt, <i>Dạy học</i>	NXB Đại học sư phạm	2018	Có		

		<i>phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông</i>				
47	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Bắt buộc:				
		1. Lê A: <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục	1997	Có	
		Tham khảo:				
		1. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) <i>Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông,</i>	Nxb ĐHSP, HN	2018	Có	
		2. Bùi Minh Toán, <i>Tiếng Việt ở trung học phổ thông</i>	Nxb Đại học sư phạm	2010	có	
		3. Mai Thị Kiều Phương, Giáo trình Phương pháp dạy và học kỹ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết,	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.	2009	có	
48	Phương pháp dạy học làm văn	Bắt buộc:				
		1. Mai Thị Kiều Phương (2009), <i>Giáo trình Phương pháp dạy và học làm văn,</i>	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.	2009	có	
		Tham khảo:				
		1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt, <i>Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông,</i>	Nxb ĐH sư phạm, HN	2018	Có	
		2. Mai Thị Kiều Phương, Giáo trình Phương pháp dạy và học kỹ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết,	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội	2009	có	
		3. Đỗ Ngọc Thống, Giáo trình làm văn	NXB Đại học sư phạm	2007	có	
49	Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Bắt buộc:				
		1, Trần Trí Dõi, <i>Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở VN</i>	NXB ĐHQGHN	2000	Có	
		Tham khảo:				
		1, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung <i>Ngữ pháp tiếng Việt, 2 tập</i>	NXB Giáo dục	2007	Có	

		2, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , 2 tập, NXB Giáo dục, 2008.	NXB Giáo dục	2008	có	
50	Làm văn	Bắt buộc:				
		1. Mai Thị Kiều Phương, Giáo trình làm văn.	NXB ĐHQGHN	2009	Có	
		Tham khảo:				
		1. Đỗ Ngọc Thống, Giáo trình làm văn,	NXB Nxb ĐH sư phạm	2007	có	
		2. Nguyễn Quốc Siêu (2005), <i>Kỹ năng làm văn nghị luận phổ thông</i> .	NXB Giáo dục VN	2005	Có	
3. Nguyễn Đăng Mạnh, Đỗ Ngọc Thống, <i>Muốn viết được bài văn hay</i>	NXB Giáo dục	1998+2000	có			
51	Lí thuyết văn bản	Bắt buộc:				
		1. Phan Mậu Cảnh, <i>Lý thuyết văn bản tiếng Việt</i>	NXB ĐHQGHN	2008	Có	
		Tham khảo:				
		1, Diệp Quang Ban, <i>Văn bản và liên kết trong tiếng việt: Văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn</i> ,	NXB Giáo dục	1999	Có	
2, Diệp Quang Ban, <i>Văn bản và liên kết trong tiếng Việt</i>	NXB Giáo dục HN	2008	có			
52	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh trung học	Bắt buộc:				
		1. Nguyễn Thúy Hồng, <i>Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT, THCS</i>	NXB Giáo dục	2007	Có	
		Tham khảo:				
		1. Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc, Giáo trình <i>Kiểm tra đánh giá trong dạy học</i> ,	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	2020	Có	
		2. Dự án Việt – Bỉ, <i>Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực</i>	Nxb Đại học sư phạm	2010	Có	
3. Nguyễn Công Khanh (chủ biên), <i>Kiểm tra đánh giá trong giáo dục</i>	NXB Giáo dục	2014	Có			

53	Dạy học Ngữ văn địa phương trong nhà trường phổ thông	Bắt buộc:					
		1. Lê Thị Phương (chủ biên), <i>Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương ở Trung học cơ sở</i>	NXB Đại học Sư phạm	2015	Có		
		Tham khảo:					
		1. Hòa Diệu Thúy (2012), Văn học hiện đại Thanh Hóa	Nxb Hội nhà văn	2012	Có		
		2 Bộ giáo dục và đào tạo Dự án Việt Bỉ, <i>Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học,</i>	NXB ĐHSP	2010	Có		
54	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn	Bắt buộc:					
		1. Hồ Sĩ Đàm (Chủ biên) Đào Kiên Quốc – Hồ Đắc Phương <i>Giáo trình tin học cơ sở.</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội	2007	Có		
		Tham khảo:					
		1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), <i>Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học,</i>	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2010	Có		
		2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân <i>Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông,</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. Volume 1	2017	Có		
		3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông,</i>	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội	2018	Có		
55	Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn ở THPT	Bắt buộc					
		1. Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên), <i>Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh Q2</i>	NXB ĐHSP HN	2018	Có		
		Tham khảo:					

		1. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Hương Lan, Vũ Thị Sơn, <i>Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông</i>	Nxb Đại học sư phạm, HN.	2016	Có		
		2. Thomas Amstrong, <i>Đa trí tuệ trong lớp học</i> , Nxb	Nxb GD, HN	2011	Có		
		3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê thị Minh Nguyệt, <i>Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông</i> ,	Nxb ĐH sư phạm, HN.	2018	Có		
56	Tiếng Anh chuyên ngành Ngữ văn/English for linguistics and literature.	Bắt buộc:					
		1. Andrew Bennett and Nicholas Royle. <i>Introduction to Literature, Criticism and Theory</i> .	Pearson Education Limited,	2004	Có		
		Tham khảo:					
		1. Các bài đọc, trò chơi, video clip do GV biên soạn và chuẩn bị				Có	
		2.Griffith.B.W. <i>English Literature</i> .	Barron's.	1991	Có		
57	MODERN VIETNAMESE LITERACY GENRE (Thể loại văn học Việt Nam hiện đại)	Bắt buộc:					
		[1]. <i>Phan Cu De, Vietnamese Literature of the twentieth century</i>	Education Publishing House, Hanoi	2004	Có		
		Tham khảo:					
		1. <i>Dictionary literature (new set)</i> , The Gioi Publishing House, Hanoi	Publishing House, Hanoi	2004	Có		
		2. <i>Oxford advanced learner's dictionary</i> ,	University of Oxford Press.	New	Có		

12. Tài liệu tham khảo xây dựng CTĐT

Danh mục và nội dung (file, link gốc) các CTĐT của các trường đại học có uy tín ở trong nước và nước ngoài đã được tổ soạn thảo Chương trình đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn, bậc đại học tham khảo:

- Trường ĐHSPT Hà Nội: hnue.edu.vn/Chương trình cử nhân sư phạm Ngữ văn CLC.
- Trường ĐHSPT Hà Nội 2: [hpu2.edu.vn/Khung chương trình đào tạo/CTĐT ngành SP Ngữ văn \(trang 23-27\)](http://hpu2.edu.vn/Khung chương trình đào tạo/CTĐT ngành SP Ngữ văn (trang 23-27)).
- Trường ĐHSPT Huế: *Chương trình đào tạo giáo viên THPT theo hệ thống tín chỉ ngành Ngữ văn, Nxb Văn hóa – Thông tin, 2013.*

- Trường ĐHSP Thái Nguyên: dhsptn.edu.vn Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn.

- Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh: cet.hcmue.edu.vn

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Phát triển CTĐT giáo viên phổ thông ngành Ngữ văn*, Hà Nội, 2015

- Đinh Quang Báo (chủ biên), 2016, *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.

- Pasi Sahlberg (2016), *Bài học Phần Lan 2.0*, Nxb Thế giới.

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

13.3. Phương pháp dạy học: Tăng cường tính tự học, thảo luận nêu ý kiến phản biện, kết hợp dạy lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp dạy học được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần phù hợp với quy chế đào tạo.

13.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng. *htc*



Hoàng Thị Mai
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai